(Ăn chay)

làng văn

135
Tháng 11.95

hoa sa-mạc
anh Cung Vũ

MONTREAL . MONTREAL . MONTREAL

ALCO
INFORMATIQUE INC.
67 Ste-Catherine Ouest, Suite 200
Montréal, Québec H2X 1Z7
(514) 843-3155
Giá tốt - Phục vụ hữu hiệu - Uy tín

LUẬT-SƯ / AVOCATE
DƯƠNG MỸ TRÂM
Tel: (514) 849-7381
Fax: (514) 849-7382

CHƯỞNG-KHẾ / NOTAIRE
NGUYỄN LAN HƯƠNG
1021 Clark, Montréal, H2Z 1K1
ĐT: (514) 398-0855

CHUYÊN-VIÊN TÀI-CHÁNH &
BẢO-HIỂM NHÂN-MẠNG
Châu Võ Thành Tường
279 Place de la Poudrière
Verdun. Qc. H4G 3K5
(Métro Lasalle)
Tel: (514) 767-2874

Nha-sĩ **NGUYỄN VĂN CHÂU**
Nha-sĩ **NGUYỄN LÊ HOÀNG HÙNG**
1427 Pie-IX, Montréal H1V 2C2
Tel: (514) 523-0858

CHƯỞNG-KHẾ / NOTAIRE
NGUYỄN THỊ TƯỜNG VÂN
300 Léo Pariseau #2200, Montréal
ĐT: (514) 843-3507 / Fax: (514) 843-6611

Immeubles ESTIMA

ALEX NGÔ
Courtier Immobiller Agréé
Đảm-trách: mua bán Nhà để ở và Cơ-Sở Thương-Mại
ĐT: (514) 523-2000

Nha-sĩ **NGUYỄN CHÍNH CƯƠNG**
Nha-sĩ **VÕ THỊ LAN-ĐÀI**
Chirurgien Dentiste
Clinique Médicale RACHEL
4298 Rue St-Denis, Montréal
lầu hai, phòng 04
(Métro Mont-Royal hoặc Bus 30)
ĐT: (514) 849-1038

Nhà hàng **GIÒNG SÔNG SÀI GÒN**
910 Boul. Dévarie, Ville St-Laurent, H4L 2E1
ĐT: (514) 744-9400
Đặc-biệt: Bánh cuốn tráng tại chỗ; Mì vịt tiềm; Bún măng

Phở TRÀNG AN
Đặc biệt phở Bắc và các món ăn thuần-túy Việt-nam: heo sữa giả cầy, phở áp chảo, các loại bún bì, bò lụi, tôm nướng, thịt nướng,..
7259 St. Denis, Montréal
(gần Jean Talon & Castenault)
ĐT: (514) 272-9992

GARAGE LEE VAN
AUTO EXPERT
Làm đồng & Sơn / Débosselage & Peinture
Đặc-biệt: Xe bị tai-nạn; mua bán xe cũ;
REMORQUAGE 24/24
Giám-định miễn-phí - Có xe "courtoisie"
2155 Masson, Montréal, H2H 1B1
Tél.: (514) 528-6448 / 528-6449
Cellulaire: 952-1690

BẢO-HIỂM NHÂN-THỌ, BỆNH-TẬT
NGÔ HỮU TRÂN NGA
1111 #608 St. Charles O., Longueuil
ĐT: (514) 677-6323 (VP) / 255-5630 (Nhà)

Vinh & Prévost
COMPTABLES AGRÉÉS
1960 Notre-Dame Ouest, Montréal H3J 1M8
Vĩnh Lan, C.A. - ***Tél.: (514) 939-3095***

Bánh mì CAO THẮNG
Đúng goût Việt-nam!
1082 Blvd. Saint Laurent, Montréal
ĐT: (514) 392-0097 / (514) 748-9845

Garage **CATIBEN AUTO** Inc.
30 Bernard Est, Montréal H2T 1A3
Làm đồng, Làm máy, Sơn, Sửa, Kéo xe 24/24
ĐT: (514) 271-8888

Chuyên-viên kế-toán / Comptable Agréé
CHRISTINE NGUYỄN HOÀNG, C.A.
401 East, Boul. St-Joseph, Montréal H2J 1J6
Tél: (514) 844-1044 / Fax: (514) 844-5916

Quán **HƯƠNG QUÊ**
7102 Boul St-Laurent, Montréal H2S 3E8
ĐT: (514) 272-2092

Đầy-đủ các món ăn thuần-túy Việt-nam
Mở cửa 7 ngày
từ 11 giờ sáng
đến 10 giờ tối

CƠ-HỘI KIẾM TIỀN ĐỂ TỰ-CHỦ
Bạn muốn có một cơ-hội kiếm tiền tại nhà hoặc apartment? Một phương-pháp thương-mại mới, cần rất ít vốn, phát-triển tại Mỹ và Canada. Bạn có thể khởi đầu part-time trong khi giữ công việc của bạn đang làm. Lợi-tức dự-trù $2000 - $5000 mỗi tháng. Chúng tôi có thể giúp bạn đạt được ý nguyện. Muốn có thêm chi-tiết, xin liên-lạc:
Anh ĐĂNG, Phone: (514) 678-2936
Fax: (514) 678-0978

HỌC NHẠC TẠI MONTREAL
Các lớp Kỹ-thuật Hát, Guitare căn bản và Sáng-tác Nhạc. Mỗi khóa 12 giờ học. Liên-lạc:
VY HÙNG: (514) 956-0788

ECOLE DE CONDUITE
V. THANH Inc.

4781 Av. Van Horne, #207
Tél: (514) 737-2779
(ngoài giờ, gọi: 514-733-9624)
. Dạy giờ, dạy bao, dạy toàn-khóa . Bảo đảm đến khi đậu . Thi lấy bằng chính thức bằng tiếng Việt . Có lớp cho người Hoa, Anh, Pháp,.. *Vũ Tảo kính mời.*

Vidéo Việt-Hoa
2170 Frontenac, Montréal - Tél: (514) 528-1473
Cho thuê phim Việt & Hoa - Bán sách báo, băng nhạc, cassette, CD, v.v.

LIÊN CHÂU PHOTO Enr
Chân dung - Đám cưới - Quảng cáo thương mại
3010 Sherbrooke, Lachine, Qc H8S 4G8
Tél: (514) 637-4514

Garage L.B.T. Inc.

6895 Marconi
Montréal, Qc. H2S 3K2
Tél: (514) 278-6822
Fax: (514) 278-3713
Sơn, sửa, làm đồng, làm máy và bảo-trì các loại xe Mỹ, Nhật, Đại-Hàn, Âu-châu
Voiture de courtoisie sans frais
KÉO XE 24/24

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO TRONG TRANG NÀY: 1 ô $120 trọn năm (12 kỳ); 2 ô $200 trọn năm
Muốn đăng xin gọi: Nguyễn Bá Dĩnh (514) 482-9153 - hoặc Võ Bá Thiện (514) 256-5233

TRUONG THI KIM ANH
NORWAY

làng văn

P.O. Box 218, Station "U" *Canadian Publications Mail Product Sales Agreement #461709*
Toronto, Ont., M8Z 5P1, Canada *Published 12 times a year*
(Publications Class Mail Reg. No: 8040)
Tel: (905) 607-8010 / Fax: (905) 607-8011 *ISSN: 0832-1922 - LDN: 310578*

Volume 12 – No 135 – November 1995
Bộ 12 - số 135 - tháng 11, 1995

TRONG SỐ NÀY:

Tin vắn.....2
Trái đất 30 ngày qua.....5
Trong làng.....6
Ngoài ngõ.....8
Tin tị-nạn.....10
Tin Việt-nam.....14
Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại SOS, *Sơn Tùng*.....17
Câu chuyện trời Âu, *Phan Nguyễn Minh Minh*.....20
Phù-tang tạp-lục, *Vi-An*.....24
Tin văn xứ người, *Nguyễn Nhạn Sơn*.....31
Hai người đầu-tiên đúc súng phục-quốc, *Xuân Tước*.....40
Lá phong và chim biển, *thơ Việt Phong*.....41
Huyện-lỵ, *Hoàng Nga*.....42
Tháng chín, *thơ Nguyễn Hải Hà*.....44
Tạ ơn, *Nguyễn Văn Thông*.....45
Chiều thu tha-hương, *thơ Trần Vấn Lệ;* Thu đến, *Trần Ngân Tiêu;*
Tĩnh; Động, *thơ Nguyên Nghĩa*.....47
Vàng phai cúc muộn, *Đông Nghi*.....48
Tháng mười, mừng sinh-nhật bạn, *thơ Phan Các Chiêu Hằng*.....49
Trang khoa-học: Dược-phẩm, *Nguyễn Xuân Lê*.....50
Hương thơm mùa cũ, *thơ Hồ Công Tâm*.....52
Trò đạo-đức, *Thảo Nguyên*.....53
Cát cầm, *thơ Ngô Nguyên Dũng;* Thu vàng áo lụa, *thơ Vân Nương;*
Trời thu, *thơ Phan-Lê Anh-Dũng*.....54
Ở vậy nuôi... heo, *Trần La Bình*.....55
Anh ở đây, *ca-khúc Thục Vũ & Vũ Đức Nghiêm*.....60
Xóm cũ: Nam Phổ... trèo cau, *Nguyên Hương (Dallas)*.....62
Nhớ quê; Nhớ người, *thơ Đặng thị Quế Phượng*.....64
Tiếng kêu của máu, *Hoàng Hải Thủy*.....65
Ngõ thu, *thơ Tuệ Nga*.....67
Một mùa thu cũ, *thơ Nguyễn Trọng Lượng*.....69
Nhịp thu Montréal, *thơ Vạn Lam*.....70
Về yêu hoa cúc, *thơ Phạm Tâm Phố*.....72
Cuộc đời vô-định, *Tống Minh Long Quân*.....73
Hoa trôi trên sóng nước, *Nguyên Phong*.....80
Nghe đàn trưa, *thơ Nguyễn Xuân Thiệp*.....84
Bước vào ngưỡng cửa hy-vọng, *Nguyễn văn Thông (dịch)*.....85
Ai về sông Đáy, *thơ Tô Giang*.....87
Đàn trăng quạt bướm, *Hồ Trường An*.....90
Độc-giả thắc mắc, *Bút Chì*.....93
Thu trên phố cũ, *thơ B.H.T*.....95
Chuyện lạ xứ người: Chuyện Ma, *Nguyễn Nhạn Sơn*.....96
Đầu làng cuối xóm, *Mõ (Làng Văn)*.....106
Thơ Chua: Vẽ voi, *Nam Chi Thượng Nhân*.....107
Thư đi tin lại, *Nguyên Hương*.....109

Bìa: *Hoa sa-mạc*, ảnh Cung Vũ

Chủ-nhiệm: Nguyên Hương
Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa
Tổng Thư-ký: Hồ Trường An
Thư-ký tòa-soạn: Nguyên Nghĩa

Ban biên-tập:
Bút Chì - Cao Tiêu - Diên Khánh - Đan Quế
Đào Trường Phúc - Hoàng Chính - Hoàng Hải Thủy
Hoàng Nga - Hồng Huy - Kiên Trung - Kha Huyền
Lãng Nhân - Lâm Hảo Dũng - Lê Văn Lân
Ngô Nguyên Dũng - Nguyên Hưng - Nguyên Phong
Nguyễn Bá Dĩnh - Nguyễn Huy Phước
Nguyễn Mạnh An Dân - Nguyễn Nhạn Sơn
Nguyễn Văn Ngọc - Nguyễn Văn Thông
Phạm Quang Ngọc - Phan Nguyễn Minh Minh
Tự Tính - Thái Văn Kiểm - Tống Minh Long Quân
Tuệ Nga - Trần Văn Tích - Vi An - Vân Nương

Cộng-tác:
Bạch Thái Hà - Cao Hoàng Nhân - Cao Xuân Lý
Diệu Tân - Dương Kim - Đan Hà - Đặng Văn Nhâm
Đặng Thị Quế Phượng - Đoàn Tam
Đỗ Khánh Hoan - Đông Nghi - Hà Huyền Chi
Hoàng Du Thụy - Hồ Công Tâm - Huỳnh Liễu Ngạn
Hứa Hoành - Lãm Thúy - Lê Hữu Mục - Lê Thụy Vi
Nam Chi Thượng Nhân - Ngô Du Trung
Nguyên Hương (Dallas) - Nguyễn Duy Tâm
Nguyễn Đức Lập - Nguyễn Đức Tùng
Nguyễn Ngọc Ngạn - Nguyễn Văn Ba
Nguyễn Hải Hà - Nguyễn Hữu Nhật
Nguyễn Thị Vinh - Nguyễn Tư - Nguyễn Việt
Phạm Hoàng Hộ - Phạm Thăng
Phan Các Chiêu Hằng - Phan Thịnh
Phùng Nhân - Quỳ Hương - Sơn Tùng
Thanh Hữu Huyền - Thủy Trang - Thúy Sơn
Trần Ngân Tiêu - Trần Mộng Lâm - Trần Quang Hải
Trần Thiện Hiệp - Trần Vấn Lệ - Trịnh Gia Mỹ
Trương Mỹ Vân - Trường Sơn Lê Xuân Nhị
TT Mây Trên Ngàn - Vạn Giả - Vi Vi
Việt Chi Nguyễn Hữu Quang - Việt Phong
Việt Phương - Vĩnh Hảo - Võ Phiến - Xuân Tước

Minh-hoạ: *Nguyễn Nhật Tân*

Góp tranh: *Babui - Hiếu Đệ - Hồ Đắc Vũ*
Nguyên Khai - Nguyễn Đồng - Nguyễn Thị Hợp
Thái Tuấn- Vi Vi - Vũ Thái Hòa

Góp ảnh: *Lê Quang Xuân - Cung Vũ*

Đại-diện địa-phương:

Pháp: *Bạch Thái Hà* — ***Úc:*** *Phạm Quang Ngọc*
Đức: *Ngô Việt Dũng* — ***Hòa-lan:*** *Hồ Thị Chiến*
Na-uy: *Dương Kim* — ***Đan-mạch:*** *Đặng Văn Nhâm*
Gia-nã-đại: *Nguyễn Bá Dĩnh (Montréal)*
Hoa-kỳ: *Trương Sĩ Lương*
Việt Phương (Texas) - Võ Thắng Tiết (Nam California)
Linh Phương (Florida) - Nguyễn Hùng (Bắc California)
Nguyễn Huy Phước (New Jersey & Philadelphia)

Tri-ân các cộng-tác-viên quá-cố: *Thanh Nam, Trần Cao-Lĩnh, Tử-Vi Lang, Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Tất Nhiên, Kinh Tân, Phạm Văn Cương, Lê Thao Chuyên, An Khê, Ngọc Khôi, Trương Ái Minh.*

Giá báo bán lẻ:

Gia-nã-đại: 4,5 gia-kim; Hoa-kỳ: 4,5 mỹ-kim;
Pháp: 45 quan; Úc: 10$; Bắc Âu: 40 krone;
Nhật: 900 yen; các nước khác: 7 mỹ-kim

Thể-lệ mua báo: trang 109 / Giá quảng-cáo: trang 120

HNA MIXI IHT ƏNOUAT
YAWROM

tin vắn

Kiên Trung phụ-trách

Chuyến công du Hoa-kỳ của Giáo Hoàng John Paul II

Đức Giáo Hoàng John Paul II đã kết thúc cuộc viếng thăm Hoa Kỳ bằng thánh lễ ngoài trời tại Baltimore (Maryland) ngày 8 tháng 10. Những buổi lễ do ngài chủ lễ tại những thành phố ngài viếng thăm đã trở thành những biển người. Chủ đề gây sôi động nhất trong số các điểm ngài thuyết giảng trong chuyến thăm Mỹ quốc qua ba tiểu bang New Jersey, New York và Maryland là "Cuộc Sống". Dân Mỹ, trong đó có cả những tín đồ Thiên chúa giáo, đang không đồng ý với Toà Thánh Vatican về các vấn đề ngừa thai, phá thai, tự tử và việc phong chức linh mục cho nữ giới. Đức Giáo Hoàng đã rao giảng cùng dân chúng và thảo luận với các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ những vấn đề về sự khác biệt giữa các văn hóa, việc cần bênh vực người nghèo, vấn đề hoà bình, dân chủ, vai trò của Hoa Kỳ trên thế giới.

Gia nã đại: Quebec chuẩn bị trưng cầu dân ý

Cuối tháng 10. 95, dân Quebec sẽ lại tham dự một cuộc trưng cầu dân ý về chuyện có nên trở thành một nước có chủ quyền bên ngoài Gia nã đại hay không?

Chuyện đòi tách ra khỏi Gia nã đại của một số dân nói tiếng Pháp ở Quebec là một truyện dài, nổi sóng từ thời Gia nã đại rước Hiến pháp từ Anh quốc về (1982). Tuy thế, lần này vì khối Bloc Quebecois là khối đối lập chính thức trong Quốc hội liên bang và Thủ hiến Jaques Parizeau của Quebec ủng hộ việc ly khai, chuyện đã trở nên rất ồn ào, sôi bỏng. Các thủ lãnh phe đòi ly dị đã dùng nhiều từ ngữ hoa mỹ nhưng mơ hồ để che giấu nội dung, và cả hậu quả của câu hỏi người dân Quebec sẽ phải trả lời. Trong lúc đó, mặc dù tha thiết muốn giữ Quebec ở lại với liên bang, chính quyền Liên bang và cả các tỉnh đã thẳng thừng báo động cho dân Quebec biết rằng đừng có mơ màng hưởng các quyền lợi cuả người dân Gia nã đại và sự thịnh vượng của đất nước một khi đã chìa tay. Các đại công ty quốc gia và quốc tế cũng nói rõ họ sẽ dọn khỏi Quebec vì tương lai kinh tế của "xứ độc lập" này không khá.

Theo những cuộc thăm dò ý kiến, phe "Đi" yếu thế thấy rõ (bị bỏ xa từ 5% đến 10%). Kết quả của cuộc trưng cầu dân ý có thể sẽ là thất bại của phe ly khai. Dân Gia nã đại nói chung đã quá ngán trò đòi ra riêng của các chính khách hô hào ly khai ở Quebec. Ảnh hưởng của sự bất ổn chính trị đã là một trong những nguyên nhân phá hoại nền kinh tế của quốc gia này lâu nay.

Pháp: hành quyết khủng bố?

Đầu tháng 10.95, một kẻ tình nghi khủng bố gốc người Algerie đã bị bắn chết tại một trạm xe buýt ở ngoại ô Lyons. Cảnh sát Pháp đã tăng cường tầm nã người bị tình nghi khủng bố tên Khaled Kelkal từ ngày họ phát giác dấu tay của y trên một quả bom không nổ hồi tháng 8.95. Trước đó, y đã bị truy nã sau một vụ bắn lộn với cảnh sát, cũng tại Lyons.

Chuyện tưởng không có gì, nhưng rắc rối sau đó là một đoạn phim truyền hình của đài M6 ghi nhận khi Khaled Kelkal bị thương ngã xuống, có tiếng người la lên "Giết nó đi cho xong". Sau đó có một tiếng súng, rồi có tiếng người nói: "OK, tốt lắm." Đoạn phim này khiến người ta nghi ngờ cảnh sát đã hành quyết người bị thương, một cách giải quyết "cho tiện" và dĩ nhiên không đúng luật.

Ngay sau cái chết của Khaled Kelkal, Bộ trưởng Nội vụ Pháp Jean-Louis Debré lập tức công bố Khaled Kelkal, mới tham gia vào nhóm Hồi giáo cực đoan, có can dự vào những hoạt động đặt bom làm chấn động nước Pháp những tháng gần đây. Phát biểu của Debré bị coi là "bao che" cho cảnh sát, dư luận lại càng nghi rằng chính phủ Pháp cũng đồng ý với biện pháp hành quyết nghi can.

Điều lạ-lùng ở các quốc-gia dân-chủ, là chẳng ai đi biểu-tình chống khủng-bố khi các vụ bắt -cóc, nổ bom giết chết hàng chục người; nhưng khi cảnh-sát nặng tay với những kẻ giết người thì khối người ồn-ào phản-đối. Công-chúng buộc chính-phủ phải bỏ ra hết chục triệu này đến chục triệu nọ, dằng-dai xử án năm này qua năm khác. Trong khi đó, phe khủng-bố tiếp-tục bắt-cóc, đặt bom, làm giá trao-đổi để giải-cứu hung-phạm.

Bosnia: chưa ký kết đình chiến

Cuộc tranh chấp giữa ba phe ở Bosnia lại tạm chấm dứt trên bàn hội nghị và vẫn sôi động trên chiến trường. Với sự thúc ép của thế giới, dẫn đầu cuộc môi giới là Hoa Kỳ, Bosnia và Serbia đã thoả thuận sẽ hưu chiến 60 ngày, từ 10.10.95. Các cuộc thương nghị về một giải pháp lâu dài sẽ khởi diễn hai tuần sau đó. Thế nhưng hưu chiến chưa thấy vì các phe đang đánh nhau vẫn chưa đủ hài lòng với phần vốn mình đang có để đem đến bàn hội nghị.

Kế hoạch xây dựng hoà bình của Tây phương sau khi đình chiến là sẽ

chuyển một số lớn quân sang Bosnia, hoạt động dưới cờ NATO nhưng mang sứ mệnh của Liên hiệp quốc. Mỹ sẽ cung cấp khoảng 25 ngàn quân trong tổng số từ 50 đến 60 ngàn quân cần đến. Nga cũng đã đồng ý góp quân, Tây phương đang mời các quốc gia Hồi giáo góp lính, tuy ra điều kiện rằng quân đội của họ phải đặt dưới quyền chỉ huy của NATO. Hoa Kỳ tính rằng lực lượng quốc tế kể trên sẽ hiện diện ở Bosnia cho đến khi quân Mỹ huấn luyện xong cho quân đội Bosnia để xứ này đủ sức tự vệ. Ý kiến này không được Anh và Pháp đồng ý vì e rằng phe Serb sẽ coi lực lượng giữ hoà bình là kẻ thù tiếp tay cho phe Bosnia.

Các phe hiện vẫn một mặt hứa sẽ ngưng bắn, một mặt tăng cường các cuộc giết chóc, giết dân lấn đất. Ngày 6 tháng 9, phe Serb đã dùng tới bom bi để tấn công vào một khu an toàn, giết chết nhiều trẻ con, gây công phẫn, NATO trừng phạt bằng oanh kích một ngày sau đó.

Sau Bosnia, đến Macedonia?

Nếu người ta thấy tạm hy vọng với tia sáng hoà bình le lói tại Bosnia, vụ ám sát mới đây tại Macedonia lại làm thế giới lo ngại. Macedonia cũng là một tiểu quốc trong vùng Ba nhĩ cán, cũng có những mâu thuẫn về chủng tộc nội bộ, nhưng may mắn là từ khi tách ra khỏi Nam Tư cũ, nội chiến chưa xảy ra như ở Bosnia, Serbia, Croatia nhờ Macedonia có một vị tổng thống tài giỏi. Ông giữ vững chính phủ liên hiệp của quốc gia. Tài khéo léo của ông đã cứu Macedonia khỏi một cuộc đụng chạm nặng có thể đi đến đánh nhau với Hy lạp về vụ tên nước. Ngày 3 tháng 10, Tổng thống Macedonia Kiro Gligorov bị mưu sát bằng bom. Vị tổng thống 78 tuổi thoát chết nhưng bị thương nặng ở đầu. Người ta cho rằng không có một nhân vật chính trị nào ở Macedonia có thể thay thế Gilrorov nếu ông phải rời nhiệm vụ lãnh đạo Macedonia, và lúc đó tiểu quốc này khó tránh khỏi số phận của các lân quốc vùng Ba nhĩ cán.

Giáo hội Ba-lan chống các nhân vật cộng sản cũ

Giáo hội Công giáo Ba lan đã thay đổi thái độ với các nhân vật cộng sản cũ. Cách đây hai năm, Giáo hội đã nhẫn nhịn chấp nhận tạm hoà với các tay cộng sản cũ khi phe này thắng thế trong cuộc bầu cử quốc hội. Năm nay, chuẩn bị cho cuộc bầu tổng thống (tháng 11) giáo hội Ba lan đã vận động tín đồ Công giáo tẩy chay ứng cử viên gốc cộng sản Alexander Kwasniewski.

Tổng Giám mục Ignacy Tokarczuck thuyết giảng: "Các chính trị gia tả phái không tôn trọng nhân dân. Chúng ta phải tìm cách loại họ ra khỏi văn hoá quốc gia." Cuộc công kích vào phe cộng sản của giáo hội Ba lan được sự hậu thuẫn của Giáo Hoàng John Paul II. Trong chuyến viếng thăm quê hương vừa qua, Giáo Hoàng đã lên tiếng "Dân Ba lan cần những người có lương tâm." Khẩu hiệu này hiện đang được treo ở nhiều nhà thờ.

Phe Alexander Kwasniewski phản công mạnh không kém. Họ gọi các lãnh tụ Công giáo là "một lũ cuồng tín". Từ năm 1989, giáo hội sau khi đã giúp xây dựng dân chủ tại Ba lan đã có vẻ hơi quá đà, can thiệp vào khá nhiều chuyện chính trị, do đó, phản ứng của phe cộng sản cũ không phải là thiếu người ủng hộ. Tuy nhiên họ không dễ thắng. Nên nhớ rằng Ba lan có 95% dân số theo Thiên chúa giáo.

Quân Nga và Chechnya tiếp tục đánh nhau

Hiệp ước ký kết hồi tháng 7.95 chưa đem lại yên ổn cho Chechnya. Cả hai phe Nga và Chechnya đều không tôn trọng các điều khoản đã ký. Nga hứa sẽ rút binh và quân đội Chechnya hứa sẽ buông vũ khí. Thực tế, quân Nga vẫn hàng ngày pháo kích các tiền đồn phía tây nam Chechnya và chỉ có một số ít làng mạc của Chechnya đã tự ý hay bị giải giới. Nga đang hăm sẽ dùng võ lực để buộc quân Chechnya phải giao nộp vũ khí. Gần đây, một loạt những biến động "không tìm ra thủ phạm" lại càng làm tình hình thêm nghiêm trọng. Hai vụ mưu sát các viên chức cao cấp Nga tại thủ đô Grodzny của Chechnya đã xảy ra trong vòng hai tuần lễ. Cả hai phe đều tố cáo "các phần tử quá khích" thuộc phe đối phương là thủ phạm, muốn phá hoại hoà bình. Tuần lễ đầu tiên của tháng 10, nhiều làng Chechnya bị tấn công, hàng chục người chết. "Tổng thống" Dzokhar Dudayev buộc tội quân Nga.

Theo kế hoạch hai bên cùng thỏa thuận, tháng tới Chechnya sẽ tuyển cử bầu Tổng thống. Nga đưa Ruslan Khasbulatov (cựu chủ tịch Quốc Hội liên bang Nga, gốc Chechnya) ra đấu với Duyadev. Với những hoạt động thù hằn mới, Chechnya chưa chắc đã có tuyển cử.

Do thái chuẩn bị rút quân khỏi vùng West Bank

Thỏa hiệp hoà bình (giai đoạn hai) được Do Thái và Palestine ký kết tại Taba (Ai cập) sau nhiều gian nan trắc trở. Theo tinh thần thỏa hiệp này, quân đội Do thái sẽ rút khỏi vùng tây ngạn sông Jordan (West Bank), trả lại quyền tự trị cho người Palestine trên vùng đất chiếm đóng từ năm 1967.

Tuần lễ thứ hai của tháng 10, văn phòng đầu tiên của Do thái tại West Bank đã được trao trả lại cho các giới chức chính quyền Palestine tại làng Salfit. Sau các cơ sở hành chánh, Do thái sẽ tiếp tục tháo gỡ các trang bị quân sự và dời quân. Theo thoả hiệp, Do thái sẽ phải trao trả quyền hành chánh cho 450 làng và thị trấn, dời binh đội khỏi 6 thị trấn ở West Bank và một phần của Hebron, một thành phố nhỏ nơi có 400 dân Do thái định cư (nhưng có tới 100 ngàn người Palestine). Quyền kiểm soát an ninh chung trong khu vực này vẫn thuộc về Do thái cho đến khi lực lượng cảnh sát PLO đủ khả năng thay thế.

Khi thực hiện thoả hiệp Do thái đã

gặp ngay một rắc rối, đó là vấn đề thả tù. Do thái định thả hơn một ngàn tù nhân nam, trong tuần lễ kể trên để tỏ thiện chí. Số tù vừa nói đã nhất định không ra khỏi nhà giam khi các bạn tù nữ của họ còn bị giữ (thoả hiệp tăng thêm quyền tự trị cho Palestine quy định Do thái sẽ phải trả tự do cho tất cả các tù nhân nữ, nhưng Do thái đã từ chối không thả một nhóm nhỏ phạm tội sát nhân). Khoảng 5000 tù nhân trong các nhà tù Do thái đã phát động một cuộc tuyệt thực phản đối.

Hương cảng trước ngày Cộng sản tiếp thu

Tương lai của những người Hương cảng không thích cộng sản coi bộ không sáng sủa. Đầu tháng 10.95, ngoại trưởng Anh Malcolm Rifkind và ngoại trưởng Trung cộng Tiền Kỳ Sâm trong một tuyên bố chung đã xác nhận hai bên không còn nhiều bất đồng trong vấn đề trao Hương cảng về cho Trung cộng năm 97. Anh quốc đồng ý tặng cho Trung cộng 150 triệu đô la viện trợ và buổi lễ bàn giao sẽ rất là "long trọng".

Những chuẩn bị cho ngày trao Hương cảng về Trung cộng đang ở giai đoạn nước rút như việc thành lập ngay một văn phòng mới trong chính quyền Hương Cảng để hợp tác với Ủy ban Tiếp Quản (Preparatory Committee, tên chính phủ mới Trung cộng sẽ đặt để cai trị HC).

Người bị thiệt trước mắt, có thể coi là vật hy sinh, trong màn ve vãn Trung cộng của Anh quốc lần này là Thống đốc Hương cảng Chris Patten, người chủ trương cứng rắn với Cộng sản, bảo vệ nền dân chủ của Hương cảng.

Tháng trước, chính phủ Anh đã tỏ ý với đề nghị của Patten về việc cấp thông hành Anh cho 3 triệu người Hương cảng trước ngày bàn giao. Trong nội bộ, Thống đốc Patten cũng vất vả với viện lập pháp vừa được bầu.

Thủ lãnh phe đa số (đảng Dân Chủ) đã kết án ông là không quan tâm bảo vệ quyền lợi của Hương Cảng.

Vì lính Mỹ vô-kỷ-luật, phong trào bài Mỹ sôi động tại Okinawa

Phong trào chống đối sự hiện diện của quân đội Hoa Kỳ tại Okinawa, Nhật Bản đã lại bùng lên. Thời thập niên 60, phong trào này rất mạnh, các cuộc biểu tình chống Mỹ diễn ra hàng ngày ở đảo này. Sau đó, chuyện đã giảm bớt khi các chính phủ hữu phái của Nhật lên nắm quyền.

Gần đây, vụ ba lính Mỹ ở Okinawa hãm hiếp một nữ-sinh người Nhật 12 tuổi, là nguyên nhân của những cuộc phản đối, đòi xét lại sự hiện diện của các căn cứ quân sự Hoa Kỳ và cả tư cách pháp lý của các quan nhân Mỹ. Mỹ hứa trao 3 tên tội-phạm cho Nhật để xử theo luật địa-phương.

Quan hệ Nhật Mỹ căng thẳng hơn khi thống đốc Okinawa, ông Masahide Ota từ chối không ký những văn kiện cần thiết cho việc nhượng đất địa phương, một chuyện trước đây chỉ được coi là thủ tục hành chánh thường xuyên, làm cho đúng lệ.

Số căn cứ quân sự Mỹ tại Okinawa hiện chứa đến 75% binh sĩ Mỹ trú đóng trên lãnh thổ Nhật. So với trước, số quân Mỹ đã giảm nhiều nhưng chính phủ Nhật đang yêu cầu Hoa Kỳ xem xét giảm thêm nữa, tuy nhiên số quân giảm ở Okinawa sẽ được đưa sang nơi khác, cũng trên đất Nhật. Theo chính phủ Nhật, Nhật bản còn cần đến sự hiện diện của quân đội Hoa Kỳ vì lý do an ninh.

Có ý kiến cho rằng dân Okinawa chán quân Mỹ một phần là vì họ đã giàu và cần đất để làm ăn. Đất đai tại Nhật hiếm hoi, căn cứ HK chiếm đến một phần năm diện tích Okinawa, chuyện này chỉ chấp nhận được khi dân Okinawa còn nghèo, khi các trại quân Mỹ còn là nguồn buôn bán và công ăn việc làm.

Đại hội đảng Trung cộng: đầu voi đuôi chuột

Báo chí ngoại quốc nhận định về kỳ họp Đại Hội Trung Ương đảng CS Trung Hoa vừa qua là "đầu voi đuôi chuột". Cuộc họp vẫn long trọng, vẫn là "đại hội" với các xe limousine bóng lộn, với hội trường khổng lồ nhưng Trung ương đảng kỳ này họp nhanh đến nỗi khi thông báo về kỳ họp ra tới nhân dân, Trung ương đảng đã họp xong.

Kế hoạch ngũ niên 1996-2000 cũng được nhận định là chẳng giống ai trong thời kỳ kinh tế Trung hoa đã khá tự do, khi chính thị trường quyết định mọi chuyện chứ không phải là các chỉ tiêu, biện pháp thực hiện của đảng.

Một vài điểm, tuy thế, cũng tỏ ra đáng khen trong kế hoạch kỳ này. Đó là việc đảng CS Tàu quyết định sẽ cho con đường kinh tế tự do hơn, cải cách thêm trong lãnh vực quốc doanh và tài chánh.

Về mặt chính trị, khỏi cần nói người ta cũng biết ngay rằng đảng đang thắt chặt hơn, "tập trung lãnh đạo". Quân Ủy Trung Ương được cải tổ, các tướng lãnh phe Giang Trạch Dân nắm hết các chức quan trọng.

Đảng CS Trung hoa, qua kỳ đại hội này cũng ra vẻ cố gắng dẹp nạn tham nhũng. Chen Xitong, cựu Đô trưởng Bắc kinh, bí thư đảng bộ bị đuổi, có lẽ cả hai cha con viên quan Cộng-sản này đã bị bắt. Nhưng người dân Trung hoa không tin rằng Chen Xitong sẽ bị xử nặng, vì tập-đoàn tham nhũng và "Đảng" cũng chỉ là một.

Giải Nobel Văn-chương 1995

Thi-sĩ Ái-nhĩ-lan Seamus Heaney, Nobel Văn-chương 1995

Thi-sĩ Seamus Heaney, 56 tuổi người Ái-nhĩ-lan đã được hội-đồng Nobel Thụy-điển quyết-định trao giải Nobel Văn-chương 1995, trị giá 1 triệu mỹ-kim. Những bài thơ của ông, tuy nói về sự xung-đột trên quê hương, nhưng vượt lên trên các xu-hướng quyền bính chính trị.

Hoa Kỳ: kết thúc phiên tòa xử O. J. Simpson

Phiên toà dài chín tháng trời, được nhiều người theo dõi nhất Hoa Kỳ (có thể cả thế giới không chừng) đã kết thúc, tạm chấm dứt những giờ phút truyền hình nhiều người chờ đợi trong lúc nhiều người khác ngán ngẩm khi mở máy. Bồi thẩm đoàn, sau đúng bốn tiếng đồng hồ luận tội, đã tuyên bố O.J. Simpson vô tội vì không đủ chứng cớ.

Diễn biến của phiên tòa, một câu truyện trinh thám ở thời gian đầu đã trở thành một truyện xã hội Mỹ, ở đoạn kết. Lúc đầu, mọi người hồi hộp, căng thẳng xem phe công tố trình bày những tang chứng đủ loại từ những hiện vật thu được tại phạm trường đến những kết quả giáo nghiệm khoa học tân tiến. Ở giai đoạn cuối, người theo dõi lại chuyển sang phán xét cách làm việc và thái độ của cảnh sát.

Vụ hình án O.J. Simpson có giết vợ và bạn của vợ hay không dưới tài năng xoay chuyển của các luật sư, thuê bằng tiền rừng bạc biển của O.J. Simpson, đã trở thành vụ xét xử cách điều tra của cảnh sát địa phương cũng như cách giải quyết những chuyện có dính dáng tới người Mỹ da đen của những nhân viên công lực nhiều tai tiếng ở Los Angeles. Vụ án giết người đã bị chuyển hoán thành vụ án kỳ-thị, và bồi-thẩm-đoàn đã làm quá nhiệm-vụ của mình khi sử-dụng lá phiếu vào một lãnh-vực khác.

Phiên toà và kết quả vụ án phơi bày rõ ràng sự chia rẽ của xã hội Hoa Kỳ, có hai nước Mỹ, một của người da đen và một của người da trắng. Người Mỹ trắng (phần lớn tin là O.J. Simpson có tội) cho rằng tình hình đã quá lắm, họ đã chiều người da đen, với những chính sách ưu tiên vì lý do chủng tộc nhiều rồi. Người Mỹ đen, (cho rằng nhờ may mắn, nhờ có tiền và nhờ bồi thẩm đoàn với tuyệt đại đa-số là da đen, O.J. Simpson mới thoát tù) vẫn quả quyết rằng họ là nạn nhân của kỳ thị, không bao giờ được đối xử công bằng, và tiếp tục đòi hỏi thêm.

California tạm thoát cơn bạo động được xem như là chắc chắn sẽ xảy ra nếu "chẳng may" Simpson bị kết án. Nhưng Washington đang nín thở chờ xem việc gì sẽ diễn ra tại Capitol Hill cuối tháng này.

Thừa thắng xông lên, cộng-đồng da đen đang chuẩn bị một cuộc biểu dương lực lượng một triệu người tại thủ đô Hoa Kỳ.

Chủ trương cuộc biểu-tình là Louis Farrakhan, lãnh tụ "Quốc gia Hồi Giáo" *(Nation of Islam)*, người đã từng tuyên bố coi dân trắng là lũ "quỷ ma" và các giống Do-thái, Trung-hoa và Việt-nam là "đỉa đói", hút máu da đen(!)

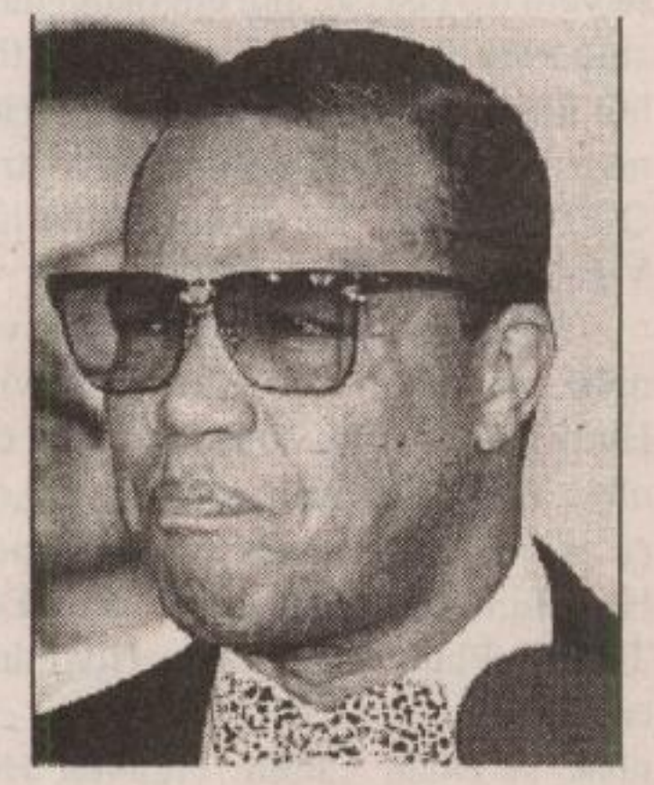

Louis Farrakhan
Bạo-loạn tại Mỹ sẽ không bao giờ dứt khi còn những kẻ kỳ-thị chủng-tộc hạng nặng, núp sau chiêu-bài "chống kỳ-thị", luôn luôn chực chờ cơ-hội để tranh-thủ quyền-lực.

trái đất ba mươi ngày qua

Động đất

Động đất dữ-dội tại Sumatra (Nam-dương), 82 người chết, 12.500 nhà sập tại Sungai Penuh. Động đất rung-chuyển cả Tân-gia-ba và Nam Mã-lai, với 5,8 chấn-độ.

Động đất tại Jalisco và Colima, miền Nam Mễ-tây-cơ, 71 người chết, nhiều nhà, khách-sạn, cao-ốc sập.

Động đất 4,8 độ tại bán-đảo Izu, Nhật-bản. Ngoài ra, mặt đất rung-chuyển tại Bắc Ý, Kyrgyzstan, Đông-Bắc Hoa-lục và các tiểu-bang Alaska, Utah của Mỹ.

Bão nhiệt-đới

Bán-đảo Yucatan, Mễ-tây-cơ (phía Thái-bình dương) bị bão Roxanne, gió 175 cây số giờ, 20.000 người di-tản.

Bão Noel hoành-hành tại vùng Azores (Đại tây dương).

Bão Ted tấn-công miền Nam Hoa-lục và Bắc Việt.

Bão Val thổi vào miền Nam Nhật-bản.

Hậu-quả của núi lửa

Khoa-học-gia Do-thái nghiên-cứu, cho biết ảnh-hưởng của tro than từ hỏa-diệm-sơn Pinatubo (Phi-luật-tân) bay sang làm chết khoảng 40% san-hô trong Hồng hải. Tro than này nuôi tốt các loại rong biển; rong biển lấy hết dưỡng-khí làm san-hô chết ngạt.

Thiên-di

Khoảng 10 triệu con chim đã thiên-di khỏi vùng Nam Iraq sau khi Saddam Hussein ra lệnh lập hệ-thống kinh đào từ 1985, dẫn dà tháo hết nước khỏi vùng đầm lầy, nhằm triệt-hạ mấy triệu dân du-kích Shiite.

Ung-thư vì phóng-xạ điện-từ

Tạp-chí khoa-học *New Scientist* cho biết, hàng triệu người sống dọc theo đường dây điện cao-thế và các nguồn điện khác đều bị một chứng ung-thư do phóng-xạ điện-từ gây ra.

trong làng

Sinh-hoạt của Tổng hội sinh-viên Việt-nam tại New England, MA

Tổng Hội Sinh-Viên Việt-Nam vùng New England thuộc tiểu-bang Massachusetts đã tổ-chức thành-công *Ngày Văn-hóa Việt-nam* tại Đại-học Massachusetts, thành-phố Boston (Hoa-kỳ) hôm 23.9.1995 vừa qua. Chương-trình gồm có diễn-thuyết văn-hóa và trình-diễn văn-nghệ dân-tộc.

Các diễn-giả của phần nói chuyện là họa-sĩ Vũ Hối (từ D.C.), Chủ bút *Làng Văn* Nguyễn Hữu Nghĩa (từ Gia-nã-đại sang) và thi-sĩ Trần Trung Đạo. Phần văn-nghệ do 14 ban văn-nghệ của 14 hội sinh-viên đóng-góp.

Trong số khách từ xa tới, có Nguyên Hương (*Làng Văn*) cùng hai thi-sĩ Nguyễn Bá Dĩnh, Thủy Trang từ Toronto và Montréal sang dự. Khách văn-nghệ tại Boston, có thi-sĩ Hồ Công Tâm *(Dân-chủ mới)*, nhà văn Nguyễn Văn Thông, nhiếp-ảnh-gia Văn Bia cùng một số văn-nghệ-sĩ sinh sống trong vùng.

Họa-sĩ Vũ Hối mở đầu phần sinh-hoạt qua đề-tài *Hội-họa Việt-nam*, nói từ sinh-hoạt mỹ-học Việt-nam đến hội-họa thế-giới. Cuối-cùng, ông khuyến-khích giới trẻ nên đi sâu vào ngành này.

Kế tiếp là bài *Hệ-thống ngũ cung trong âm-nhạc cổ-truyền Việt-nam*, do Nguyễn Hữu Nghĩa vừa nói vừa minh-họa bằng tiếng hát. Anh phân-tích hệ-thống cung-bậc Việt-nam, từ ngũ cung miền Nam, ngũ cung ca-trù miền Bắc, đến ngũ cung hát thờ và sự chuyển hệ trong cùng một bài hát, tìm ra những điểm tương-đồng trong cách cấu-trúc giai-điệu giữa ba miền đất nước.

Sau chót là bài *Thi-ca và tuổi trẻ* của thi-sĩ Trần Trung Đạo, một nhà thơ trẻ đã có nhiều đóng-góp đáng kể trên văn-đàn hải-ngoại trong mười năm gần đây.

Phần trình-diễn ca-vũ-nhạc dân-tộc của các ban văn-nghệ sinh-viên rất có nét, nhất là phần âm-nhạc cổ-truyền.

Buổi sinh-hoạt của Tổng Hội Sinh-viên Việt-nam vùng New England đã đánh dấu sự trưởng thành của tuổi trẻ Việt-nam trong nếp sống văn-hóa dân-tộc.

Ra mắt sách tại Toronto

Nhà văn Trang Châu ra mắt cuốn *Về biển Đông* và nhà thơ Hoàng Xuân Sơn ra mắt cuốn *Huế buồn chi* tại nhà hàng South Vietnam, Toronto, hôm 21 tháng 10.

Cả hai đều có bài trên *Làng Văn* từ những số đầu cho tới khi có chiến-dịch "giao-lưu văn-hóa" với CSVN. Cho đến nay, phong-trào "giao-lưu" đã lịm tắt vì mọi người đều hiểu, nhà cầm quyền Hà-nội không thực-tâm trao-đổi mà chỉ muốn tuyên-truyền.

Đại hội văn nghệ dân tộc *"Sài gòn trong lòng ta mãi mãi"*

Đại hội Văn nghệ Dân tộc *"Sài-gòn trong lòng ta mãi mãi"* chiều chủ nhật 24.9.95 tại hội trường Trung học Williams (Washington D.C., Hoa-kỳ) đã thu hút khoảng 1500 người Việt.

Đại hội do Phong trào Hưng Ca Việt Nam tổ chức, với sự bảo trợ của các cộng đồng Việt-nam tại Virginia, Maryland và Washington D.C. cùng sự yểm trợ của các anh em thanh niên, sinh viên học sinh và các đoàn thể, hội đoàn như Đài Truyền Hình Việt-nam vùng Hoa-thịnh-đốn, Mặt trận QGTNGPVN, Võ đường Thiếu-lâm Việt-nam, Gia đình H.O., v.v.

Góp mặt trong chương trình văn nghệ tại đại hội có các thành viên Hưng Ca vùng thủ đô Hoa-kỳ như các nhạc sĩ Nguyệt Ánh, Đỗ Hồng Anh, ca sĩ Đỗ Thuỵ Pensée và ban hợp-ca Hoa-thịnh-đốn, các nhà báo Đào Trường Phúc, Bùi Quang Hoà cùng các anh em Hưng Ca ở xa về như các nhạc sĩ Đoàn Chính, Nguyễn Hữu Nghĩa, nhà báo Nguyên Hương (Gia-nã-đại), nhạc sĩ Huỳnh Công Ánh, ca sĩ Hoàng Mai (Houston), nhạc sĩ Việt Phương, Trương Sĩ Lương, nhà báo

Họa-sĩ Vũ Hối

Nguyễn Hữu Nghĩa

Thi-sĩ Trần Trung Đạo

Diệp Thục (Dallas), ca nhạc sĩ Việt Dzũng, ca sĩ Hoàng Nga (San Jose, CA).

Phần đầu của chương trình, sau lễ rước quốc kỳ trọng thể, là một đại nhạc hội mở đầu bằng nhạc cảnh *"Sài gòn trong lòng ta mãi mãi"* và những nhạc cảnh, ca khúc bừng khí thế đấu tranh.

Phần thứ hai là lễ trao giải thưởng cuộc thi sáng-tác Nhạc Thời-thế do Phong-trào Hưng Ca tổ-chức năm 1994-1995, cũng gây xúc động không kém với những tác phẩm nói lên những thống khổ trong lao tù cộng sản, những thảm kịch của thuyền nhân, nỗi nhung nhớ Sài-gòn và những lời kêu gọi giành lại quê hương.

Phần kết thúc của Đại hội Văn Nghệ là những tác phẩm có nội dung và hình thức dân tộc, có các màn trình diễn của nhóm dân nhạc Hương Xưa, trình diễn dân ca ba miền, và sự góp

Phong-trào Hưng Ca Việt-nam với Hoàng Oanh, Thanh Thúy, Huỳnh Công Ánh, Việt Dzũng, Nguyệt Ánh, Nguyễn Hữu Nghĩa, Hoàng Nga, Trương Sĩ Lương, Hồ Sĩ Thư Linh, Việt Phương, Hoàng Mai, Đỗ Hồng Anh, Đào Trường Phúc, Đoàn Chính, v.v. trước hậu-cảnh vĩ-đại "Sài-gòn trong lòng ta mãi mãi" do kiến-trúc-sư Bùi Dương Liêm thực-hiện

Hoạt cảnh trại cải-tạo do các đoàn-viên Mặt Trận QGTN GPVN thực-hiện,làm nền cho ca-khúc "Anh ở đây" (của Thực Vũ và Vũ Đức Nghiêm, đoạt giải nhì đồng hạng cuộc thi Sáng-tác Nhạc thời-thế 1995-1995), do Nguyễn Hữu Nghĩa trình-bày

mặt của các nghệ sĩ lão thành Trần Đắc Trân, Hà Công Minh, Trịnh Phước Chí.

Các ca sĩ Hoàng Oanh và Thanh Thuý đã xuất hiện trong đại hội và được tán thưởng nồng nhiệt qua các nhạc phẩm *Ai ra xứ Huế, Hòn Vọng phu, Trống cơm, Sài-gòn niềm nhớ không tên, Đêm tàn Bến Ngự,..*

Những bản hùng ca, tâm thức ca đã kết thúc chương trình, nói lên niềm tin bất diệt trong lòng mọi người về một ngày mai của thành phố Sài gòn, của quê hương yêu dấu.

Nhắc lại kết-quả cuộc thi sáng tác Nhạc Thời thế do Hưng Ca Việt nam phát động, kéo dài từ tháng 1.95 đến 19.6.95 đã có 48 tác giả từ khắp thế giới gửi 177 tác phẩm về dự (Pháp có 7 người, Na Uy 3, Đan Mạch 1, Gia nã đại 3, Úc 4, Hoa kỳ 24 và 6 ở các trại tị nạn Đông Nam Á).

Ban Giám-khảo gồm Tiến-sĩ Âm-nhạc Trần Quang Hải, Linh mục Dao Kim, các nhạc sĩ Nhật Bằng, Đoàn Chính và 6 thành viên ban chấp hành Hưng Ca Việt-nam.

Các tác phẩm được giải:

- *Anh ở đây*, phần nhạc và lời 1 của cố nhạc sĩ Thục Vũ (Trung tá Vũ Văn Sâm, bỏ mình trong lao tù Cộng sản Sơn-La năm 1976), lời 2 của nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm.

- *Thanh-niên ca*, của nhạc sĩ Trần Đại Phước.

- *Tôi đi về lại quê-hương*, của nhạc sĩ Nguyễn Tăng

- *Chiến-sĩ tự-do*, của nhạc sĩ Nguyễn Thiên Thu (thuyền nhân Galang, viết về cái chết của một thuyền nhân tự sát chống cưỡng-bức hồi hương).

- *Từ ngục tù vươn lên*, của Vũ Đức Nghiêm.

- *Sài-gòn ơi xa em rồi*, của nhạc sĩ Trịnh Hưng.

Các tác giả đã nhận giải thưởng trong Đại-hội Văn-nghệ nêu trên.

ngoài ngõ

Kiên Trung phụ-trách

Tuyên ngôn chung của các giáo-hội Phật-giáo Việt-nam hải ngoại

Trung tuần tháng 9.95, các hoà thượng Thích Tâm Châu, Huyền Vi, Mẫn Giác, Thuyền Ấn và Hộ Giác đã đồng ký tên và phổ biến một tuyên ngôn chung tại chùa Việt Nam (Los Angeles, Caliornia, Hoa-kỳ). Tuyên ngôn có những điểm liên quan đến tổ chức, chủ trương của Giáo Hội Phật-giáo Việt-nam Thống Nhất Hải Ngoại, với những điểm chính:

1. Danh xưng của Phật giáo Việt-nam tại hải ngoại là "Giáo Hội Phật Giáo Việt-nam Thống Nhất Hải Ngoại".

2. Tại hải ngoại đã có các tổ chức Phật giáo khác biệt nhau, Giáo Hội Phật-giáo Việt-nam Thống-nhất Hải-ngoại triệt để tôn trọng sự hiện hữu và phát triển của các tổ chức ấy và luôn luôn tạo sự liên kết trong các Phật sự chung.

3. Giáo Hội Phật-giáo Việt-nam Thống-nhất Hải Ngoại tuyệt đối không kỳ thị đối với tăng ni phật tử nào. Giáo-hội luôn luôn đoàn kết với tất cả tăng ni phật tử ... cùng nhau chung góp tài, lực xây dựngvà phát triển Phật-giáo khắp nơi tại hải ngoại cũng như tại quê nhà....

4. Yêu cầu chính quyền Việt-nam chấm dứt mọi kỳ thị, đàn áp đối với Phật-giáo và tất cả các tôn giáo, các đoàn thể khác trong nước.

5. Yêu cầu chính quyền Việt-nam trả tự do cho các Thượng tọa Huyền Quang, Hoà thượng Quảng Độ, Đại đức Tuệ Sỹ, Đại đức Trí Siêu cùng tất cả các tăng ni phật tử và những người tranh đấu cho lý tưởng tự do, tôn giáo đang bị giam cầm, tù đày tại Việt-nam.

6. Yêu cầu chính quyền Việt-nam hoàn trả toàn bộ giáo sản cho Phật giáo và các tôn giáo.

Như vậy, kể từ ngày có thông-cáo chung này, tất cả các hệ-phái Phật-giáo Việt-nam tại hải-ngoại, kể cả "Ấn Quang", "Việt-Nam Quốc-Tự" hay các nhánh khác, đã có tiếng nói chung, tạo sức mạnh đoàn-kết đấu-tranh giải-trừ quốc-nạn và pháp-nạn tại quê nhà.

Các ca-nhạc-sĩ tí-hon trong ban Hương Xưa của nhạc-sư Kim Oanh

Vận động đấu tranh cho nhân quyền Việt-nam tại Gia nã đại

Trong tháng 9.95, các tổ chức chính trị và hội đoàn người Việt đã

thực hiện nhiều hoạt động vận động đấu tranh cho nhân quyền ở VN tại thủ đô Ottawa của Gia nã đại.

Ngày 12. 9, ông Ngô Thanh Hải (Ủy ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do tại Gia nã đại) và các hội-đoàn đấu-tranh đã gặp các ông Bruce Zutzi, Giám đốc Á châu vụ và ông David Edward, chuyên viên đặc trách vấn đề Việt-nam của bộ Ngoại-giao Gia-nã-đại, yêu-cầu can-thiệp trước các vụ xử án chính-trị và tôn-giáo gần đây tại Việt-nam.

Các viên chức chính quyền Gia nã đại hứa trình bày sự việc lên Tổng trưởng Ngoại giao.

Ngày 14.9, đại diện Hội Người Việt Montreal, Hội Cao Niên Toronto, Kingston, Giáo hội Phật-giáo Việt-nam Thống-nhất Hải ngoại tại Gia nã đại cùng các tổ-chức đấu-tranh cũng đã đến bộ Ngoại Giao để tiếp xúc với ông David Edward và sau đó đến Quốc hội để gặp Dân biểu Phó Chủ-tịch David Kilgour.

Các đại diện người Việt đã tố cáo với chính phủ Gia nã đại những vi phạm nhân quyền và đàn áp dân chủ của CSVN.

Đến ngày 20 tháng 9, tại Quốc hội Gia nã đại, đại diện của cộng đồng Việt-nam vùng Ottawa, Montreal và Liên hội Người Việt Gia nã đại đã điều trần về những vi phạm nhân quyền nghiêm trọng của CSVN trong nước.

Chủ tọa buổi điều trần là Dân biểu Ted McWhinney. Bác sĩ Lâm Thu Vân (Liên Hội), anh Trương Minh Trí (Hội Sinh viên Carleton), Đại đức Thích Viên Diệu (Giáo-hội Phật-giáo Việt-nam Thống-nhất),.. đã góp phần tham-luận trong buổi điều trần.

Phong trào Quốc-tế Yểm-trợ Việt-nam tự-do tổ chức nói chuyện tại Toronto

Ngày thứ bảy 14 tháng 10.95, Phong trào Quốc Tế Yểm Trợ Việt-nam Tự Do tổ chức một buổi nói chuyện tại phòng họp khách sạn Sheraton, Toronto, Gia nã đại.

Đề tài buổi nói chuyện là *Tiến trình dân chủ hóa tại Việt Nam*, do Giáo sư Stephen Young trình-bày bằng tiếng Việt.

GS Young nhận-xét rằng, CSVN không muốn tiến đến dân-chủ bằng đường-lối ôn-hòa. Ông nói: *"Nói hoài mà không nghe, không lẽ chúng ta phải chờ mãi, và chờ tới bao giờ mới có dân-chủ? Do đó, chúng ta phải hành-động!"*

Dân-biểu David Kilgour, Phó Chủ-tịch Quốc-hội Gia-nã-đại trong phần tham-luận cũng khẳng-định: *"Hiện nay, tại Việt-nam chưa có nhân-quyền"* và ông hứa luôn luôn sẵn-sàng để yểm-trợ các phong-trào tranh-đấu cho tự-do dân-chủ thực-sự tại Việt-nam."

Hoạt động xã hội của nữ tu Đa Minh, Việt-nam

Gần đây, hai nữ tu Agnes Thịnh và Anne Chuyên (Nhà Mẹ dòng Đa minh, Thủ đức) đã sang Hoa Kỳ tìm sự giúp đỡ tài chánh. Các vị đã lưu lại Boston (Massachusetts, Hoa-kỳ) trong hai tuần và nhận được sự giúp đỡ của các cộng đoàn, hội đoàn và nhiều cá nhân.

Phần trình bày dưới đây tóm tắt từ tài liệu của nhà văn Nguyễn Văn Thông, giới thiệu về những hoạt động nhân đạo quý báu của các vị nữ tu Công giáo Nhà Mẹ dòng Đa Minh, Thủ đức.

Nhà Mẹ dòng Đa minh, địa phận Thủ đức thành hình từ khi các nữ-tu dòng Đa minh Hải phòng di cư vào Nam năm 1954. Hiện cơ sở này có 59 nữ tu làm việc trong 6 cộng thể, có 15 tập sinh và 45 em đệ tử. Nữ tu Agnes Thịnh là Mẹ Bề Trên của nhà dòng.

Nhà dòng có hai cộng thể ở giáo phận Đà Lạt (Lạc Lâm và Suối Thông), hai cộng thể ở giáo phận Xuân Lộc (Vũng Tàu và Long Thành).

Tại Suối Thông, một giáo xứ cao nguyên, nơi phương tiện giao thông khó khăn, tiện nghi thiếu hụt, các nữ tu ngoài việc tông đồ đã giúp đỡ cho giáo dân trong các buôn làng bằng cách dạy dỗ các trẻ em Thượng học tập và người lớn phép ăn ở vệ sinh, cách trồng dâu nuôi tằm.

Ở giáo phận Long thành, tại làng Bác Ái, các sơ đã tổ chức được một tổ hợp đan mây tre lá xuất cảng. Hoạt động của tổ hợp phát triển khá, giúp nâng cao phần nào đời sống khổ cực

GIÁ BÁO DÀI HẠN LÀNG VĂN 1996

(một năm 12 số, kể cả báo Xuân)

Báo gửi trong Gia-nã-đại:		75$ (máy bay); 55$ (đường bộ)
Gửi đi Hoa-kỳ:	đường hàng không:	75 mỹ-kim (96 GK)
	đường bộ:	55 mỹ-kim (68 GK)
Các nước khác:	đường hàng-không:	85 mỹ-kim (110GK)
	đường thủy:	55 mỹ-kim (68 GK)

Ghi-chú:
- GK: gia-kim: CA$ (tiền Gia-nã-đại); mỹ-kim: US$ (tiền Mỹ)
- Nếu trả bằng chi-phiếu / tiền địa-phương, xin theo giá:

Anh:	đường thủy 38 bảng / hàng-không 65 bảng
Bỉ:	đường thủy 1.800 quan / hàng-không 3.000 quan
Đan-mạch:	đường thủy 450 đan-kim / hàng không 600 đan-kim
Đức:	đường thủy 100 đức mã / hàng không 150 đức mã
Hòa-lan:	đường thủy 110 gulden / hàng-không 200 gulden
Na-uy:	đường thủy 450 krone / hàng-không 600 krone
Nhật-bản:	đường thủy 6.500 yen / hàng-không 11.000 yen
Pháp:	đường thủy 350 quan / hàng-không 550 quan
Úc:	đường thủy 90 úc-kim / hàng-không 140 úc kim

GIÁ BÁN LẺ

Gia-nã-đại: 5 gia-kim - Hoa-kỳ: 5 mỹ-kim - Pháp: 50 quan
Úc: 10 úc kim - Bắc Âu: 45 krones - Nhật: 1000 yen
các nước khác: 8 mỹ-kim

GHI-CHÚ:

Độc-giả bắt đầu mua dài hạn, hoặc tái hạn sớm
trước ngày 31.12.1995
vẫn được hưởng giá cũ (trang 108); tái hạn tối-đa 5 năm

cuả đám dân nghèo vùng kinh tế mới tại chỗ. Các sơ cũng đến thăm hỏi các em trại cải huấn thanh thiếu niên tỉnh Đồng Nai, nơi có khoảng 3000 em tuổi từ 9 đến 17 bị giam giữ không người thăm nuôi.

Ở Thủ đức, Nhà Dòng tiếp nhận môt nhóm 40 em thiếu niên nghèo, kiếm sống tại ga xe, hè phố. Một số các em mồ côi, tàn tật, số còn lại phải kiếm tiền nuôi gia đình. Các em được các nữ tu dạy dỗ trong Lớp Tình Thương, học buổi sáng, ăn bữa trưa và một số em về ngủ đêm. Một số các em bị tàn tật do các sơ mang từ các vùng kinh tế mới về. Có ba em đã được giúp giải phẫu chữa trị tật bệnh. Một em gái đang chờ đoàn y sĩ giải phẫu Hoa-kỳ Interplast sang chữa khuyết tật.

Cũng tại Thủ đức, Nhà Dòng mở được một phòng thuốc nam và châm cứu, hàng ngày giúp cho khoảng 50 đồng bào nghèo.

Những công việc cao quý của các nữ tu không có một nguồn tài trợ nào, tất cả do các sơ tự làm, một phần nhỏ đến từ các món quà của những người bạn của Nhà dòng. Hai nữ tu rất cảm kích trước những sự giúp đỡ của những vị nơi họ vừa thăm viếng.

Một trong những món quà quí báu mà các nữ tu sẽ đem về VN là mối quan hệ với tổ chức giải phẫu tạo hình Interplast. Interplast sẽ sang Việt-nam để chữa trị miễn phí các khuyết tật môi, mũi, miệng cho các trẻ em trong nước.

Độc giả nào biết ai ở Việt-nam, bị các khuyết tật loại vừa kể và cần được giảu phẫu, xin mách cho họ biết để viết thư và gửi hình cho:

Sr. Agnes Nguyễn Thị Thịnh,
Mẹ Bề Trên
510 Tam Hà 2, Linh Đông
Thủ Đức, Sài gòn, Việt-nam
Điện thoại: 01-8-960-573.

Các vị nữ-tu sẽ lên danh sách gửi cho Interplast và thông báo cho người cần được chữa trị ngày phái đoàn y sĩ đến Việt-nam.

Quí vị cũng có thể liên lạc: Nguyễn Văn Thông (617) 265-2178 để biết thêm chi tiết.

tin tị-nạn

. *Kiên Trung* phụ-trách

"Hoặc trở về, hoặc sẽ bị trục xuất"

Thông cáo đề ngày 12.9.95 gửi tất cả thuyền nhân Việt Nam có thể coi như một tối hậu thư của chính quyền Hương Cảng:

"Tất cả thuyền nhân Việt-nam nào không được công nhận là tị nạn đều phải hồi hương. Tương lai duy nhất của họ nằm tại Việt Nam.

Chính phủ Hương Cảng thúc giục những người không được tư cách tị nạn nên tự nguyện trở về Việt-nam. Tuy nhiên, đối với những ai không tự nguyện, chính phủ có quyền đưa họ về bất kỳ giờ phút nào qua chương trình Hồi Hương Trật Tự.

Sẽ có một chuyến bay hồi hương trật tự khác trong thời gian sắp tới. Chúng tôi mạnh mẽ khuyên quí vị nên quyết định tự nguyện trở về quê nhà trước mười hai giờ trưa ngày 2.9.1995. Nếu quí vị không tuân theo, quí vị có thể bị đưa về Việt-nam dưới Chương trình Hồi Hương Trật Tự."

Thuyền nhân Việt-nam tại Hương Cảng được thông báo tối hậu thư này ngày 12.9. Chuyến bay được nhắc đến trong tối hậu thư đã được thực hiện và những người bị đưa trở về đã ra phi trường dưới sự áp tải của cảnh sát và nhân viên trừng giới. Cưỡng bách hồi hương là chủ trương của cả Hương cảng và Cao ủy Tị Nạn LHQ. "Chương trình Hồi Hương Trật Tự" có nghĩa là cưỡng bức trục xuất, như Werner Blatter, giám đốc Á Châu Thái Bình Dương Sự Vụ hồi tháng 2 tại Kuala Lumpur đã tuyên bố: *"thuyền nhân sẽ phải lựa chọn hoặc tự nguyện trở về, hoặc bị trục xuất"* và như những hình ảnh dã man của các vụ đàn áp bắt người đưa lên máy bay "hồi hương" ở Hương Cảng mà mọi người đã thấy trên báo chí và truyền hình. *"Tương lai duy nhất của họ là ở Việt Nam"* vì CSVN, tại hội nghị lần 6 của Ủy ban Chỉ đạo Kế hoạch Toàn diện, đã đồng ý nhận về mỗi tháng hơn 3000 thuyền nhân để lấy tiền của quốc tế.

Những tổ chức đấu tranh cho thuyền nhân đang kêu gọi người Việt hải ngoại tham gia vào việc gửi kháng thư đến Thống đốc Hương cảng kêu gọi chấm dứt đe dọa thuyền nhân và ngưng chương trình "hồi hương trật tự". Quí vị có thể hỏi mẫu kháng thư bằng Anh ngữ tại Ủy ban Cứu người Vượt biển, địa chỉ bên dưới.

Phái đoàn Dân biểu Hoa Kỳ sang Hương Cảng

Đầu tháng 9.95, dân biểu Hoa Kỳ Christopher Smith đã đến Hương cảng để tiếp xúc với chính quyền tại đây và thăm trại giam High Island.

Dân biểu Smith là chủ tịch tiểu ban Quốc tế vụ và Nhân Quyền Hạ viện Mỹ, ông cũng là người đã đưa vào dự luật HR 1561 tu chính án bênh vực người tị nạn.

Tại Hương cảng, ông Smith đã tiếp xúc với Thống đốc Patten, các chính trị gia Hương-cảng, các giới chức cao cấp của Cao ủy, Tổng lãnh sự Hoa kỳ tại chỗ, các luật sư nhân quyền và báo chí địa phương. Thống

đốc Patten đã tỏ ra quan tâm đến đề nghị ngưng cưỡng bức hồi hương do dân biểu Smith đưa ra.

Trong cuộc đi thăm trại High Island sau đó, Dân-biểu Smith đã thăm hỏi các thuyền nhân, trong số đó có Đại đức Thích Nguyên Chơn, thầy Phan Văn Ngoản, các cựu quân nhân VNCH và một số thành viên của các tổ chức nhân quyền Việt-nam vượt biên.

Ông Smith kêu gọi thuyền nhân tránh các biện pháp bạo động đồng thời kêu gọi chính quyền ngưng sử dụng bạo lực với thuyền nhân.

Trước khi đi Hương Cảng, Dân-biểu Smith đã cùng với Dân-biểu Benjamin Gilman (chủ tịch Ủy-ban Ngoại giao của Hạ viện Mỹ) yêu cầu Tổng thống Clinton và chính phủ Hoa-kỳ không chấp nhận cưỡng bức hồi hương, đặc biệt là với các cựu quân cán chính. Văn thư của hai vị dân biểu cũng kêu gọi tổng tái xét các hồ sơ tị nạn.

Người ta chưa dám xác định chuyến đi của các dân biểu Mỹ có ảnh hưởng gì đến số phận của những tị nạn Việt-nam tại Hương-cảng. Tối hậu thư của chính quyền Hương Cảng buộc thuyền nhân hồi hương được phổ biến ngày 12.9.95.

Trò bịp mới của CSVN và Cao ủy Tị-nạn LHQ

Tị nạn tại trại Palawan (Phi luật tân) trong những ngày gần đây nhận được thư của thân nhân ở Việt-nam báo rằng công an địa phương đã đến tận nhà bắt phải ký tên vào giấy xin nhận họ trở về.

Công an báo cho thân nhân ở Việt-nam biết những người thân của họ đã "đăng ký hồi hương". Những người không chịu ký tên vào các giấy tờ đã nói bị gọi lên trụ sở công an làm khó dễ, hăm dọa sẽ bỏ tù hay đưa người sẽ trở về đi cải tạo. Cùng lúc đó, tị nạn tại Palawan bị gọi lên văn phòng Cao ủy, tại đây họ được cho biết đã có tên trong danh sách hồi hương và phải chuẩn bị sẵn sàng để lên đường, mặc dù chưa hề ghi tên "tự nguyện".

Những hành động này của Cao ủy và CSVN cho thấy ba bên là Cao-ủy Tị-nạn Liên-hợp-quốc, chính quyền Phi và CSVN đã cấu kết với nhau để hợp pháp hoá việc cưỡng bức tị nạn.

Hồi tháng 3.95, Cao ủy Tị-nạn đã chuyển danh sách tất cả tị nạn Việt-nam tại Palawan cho Hà nội. Gần đây (tháng 8) Cao-ủy Tị-nạn Liên-hợp-quốc đã bổ nhiệm một nhân viên - ông Stefano Valenti- đến trại để đặc trách chương trình "hồi hương trật tự".

Tị nạn Việt-nam đang hoang mang lo sợ và đã kêu gọi cộng đồng hải ngoại gửi kháng thư đến Cao-ủy Tị-nạn Liên-hợp-quốc, các chính phủ để yêu cầu chấm dứt hành động vi phạm nhân quyền bỉ-ổi như đã kể trên.

Mã lai: nhiều hồ sơ được tái xét cho đi định cư

Hai mươi mốt trường hợp trong tổng số 40 trường hợp gia đình bị tách ly trong thanh lọc ở Mã lai sau tái xét đã được lên danh sách chờ định cư tại Hoa Kỳ. 5 gia đình và 4 người khác (có thân nhân tại Úc) cũng đã được chấp nhận cho đi định cư tại Úc. Một số hồ sơ khác, của những người có thân nhân ở Gia nã đại và Âu châu đang được xét lại.

Ủy ban Cứu Người Vượt Biển lạc quan trước diễn tiến vừa kể và tin rằng hàng loạt hồ sơ khác sẽ được tiếp tục cứu xét. Cuối tháng 8.95, luật sư của tổ chức giúp đỡ pháp lý cho người tị nạn LAVAS đã sang Mã lai để theo dõi việc tái xét các hồ sơ này. Ủy ban Cứu người Vượt biển kêu gọi thân nhân hiện ở ngoại quốc của các trường hợp trên liên lạc gấp với Ủy ban để được hướng dẫn cách theo dõi hồ sơ của người tị nạn.

Một chỗ cho những người tị nạn còn lại tại Mã lai

Có 556 người Việt Nam bị bác quyền tị nạn ở trại Kerayong, Pahang (Mã lai) đã gửi thỉnh nguyện thư xin đừng trả họ về Việt Nam mà hãy cho họ một chỗ ở bất cứ nơi nào để xây dựng lại cuộc đời.

Thỉnh nguyện thư viết ngày 5.8.95, đi nửa vòng trái đất đến tay nhóm Việt Nam Thanh Niên Thiện Chí tại Ý đại lợi, được chuyển đến *Làng Văn* hồi cuối tháng 9.95.

Thỉnh nguyện thư mang tựa đề *"Đề nghị một số giải pháp cho thuyền nhân VN tại Kerayong, Tahang"* mở đầu bằng phần trình bày hoàn cảnh tuyệt vọng của tập thể thuyền nhân trong trại. Để trốn chạy những áp bức của cộng sản, họ đã chấp nhận những hiểm nghèo của những chuyến vượt biển, những khổ ải của cuộc sống liên tiếp bị chuyển qua các trại trong những tháng năm dài, chịu thanh lọc bất công để lâm vào tình trạng hiện nay là chờ bị trả về cho bạo quyền. Thỉnh nguyện thư nêu rõ họ không thể trở về Việt-nam, nơi mà sự thay đổi chỉ là hình thức, nơi mà bạo quyền đã coi họ là một "nhóm chống đối". Việc ép buộc họ trở về VN là trái với nguyên tắc về nhân quyền của chính Cao-ủy Tị-nạn Liên-hợp-quốc.

Những đề nghị thỉnh nguyện gồm:

- Không cưỡng bức họ về VN.
- Xin vận động cho họ đi định cư,
- Cho họ bất kỳ một chỗ nào ở Mã lai để tá túc và sống nốt quãng đời còn lại.

Trong khi chờ đợi, xin tạo cho họ cơ hội đóng góp vào xã hội Mã lai (đi làm việc) để tự lực cánh sinh và để trang trải phần nào những phí tổn của chính phủ và các cơ quan quản lý trại.

Kèm theo bản thỉnh nguyện thư là một tài liệu giới thiệu về cộng đồng 556 thuyền nhân Việt-nam tại Kerayong, với tổ chức, thành phần, trình độ và khả năng chuyên môn. Tất cả đã trải qua 6 năm tạm dung từ Pulau Bidong sang Sungei Besi. Từ khi được chuyển đến Kerayong (ngày 10 tháng 6.95, bị bác thanh lọc) mặc dầu biết là lâm vào tuyệt lộ, họ vẫn hợp tác với chính quyền trại, tự tổ chức đời sống, trật tự, sinh hoạt giáo dục, được các tổ chức có trách nhiệm và quan hệ khen ngợi. Hầu hết các thuyền nhân có gốc gác liên quan đến chế độ cũ và những hoạt động chống đối chính quyền CSVN. Họ tổ chức

thành Hội Cựu Quân Cán chính VNCH, Phong trào Đấu tranh cho Nhân Quyền và đảng Dân Chủ Mới.

Cơ quan ICMC cải chánh

Tổng Thư Ký tổ chức từ thiện Công giáo International Catholic Migration Commission (ICMC) đã ra một thông báo minh định lập trường chống cưỡng bách hồi hương của ICMC.

Thông báo quả quyết: "...chúng tôi minh bạch rằng:

- ICMC không bao giờ chấp nhận cưỡng bức hồi hương, bất cứ dưới hình thức nào.
- ICMC tranh đấu với các chính phủ liên hệ và các cơ quan quốc tế để đồng bào thuyền nhân hiện đang ở các trại được đối đãi một cách nhân đạo.
- ICMC luôn luôn tìm kiếm các giải pháp nhân đạo nhằm giải quyết vấn đề các thuyền nhân hiện ở các trại tị nạn..."

Thông báo do Tiến sĩ André Nguyễn Văn Châu ký tại Geneva, đề ngày 28.8.1995.

Trong những ngày gần đây tổ chức này bị nhiều người thuộc cộng đồng Viêt hải ngoại lên án về việc đã ủng hộ chương trình hồi hương có trật tự bằng cách cố vấn cho chính phủ Phi và Cao Ủy qua một tài liệu mang tên *"A Vision of Orderly Repatriation and Camp Closure at PFAC"* (xem Tin Tị Nạn, *Làng Văn* số 134).

Giám mục de Campo, giáo phận Melbourne (Úc) đã lên tiếng với ông Michael Whiteley, tân Chủ tịch ICMC.

Theo thông báo của ICMC giải thích, một cựu nhân viên của tổ chức này đã viết tài liệu kể trên và sử dụng ấn chỉ của ICMC để in, tài liệu không ký tên, không nhắc nhở gì đếm ICMC và ICMC *"không chia sẻ quan điểm nêu trong tài liệu"*.

Ủy ban Cứu người Vượt biển lên tiếng

Gần đây có nguồn tin cho rằng mọi nỗ lực tranh đấu cho thuyền nhân của đồng bào hải ngoại đã trở thành vô vọng vì Thượng viện Hoa Kỳ đã bác bỏ dự luật H.R. 1561 do Hạ viện chuyển lên. Ủy ban Cứu Người Vượt Biển đã lên tiếng bác bỏ dư luận này và yêu cầu giới truyền thông phối kiểm kỹ các nguồn tin để tránh gây hoang mang cho cộng đồng vào thời điểm quan trọng trong tiến trình đấu tranh cho đồng bào tại các trại tị nạn.

Ủy ban Cứu người Vượt biển giải thích rằng theo thể thức làm việc của Quốc hội Mỹ, trong một số công việc, Hạ viện và Thượng viện làm việc độc lập với nhau, không có chuyện Hạ viện đệ nạp lên Thượng Viện để được biểu quyết. Trường hợp của dự luật H.R. 1561, có những điều khoản liên quan đến thuyền nhân Việt-nam, ở Hạ viện mang tên H.R. 1561, ở Thượng viện được xẻ ra làm hai, mang tên S.J. 908 và S.J 951. Sau khi mỗi viện biểu quyết xong phần của mình sẽ đưa ra Ủy ban Lưỡng viện để giải quyết những điểm bất đồng.

Hiện ở Thượng viện, Thượng nghị sĩ Robert Smith (New Hampshire) đã đồng ý đưa vào dự luật S.J. 908 điều khoản tương đương với điều khoản về thuyền nhân trong dự luật H.R. 1561 của Hạ viện.

Việc cộng đồng Việt-nam cần làm là vận động để các Thượng nghị sĩ của địa phương mình ủng hộ Nghị-sĩ Smith.

Nếu thành công, hai viện coi như đồng thuận với nhau, chỉ cần chờ quyết định của phủ Tổng thống. Nếu không thành công, ta vẫn có thể vận động để đưa điều khoản về thuyền nhân vào một dự luật khác.

Dư luận vì nhầm lẫn cho rằng dự luật S.R. 908 đã bị phủ quyết. Thực tế, dự luật này chỉ bị hoãn thảo luận cho đến khi Quốc hội tái nhóm.

Trong môt thông báo khác, Ủy ban Cứu người Vượt biển cũng kêu gọi cộng đồng Viêt hải ngoại nhận định rõ những thông tin, chỉ tin vào những thông báo chính thức để tránh hoang mang, ngộ nhận.

Với những diễn tiến hiện tại, Ủy ban Cứu người Vượt biển thấy có những điểm khá lạc quan (như việc tái xét các hồ sơ ở Mã Lai) và *"nội trong vòng vài ba tháng tới tình hình sẽ ngã ngũ và một giải pháp thoả đáng sẽ thành hình, với điều kiện cộng đồng chúng ta phải đẩy mạnh hơn nữa nỗ lực vận động cho đến kỳ cùng."*

Dân biểu Bereuter can thiệp cho các hồ sơ bị thanh lọc bất công

Dân biểu Mỹ Doug Bereuter, thủ lãnh phe chống đối dự luật của Dân-biểu Christopher Smith trong thời gian qua, hiên đã chấp nhận can thiệp cho môt số trường hợp bị thanh lọc bất công.

Tin của Ủy ban Cứu người Vượt biển cho biết ông Bereuter đã kêu gọi Cao ủy tái cứu xét các hồ sơ bị bất công. Ông đã gặp cũng như đã chuyển cho bà Sadako Ogata nhiều hồ sơ do Ủy ban Cứu người Vượt biển đệ nộp. Số hồ sơ do Ủy ban chuyển cho Dân-biểu Bereuter nhờ can thiệp đã lên đến trên một trăm.

UB Bảo-trợ người Việt tị-nạn Ottawa thông báo về bảo lãnh thân nhân rớt thanh lọc

Chính phủ Úc đã thông báo môt chương trình bảo lãnh dành cho những người bị rớt thanh lọc có thân nhân tại Úc. Đối tượng được bảo lãnh gồm cha mẹ, con, anh chị em, cô chú, dì dượng và cháu của những người đã định cư hay đang cư trú tại Úc, với điều kiện người ở trại phải trở về Việt-nam trước 1.1.96 (xem Tin Tị Nạn, *Làng Văn* 134).

Ủy ban Bảo Trợ Người Việt Tị Nạn Ottawa cho biết các viên chức Di trú và Ngoại giao Gia nã đại đã hứa cứu xét một chương trình bảo lãnh tương tự nếu họ thấy có nhiều trường hợp như vậy tại Gia nã đại.

Đồng bào tại Gia nã đại có thân nhân tại các trại và muốn bảo lãnh họ, xin liên lạc gửi chi tiết về thân nhân của mình cho:

Ủy ban Bảo Trợ Người Việt Tị Nạn Ottawa

P.O. Box 4227, Station E,
Ottawa Ontario, K1S 5B2
Điện thoại & điện thư: (613) 237-2010 hay Hội Người Việt Toronto (416) 536-3611.

Thái hành-hạ thuyền-nhân bị biệt-giam ở Sikiew

Thông-tín-viên *Làng Văn* tại Vọng-các điện về cho biết, bộ Nội-vụ Thái-lan đã cho đàn-áp đã-man 1.000 thuyền-nhân bị biệt-giam tại khu "A" trại Sikiew về tội không chịu làm thẻ hồng theo thành-phần tự nguyện hồi-hương.

Đã hơn bảy tháng nay, Thái giam 1000 người này vào một căn phòng kín bưng, không cửa sổ, không cả lỗ thông hơi, chỉ có một cửa nhỏ ra vào, cũng luôn luôn đóng kín. Những người tuyệt-thực ngất-xỉu được lôi ra một lớp học cũ, nay dùng làm trạm cứu-cấp. Nơi này lại là mục-tiêu để ban đêm nhân-viên an-ninh Thái chơi trò ném đá.

Thái cấm thư từ ra vào khu biệt giam, cắt gạo, bớt nước. Ghê tởm nhất, bộ Nội-vụ Thái cắt tên Joe, trùm du-đãng Thái từng vào tù ra khám nhiều lần, làm Trại phó An-ninh. Tên Joe tập-trung một số du-đãng trong trại lập thành ban trật-tự, sẵn-sàng hành-hung bất cứ người nào biểu-lộ ý-chí đấu-tranh cho tự-do, nhân-quyền.

Nhiều lần, tên Joe đã xua đàn em (du-đãng VN tị-nạn) tràn tới đánh, đá, bóp cổ những thuyền-nhân biểu-tình tuyệt-thực chống cưỡng-bách hồi hương. Ngày 6.9, chính tên Joe đã bóp cổ 2 phụ-nữ đến ngất xỉu.

Ban Trật-tự đã bắt-bớ, đánh-đập tàn-nhẫn một thuyền-nhân tên Hải rồi giải đi nơi khác. Thông-tín-viên *Làng Văn* tại Thái, theo yêu-cầu của các gia-đình nạn-nhân, đã dò hỏi khắp các trại tù trên đất Thái, không thấy tên 4 người này trong danh-sách của bất cứ trại nào.

Ban đêm, lợi-dụng bóng tối, chính "ban trật-tự" tổ-chức ném đá vào khu biệt giam. Nhiều người trúng thương trầm-trọng, mất máu nhiều nhưng chỉ được băng-bó sơ-sài rồi nằm tại chỗ, không được chuyển ra bệnh-viện.

Thuyền-nhân Việt-nam ở khu biệt-giam Sikiew khẩn-thiết kêu-gọi lòng nhân-đạo của đồng-bào Việt-nam tại hải-ngoại, xin viết thư thỉnh-cầu Cao-ủy Tị-nạn LHQ, các cơ-quan nhân-quyền, Quốc-hội, bộ Ngoại-giao, tòa đại-sứ các nước tại Thái-lan để can-thiệp cứu-giúp các nạn-nhân khốn-khổ này khỏi bàn tay độc-ác của nhà nước Thái-lan, một quốc-gia vốn ghét cay ghét đắng người Việt do những hiềm-khích lịch-sử giữa hai dân-tộc.

Thuyền-nhân Việt-nam không ngừng đấu-tranh chống cưỡng-bách hồi-hương

góp tem gửi báo cho đồng-bào tị-nạn

(Độc-giả góp tem, tòa-soạn tặng báo)

Để giúp cho đồng-bào tại các trại theo dõi tin-tức bên ngoài, tòa-soạn kêu-gọi quí thân-hữu và độc-giả tham-gia chương-trình "độc-giả góp tem, tòa-soạn tặng báo", chi-tiết như sau:

- Tiền tem để gửi một năm báo đường thủy (3 tháng tới): 15 mỹ-kim (20 gia-kim).

- Tiền tem để gửi báo máy bay (10 ngày tới): 37 mỹ-kim (50 gia-kim).

Danh-sách độc-giả và thân-hữu Làng Văn góp tem gửi báo năm 1995:

Họa-sĩ Trần Đình Thụy (Scarborough): 1 năm báo; Cô Trần Thị Mỹ Châu (Montréal): 9 kỳ báo; Ông Phan Long Yên (CA): 1 năm báo, 2 số mỗi kỳ; Hươu Cao Cổ (1 năm báo, 2 số mỗi kỳ); Bà Huỳnh Thúy Phượng (Scarborough): 1 năm báo; Ông Lê Đình Hoà (MB): 1 năm báo, 7 tờ mỗi kỳ; ông Hoàng Giao (AB): 1 năm báo; K. Phương (Thụy-sĩ): 1 năm báo; ÔB Nguyễn Văn Thông: 1 năm báo, 2 tờ mỗi kỳ; Nguyên Văn (MN): 1 năm báo; Nguyễn Thu Không (CA): 1 năm báo; Thi-sĩ Trương Chi (Montréal): 1 năm báo, 2 tờ mỗi kỳ; Vũ Nghi (BC): 1 năm báo, 2 tờ mỗi kỳ; Ngọc Hân (Texas): 1 năm báo, 3 tờ mỗi kỳ; Nha-sĩ Lương Bá Lê (Montréal): 1 năm báo, 5 tờ mỗi kỳ; Lâm Hưng và hai bé An Như (California): 1 năm báo.

ĐỊA-CHỈ CÁC CƠ-QUAN CỨU-GIÚP NGƯỜI TỊ-NẠN

Ủy ban báo nguy giúp người vượt biển:

Boat People SOS
P.O. Box 2652
Merrifield, VA 22116, USA
Tel. & fax: 703 204 2662

Cơ-quan Trợ pháp cho người Việt tầm-trú:

LAVAS
P.O. Box 2606
Merrifield, VA 22116, USA

tin việt-nam

Dương Thượng Ngã phụtrách

Trần Quang Cơ làm đại-sứ VC tại Mỹ

Sau một thời-gian lựa-chọn, cuối-cùng Hà-nội đã chọn Trần Quang Cơ, đương-kim thứ trưởng Ngoại-giao, giữ chức đại-sứ VC tại Mỹ. Như vậy hiện tại Hà-nội có hai đại-sứ trên đất Mỹ: Lê Văn Bàng, đại-sứ VC tại Liên-hợp-quốc, văn-phòng tại New York, và Trần Quang Cơ, đại-sứ VC tại Mỹ, sứ-quán đặt tại Washington DC.

Hãng dầu Broken Hills của Úc dọa rút khỏi Việt-nam

Broken Hills, công-ty lớn nhất trong tổ-hợp dầu hỏa ngoại-quốc duy-nhất hiện còn sản-xuất tại Việt-nam xác-định sẽ rút khỏi Việt-nam vào tháng 4.1996 nếu nhà nước CSVN không chịu tái hạn giao-kèo sắp mãn theo đúng các điều-khoản cũ.

Các công-ty ngoại-quốc làm ăn tại Việt-nam đều gặp khó-khăn chung là nhà nước CSVN sau khi thấy các công-ty có vẻ làm ăn được, đều đòi tăng mọi thứ tiền lên có khi gấp đôi hay gấp ba, khiến các công-ty này phải bỏ dở việc kinh-doanh, để lại các cơ-xưởng, máy-móc cho VN, tay trắng ra đi.

Mới đây, hãng dầu Total SA của Pháp đã bỏ nhà máy lọc dầu đầu-tiên tại VN, rút về nước hôm 6.9.95.

Công-ty BHP đang gặp khó-khăn tại mỏ Đại Hùng cách Vũng-tàu 250 cây số về phía đông. Số dầu dự-trữ tại đây chỉ vào khoảng 10% con số CSVN đã phóng-đại khi rao bán. Công-ty BHP đã phải bỏ ngang các dự-án phát-triển và loan-báo sẵn-sàng rút đi nếu nhà nước VC không chấp-nhận sửa đổi giao-kèo.

Kinh-nghiệm làm ăn với VC đã được phổ-biến rộng-rãi trên các tờ báo kinh-tế thế-giới, và làm cho các đại công-ty dần dần xa lánh Việt-nam.

Đầu-tư ngoại-quốc tại CSVN: báo-động đỏ

Hãng Reuter cho biết, đầu-tư vào Việt-nam không còn là một đề-tài hấp-dẫn nữa, mặc dù chính-phủ Hà-nội cố sức khêu-gợi, mời-mọc, thúc-đẩy.

Vẫn theo hãng tin này, kể từ khi Hà-nội "mở cửa" năm 1988 tới nay, tổng-cộng có 1481 dự-án đầu-tư được thỏa-thuận, với tổng-số tiền lên tới 17,6 tỷ mỹ-kim, qua các dịch-vụ dầu hỏa, kỹ-nghệ, khách-sạn, du-lịch và dịch-vụ.

Cho tới nay trong số 1481 dự-án đầu-tư, chỉ có 16 dự-án thành-công (1,08%), với số tiền 310 triệu mỹ-kim (1,76% tổng-số tiền).

Có 200 dự-án với 983 triệu mỹ-kim bị hủy-bỏ từ đầu (tức 13,5% tổng-số dự-án với 5,56% tổng-số tiền).

Các dự-án còn lại hoặc đang thua lỗ trầm-trọng, hoặc đang ngắc-ngoải tìm cách rút khỏi Việt-nam.

Nguyên-nhân chính là vì tại Việt-nam không có một cơ-cấu chính-quyền lương-thiện. Nhà nước CSVN ký hợp-đồng rồi đơn-phương hoạnh-hoẹ, đòi thay-đổi hay không chịu thi-hành đúng mức. Giới-chức cấp dưới thì cố-tình làm trì-trệ để vòi tiền. Công-nhân thì ăn cắp, lười-biếng, làm việc không hiệu-quả.

Trong số các đại công-ty đã giơ hai tay đầu hàng, rút công-ty về nước, có hãng dầu Total của Pháp, West Farmer và Pioneer Westralia của Úc và Tổ-hợp siêu-thị Saiyu của Nhật.

Hậu-quả trên đây là bài học cho những ai chủ-trương "thay-đổi kinh-tế trước, thay-đổi chính-trị sau." Liệu ai có đủ vốn để lấp cho đầy túi tham vốn không đáy của các lãnh-tụ vô-đạo của chế-độ cộng-sản? Thượng bất chính hạ tắc loạn, xã-hội không ổn-định, làm sao có thể đầu-tư kinh-doanh mà không sợ mất vốn?

Đường dây buôn người tại Hà-nội

Hãng tin AFP cho biết, nhà cầm quyền CSVN mới đây đã bắt thêm 6 người - trong đó có 4 Việt-nam và 2 Hương cảng - trong đường dây buôn người từ Bắc Việt sang Hương-cảng và Áo-môn.

Đường dây này chuyển các thiếu-nữ xinh-đẹp Việt-nam, mang sang Hương-cảng qua ngõ Quảng-đông. Các mã-giám-sinh thời-đại tìm tới các nhà nghèo có con gái khoẻ-mạnh, dễ coi, dụ-dỗ sang Trung-quốc đi làm cho các xưởng thợ tân-lập với mức lương cao. Nếu thỏa-thuận ký hợp-đồng "đi làm", họ được trả trước 50

mỹ-kim. Đường dây lo thủ-tục xuất-ngoại, toàn là giấy-tờ chính-thức.

Sang đến Hương-cảng, họ bị bán ngay vào các nhà chứa với giá từ 200 mỹ-kim đến 500 mỹ-kim, tùy theo nhan-sắc và sự trinh-bạch. Các thiếu-nữ này bị ép tiếp khách ít nhất 12 giờ mỗi ngày, nếu chống-cự sẽ bị bỏ đói, cưỡng bức và đánh-đập tàn-bạo. Nếu ngoan-ngoãn, sau mỗi lần đi khách họ được chia khoảng 25 xu Mỹ, trong khi chủ chứa thu của khách khoảng 80 mỹ-kim. Cô nào muốn tự chuộc mình ra khỏi ổ nhện, phải dành-dụm để trả cho chủ động 4.000 mỹ-kim, tức là số tiền để dành được sau 16.000 lần bị hành-hạ!

Một số các thiếu-nữ nạn-nhân đã liều-lĩnh trốn-thoát được về nước sau 112 ngày đi bộ. Các cô ra tận Hà-nội để tố-cáo với nhiều cơ-quan, kể cả báo-chí ngoại-quốc, với hi-vọng giải-thoát được khoảng 5.000 bạn đồng cảnh.

Giám-đốc Vụ Chống Tệ-nạn Xã-hội thuộc bộ Lao-động nhà nước CSVN, cho biết, hiện Việt-nam chưa có sự hợp-tác nào với các nước láng diềng để ngăn chặn tệ-nạn buôn người này. Cơ-quan này còn cho biết, Việt-nam chưa có tổ-chức nào để giúp-đỡ các thiếu-nữ đã chạy thoát về tới Việt-nam, không tiền của, không nơi nương-tựa, bị xóm làng ruồng bỏ, xa lánh, vì sợ truyền bệnh liệt-kháng hay hoa-liễu.

CSVN nhất-định chống lại quyết-định của Tòa thánh

Theo tin AFP, Võ Văn Kiệt, Thủ-tướng VC, mới đây vẫn tiếp-tục hung-hăng chống lại quyết-định của Tòa thánh Vatican trong việc cử Giám-mục Huỳnh Văn Nghi làm Giám-quản Tông-tòa của Công-giáo tại Sài-gòn.

Tuyên-bố thẳng thừng với đức Hồng-y Phạm Đình Tụng, Tổng Giám-mục Hà-nội, Kiệt xác-định: "Việc Tòa thánh bổ-nhiệm Huỳnh Văn Nghi là một hành-động thiếu thiện-ý, vi-phạm chủ-quyền và đi ngược lại luật-pháp (Cộng-sản) Việt-nam."

Trước đó, CSVN đã bác bỏ việc bổ-nhiệm Giám-mục Nguyễn Văn Thuận lên thay đức Tổng Giám-mục Nguyễn Văn Bình (từ trần). Cho đến nay, chức Tổng Giám-mục địa-phận lẫn Giám-quản Tông tòa Sài-gòn vẫn còn bỏ trống.

Nhân kỷ-niệm 50 năm LHQ CSVN tặng trống đồng... giả

Nhà nước CSVN loan-báo, nhân dịp Liên-hợp-quốc làm lễ kỷ-niệm 50 năm ngày thành-lập, Hà-nội sẽ biếu cơ-quan này một trống đồng Ngọc-lũ rộng 79 phân, cao 63 phân, nặng 84 kí để làm quà kỷ-niệm.

Đây là một bảo-vật văn-hóa có tính-cách thiêng-liêng của dân-tộc Việt, sẽ do Chủ-tịch Nhà nước VC Lê Đức Anh thân-hành mang sang trụ-sở Liên-hợp-quốc tại New York vào tháng 10 này. Tuy-nhiên, theo một nguồn tin từ Hà-nội tiết-lộ, đó chỉ là một chiếc trống ...giả. Dĩ-nhiên Việt-nam không thiếu trống thật, nhưng đã được bán ra ngoại-quốc gần hết.

Buôn-lậu qui-mô tại Việt-nam, sử-dụng cả tàu bè Hải-quân

Báo *Tuổi trẻ* phát-hành tại Sài-gòn ngày 16.9 tiết-lộ, tệ-trạng buôn-lậu càng ngày càng gia-tăng tại Việt-nam, lên đến tầm mức quốc-gia chứ không còn ở cấp địa-phương hay cục bộ nữa.

Theo Tổng Cục Hải-quan, buôn lậu đường bộ có phần giảm-sút, nhưng đường dây buôn lậu đường biển phát-triển mạnh-mẽ. Hàng lậu phần lớn là máy-móc điện-tử, nhất là hàng Trung Cộng, Hương-cảng, Tân-gia-ba và Nhật-bản, nhập vào các cảng Quảng-ninh, Ninh-bình, Thanh-hóa, Nghệ-an, Quảng-bình và Huế. Thịnh nhất trong các món hàng là máy truyền hình, thu-thanh, tủ lạnh, quạt, nồi điện, xe đạp,..

Các tụ-điểm tấp-nập nhất trong miền duyên-hải là huyện Kim-sơn (Ninh-bình), Nga-sơn, Ngư-lộc, Hoằng-hóa và Quảng-xương (Thanh-hóa), hòn Ngư, hòn Mát, cửa Lò (Nghệ-an), Lý-hòa, Hải-trạch, Bố-trạch (Quảng-bình).

Các tàu buôn lậu phần lớn là các khinh-tốc-đỉnh và khoái-đỉnh, chạy nhanh gấp ba, bốn lần tàu tuần của Hải-quan. Phần lớn các tàu này mang bảng số màu đỏ của Quân-đội nhân-dân.

Theo thống-kê của Ủy ban Kế-hoạch Nhà nước, trong 8 tháng đầu năm 1995, trị giá hàng nhập lậu bằng đường biển lên tới 14.250 tỉ đồng tiền Hồ.

Tỉnh Bình-thuận và miền Tây Nam-phần bị lụt

Bình-thuận đã bị mưa lũ và nước lụt từ 15.9 cho đến nay, nặng nhất là các huyện Hàm-thuận Nam, Tuy-phong, Bắc-bình và Hàm-tân. Tính đến ngày 10.10, có 25 người chết, 1.200 căn nhà bị nước cuốn trôi mất, 3.400 căn khác bị hư hại, 3.000 mẫu lúa bị úng thủy, 2.500 mẫu hoa-màu bị hư-hỏng, 22 chiếc cầu bị sập, 12 cây số đường nhựa bị xói lở, 16 thuyền bị nhận chìm.

Tại vùng châu-thổ miền Tây Nam-phần, lũ lụt làm hỏng 1.500 căn nhà, ngập 26.000 căn khác, 116 người chết và 85.000 người phải di-tản và lâm nạn đói vì không được cứu-trợ. Mực nước tiếp-tục dâng cao.

Ăn không đều chia không đủ, 17 công-an ra tòa

Vì ăn chia không đều sinh ra xích-mích, đổ bể đường dây, 17 công-an tại trạm Kiểm-soát Cà Đú, tỉnh Ninh-thuận đã xộ khám.

Trạm này được thành-lập chưa đầy một năm, 17 công-an đã ăn hối-lộ 677 triệu đồng tiền Hồ, có vụ lên tới 87 triệu! Theo tội-danh "tham-nhũng", mỗi người sẽ lãnh án từ 2 năm tù trở lên.

Qui-chế cho ngoại-kiều thuê nhà tại Sài-gòn

Tuy chế-độ cộng-sản vẫn còn y

nguyên sau 7 năm "mở cửa" và việc làm ăn tại Việt-nam càng ngày càng khó-khăn, các công-ty ngoại-quốc đã rút đi rất nhiều, "Việt kiều" vẫn tiếp-tục mang tiền về đầu-tư. Vấn-đề nhà cửa tại Sài-gòn càng ngày thêm nghiêm-trọng, với 7 triệu người chen-chúc trong một thành-phố nhỏ-hẹp, trước đây chỉ có 3 triệu dân.

Nhà nước không bỏ lỡ cơ-hội đầu-tư địa-ốc để làm giàu, nhất là khi trong tay Đảng có hàng chục ngàn biệt-thự, cao-ốc, nhà tư chiếm được của dân-chúng từ 1975. Khi nhà nước đã nhúng tay vào làm ăn tất-nhiên "nhân-dân" bị gạt ra, cấm-cản bằng đủ thứ "nghị-định", "quyết-định",.. Mới đây, nhà nước lại ban hành "qui-chế" về việc cho ngoại-kiều thuê nhà. Nên lưu ý là chữ "ngoại-kiều" này bao gồm cả "Việt-kiều" từ ngoại-quốc về.

Theo qui-chế mới này, dân-chúng có nhà muốn cho thuê, phải có:

- địa-chỉ cụ-thể, riêng biệt (số nhà, tên đường, lối đi riêng); nếu chưa có số, phải đi xin;
- phải có chứng-chỉ (mua bằng tiền) an-toàn về cấu-trúc và xây-dựng; không tranh-chấp sở-hữu-chủ;
- chủ-nhà phải có giấy thường-trú tại địa-phương; nếu không phải có giấy chứng-thực ủy quyền;

Ngoại-kiều muốn thuê nhà:

- phải có giấy tạm-trú hợp-pháp từ 6 tháng trở lên;
- muốn mở văn-phòng đại-diện kinh-doanh phải có giấy phép kinh-doanh;
- hợp-đồng thuê phải làm theo mẫu do nhà nước qui-định;
- giá thuê phải tính ra tiền Hồ, theo hối-suất ngân-hàng nhà nước;
- hai bên phải thiết-lập đầy-đủ hồ-sơ luật-pháp.

Nếu không thi-hành đúng các điều-khoản trên đây:

- Ngoại-kiều thuê nhằm nhà không có giấy phép cho thuê, sẽ bị phạt 50 triệu đồng tiền Hồ và bị đuổi ra khỏi nhà thuê;
- Chủ nhà có giấy phép cho thuê nhà nhưng không có hợp-đồng, bị phạt 20 triệu đồng. Người thuê bị phạt từ 25 triệu đến 80 triệu.
- Những đối-tượng không được phép thuê nhà mà vẫn cứ thuê, bị phạt 35 triệu (nếu thuê để ở) hoặc 100 triệu (nếu thuê để kinh-doanh).

Các tổ-chức chính-trị (kể cả về Nhân-quyền, Ân-xá quốc-tế) tuyệt-đối không được quyền thuê nhà.

Thiếu-nữ Việt-nam đoạt giải Trang-phục dân-tộc đẹp nhất

Cô Trương Quỳnh Mai, 21 tuổi, tiếp-viên hàng-không Việt-nam đã đoạt giải "Trang-phục dân-tộc đẹp nhất" tại kỳ thi Hoa-hậu quốc-tế 1995 tổ-chức tại Nhật-bản.

Cuộc thi có 46 quốc-gia tham-dự. Giải Hoa-hậu năm nay về cô Anne Lena Hansen, 21 tuổi, người Na-uy.

Trong khi "Việt-kiều" khen "VN dễ thở", giới đạp xích-lô tại Hà-nội than "khổ quá!"

Phóng-viên Jeremy Grant của hãng Reuter đã thực-hiện một thiên phóng-sự về giới đạp xích-lô tại Hà-nội, cho biết, trong thời-buổi "cơ-chế thị-trường", giới này còn sống khổ-cực hơn trước, vì bị tắc-xi và Honda ôm tranh khách, mới đây lại thêm lệnh cấm xe xích-lô lưu-hành trên nhiều đường phố chính để giữ vẻ phồn-thịnh của thành-phố!

Cụ Nguyễn Đình Dần, 74 tuổi, làm phu xích-lô từ 20 năm qua, cho biết: "Trước kia tôi kiếm đủ nuôi gia-đình, bây giờ chỉ đủ nuôi miệng." Cụ nguyên là tài-xế xe tải quốc-doanh. Lương hưu chỉ đủ nuôi thân trong ...3 ngày, cụ phải bương chải kiếm thêm.

Một phu xích-lô khác, anh Phan Văn Kiên, 37 tuổi, cho biết trung-bình mỗi ngày kiếm được gần 2 mỹ-kim, tuy ít-ỏi, nhưng vẫn còn hơn gấp đôi lợi-tức của đồng-bào nông-dân tại các vùng quê.

Thiên phóng-sự cho biết, tại Hà-nội hiện có khoảng 2.000 phu xe xích-lô, sống rất chật-vật, trong khi giới Việt-kiều về du-lịch không ngớt ca-tụng cuộc sống "đổi mới" rất "ổn-định", "dễ thở" tại quê nhà.

Sưu cao thuế nặng, hơn 1000 tiểu-thương Sài-gòn nghỉ bán

Sở Thương-mại thành Hồ cho biết, hơn 1.000 tiểu-thương tại các chợ Bến-thành, Kim-biên, Đồng-khánh, An-đông, Bình-tây và Tân-bình đã dẹp sạp, nghỉ bán vì nhà nước tăng thuế 30%. Khảng 9.000 tiểu-thương còn lại rục-rịch sang sạp, chạy hàng xách hay kiếm nghề khác làm ăn.

chuyển lửa về quê-hương

Để giúp quảng-bá tin-tức từ hải-ngoại về nước, xin quí độc-giả và thân-hữu tiếp sức bằng cách mỗi người gửi thêm một phần, qua lối bưu điện. Có thể gửi trọn tờ báo hoặc bản chụp (photocopy) các bài quan-trọng. Mỗi phong bì thư thường có thể gửi được 3 tờ giấy. Xin theo các địa-chỉ sau đây:

Tổng Lãnh sự quán Australia
66 Lý Thường Kiệt
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Belgium
D1 khu Vạn phúc
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Canada
39 Nguyễn Đình Chiểu
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Denmark
B-3b khu Giảng Võ, số 1-2
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán England
16 Lý Thường Kiệt
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Egypt
85 Lý Thường Kiệt
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán France
49 Bà Triệu
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Germany
29 Trần Phú
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán India
58 Trần Hưng Đạo
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Indonesia
50 Ngô Quyền
Hà-nội, Vietnam

Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại "SOS"

Sơn Tùng

LTS: Sau khi Cộng-sản Bắc Việt chà-đạp hiệp-định Paris, xua quân qua sông Bến Hải, tiến chiếm VNCH, VC đã thay chân quốc-gia này tại tất cả các tổ-chức quốc-tế, ngoại-trừ một cơ-quan: Văn Bút (International P.E.N. Club).

Trong 20 năm trời, Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại đã giữ vững tiếng nói của mình trên diễn-đàn quốc-tế, tiếp-tục tranh-đấu cho quyền tự-do tư-tưởng tại quốc-nội, can-thiệp cho văn-nghệ-sĩ bị cầm tù. Cũng trong 20 năm dài, VC đã luôn luôn tìm đủ mọi cách để chi-phối, lũng-đoạn nhằm hất cẳng để thay thế cơ-quan này.

Nhược-điểm của một tổ-chức dân-chủ là khi mạnh khi yếu và thiếu tính-cách thống-nhất, trong khi VC kiên-trì chờ-chực cơ-hội để xâm-nhập, khuấy-phá, gây ảnh-hưởng. Bài viết của nhà văn Sơn Tùng sau đây trình-bày một nguy-cơ mà Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại đang phải đối đầu. Làng Văn xin phổ-biến như một lời báo-động, một vấn-đề chung mà cộng-đồng người Việt tị-nạn, và nhất là các anh chị em thành-viên trong Văn Bút cần bình-tâm giải-quyết.

Đại Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại kỳ V sẽ họp trong hai ngày 25 và 26.11 tới đây tại Garden Grove, Nam California, mà sinh hoạt chính là họp Đại Hội-đồng và bầu ban chấp hành mới cho nhiệm kỳ 1995-1998.

Ngoài liên danh của nhà thơ Viên Linh, đương kim chủ tịch, có liên danh thứ hai do tôi thụ ủy đã gửi thư ứng cử.

Có lẽ đây là lần đầu tiên từ ngày được thành lập (1977), Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại có hai liên danh ra tranh cử. Các nhiệm kỳ trước chỉ có một liên danh duy nhất theo kiểu "độc diễn".

Trong sinh hoạt dân chủ, dù ở phạm vi lớn hay nhỏ, những cuộc bầu cử mà người bỏ phiếu được hành xử quyền lựa chọn (giữa hai hay nhiều ứng cử viên) là dấu hiệu tốt và lành mạnh.

Thế nhưng, đối với Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, việc tranh cử giữa hai liên danh lại được một số người xem là điều "bất thường" và đã có những thể hiện xấu, chứng tỏ sự không thấm nhuần tinh thần dân chủ của một số thành viên trong Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại.

Việc tôi ra ứng cử vừa được loan báo, một vị "chủ tịch" một "trung tâm" mới được thành lập (và chưa được Đại Hội Đồng chấp nhận) đã viết bài vu khống và phỉ báng tôi gửi tới nhiều tờ báo.

Hầu hết các vị chủ báo nhận được bài viết này đều đã không đăng. Tôi xin thành thật cảm ơn và khâm phục thái độ minh chính của những vị này. Chính nhờ những người làm báo chân chính mà dù bao nhiêu hiện tượng tồi tệ đã và đang diễn ra, làng báo Việt lưu vong vẫn còn có những diễn đàn trung thực.

Một vị chủ báo đã bày tỏ với tôi nỗi ngạc nhiên trước việc một người tự xưng là đã "viết báo" trên 50 năm lại là tác giả một "bài viết" chỉ nên xuất hiện trên các tờ truyền đơn nặc danh.

Phần tôi, không ngạc nhiên, nhưng cảm thấy có bổn phận phải lên tiếng, không phải để trả lời "bài báo" phỉ báng mình, nhưng là để nói ra những điều cần nói và đáng nói hơn: mối nguy cơ đang đe dọa Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, và tại sao tôi ra ứng cử?

Đó là những điều tôi nghĩ công luận cần biết và có quyền được biết.

Tưởng cũng cần nên nhắc lại rằng Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại là tổ chức duy nhất của người Việt tự do có tiếng nói chính thức trong một tổ chức quốc tế sau ngày 30.4.1975. Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại được thành hình và được chấp nhận nhờ công lao rất lớn của các vị tiền nhiệm. Tổ chức ấy hiện đang đứng trước nguy cơ tan vỡ. Nguy cơ ấy xuất hiện ngày một rõ sau Đại Hội kỳ IV tại San Jose năm 1993, với việc liên danh khập khiễng của nhà thơ Viên Linh được một phiếu chênh lệch để đắc cử trong một cuộc bỏ phiếu khác thường.

Với ba ứng cử viên trong liên danh rút tên sau lần bỏ phiếu không thành đầu tiên (vì mất tín nhiệm ở khả năng và tư cách người thụ ủy được phơi bày tại kỳ Đại Hội), đáng lẽ nhà thơ Viên Linh nên tuyên bố rút đơn ứng cử vì liên danh không còn hợp lệ nữa (Điều Lệ lúc ấy đòi hỏi liên danh phải có 5 ứng cử viên chính thức và một dự khuyết). Ông Viên Linh đã không rút đơn, đại hội đồng với đa số tương đối chấp nhận cho bỏ phiếu lần thứ hai, và ông Viên Linh đã có được một phiếu cần thiết để đắc cử.

Trước đại hội đồng Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, nhà thơ Viên Linh đã hứa hẹn thực hiện nhiều điều trong nhiệm kỳ của ông, nhưng sau hai năm

giữ chức chủ tịch, ông Viên Linh đã có những hành động như sau:

Gây phân tán, xào xáo nội bộ:

Chưa bao giờ Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại ở trong tình trạng xáo trộn như hiện nay. Ông Viên Linh đã coi phần lớn trong số 8 trung tâm đang chính thức hoạt động như thù nghịch, rõ rệt nhất là Trung Tâm Bắc Cali, Trung Tâm Âu Châu, Trung Tâm Ontario, Trung Tâm Miền Đông Hoa Kỳ. Riêng Trung Tâm Bắc Cali, đã từ lâu Chủ Tịch Phạm Quang Trình không còn nhận được một văn thư nào của Ban Chấp Hành Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Trong khi đó, mọi giấy tờ liên lạc đều gửi về vị tổng thư ký. Hai năm trước, khi mời tôi đứng chung liên danh, nhà thơ Viên Linh đã tự biện minh hành động thất tín (nhận tổ chức Đại Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại kỳ IV rồi không làm, không trả lời điện thoại, không trả lời thư bảo đảm hồi báo của Ban Chấp Hành Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại lúc ấy do nhà văn Trang Châu làm chủ tịch), nại cớ văn thư không do ông Trang Châu ký mà lại do ông Tổng Thư Ký Võ Kỳ Điền ký nên ông không có bổn phận phải trả lời. Ông Phạm Quang Trình, chủ tịch Trung Tâm Bắc Cali, đã phải đứng ra nhận tổ chức Đại Hội kỳ IV, nhờ vậy ông Viên Linh được làm chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Nay ông Viên Linh lại chỉ liên lạc với tổng thư ký Trung Tâm Bắc Cali. Hành động này nhằm gây mâu thuẫn nội bộ Trung Tâm Bắc Cali, trái ngược với nhiệm vụ của chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại là tạo liên lạc mật thiết giữa các trung tâm. Tệ hơn nữa, ông Chủ Tịch Viên Linh đã dùng báo chí để đánh phá cuộc Đại Hội Văn Hóa Dân Tộc do Trung Tâm Bắc Cali tổ chức vào dịp 30.4.95.

Đưa Việt Cộng vào Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại:

Trả lời một cuộc phỏng vấn của chương trình Việt ngữ thuộc đài RFI, Pháp, trước Đại Hội Văn Bút Quốc Tế vào tháng 10.94, nhà thơ Viên Linh, với tư cách chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, đã tỏ ý chấp nhận ngồi chung với một phái đoàn nhà văn của chế độ Cộng sản Hà-Nội. Và, trong phái đoàn Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại tham dự Đại Hội Văn Bút Quốc Tế tại Tiệp Khắc sau đó, đã có mặt ông Đỗ Khiêm, người đã đưa đến những sự chỉ trích của nhiều vị trong phái đoàn. Cụ thể là ông Trần Ngọc Nhuận, sau khi ở Pra-ha về, đã họp báo ở San Jose chỉ trích sự tắc trách của phái đoàn Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại do ông Viên Linh lãnh đạo, đặc biệt là về vai trò của ông Đỗ Khiêm trong phái đoàn. Lập trường chính trị của ông Đỗ Khiêm đã được ông ta tự khai rõ trong lá thư gửi "Bộ trưởng Văn Hóa" Trần Hoàn đăng trên tạp chí *Hợp Lưu* số 24 với những câu: *"Ở bên nhà tôi chỉ có Đảng, Nhà Nước, và Nhân dân..."*, *"Kiểm lại quá khứ... tôi chỉ có <u>một thành tích bất hảo</u> duy nhất là phục vụ trong Quân đội miền Nam..."*

Gây tổn hại uy tín Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại:

Bằng những hành động không minh chính, thiếu thận trọng, ông Viên Linh đã đưa uy tín Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại xuống mức thấp nhất kể từ ngày được thành lập. Thí dụ như việc ông Viên Linh tới dự tiệc và ngâm thơ tặng bà Thanh Hải "Vô Thượng Sư", được tặng một phong thư "lì-xì", và Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại đã được tờ báo của "Vô Thượng Sư" (*Âu Lạc Times*, số 53) đổi tên thành "Văn Bút Âu Lạc Hải Ngoại" (!). Vị "chủ tịch Văn Bút Âu Lạc Hải Ngoại" Viên Linh đã trở thành đề tài chế giễu cho nhiều tờ báo Việt ngữ trong mấy tháng trời.

Lạm quyền:

Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại là một tổ chức sinh hoạt theo hình thức liên trung tâm, với cơ-quan tối-cao là Đại hội-đồng. Đại hội-đồng gồm đại-biểu của các trung-tâm (hiện-tại có 8) họp lại, soạn-thảo nghị-quyết và bầu ra ban chấp hành để thi hành những nghị quyết của Đại hội-đồng. Ban chấp-hành chỉ là cơ-quan thừa hành, và chủ-tịch ban chấp-hành không có toàn quyền hành động.

Điều Lệ Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại quy định việc khai trừ hay thừa nhận một trung tâm mới thành lập là nhiệm vụ của Đại hội đồng. Ông Viên Linh đã tự ý khai trừ Trung Tâm Úc Châu (sau đó phải rút lại), tự ý công bố Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại chỉ có 7 trung tâm (thay vì 8) rồi lại tăng lên 12, dù 4 trung tâm mới lập ra đồng loạt chưa được Đại hội-đồng cứu xét thừa nhận.

Lũng đoạn Văn Bút VNHN:

Đây là việc làm gây hậu quả trầm trọng nhất cho Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Ông Viên Linh biết rõ không được sự tín nhiệm của toàn bộ 8 trung tâm đang hoạt động nên đã vội vàng cho thành lập và tự ý hợp thức hóa đồng loạt thêm 4 trung tâm với mưu đồ ở lại chức chủ tịch.

Việc thành lập thêm một hay nhiều trung tâm tự nó không có gì đáng nói, nếu được lập ra một cách hợp tình hợp lý. Hợp tình, nếu các người cầm bút liên hệ với nhau trong tình "văn hữu", nếu việc lập ra một trung tâm văn bút được bàn bạc thảo luận và thông qua các trung tâm kế cận. Hợp lý, nếu các trung tâm được lập ra theo đúng các điều kiện và thủ tục được quy định trong Bản Điều Lệ. Trên thực tế, Trung Tâm Miền Đông Hoa Kỳ và Trung Tâm Âu Châu chỉ biết là có thêm trung tâm mới (Florida, Đông Bắc Âu) lập ra ngay trong lãnh thổ trung tâm mình khi ông Viên Linh công bố chuyện đã rồi! Nhiệm vụ của chủ tịch là tìm cách hòa giải các lủng củng, dàn xếp các bất hòa trong nội bộ, chứ không phải khai thác các bất hòa, hay tệ hơn nữa là tạo thêm các bất hòa.

Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại không giống nhiều hội đoàn khác trong cộng đồng. Nó không có quyền lợi để tranh chấp, và người cầm bút chân chính cũng không cần dựa vào chức vụ để có danh. Ta nên quan niệm Văn Bút cao hơn, đúng như ý định và mục tiêu của những người đã

lập ra Văn Bút Quốc Tế. Đó là lý do vì sao Văn Bút Hoa Kỳ trên cả nước Mỹ với gần 300 triệu dân chỉ có hai trung tâm Văn Bút: Trung Tâm Miền Đông và Trung Tâm Miền Tây, lấy con sông Mississippi làm ranh giới. Giới cầm bút Việt Nam tị nạn tại Mỹ trong một cộng đồng khoảng một triệu người mà đã có tới bốn trung tâm. Chúng ta nên cân nhắc kỹ trước khi lập thêm một trung tâm để tránh tình trạng hỗn loạn, và cũng nên có sự danh chánh ngôn thuận. Hiện tại đã có Trung Tâm Miền Nam và Trung Tâm Miền Đông Hoa Kỳ, nay lại có thêm 3 trung tâm Florida, Georgia, Louisiana nằm trong lãnh thổ miền Nam và miền Đông. Đây là việc làm không một người có ý thức nào quan niệm nổi.

Mọi người đều biết nhà thơ Viên Linh vội vã thành lập và công bố bốn trung tâm mới thành lập, bất chấp tình và lý, với hy vọng các trung tâm mới sẽ bỏ phiếu cho mình trong kỳ bầu cử sắp tới. Đây là một hành động hạ giá và xem thường lý trí của người cầm bút. Không có gì bảo đảm quý vị đại diện các trung tâm mới thành lập sẽ bỏ phiếu cho ông Viên Linh (nếu họ được Đại hội đồng cứu xét chấp nhận cho được bỏ phiếu ngay), nhưng ông Viên Linh đã liều lĩnh dẫm lên quyền-hạn của Đại hội đồng bằng cách bãi bỏ phiên họp "tiền đại hội" trong nghị trình Đại Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại kỳ V ngày 25 và 26.11 sắp tới.

Phiên họp tiền đại hội vẫn được các kỳ Đại Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại trước đây tuân thủ với mục đích giải quyết các việc nội bộ, báo cáo công tác, cứu xét tư cách các tham dự viên, cứu xét thừa nhận các trung tâm mới thành lập và biểu-quyết nghị-trình Đại-hội. Không có phiên họp tiền đại-hội, Đại hội-đồng không họp được, vì không có nghị-trình chính-thức, và tất cả những quyết-định của Đại hội-đồng, kể cả kết-quả bầu-cử, sẽ không được đảm-bảo giá-trị.

Trong phiên họp tiền đại hội hai năm trước đây tại San José, Đại Hội Đồng đã quyết định không thừa nhận "Trung Tâm San Jose" vì nằm trong lãnh thổ Trung Tâm Bắc Cali.

Trong chương trình nghị sự Đại Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại kỳ V vừa được Ban Chấp Hành phổ biến đã không có phần "tiền đại hội". Ông Viên Linh tự tiện coi 4 trung tâm vừa mới được thành lập là "chính thức", nâng con số 8 trung tâm hiện hữu lên 12, coi Đại hội-đồng như một bộ-phận phụ-thuộc của ban chấp-hành, đồng-thời các đại-biểu của các trung-tâm bỏ thì giờ, tiền bạc và công ăn việc làm đổ về California chỉ để "hợp-thức-hóa" sự tái hạn chức chủ-tịch của ông ta.

Ông Viên Linh đã tự cho mình cái quyền ngồi lên trên Bản Điều Lệ và trên cả Đại Hội Đồng Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Đây là hành động gây tác hại trầm trọng nhất cho tương lai của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, có thể đưa Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại đến chỗ đổ vỡ. Tôi tin rằng các trung tâm hiện hữu sẽ không chấp nhận điều này, và sẽ buộc ông Viên Linh phải tôn trọng sinh hoạt đã thành nếp của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại.

Trước hiện tình tệ hại của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại trong lúc Hà-Nội đang tìm mọi cách để gia nhập Văn Bút Quốc Tế, một số văn hữu ưu tư cho vận mệnh Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại đã bàn thảo với nhau để quyết định hành động. Một số vị đã được hội ý để mời đứng ra nhận lãnh trách nhiệm, lập liên danh ra tranh cử trong kỳ Đại Hội Đồng sắp tới, nhưng lần lượt hết người này tới người khác, đã không nhận ra tranh cử, vì lý do này hay lý do khác. Tôi là người được anh em đưa đề nghị sau cùng, khi hạn kỳ ghi danh tranh cử gần hết.

Và, tôi đã nhận lời. Tôi không màu mè, hay giả vờ nói "việc tôi ra tranh cử là bất đắc dĩ". Không, tôi đã đứng ra nhận lãnh sự ủy thác của anh em vì không thể khoanh tay ngồi nhìn Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại tan rã và rơi vào tay những tay sai của bạo quyền Hà-Nội. Tôi tự nhận thấy đủ sức, với sự hậu thuẫn của những người cầm bút chân chính, để cứu vãn Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Tôi tự tin, với lòng thành tín và tình anh em, tôi sẽ hàn gắn được những rạn nứt đang có nguy cơ làm tan vỡ Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Tôi tự nguyện, với lập trường quốc gia dân tộc sắt đá, không để tay sai Cộng sản Hà-Nội làm ung thối Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại.

Một vài người thân khuyên tôi: "Văn Bút bây giờ như bãi bùn dơ, dính vào làm gì cho lấm thân"? Tôi chấp nhận lấm thân mình để dọn dẹp đồ dơ.

Tôi mong nhà thơ Viên Linh hãy sửa chữa ngay những sai lầm, tổ chức một kỳ Đại Hội đàng hoàng, lương thiện, theo truyền thống và Điều Lệ Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Nếu ông tái đắc cử trong một cuộc tranh cử ngay thẳng, ông có quyền ngồi lại thêm một nhiệm kỳ. Nếu thất cử, ông ra đi trong danh dự, có quyền "ngẩng cao đầu" - như ông đã hứa trước mặt Đại Hội Đồng hai năm trước đây. ●

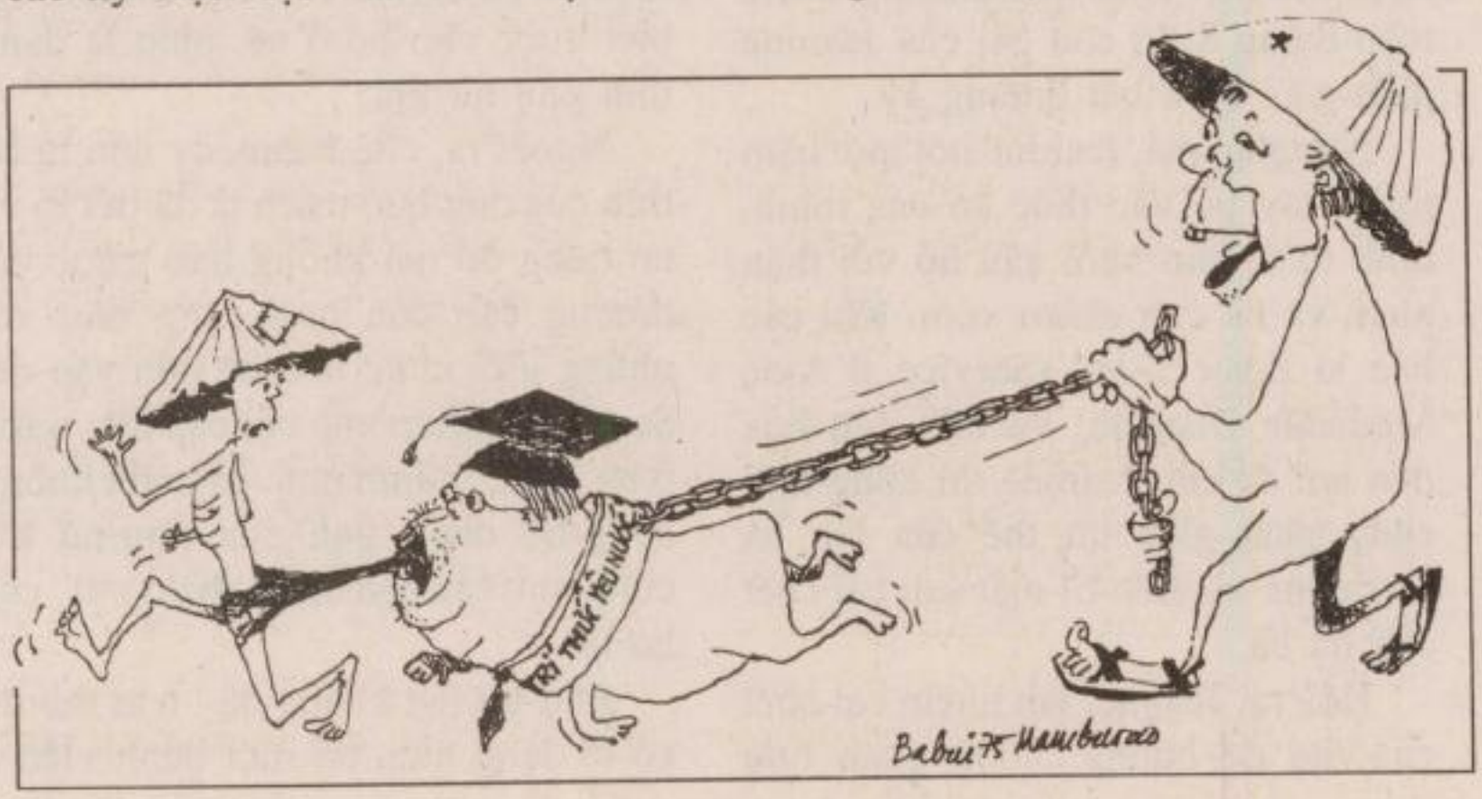

câu chuyện trời âu

Phan Nguyễn Minh Minh

Chuyện "Psycho" thời-đại kim tiền

Chuyện bắt đầu từ năm 1990 ở Lille, một thị xã miền Bắc nước Pháp. Lão bà Lucienne 79 tuổi về hưu đã lâu, nay già yếu nên phải nhờ vả người con gái duy nhất, Jeanine, 52 tuổi. Ai bảo là nữ nhân ngoại tộc?

Cuộc sống tưởng cứ thế êm xuôi nào ngờ chuyện đời trở nên trục trặc khi chồng Jeanine bị bại liệt. Đất sinh cỏ, già sinh tật, lão bà càng ngày càng khó tính nên cảnh hòa hợp trong gia đình đâm ra bị sứt mẻ. Cuối cùng bà lão quyết định không tiếp xúc với ai hết và lên từng trên "ở ẩn", sinh sống một thân một mình.

Từ đó trở đi chỉ có Jeanine tiếp xúc với bà để hầu hạ, nuôi ăn, dâng uống. Ngoài ra không một ai khác trong gia đình - ông rể cũng như 6 đứa cháu ngoại - được phép hoặc muốn đến gặp bà. Bầu không khí lạnh lùng ngự trị trong ngôi nhà, với một bà lão biệt cư và một người đàn ông bại liệt. Mỗi thành viên là một thế giới riêng tư. Tình cảnh đặc biệt đến khó thở đó không sao vĩnh viễn kéo dài được nên mặc dù, theo như Jeanine tự thú, "Mẹ tôi vẫn mạnh giỏi. Một buổi chiều vào tháng 11 năm ngoái, mẹ tôi không được khỏe. Tôi đã tắm cho bà. Sáng hôm sau, mẹ tôi đã qua đời. Tôi kéo chăn lên đậy mặt bà lại."

Jeanine không bao giờ tiết lộ với ai cả, thậm chí vào dịp lễ Giáng Sinh năm rồi khi cả gia đình tề tựu tại nhà với lý do là "Tôi không muốn làm cho mọi người buồn bằng cách báo cho họ biết là mẹ tôi đã từ trần".

Trong vòng 8 tháng qua, Jeanine vẫn tiếp tục ngày ngày hai lượt mang thức ăn lên lầu "hầu mẹ", nhưng thực sự là Jeanine ngồi ăn bên cạnh xác chết của mẹ. Cho đến khoảng trung tuần tháng 8 thì con gái của Jeanine phát-giác điều bất thường ấy.

Ngượng quá, Jeanine hốt một nắm thuốc tây bỏ vào thức ăn của mình, định tự tử cho khỏi xấu hổ với thân nhân và bà con chòm xóm. Khi các bác sĩ đoàn SAMU (Service d'Aide Médicale Urgente) và lính cứu hỏa đến nơi để cứu Jeanine thì đồng thời cũng phát giác thi thể của lão bà Lucienne và điều bí-mật sau cái chết của cụ bà.

Hóa ra, Jeanine ém nhẹm cái chết của mẹ để hưởng 5.000 quan hưu bổng hàng tháng mà bà được mẹ ủy-quyền ký nhận.

Tám tháng là 40.000 quan, cái giá của một "tình yêu mẹ", nôm na dịch đùi thì quả thật là "tình yêu mẹ chết" vậy !

Khi phụ-nữ liệt kháng phản-kháng

Nếp sống yên lặng của Dungarvan, một thị xã nhỏ bé ở miền Đông-Nam Ái Nhĩ Lan, bỗng dưng xao động sau một lễ giảng của cha Michael Kennedy (họ hàng xa với cố tổng thống J. F. Kennedy) ở thánh đường vào một ngày chúa nhật. Trước thập tự giá và dưới cái nhìn thương hại nhân thế của Chúa, cha đã vượt ra ngoài quy luật để loan báo với con chiên những gì mà một nữ tín đồ đã tiết lộ với ông trong khi xưng tội.

Cha Kennedy loan báo rằng một phụ nữ 25 tuổi, mắc chứng liệt kháng, đã nghĩ kế "báo thù xã hội" bằng cách giao du tình dục với 80 đấng nam nhi trong vùng mà không đòi họ mang "áo mưa", với thâm ý truyền bệnh liệt kháng cho "giống đàn ông đểu giả".

Linh-mục Kennedy không tiết lộ danh tính của phụ nữ "độc đáo" đó, chỉ cốt cảnh-giác các ông để mầm bệnh khỏi lan-tràn thêm.

Tiết lộ linh mục Kennedy có tác động như một quả bom nghìn cân ném xuống ngôi làng nhỏ có nếp sống trầm lặng với 7.000 dân. Trước cơn sốt lo sợ của dân chúng, các chức sắc tôn giáo ra lệnh cho linh mục phải thông báo đầy đủ các dữ kiện mà ông biết được cho bộ Y-tế, nhất là danh tính phụ nữ kia.

Ngoài ra, cha Kennedy còn bị bề trên của ông quở trách là đã tiết lộ vụ tai tiếng đó mà không báo trước với thượng cấp của ông cũng như với những giới chức liên hệ đến vấn đề. Sau hai lần tiếp xúc với cấp hữu trách ở bộ Y-tế, vị linh mục này vẫn không công-bố danh tính của phụ-nữ kia cũng như các nạn nhân "ham vui" của bà ta.

Phụ-nữ liệt kháng đầy hận thù đó có lẽ đang nằm tại một bệnh viện ở

Luân Đôn để chữa trị cơn bệnh đang bước vào giai đoạn cuối cùng. Qua xưng tội với linh-mục, cô tự thú là sau khi "được" gã bồ nhí tặng cho một lượng siêu vi khuẩn HIV, nàng phải từ bỏ nhiệm sở ở Luân Đôn để trở về sinh quán Dungarvan.

Phẫn nộ và bực tức, cô quyết tâm tìm cách truyền bệnh cho các người tình một đêm của cô bằng cách không đòi họ sử dụng bao cao su, hoặc nếu họ đòi thì cô ngăn lại. Theo Linh mục Kennedy, có 5 cậu trai khoảng 20 tuổi đã mắc bệnh, trong đó có 3 sinh viên, tất cả đều độc thân. Ngoài ra còn khoảng 20 người khác đang chờ kết quả thử nghiệm. Ông vẫn tiếp tục tìm kiếm lối mươi gã đàn ông khác đã từng giao du với phụ nữ hận đời kia trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 94 đến tháng 3 năm 95.

Từ lễ giảng hôm đó trở đi, bọn đàn ông con trai thích léng phéng trong vùng đâm ra lo ngại. Thế nhưng, theo các chuyên gia thì nguy cơ phụ nữ truyền bệnh liệt kháng cho nam nhi chỉ là 1 trên 20 so với đàn ông sang bệnh cho đàn bà. Bác sĩ James Walsh, nhân viên phối hợp thuộc trung tâm quốc gia chống bệnh liệt kháng ở Ái Nhĩ Lan, xác định rằng đàn ông sau một lần giao du tình dục với người phụ nữ có huyết thanh dương tính "có thể" bị nhiễm bệnh nhưng cũng "năm thì mười họa" thôi. Theo bác sĩ thì 5 trường hợp nói trên chỉ là những "ngoại lệ chẳng may".

Anh-quốc bỏ hệ thống cân đo hoàng gia

Kể từ đầu tháng 10.95 các đơn vị cân đong đo đếm hoàng gia Anh sẽ nhường bước cho những tiêu chuẩn thập phân hiện thông dụng trên khắp thế giới. Nhưng chỉ riêng biệt đối với hàng hóa gói sẵn. Thêm một nỗi phức tạp cho người tiêu thụ.

Theo ông Alan Street, trưởng Viện Mậu Dịch Anh thì: "Thực ra, từ năm 1897 cả hai hệ thống đều được chấp nhận ở Anh. Nhưng với một điều kiện là một công ty hay một nhà buôn phải chọn lựa và chỉ thương lượng trong một tiêu chuẩn mà thôi". Những công ty có giao dịch quốc tế vì bị bắt buộc phải thương lượng bằng kí lô hay lít với các đối tác ngoại quốc nên đã phá rào trước tiên. Trong những năm 80, các cây xăng không dùng *galon* nữa và các công ty xây cất thì chuyển sang dùng đơn vị mét.

Ngành giáo dục cũng ý thức được diễn biến của tình thế nên ngày nay giới trẻ Hồng Mao dưới 25 tuổi đều chỉ học có mỗi mét hệ. Luân Đôn đã quyết định áp dụng từng phần một chỉ thị của Âu châu hồi năm 1989, vốn là một loại tu chính của quy tắc điều hòa mà Anh quốc đã ban hành năm 1971, khi nước này chưa gia nhập Cộng Đồng Kinh Tế Châu Âu. Thế nhưng, vì lý do tiêu biểu của nền văn hóa, Luân Đôn đã xin đặc miễn cho 2 loại hàng là bia và sữa giao tận nhà, vẫn được bán theo đơn vị cũ.

Đối với các xí nghiệp đóng gói hàng hóa, các nhà xuất bản sách gia chánh hay các công ty sản xuất cân thì sự thay đổi này là cả một cuộc đổi đời! Nhưng không thể tránh né được vì ai không áp dụng quy chế mới sẽ phải nộp phạt lên đến 5.000 bảng Anh (khoảng 8.000 mỹ kim). Điều quan trọng là phải chuẩn bị tâm tư người tiêu thụ mà phần đông còn lúng túng trước những đơn vị cân đong đo đếm mới. Dễ gì thay đổi trong một sớm một chiều thói quen đã ăn sâu bén rễ trong nếp sống người dân. Cho nên từ hè vừa qua người ta đã bắt đầu phát động một chiến dịch niêm yết tại nhiều siêu thị và một vài nơi đã có sáng kiến cài máy tính trên các xe tay đẩy hàng để cho khách dễ chuyển đổi từ đơn vị này sang đơn vị kia. Một xáo trộn phiền phức, nhưng trên đời này những gì không tiện-dụng thì đần đần bị sa-thải, thế thôi.

Hiện nay chỉ còn Mỹ ôm cứng hệ-thống cân đo Hoàng-gia, dù quốc-gia này không còn là thuộc-địa của Anh hơn 200 năm nay.

Một người liêm khiết

Sáng hôm đó, người giữ chúng cư số 67, đường Notre Dame de Nazaret (Quận III-Ba Lê), kể như trúng số lớn. Khi đi ném rác, ông phát giác một hộp bìa cứng đựng 400.000 quan tiền mặt (khoảng 80.000 mỹ kim). Đức tính liêm khiết khiến ông đem trọn món của rơi kia trình cảnh sát.

Kết-quả điều-tra cho biết, cách đó vài hôm, trong chúng cư có một lão bà về hưu qua đời. Sau đám tang, người chồng không cưới hỏi của bà lão quét dọn căn buồng đem ném tất cả những gì thừa thãi trong buồng vào thùng rác, kể cả chiếc hộp bìa cứng nghìn vàng kia, dĩ nhiên là không biết rằng mình đã vất tiền qua cửa sổ.

Cảnh sát tư pháp cho rằng số tiền kia quả thuộc về người quá cố và người giữ chung cư sẽ được thân nhân lão bà tưởng thưởng. Theo luật lệ Pháp thì người phát hiện được số tiền như vậy có quyền hưởng phân nửa, thế nhưng bác giữ nhà liêm khiết hiếm thấy trong thời buổi tiền kém gạo cao này chẳng đòi hỏi gì hết và cũng chưa thấy ai là thân nhân của bà lão ra nhận tiền.

Một con chằn tinh thời Liên Sô cũ

Hắn ta là một tên ăn thịt người ghê gớm nhất từ xưa đến nay ! Dân Nga gọi hắn là "yêu quái" còn nhân viên điều tra gán cho hắn bí danh "thằng khùng hết cỡ".

Muốn gọi gì cũng được nhưng từ năm 1979 đến nay Kazakh Nikolai Djoumagaliev đã từng giết chết và ăn thịt phụ nữ, mà phải là phụ nữ tóc vàng mắt xanh, ít ra là 7 người và bị nghi là ăn cả thịt em gái mình. Thế nhưng, vì biết khai thác những kẽ hở của hệ thống y tế và luật pháp Liên Sô cũ nên lúc nào Nikolai cũng thoát được. Mười lăm năm qua, hắn đã bịa ra đủ thứ chuyện để đánh lừa cảnh sát công an. Bị tạm giam ở Bichkek (Kirghizie) từ 5 tháng nay nhưng hắn có thể được tha trong nay mai.

Đại tá Doubiaguine, chuyên viên điều tra thuộc bộ Nội Vụ Nga từng săn đuổi Nikolai trong vòng hai năm trời, cho biết :"Tất cả các thằng khùng của Nga đều là những tên có

tài. Nhưng Djoumagaliev vượt hẳn bọn kia. Nó cừ nhất, lõi nhất trong bọn. Mà cũng là tên sát nhân ghê gớm nhất tôi chưa từng gặp bao giờ. Nó có mọi phản ứng của một con thú. Nó có thể núp ngoài trời lạnh hằng mấy ngày trời để rình con mồi của nó. Nó có thể ở trong núi tháng này sang tháng nọ, sống bằng cây cối và rễ cây". Nhiều cô gái đã bị hắn ta đâm chết, có những cô vì say mê đôi mắt sắc và lưỡng quyền cao của hắn. Đối với Nikolai thì: "Tất cả phụ nữ đều là đĩ điếm". Có khi hắn uống máu nạn nhân vì theo hắn tâm sự với một nhà báo ở Kirghizie thì: "Tôi nghe nói máu làm cho tâm hồn trong sạch". Nhưng hắn thích nhất món nhũ hoa chiên và "mùi thịt heo rừng của món ăn này". Thậm chí có một đêm Nikolai mời hàng xóm dùng bữa với hắn và đem thịt Marina, nạn nhân mà hắn vừa ngả thịt, ra đãi.

Cứ mỗi lần bị tóm cổ là Nikolai lại được tha. Bị bắt năm 1981 và bị nhốt ở Mạc Tư Khoa nhưng rồi 8 năm sau hắn lại vượt ngục trong một chuyến chuyển trại. Đến năm 1991, đại tá Doubiaguine gặp lại hắn tại nhà tù ở Tachkent (Ouzbékistan) mang thông hành Trung Quốc giả. Nikolai bị bắt và bị kết tội sau khi được giảo nghiệm tâm lý. Nhưng nhờ mua chuộc các bác sĩ nên Nikolai được tái khám nghiệm và kết quả là "tinh thần Nikolai không lành mạnh" do đó được chuyển đến một bệnh viện tâm thần.

Đến năm 1994, Nikolai được tha sau khi mua được chứng chỉ lành bệnh! Sau thời gian biệt tích khoảng 1 năm, Nikolai lại bị tóm cổ vào tháng 4 năm 1995.

Đại tá Doubiaguine cho biết: "Chắc là cũng chẳng lâu gì đâu. Nó hăm ăn thịt cả tôi nữa đó".

Nikolai đã khai thác những kẽ hở vốn quá nhiều của hệ thống hành chánh Liên Sô cũ, để chạy từ nước cộng hòa này sang nước cộng hòa khác, tránh né pháp luật.

Theo giải thích của Andrei Tkatchenko thuộc Viện Nghiên Cứu Tội Phạm Tâm Thần thì sở dĩ một tên giết người hàng loạt như thế mà cứ ung dung tự tại ngoài vòng pháp luật là vì :"Liên Sô cũ không rành về những bệnh nhân này. Ở Nga không có nguyên tắc trách nhiệm hạn chế, một nguyên tắc cho phép người ta vừa giam tù vừa trị bệnh. Ở đây chỉ có nhà tù và viện tâm thần. Nếu ở viện tâm-thần, các bệnh nhân sẽ được tha khi nào tình trạng tâm thần được cải tiến". Dĩ nhiên, các anh điên giả sẽ lành bệnh cái một và chỉ vài năm sau lại được tha!

Thế nhưng, Nikolai Djoumagaliev đâu phải là trường hợp duy nhất. Mới đây có một người vừa bị bắt ở Saint Pétersbourg. Ông ta đang chuẩn bị nấu thịt người, hai tay và hai chân còn nằm ngổn ngang trong phòng. Kẻ ăn thịt người này, bị nghi là đã giết chết 3 mạng, xác nhận có ăn thịt người vì đói và vì thích ăn thịt.

Hồi tháng 7 vừa qua, có 2 kẻ ăn thịt người bị kết án, người 15 năm tù, người tử hình vì đã giết chết một người tù chung buồng giam ở Tây-bá-lợi-á để ăn thịt.

Năm ngoái, tên ăn thịt người Andrei Chikatilo, bị hành quyết vì đã giết chết hơn 50 người để xơi tái các bộ phận sinh dục !

Trong lịch sử Liên Sô còn có nhiều thí dụ khác nữa. Đã có nhiều vụ ăn thịt người trong thời kỳ đói ở Ukraine vào những năm 30 do Staline ngụy tạo nhằm áp đặt phong trào đưa ruộng đất vào hợp tác xã. Và trong 900 ngày quân Đức bao vây Stalingrade cũng thế.

Ông Andrei Tkatchenko còn tiết lộ: "Khi đào thoát khỏi các trại cải tạo Goulag, những người tù vượt ngục thường mang theo một tên đồng lõa trẻ tuổi và ngây thơ, mang bí danh là bò hay lợn vì đó là thực phẩm để cho họ không bị chết đói trong rừng Taiga."

Xã hội nào, con người nấy. Hoàn cảnh của xã hội cộng sản Liên Sô đã tạo ra tệ nạn người ăn thịt người trong khi các lý thuyết gia của họ cứ mồm năm miệng mười kết tội trong xã hội tư bản "người là chó sói đối với người"!

Tây và kinh tế Việt Nam

Cộng sản mà cứ ham làm giàu, Việt Nam nhất quyết làm kinh tế thị trường theo "khuynh hướng xã hội chủ nghĩa" cho đỡ ngượng vì chẳng lẽ lại theo tư bản chủ nghĩa. Do đó cho nên ông Pascale Trouillaud, một phóng viên Pháp Tấn Xã, viết trên báo *Le Figaro* cho rằng sự phát triển tham ô nhũng lạm là hậu quả tai hại do chính sách mở cửa kinh tế của Việt Nam. Đã thế, tệ quan liêu hành chính càng tạo thêm những đẳng cấp trung gian và do đó làm cho những nhà kinh doanh ngoại quốc càng thêm ngao ngán.

Một nhà đầu tư người phương Tây than phiền: "Chẳng làm gì được ở Việt Nam nếu không đút lót. Đâu đâu cũng có cơ quan nhà nước, thế là các ngài công chức lương kém kia lợi dụng chức quyền của mình để đòi hỏi".

Muốn có giấy phép hoạt động, một công ty Tây phương phải chấp nhận bỏ ra 25% tổng số tiền đầu tư vào mục "đút lót". Tham ô nhũng lạm phần lớn là ở cấp trung gian và dĩ nhiên là cấp này sẽ mất nồi cơm một cách dễ dàng nếu "không biết điều" với cấp trên "chủ quản" của mình. Người ngoại quốc càng đông thì giá biểu tham nhũng càng tăng. Nhất là trong vòng một năm nay.

Hơn nữa, ở Việt Nam việc gì cũng do "tập thể quyết định" nên chỉ cần một viên chức cấp nhỏ chống đối là cả một dự án đầu tư có thể gặp khó khăn. Dĩ nhiên sau khi hưởng "kết-quả" chống-đối, viên chức ấy biết cách chia-chác cho ...tập-thể.

Với đà gia tăng các doanh nhân ngoại quốc, nhà nước đã làm cho bộ máy hành chính thêm rườm rà bằng cách tạo ra những "cửa ải" bắt buộc, đôi khi trên nửa tá bộ và nha sở để sửa đổi hoặc duyệt xét 1 dự án! "Những bộ mà thực ra chẳng làm gì hết và cũng chẳng có khả năng để làm bất cứ một điều gì".

Các giới chức nhà nước coi tệ tham ô nhũng lạm là kẻ "nội thù". Họ nhìn nhận rằng kinh tế càng tự do thì

thứ "nội thù" này càng gia tăng mà không biết rằng tham ô nhũng lạm là cái quái thai của một cuộc tình duyên quái gở giữa kinh tế thị trường và chủ nghĩa cộng sản. Tham ô nhũng lạm ở Việt Nam hiện nay, qua nạn biển thủ và ăn cắp tài sản xã hội, đã làm thiệt cho quốc gia 170 triệu mỹ kim trong năm 1994, hơn năm 1993 gấp ba lần!

Hạt lọc nước

Qua công trình nghiên cứu của một chuyên viên người Anh thì ở Ấn Độ có một thứ trái mà hạt của nó có đặc tính lọc nước bẩn không kém gì những hóa chất đắt tiền nhất. Nếu được khai thác đại quy mô thì phát minh này sẽ cứu sống được hàng triệu sinh vật trong thế giới thứ ba. Nghiền nát ra rồi trộn lẫn vào nước bùn dơ bẩn của sông rạch, các hạt của cây chùm ngây (moringa oleifeira) - một loại cây nguyên gốc ở miền Bắc Ấn Độ - sẽ thu hút vi khuẩn và siêu vi khuẩn như nam châm hút vụn kim khí rồi bao vây chúng lại. Sau một tiếng đồng hồ, người ta có thể lấy nước đó làm nước uống.

Nhóm nghiên cứu thuộc Đại học Leicester (miền trung Anh), dưới quyền điều khiển của giáo sư Geoff Folkard, người đã từng sưu tầm trong 7 năm qua về cây chùm ngây, vừa phát hiện ra hiệu năng của loại hạt này. Công trình này được bộ Hợp Tác của Anh quốc và Hội Đồng Châu Âu tài trợ. Sử dụng loại hạt này, các quốc gia đang phát triển sẽ tiết kiệm được khá nhiều kinh phí thường được dành để mua hóa chất dùng vào việc lọc nước. Lấy trường hợp của Malawi, giáo sư Folkard cho biết trung bình hàng năm quốc gia này phải chi ra khoảng 640.000 mỹ kim để nhập của Nam Phi số hóa chất cần thiết dùng vào việc lọc nước.

Cây chùm ngây, khi đã đúng lứa cao độ 4 thước, là loại cây dễ trồng vì nó có thể sinh trưởng trên đất không cần phải màu mỡ, không đòi hỏi phải săn sóc nhiều và trong vòng một năm là ra trái. Ngoài hạt của nó ra, lá và hoa của chùm ngây rất giàu chất protéine, sinh tố A và C, chất vôi và sắt. Theo giáo sư Folkard, cây này còn cho dầu thực vật dùng để nấu ăn, để bào chế mỹ phẩm hoặc để thắp đèn nữa. Giáo sư tỏ ý tiếc là tiềm năng của loại cây này không được khai thác đúng mức. Vì không hiểu biết nên nông dân miền Nam Nigéria, nơi mà cây chùm ngây được gọi là Idagba manoye, coi thường. Tuy nhiên, giáo sư cũng hy vọng là rồi đây "lương tri sẽ thắng", tin tưởng rằng kinh nghiệm tốt đẹp của Malawi sẽ được áp dụng tại nhiều nơi khác thuộc thế giới thứ ba.

Thuốc chủng ngừa bá bệnh

Mới đây, giới chức hữu trách của Chương Trình Liên Hợp Quốc về Phát Triển vừa xác nhận tại Stockholm (Thụy Điển) là trong vòng những thập niên sắp đến người ta có thể tiêm chủng cho trẻ em một mũi thuốc duy nhất có khả năng ngừa bá bệnh cho trẻ suốt đời. Còn gì bằng!

Ông Frank Hartvelt, người đứng đầu khoa y tế trong Chương Trình cho biết: "Khi ý kiến này xuất hiện, nhiều người cho là điên rồ và không tưởng. Thế nhưng thuốc chủng đó có thể trở thành hiện thực trong những thập niên tới đây."

Ý kiến này ra đời năm 1990, sau hội nghị cấp cao của Liên Hợp Quốc về trẻ em, một hội nghị sản sinh ra "Sáng kiến về thuốc chủng cho trẻ em" (Children's Vaccine Initiative), được nhiều cơ quan của LHQ, Tổ Chức Y Tế Thế Giới (OMS) và Ngân Hàng Thế Giới ủng hộ. Giáo sư Thụy Điển, ông Jan Holmgren, xác nhận rằng: "Một phần của giấc mơ đó có thể thực hiện được ngay trong thập niên sắp đến." Theo chuyên viên về vi trùng học và miễn dịch học của Đại học Goeteborg thì từ nay đến lúc đó chỉ cần 3 loại thuốc chủng là có thể bảo vệ con người chống lại những bệnh chính yếu. Thứ nhất là tiêm chủng ngừa tiêu chảy, thứ hai ngừa ô nhiễm đường hô hấp và thứ ba ngừa các bệnh bại liệt trẻ em, bạch hầu, uốn ván và viêm gan. "Tuy nhiên, điều còn lại là phải xem có cách nào nhập chung ba thứ ấy lại làm một không? Đó là mục đích tối hậu của chúng tôi." Nhưng chắc là cũng phải chờ trong vòng 20 năm nữa.

Vui buồn trời Âu

● Một em bé lên 1 tuổi nằm bên dưới một đoàn tàu, gồm một đầu máy và 4 toa, thoát hiểm an toàn sau khi đoàn tàu đã chạy qua. Câu chuyện xảy ra ở ga Montana (Tây Bắc Sofia, Bảo Gia Lợi). Em bé có vẻ sợ hãi nhưng trên người không một vết trầy!

● Rất mực cưng con, nữ diễn viên điện ảnh Sophia Loren của Ý Đại Lợi gọi một đầu bếp Tàu đến tư thất của bà ở Genève (Thụy Sĩ) để làm cơm đặc biệt cho 2 cậu ấm Carlo Junior (25 tuổi) và Eduardo (23 tuổi). Chi phí cho buổi cơm tối hôm đó "chỉ tốn có" 60.000 quan Pháp !

● Say mê nữ tài tử chuyên đóng phim tình dục Ý Đại Lợi, Cicciolina, nhà lãnh tụ quốc gia cực đoan của Nga, Vladimir Zhirinovski, đề nghị cô ta hãy hợp tác cùng ông để "sáng chế" một đứa con ngay khi gặp cô ở hộp đêm. Hai người đã hành động riêng tư trong 1 tiếng đồng hồ mà kết quả thì phải chờ đến 9 tháng sau mới biết. Trong khi chờ đợi, không biết Vladimir sẽ giải thích như thế nào với bà xã khi trở về Mạc-tư-hoa.

● Tượng Lenine bằng đồng nặng khoảng 2 tấn vừa bị mất cắp ở thị xã Troubtchevsk, cách Mạc Tư Khoa 450 cây số. Tượng được dự trù mang đặt tại một công trường trong thi-xã.

phù-tang tạp-lục

Vi An

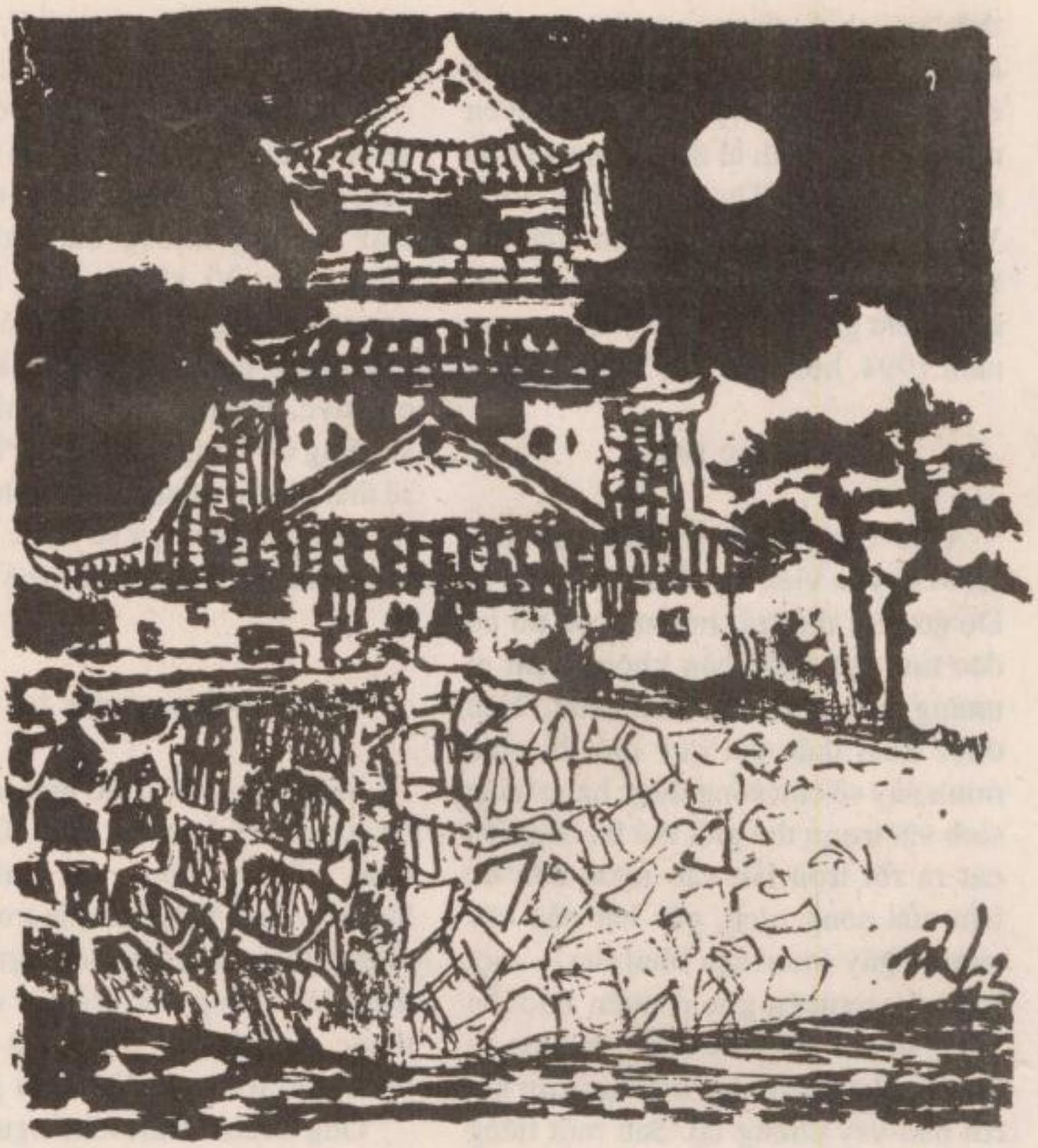

Đông Kinh, đêm ác mộng nhớ đời

Kể từ đầu năm 1945, khi chiến tranh Thái Bình Dương chuyển sang giai đoạn khốc liệt với những cuộc phản công dữ dội của quân đội Mỹ và đồng minh, gây thiệt hại nặng cho Phát-xít Nhật ở khắp các mặt trận thì dân thủ đô Đông Kinh đêm đêm ngủ không an giấc. Hơn lúc nào hết, hiểm họa đã tới sát kề họ, bom đạn đang đe dọa rơi trên đầu họ.

Suốt mùa đông 1944 tới đầu mùa xuân 1945, phi cơ Mỹ liên tục oanh kích thành phố Tokyo, thường thì đông lắm cũng chỉ vài mươi chiếc B-29 bay đến ném bom xuống mấy khu quân sự. Tin tức từ phía chính quyền thông báo cho dân thủ đô vào ngày 9.3.1945: "Giặc lái" Mỹ cũng sẽ thực hiện không tập ở mức độ nhỏ. Khốn nạn thay, không phải "dăm, mươi chiếc" mà là hơn 300 chếc pháo đài bay B-29 đang nối đuôi nhau theo đường bay tiến về Đông Kinh. Đêm ác mộng nhớ đời cho dân chúng thủ đô Nhật sắp bắt đầu.

Xuất phát: Tháng 6.1944, Mỹ đem 4 sư đoàn đổ bộ lên đảo Saipan. Nhờ sự yểm trợ hữu hiệu của Hải quân, Không quân nên Mỹ chiếm được đảo sau trận giao chiến đẫm máu, gây tử vong cho khoảng 4 vạn người vừa lính vừa dân Nhật. Toàn quần đảo Marianas bao gồm Guam, Saipan, Tinian cùng nhiều đảo nhỏ khác lọt vào tay quân Mỹ. Chính ba căn cứ cách Tokyo cỡ 2300 cây số này là nơi tập trung, cung cấp nhiên liệu đạn được cho đoàn B-29 trong chiến dịch oanh tạc các thành phố kỹ nghệ Nhật. (Hai chiếc B-29 thả bom nguyên tử xuống Quảng Đảo và Trường Kỳ đều cất cánh từ Tinian. Vụ Saipan thất thủ gây rung động chính giới Nhật. Nhận trách nhiệm để thua, Thủ tướng Phát-xít Đông Điều từ chức).

Buổi sáng tháng 3 đầu mùa xuân 45 đó, trời ấm áp và trong sáng. Các đội phi hành Mỹ đóng ở 3 đảo trên được gọi tập họp nghe lệnh hành quân. Mãi cho đến lúc ấy, các toán B-29 chỉ oanh kích lẻ tẻ một vài khu vực quân sự tại Tokyo và họ thường bay ở độ cao 10 ngàn mét để tránh đạn phòng không. Chuyến này, ngoài các khu phi pháo thường lệ, trên bản đồ hành quân, dấu chữ X được ghi đậm nét vào hai nơi: Khu Phố Dưới Shita Machi (khu Asakusa) và khu phố Fukugawa. Bộ Tư lệnh Không quân Mỹ giải thích đấy là hai khu phố có nhiều cơ xưởng chế bom đạn, vũ khí của Nhật. Phần lớn những toán phi hành Mỹ đều biết rằng hai vùng này cực kỳ đông dân nhưng họ được "động viên tinh thần" đặng an tâm công tác trút bom nhờ tin tình báo cho biết các xưởng chế vũ khí của quân đội Nhật đã phân tán mỏng, sản xuất ngay trong nhà các cư dân. Lệnh cấp trên buộc mọi phi công phải bay thấp, từ cao độ 1500m - 2500m để cuộc không tập được chính xác, hữu hiệu. Các phi công Mỹ đều ngơ ngẩn vì B-29 thân xác to lớn, cồng kềnh mà bay thấp như vậy rất dễ làm mồi cho đạn phòng không, nhưng lệnh là lệnh.

5 giờ 30 phút chiều 9.3.45, trên 300 chiếc pháo đài bay B-29 lần lượt xuất phát, cất cánh rời phi đạo Guam, Tinian, Saipan với nhịp độ 1 phút 1 chiếc. Mỗi pháo đài bay B-29 có 4

động cơ, đôi cánh dài 43m, mang được từ 7 đến 8 tấn bom, phải bay mất 7 tiếng đồng hồ mới đến được không phận Đông Kinh. Về sau, nhiều người mục kích kể lại rằng khi những chiếc B-29 đầu tiên xuất hiện trên bầu trời khá trong sáng đêm đó, trông chúng chỉ to bằng những cây... bút máy.

Biển lửa: Những "cây bút máy" B-29 xám xì từ từ sà xuống thấp, tiếng gầm rú của động cơ máy bay khi lướt qua vịnh Tokyo khiến mặt biển như xôn xao dậy sóng. Dưới lằn đạn phòng không đan chéo giữa trời đêm, toán phi công Mỹ căng mắt nhìn nhận mục tiêu. Kìa là bến tàu Fukagawa, cạnh bên những cơ xưởng; đó là nhịp cầu sắt uốn vòng cong bắc ngang dòng sông Suminda. Dọc bờ sông lổm nhổm các mái nhà lụp xụp thuộc vùng phố dưới, những lò sản xuất cơ phận máy bay, lò đúc súng đạn ẩn nấp đâu đó trong mấy đám "nhà lá" này. Đợt bom napal thả đợt đầu tỏ ra vô cùng hiệu quả. Nhiều đám cháy rực lửa khắp nơi. Mỗi chiếc B-29 quần trên bầu trời Đông Kinh khoảng 15 phút để trút thêm mớ bom cháy to nhỏ đủ loại trước khi bay đi nhường chỗ cho phi đội B-29 kế tiếp làm phận sự.

7 phút sau khi trái bom đầu tiên được thả, bộ chỉ huy quân sự miền đông Nhật Bản mới ra lệnh kéo còi báo động không tập. Giữa tiếng bom đạn, tiếng phi cơ lượn gầm, tiếng gào thét khóc kêu; từng hồi còi rú lên xé óc xé tim người dân chiến nạn. Tin tưởng và tuân hành lệnh ẩn náu tại chỗ do chính quyền ban ra, rất nhiều thường dân ở hai khu phố bị oanh tạc, cố thủ trong nhà không chịu chạy. Đường phố nơi các xóm nhà lá thuộc Asakusa và Fukagawa nhỏ hẹp, chằng chịt (như xóm Bàn Cờ ở Sài gòn) nên lúc các đám cháy được gió mạnh trợ sức, lan liếm đần, biến hai khu phố thành hai biển lửa khổng lồ thì họ tuyệt đường đào thoát, đành chịu chết thiêu với căn nhà gỗ ọp ẹp, vách ván bện rơm của họ.

Tính từ lúc ngọn lửa đầu bùng lên ở vùng Fukugawa cho đến lúc toàn vùng Phố Dưới tràn lan khói lửa, đồng hồ mới chỉ 12 giờ rưỡi khuya. Thế nhưng đoàn B-29 vẫn tiếp tục trút nốt những quả bom tàn phá. Còi hụ báo động ngưng vào 2 giờ rưỡi sáng, đám cháy cuối cùng được dập tắt vào 8 giờ sáng hôm sau, 10.3.45. Tổng cộng khoảng 100 ngàn người chết, 110 ngàn người bị thương và hơn 1 triệu người dân thủ đô Đông Kinh thành kẻ không nhà sau đêm ác mộng ấy. Nhà văn hữu danh Nhật Sakaguchi (1906-1955) trong truyện ngắn *Ả khờ Hakuchi* ghi lại: "Thân người chết cháy đầy đường đầy lối, trông như xác... chó thui". Đó là chưa kể một số lượng người khá lớn mất tích vì bị bỏng, phát điên đã nhảy xuống sông Sumida tự trầm, xác họ trôi ra biển lớn không còn tìm thấy được.

Khi trời sáng rõ, lính Nhật cùng các đội chữa lửa khởi cuộc thu nhặt xác chết, chứng nhân Suda Takuo, năm ấy 19 tuổi, thuộc đội cứu hoả, thuật lại trong cuốn *Hồi ức về cuộc đại không tập (Dai Ku Shu) Tokyo*: Một trong những cảnh vừa thê lương vừa chấn động tâm can ông là lúc toán nhặt xác của ông phát giác ra thi hài một người trong tư thế co quắp, nằm úp mặt xuống đất. Nhờ những mảnh áo quần cháy còn sót lại, ông nhận ra đấy là xác một người đàn bà với hai bàn tay bám đầy đất cát, không còn sót chiếc móng nào. Trong cơn hỏa nạn, chị ta đã dùng hai tay cào cấu đất để cố đào một cái hố nhỏ, đặt đứa hài nhi - con chị ta- vào đó rồi nằm phủ lên, mong lấy thân mình che lửa, che sức nóng cho con. Lật xác người đàn bà lên, ông thấy đứa bé cũng co quắp tứ chi chết từ hồi nào vì không chịu nổi cơn tung hoành của thần nhiệt.

Những kẻ thua: Với mức độ tổn thất 4% trên tổng số hơn 300 chiếc B-29 về phía Mỹ, cuộc đại không tập Đông Kinh là một thành công lớn, đã tạo thiệt hại thật đáng kể cho Nhật cả về quân sự lẫn dân sự. Các cơ xưởng chế tạo quân dụng, đạn dược ở Tokyo bị tê liệt, không cách gì phục hồi được. Tinh thần quân dân Nhật dao động mạnh, mất ý chí chiến đấu, tạo thế thuận lợi cho nhóm chủ hoà trong chính quyền Nhật. Tuy vậy, vết hằn của nó hình như vẫn còn rướm máu, còn gây đau xót cho dân Đông Kinh mỗi khi nhắc tới.

Hàng năm, cư dân thuộc hai khu phố Asakasa và Fukagawa (hiện đổi thành khu phố Koto) vẫn tiến hành lễ tưởng niệm những người đã thiệt mạng trong đêm 9.3 năm xưa. Tháng 3 năm nay, nhân dịp 50 năm chấm dứt Thế chiến II, ông Harry F. Mitchell, 76 tuổi, cựu trung sĩ Không quân đã từng tham dự trận oanh kích Tokyo đêm ấy, nhận lời mời cá nhân của nhà nghiên cứu lịch sử Nakamura sang Đông Kinh để tham dự các buổi lễ tưởng niệm này. Ông Mitchell cười buồn khi được biết không một hội đoàn hay gia đình có thân nhân tử nạn vì cuộc đại không tập chấp nhận cho ông tham dự: "Tôi không hề ngạc nhiên, nhiều gia đình người Mỹ có con em chết dưới tay quân đội Hoàng gia Nhật cũng vẫn mang nỗi niềm cay hận hướng về người Nhật. Điều tôi thắc mắc là bao lâu nữa các mối trường hận ấy mới giải quyết xong? Đã 50 năm qua rồi mà cả hai phía vẫn chưa quên được!"

Nửa thế kỷ trước, ông Mitchell 26 tuổi, giữ nhiệm vụ xạ thủ phi hành. Gần nửa đêm 9.3.45, chiếc B-29 chở Mitchell từ đảo Guam đến Đông Kinh thì ông nhận ra một phần ba thành phố đang bùng cháy vì bom Napalm do các phi đội đến trước oanh kích. 15 phút căng thẳng thần kinh dưới lằn đạn phòng không rồi cũng qua đi, phi cơ chở Mitchell hoàn thành nhiệm vụ, trút nốt những quả bom cuối, bay về lại căn cứ. Bay được 200 cây số cách Đông Kinh, Mitchell ngoảnh lại, một góc trời phía đông sáng hực giữa màn đêm, đó chính là thủ đô Đông Kinh đang bốc lửa. Đến Nhật lần này, ông Mitchell đã không quên ghé thăm bác sĩ Sugaya sống ở tỉnh Shizuaka, miền trung Nhật. Bao năm qua, bác sĩ Sugaya vẫn làm "đám giỗ" cho hai viên phi công Mỹ lái B-29 bị bắn rơi trong khi oanh tạc căn cứ quân sự

Nhật. Họ cùng đơn vị với ông Mitchell. Trước lễ giỗ, ông Mitchell ngậm ngùi tâm sự: "Chẳng có ai là kẻ thắng trong một cuộc chiến cả. Nếu có thêm nhiều người Mỹ biết rằng đôi người Nhật tử tế vẫn hằng làm đám giỗ cho những phi công Mỹ tử trận mà họ xem là nạn nhân của cuộc chiến, thì rồi may ra vết thương lòng giữa người dân hai nước Mỹ - Nhật sẽ được hàn gắn lại".

Thế nhưng trong suốt Thế chiến II, thành phố Trùng Khánh, tây nam Trung Hoa, dưới quyền chính phủ Quốc Dân đảng, đã từng là mục tiêu cho hơn 200 lần oanh kích của Không quân Nhật, làm tử vong hơn 30 ngàn người. Bạn thấy đó, phóng pháo cơ của Nhật cũng gây tàn hủy, chết chóc có kém gì B-29 của Mỹ ném bom Đông Kinh đâu!

Câu nói: trong chiến tranh không có ai thắng ai của cựu trung sĩ Mitchell trên đây đúng hay sai là tùy theo quan niệm của từng người. Nhưng kẻ thua, thua đậm trong chiến tranh chính là những người dân lành vô tội, trong đó người già, phụ nữ và trẻ em chiếm phần không nhỏ.

Nụ hôn Đông Kinh

Đông Kinh đang bước vào những ngày cuối thu, với những hàng phong ven đại lộ, dọc công viên lá rụng nhiều và bầu trời đầy các đám mây bàng bạc. Gió buổi chiều thường lộng về rất lạnh. Nhiệt độ nhiều đêm xuống khá thấp khiến buổi sáng ra, trên mặt đường nhựa, trên lớp cỏ ngắn trồng làm đẹp ven lề phố phủ một lớp băng sương mỏng. Bầy ve lãng mạn của Phù Tang xứ đảo dĩ nhiên đã lăn đùng ra, bặt tiếng ca sầu từ hồi đầu mùa lá rụng, nhưng lũ ốc sên vẫn còn cố "bám trụ", lưu luyến với mùa thu cho tới giờ phút chót:

Yuku aki ya
Dedemushi kara no
Naka ni shisu
Thu ra đi
Con sên nhỏ
Chết buồn trong vỏ

Đây là bài thơ hài cú rất nổi tiếng của Mori Ogai (Sâm-Âu Ngoại 1862-1922), đốc-tờ kiêm nhà văn tiền phong Nhật Bản mà bút danh đã lừng khắp mọi miền. Đời Mori Ogai gắn liền với cuộc cách mạng Minh Trị. Ông từng là tướng lãnh đạo Quân y trong chính phủ nhưng vào tuổi thanh niên, lúc được gửi qua Đức du học 4 năm, ông đã có một mối tình không toại nguyện: Mori Ogai yêu một cô gái mắt xanh tóc vàng sợi nhỏ. Ông dẫn nàng về nước nhưng bị cha mẹ, họ hàng... xù. Rớt thanh lọc, nàng hồi cố quận để lại vết thương lòng không bao giờ lành cho chàng y sĩ kiêm văn thi sĩ chuyên khoa giải phẫu. Thơ chàng nhuốm vị buồn từ đó.

Có lẽ Mori Ogai đưa người yêu về Nhật tính xin phép kết hôn vào thời điểm "thu đi cho đám cưới về" này. Theo thống kê, mùa cưới tháng 11 ở Nhật như hiện nay, hằng năm có khoảng 700 ngàn cặp làm lễ cưới bên cạnh 170 ngàn cặp... ly dị. Lý do vì sao có nhiều đám cưới về mùa chớm lạnh chắc một phần là người ta cảm thấy cần có một cái mền... da đặng đắp những đêm chớm đông phòng văn hơi giá như đồng. Còn việc ly dị chiếm tới một phần tư tỉ số là do ảnh hưởng lối sống mới bắt chước Tây phương. Với thống kê trên, câu thơ MC Nguyễn Ngọc Ngạn đọc tặng quí chàng thất tình trong một *show* của video Paris by Night xem ra áp dụng được lắm:

Cưới em anh gửi tiền mừng,
Mai kia ly dị xin đừng quên anh.

Gớm, nhập đề lung khởi mãi; đâu, nụ hôn Đông Kinh đâu? Đừng sốt ruột bạn ạ, phải có mùa thu trữ tình, phải có cưới hỏi này nọ để chứng minh rằng thiên hạ đương yêu nhau chớ! Mà hễ đã yêu là sẽ có màn liếc mắt đưa ghèn rồi tiến tới cầm tay nắm chân, rồi cò cưa tán qua tán lại đã đời xong mới... hun nhau được. Xứ Á Đông chứ có phải xứ Mỹ, Tây đâu bạn!

Không như những phim Âu Mỹ thời đại, hễ "ảnh và chỉ" hun nhau, thế nào người ta cũng bố trí sẵn bên cạnh đấy một cái... giường, trong phim tình cảm của Tàu hay Nhật, nụ hôn thường bị cái... đầu của chàng hoặc nàng che mất tiêu, khiến khán giả phải vận dụng óc tưởng tượng. Dẫu không bị cấm đoán như bên Ấn Độ, nhưng ngoại trừ loại phim khiêu dâm, màn... bú mồm bú lưỡi dai dẳng nhằm kích dục đã được các đạo diễn Nhật dàn dựng phơn phớt sơ qua cho có tí mùi vị tình yêu mà thôi.

Phim ảnh thể hiện bộ mặt của xã hội. Nhật Bản là một xã hội Đông phương với hàng nghìn năm nề nếp Khổng Mạnh, không thể một sớm một chiều biến thành xã hội Tây phương được. Thật thế, trừ vài khu phố ăn chơi, tập trung đám thanh niên thiếu nữ đợt sóng mới ở Tokyo và đôi thành phố lớn khác, cảnh trai gái âu yếm cặp kè ôm eo ếch hay tay trong tay dung dăng dung dẻ e khó thấy, nói chi tới chuyện họ hun nhau giữa thanh thiên bạch nhật. Xã hội Nhật dạy người phụ nữ của họ phải dè dặt và kín đáo tế nhị đến nỗi nếu tình cờ bạn bước trên phố, đi đằng sau một người đàn bà nào, bạn sẽ nhận ra chị ta đột nhiên đi chậm lại, nép vào một bên để nhường bạn (một kẻ đực rựa) tiến lên đi trước. Lối giáo dục ấy đúng hay sai, khó ai kết luận được; tuy nhiên nó làm giảm thiểu rất nhiều những trò lợi dụng, đú đởn chướng tai gai mắt. Người Âu Mỹ khi nhìn vào sinh hoạt tình cảm của các xứ Á Đông vẫn cho rằng "thiếu tự nhiên, gò bó". Phải, dù cùng mang những món thất tình lục dục của con người y như nhau, Tây phương đã quen với kiểu phô bày ra, còn Đông phương thì... che lại. Chỉ khi nào toàn nhân loại "nhất trí" chung sống trong "thế giới không màn che" vào một năm hai nghìn... tương lai nào đó, Đông Tây mới thiệt sự gặp nhau để huề bạn hiền ơi!

Chẳng phải bây giờ một số trai gái Nhật mới biết hôn nhau ở các nơi công cộng mà tự như bên Việt Nam, do ảnh hưởng phim ảnh Âu Mỹ, phong trào hôn hít đã khởi đầu từ thập niên 70 lận. Tính cho đến nay, lớp trẻ đàn em cũng chưa có chi gọi là văn minh tấn bộ (hay mặt dạn mày dày) hơn đàn anh đàn chị 20 niên trước.

Vẫn là những nụ hôn nửa thầm lén nửa công khai nơi góc phố, trên ghế đá công viên, trước hoặc trong rạp hát, trên những chuyến tàu điện về khuya vắng người.

Mới rồi, một đài truyền hình Nhật thăm dò dư luận qua một *show* biểu diễn hun hít giữa nơi công cộng. Họ cho nhiều cặp nam nữ trẻ ôm nhau hun qua hun lại, hun tới hun lui trước cặp mắt công chúng; toàn những màn gài sẵn trước cửa ga Shibuya, trước cửa Sấm Lôi Môn ở Asakusa, giữa phố sách Ochanomizu, giữa phố điện tử Akihabara đông đảo ông đi qua bà đi lại... Qua ống kính ti-vi, nhiều cụ bà, quí cô ôm miệng cười khúc khích; lắm anh thanh niên há hốc mồm, mắt tròn xoe bái phục và cũng có vài ông sồn sồn xăn tay áo, nhảy vào... can thiệp như cảnh quay được trước chùa Quan Âm thuộc khu Phố Dưới: "Ê, hai đứa khỉ kia, buông nhau ra ngay! Hun hít trước đền thánh không sợ... thánh vật à?" Thế rồi nổ bùng ra một cuộc tranh luận trên báo chí về đề tài hấp dẫn ấy, ý khen cũng lắm mà ý chê cũng nhiều. Dưới đây là vài ý kiến độc giả đăng trên diễn đàn ngôn luận của tờ báo đông độc giả nhất nhì Nhật bản, tờ *Yomi Uri:*

"Không hiểu tại sao người ta khó chịu khi thấy trai gái hôn nhau trên xe điện. Họ làm gì ồn ào phiền đến ai đâu?" Nữ sinh 14 tuổi, dân Yokohama.

"Tui thường hun con bồ tui ở góc phố. Tui nghĩ hun hít với cầm tay đâu có gì khác nhau. Hễ hun nhau ngoài đường được là chứng tỏ xã hội đang sống... an bình" Nam sinh viên tỉnh Ibaraki, 21 tuổi.

"Đã từng sống ít năm bên Mỹ nên tôi chấp nhận dễ dàng chuyện hun hít ngoài đường phố". Nội trợ, Ibaraki, 40 tuổi.

"Thời thế có thể đổi thay nhưng đạo đức, kỷ cương xã hội sẽ phải tồn tại. Tôi mà bắt gặp con gái tôi hun hít bừa bãi nơi công cộng kiểu nớ, tôi... từ nó ngay!" Đờn ông 54 tuổi, tỉnh Tochigi.

"Cần phải lên tiếng phê phán những hành vi ấy để làm sạch xã hội. Nếu sự xấu hổ không còn nữa, nhân loại sẽ sống đồi trụy." Nội trợ 43 tuổi, Yokohama.

"Ba cặp hun nhau trên xe điện mà em thấy những lúc đi học về coi bộ sàm sỡ khó chấp nhận được. Họ không vi phạm luật lệ nào nhưng họ xúc phạm đến quyền tự do của kẻ khác đang cần sự an tịnh." Nữ sinh 17 tuổi, Kawasaki.

Mục diễn đờn ngôn luận nọ cuối cùng đã chấm dứt với lời bàn Mao Tôn Cương: "Không nên phết một tảng màu lên bức tranh thủy mặc (tranh Sumi-e, thuần nét đen trắng) của xã hội Đông phương".

Vâng, thưa bạn, vào năm nay, năm một ngàn chín trăm chín mươi lăm, ga Đông Kinh, đại diện cho khuôn mặt thủ đô Nhật, vẫn chưa biến thành ga Lyon đèn vàng bên Paris, nơi quí anh chị trẻ tuổi ôm nhau hun chùn chụt, hun ướt át mê tơi.

Những cuốn sách "best seller" ở Nhật

Xin đố bạn: Vài tháng sau khi Thế chiến II chấm dứt, loại sách nào bán chạy nhất giữa lòng một xã hội Nhật Bản tan hoang, đổ nát? Hồi ký chiến tranh với những bí mật được bật mí? Thưa, không phải. Tình cảm xã hội éo le gay cấn, trinh thám, điệp viên toát mồ hôi hột? Cũng không. Hay là... thơ? Thơ tình và thơ tống tình, thơ mềm mại để xoa dịu niềm đau hậu chiến? Xì, trật lất! Thời... đói ăn, ai thèm đọc thơ, mua thơ! Vậy là sách thực tế, "1001 cách kiếm xu" chẳng hạn?

Đúng đấy bạn hiền ơi. Bạn đoán đúng lắm! Đó là loại sách thực tế, sách dạy cách kiếm sống, nhưng không nói ra trắng trợn mà gián tiếp khuyên dân Nhật rằng: Nếu thức thời, cần phải học... tiếng Mỹ cho lẹ.

Số là ngày 15.8.45, trong lúc đứng đợi xe lửa ở ga Chiba để lên Tokyo, ông chủ nhà xuất bản Shinko Sha nghe được thông báo đầu hàng. Trên đường đi, ông nảy ra sáng kiến: Nay mai quân đội Mỹ sẽ đến nước Nhật để tiếp quản, vậy người dân cần phải có ít tiếng xứ Cờ Hoa bỏ túi làm vốn. Thế là ông ta miệt mài làm việc. Chỉ một tháng sau, cuốn *Nhật-Mỹ đàm thoại cẩm nang* đã được bày bán khắp mọi tiệm sách với giá vừa phải 80 sen (sen: xu, trị giá cỡ 3 đô Mỹ hiện giờ). Cuốn "cẩm nang" được độc giả đón nhận ấm áp ngoài sức dự tưởng của nhà xuất bản. Cả triệu cuốn in ra không đủ đáp ứng nhu cầu quần chúng. Cuốn sách dạy đàm thoại Nhật-Mỹ dày chỉ 32 trang ấy đã trở thành cuốn sách *best seller* đầu tiên tại xứ Phù Tang thời hậu chiến.

Năm 1946 kế đó, bác sĩ Nagai Takashi dạy tại học viện Y khoa Nagasaki, biết mình bị nhiễm chất phóng xạ và sẽ chết do miệt mài tiếp cận với chất này trong phòng thí nghiệm, đã viết hồi ký để lại. Cuốn này mau chóng trở nên sách bán chạy nhất trong năm. Để giúp bạn đọc có thể hiểu được lý do tại sao cuốn hồi ký của bác sĩ Nagai có sức lôi cuốn độc giả, chúng tôi xin trích đăng dưới đây một đoạn ngắn trong sách đã được một chủng sinh Việt Nam dòng Phan-xi-cô đang theo bậc cao học tại Đại học Công giáo Sophia ở Đông Kinh chuyển ngữ:

CỖ TRÀNG HẠT

Tôi cưới nàng lúc còn là sinh viên y khoa năm thứ ba, trong thời kỳ biến cố Mãn Châu (1931-1933) bùng nổ. Tiền lương trợ tá của tôi lúc đó là 40 yen. Vật giá tuy không đến nỗi nào nhưng so với số lương quá ít ỏi, lắm lúc nàng phải nhịn nhặt từng chút để gia đình có được tí dư giả. Tình trạng này kéo dài 7 năm trời. Tôi chưa từng mua tặng nàng một manh áo, dẫn đi coi hát hay đi ăn tiệm; họa chăng năm được một lần đi tắm biển là cùng. Thế nhưng nàng chưa bao giờ than thở, phàn nàn với tôi một tiếng.

Tất cả quần áo của tôi đều do tự tay nàng khâu vá; từ chiếc áo sơ-mi đến áo khoác, ngay cả những đôi vớ cũng do đôi tay nàng cần mẫn đan. Các cô sinh viên chung phòng nghiên cứu thường đùa: "Thầy sung sướng quá, được vợ ôm ấp cả ngày". Son

phấn, nước hoa nàng cũng không màng, khác với những bà mệnh phụ ăn không ngồi rồi, tối ngày tụm năm tụm bảy ngồi gảy móng tay trên phố. Nàng hôm sớm tảo tần, trời nắng gánh phân ra đồng, trời mưa ở nhà may vá. Việc nhà đã vậy, việc chung nàng cũng không thua, nàng chu toàn trách nhiệm phân khu trưởng Hội Phụ Nữ của làng xã giao phó. Nhưng điều làm nàng khổ tâm nhất có lẽ vẫn là tôi, người chồng báo hại.

Từ sáng đến tối tôi mải miết trong phòng thí nghiệm. Mỗi lần bắt đầu một đề tài mới là mỗi lần tôi thay đổi tính tình; ngoài đề tài, tôi không còn biết trời trăng mây nước là đâu cả. Ngày ngày nghiên cứu công trình người xưa để lại, tôi tóm lược thành từng tấm thẻ rồi từ đó thảo luận phương pháp mới, đặt kế hoạch thực nghiệm, nghiên cứu, thực hành, đúc kết, viết luận án trình bày, sửa sai... Ngoài chuyện ấy ra, đầu óc tôi trống rỗng như trái dừa khô, hỏi gì thưa đó, dọn gì ăn nấy. Sau này hỏi ra mới biết, có hai lần tình cờ vợ chồng gặp nhau trên đường về mà tôi không nhận ra nàng. Theo nàng kể, lúc đó tôi như người xuất thần, nửa tỉnh nửa mê, miệng lẩm bẩm nói gì không ai hiểu.

Điều duy nhất tôi có thể trả ơn nàng là trao tay tờ báo có in luận án của tôi, tờ báo mà chẳng mấy người rớ tới, có cầm cũng lật qua loa, miệng phì phào điếu thuốc, hay nằm bệt trên chiếu mắt nhắm mắt mở. Còn nàng, đôi tay kính cẩn, đôi chân xếp gọn, đôi mắt long lanh, nàng chăm chú nhìn từng chữ, từng hàng, nơi có ký tên tôi, dầu không hiểu nhưng tôi đoán nàng đang hấp thụ nhịp tim hơi thở, mạch máu yếu ớt đang còn sót lại trong tôi. Ngồi bên cạnh ru con ngủ, tôi cảm thấy lòng dào dạt dâng một niềm yêu mến thiêng liêng vô bờ bến.

Mỗi sáng Chúa Nhật, niềm hạnh phúc nhất của tôi là tay dắt con nhỏ, nàng bế con thơ, cùng nhịp bước tiến về phía ngôi thánh đường nguy nga, gạch ngói đỏ thẫm, cùng theo tiếng ngân nga chuông nhà thờ đổ. Từ trong những con hẻm dẫn về thánh đường, bà con lối xóm cũng hàng hàng lớp lớp, tay bế tay bồng huyên thuyên trò chuyện trong niềm hoà khí. Lẫn trong ánh nắng chan hoà chiếu qua khung kính màu, tiếng kinh cầu ngân nga trầm bổng như một điệu khúc thiên thai, tiếng vợ tiếng con, tiếng ông già bà lão cùng một cung tơ êm dịu tung hô chúc tụng Chúa là Chúa cả trên trời.

Từ khi lên chức trợ giáo, tiền lương tháng của tôi tăng lên 100 yen, nàng cũng cảm thấy an tâm được phần nào, đứa con lớn nay sắp đến tuổi vào tiểu học mà với đồng lương 40 thì cũng khó bề xoay sở.

Sau những năm tháng dài trong phòng nghiên cứu, tôi bị nhiễm phóng xạ, lượng bạch huyết cầu trong máu ngày một tăng dần, bác sĩ cho biết ngày phải đến sẽ không còn xa. Tôi cố giữ bình tĩnh thuật lại lời bác sĩ cho nàng (người tôi yêu quí nhất) để cùng nhau đón nhận một tình trạng bi thương sắp đến trong tương lai. Nàng thinh lặng đón nghe từng lời từng tiếng thoát ra tự đáy lòng tôi. Thái độ ung dung của nàng giúp tôi trút bớt đôi phần gánh nặng đang đè nén trong tim. Tôi an tâm nhắm mắt vì tin rằng con thơ vẫn còn nơi nương tựa. Những tháng ngày còn lại tôi để hết tâm trí vào công trình nghiên cứu đang còn dang dở.

Bệnh tình ngày càng trầm trọng, chiếc nón sắt trên đầu đội tránh bom đạn cũng đủ làm tôi choáng váng, chân tay loạng quạng, đi đứng không vững, có một lần tôi phải nhờ nàng dìu bước lần mò tới phòng thí nghiệm.

Ngày 8 tháng 8, như mọi lần, nàng tươi cười tiễn tôi ra trước cổng nhà. Vợ chồng chia tay nhau đi được vài bước, tôi sực nhớ đã để quên lon cơm trưa tại nhà. Tôi vội quay bước trở về, trước mắt tôi, người vợ thân yêu đang ngồi khóc nức nở bên thềm. Đây là lần cuối cùng tôi gặp nàng trước khi vĩnh biệt. Đêm đó tới phiên trực tôi phải ngủ lại trường. Sáng hôm sau, mồng 9 tháng 8, 11 giờ 2 phút, bom nguyên tử nổ, tôi bị thương, hình ảnh người vợ hiền thoáng vụt qua trong trí. 5 tiếng đồng hồ trôi, máu chảy quá nhiều, tôi như bị ngất đi, đó cũng là lúc qua trực

giác, tôi cảm nghiệm được cái chết của người vợ thân yêu. Tôi tin chắc nếu không nàng sẽ ở bên tôi lúc này, dù thương tích nặng nề đến thế nào đi nữa, nàng cũng sẽ tìm đến tôi trên quãng đường không đầy một cây số này. Nàng đã ra đi, nàng đã không đến.

Ngày thứ ba, sau khi tạm điều trị xong cho những học sinh mang thương tích nặng, tôi lần bước về nhà, trước mắt tôi chỉ còn lại đống tro tàn. Tôi nhận ra thân xác người vợ thân yêu nay chỉ còn lại đống xương đen xì bên cạnh là cỗ tràng hạt vẫn còn dính liền với cây thánh giá.

Lượm nắm xương tàn, tôi ôm nàng vào lòng, hơi ấm vẫn còn... Vận mệnh nào ai hay, lẽ ra nàng sẽ ôm xác tôi, lẽ ra nàng sẽ đặt vòng hoa bên mộ bia đá có khắc tên tôi! Trong vòng tay, tôi nghe như có tiếng thỏ thẻ của nàng: "Xin lỗi anh nhé!" (Cao Duy Linh).

Năm 1949, bác sĩ Negai viết tiếp một cuốn sách nổi tiếng hơn nữa, tựa đề *Nagasaki no Kane, Hồi chuông Nagasaki* cũng thuộc loại *best seller*.

Cuốn truyện tình cảm xã hội bán đắt như tôm tươi năm 1948 là cuốn *Aijo Wa Furu Hoshi Gotoki, Ái tình tựa ánh sao rơi*. Tác giả là Ozaki Hidemi, bị tù và bị tử hình vì tội làm gián điệp cho Nga năm 1941. Ở trong tù, Ozaki viết thư cho vợ, những lá thư ấy được thu thập lại và in thành sách.

Tình dục vẫn là đề tài muôn thuở hấp dẫn trong mọi thời. Chỉ hai năm sau ngày thất trận, giữa một xã hội đang hì hục gây dựng lại, cuốn *Niku Taino Mon, Cửa nhục thể* kể lại cuộc đời các ả giang hồ Đông Kinh qua ngòi bút Tamara Taijiro được tung ra và bán chạy ào ào.

Thêm một tác phẩm hết sức phù hợp với tâm lý quần chúng vào thời buổi hỗn mang kinh tế sau hậu chiến và cực kỳ ăn khách là cuốn truyện xã hội *Jiyiu Gakko, Trường học tự do* (tức *Trường đời*), được in năm 1951 của Shishi Bunroku.

Nhân vật trong truyện là một mẫu anh hùng, một chàng samurai thời đại (nhân viên các cấp thuộc hãng, sở Nhật được xếp vào hàng ngũ Sarariman *(salary man)*, đại khái là hạng người mặc vét, thắt cà-vạt, chuyên làm việc ăn lương chủ). Mỗi sáng chàng khoác áo đi làm, trong túi có một tờ 100 yen do vợ phát mà cõi lòng hân hoan phơi phới. Một tô mì dùng bữa trưa chỉ tốn cỡ 20 yen, bao thuốc lá 45 yen. Đời chàng cứ êm ả trôi mãi trong cảnh lao động vinh quang hạnh phúc đó cho đến một ngày xấu trời nọ, vợ chàng... đuổi chàng ra khỏi cửa vì nàng đã chán ngấy anh chồng cù lần chỉ biết ăn rồi làm việc. Chàng trở thành dân hô-mừ-rê-sừ (*homeless*: không nhà), ngụ cư dưới gầm cầu Ochanomiza thuộc phố Kanda. Nơi đây, trường đời dạy chàng khôn ra và tặng chàng món quà vô giá: tự do. Độc giả đực rựa đọc truyện, bèn khoái chàng; độc giả đờn bà xem truyện, tán dương mụ vợ "kách mệnh" của chàng không ngớt. Được cả hai giới hâm mộ như thế, hỏi sao cuốn *Trường đời* không *best seller* cho được!

Cũng vào thời gian này, cuốn *Nhật ký Anne Frank* được dịch sang Nhật ngữ và xuất bản. Sách đã bán được trên 3 triệu rưỡi bản. Năm ngoái, một bản dịch được đánh giá là "toàn hảo" lại ra lò, vẫn bán rất chạy. Đầu hè 1995, phim hoạt họa *Anne Frank* được trình chiếu, hốt bạc... chẵn.

Từ năm 1950, báo chí bắt đầu xếp loại các tác giả, tác phẩm ăn khách ở Nhật. Nhà văn Cát Xuyên Anh Trị được xếp đầu bảng với tác phẩm kiếm hiệp bất hủ *Cung Bản Vũ Tàng*, (nhà văn Tự Tỉnh đã phóng tác thành truyện *Thạch kiếm*). Dịp đó, Cát Xuyên Anh Trị ẵm 12 triệu yen ngon ơ, một số bạc đáng nể vào buổi ấy. Phải công nhận, dù mới chỉ học hết bậc tiểu học, ông nhà văn này vẫn thừa tài lôi cuốn độc giả qua cốt truyện hết sức lâm ly, hào hứng.

Cùng với sức nhảy vọt của nền kinh tế trong thập niên 70, 80, số lượng sách ở Nhật ngày càng được in với số lượng lớn. Những tác giả có sách được in trên triệu cuốn không phải hiếm. Tiểu thuyết của hai nhà văn Akagawa Jirò và Nishimura Kyo Tarò luôn luôn được xếp hạng nhất nhì trong danh sách bán chạy hàng năm kể từ 1984 cho tới nay. Cạnh đó còn phải kể đến các cây viết nữ thời thượng như Yamada Eimi, Ari Yoshi Sawako mà những cuốn sách của họ tệ nhất cũng phải tái bản năm lần bảy lượt và bán hơn 2 triệu bản mỗi cuốn.

Riêng về phần nhà văn đoạt giải Nobel văn chương 94, ông Oe (viết theo Hán tự là Đại Giang), sách của ông trước ngày lãnh giải không phải là loại *best seller* ở Nhật. Những người đồng hương với Oe chê truyện ông khó đọc, đọc... nhức đầu. Quả có vậy, trong truyện ông thường lồng vào những đề tài "phản kháng", chống cái này, chống cái kia (ví dụ như chống thử bom nguyên tử), thành thử dù ông đã cố gắng viết dí dỏm cho nhẹ bớt nhưng đối với quần chúng bình dân, loại sách Ô-ê đọc vẫn dễ bị... đau đầu! Họ sẵn lòng xếp hàng dài cả cây số để chờ mua cho được một cuốn sách... ở trường coi vừa mãn nhãn vừa... phấn chấn con người. Đó là trường hợp cuốn sách ảnh *Nghệ thuật chuồng cời* của cô đào Riê, người từng được biết đến qua vai Tam Tạng trong phim *Tây du ký* của Nhật.

Cuốn *Nghệ thuật chuồng cời* được tung ra thị trường vào mùa hạ cách đây mấy niên, mở đầu cho một loạt sách ảnh chuồng cời của các nàng ca sĩ, đào chớp bóng thời danh đương làm mưa làm gió nơi mọi hiệu sách ở Nhật. Vì là cuốn sách đầu tiên, gây phong trào nên giá khá đắt, 50 đô Mỹ một cuốn. Thế nhưng chỉ trong vòng vài tháng, cuốn *Nghệ thuật chuồng cời* của cô đào Riê đã đẩy được hơn 1 triệu rưỡi bản. Ngoài việc được đám phụ nữ Nhật tán tụng như một nhà "kách mệnh giải phóng nữ giới", cuốn sách ở trường đó còn giúp tên tuổi nàng Riê vang danh quốc tế.

Hiện tại, các mặt sách mới đang lạm phát tại Nhật. Năm ngoái, cả thảy 48.824 loại sách mới được xuất bản; con số sẽ tăng tới mức hơn 50 ngàn mặt sách mới trong năm 95 này. Được biết, trước khi xuất hiện nơi quầy sách các tiệm, cuốn sách mới ra lò

phải chuyển tới các nhà trung gian. Các đại lý trung gian ấy lấy sách của nhà xuất bản với giá 70%, đem phân phối cho các tiệm thành 78%. Họ được lời 8% và tiệm sách 22% trên giá sách. Phần tác giả chỉ được trên dưới 10%, tuy nhiên nhờ số lượng in nhiều, họ vẫn kiếm bộn bạc, sống dư dả. Bạn cứ lấy 1 triệu rưỡi nhân với 5 đô (1o% trên giá bán cuốn *Nghệ thuật chuồng cời* chẳng hạn) là đủ rõ cô nàng Riê hốt được bao nhiêu trong dịch vụ ở truồng!

Như trên, ngoài một số quyển hay, có giá trị để đời; nhiều cuốn *best seller* ở xứ Phù Tang chỉ là loại sách thời thượng, trúng mùa, trúng tâm lý độc giả.

Đuổi... Mỹ?

Chẳng khác gì quang cảnh chung quanh những căn cứ Mỹ hồi họ còn ở đầy miền Nam Việt Nam, các khu vực lân cận trại lính GI ở Okinawa (đảo Xung Thằng) cũng đầy *snack bar*, bia ôm, gái điếm mà những cảnh mua bán xác thịt lộ liễu đã nhiều lần lọt vào ống kính phóng viên ti-vi trong những đoạn phim tài liệu chiếu cho công chúng Nhật. Với số lượng 30 ngàn lính Mỹ đóng ở Okinawa trong tổng số 47 ngàn trên toàn nước Nhật, phần đông là lính trẻ tuổi 20 đến 30, số lượng "chị em ta" (người Nhật gọi là "gái bán xuân, bai shun") có lẽ không đủ cung ứng cho nhu cầu đệ tam khoái của đám GI. Do đó, chỉ kể từ 1984 tới nay đã có tới 108 trong số 1172 tội ác do lính Mỹ gây ra trên đảo liên can đến các vụ hiếp dâm, cướp bóc, giết người. Ngày 4.9.95, lại thêm một vụ đốn mạt nữa xảy ra: 8 giờ tối hôm đó, 3 gã lính Mỹ tuổi từ 20 đến 22, 1 là Hải quân và 2 là Thủy quân Lục chiến, thuê một chiếc xe hơi đi tìm bò lạc. Trong cơn say, ba con yêu râu xanh đã chặn bắt một bé gái 12 tuổi, học lớp cuối bậc tiểu học khi em trên đường mua rau từ một cửa tiệm về nhà. Chúng chở em nhỏ ra bãi biển vắng, dùng băng keo trói tay, miệng nạn nhân và thay nhau hãm hiếp, hành hạ. Chi tiết vụ hiếp dâm chỉ được cảnh sát và báo chí Nhật mô tả phớt qua vì họ không muốn để em bé gái đáng thương ấy bị "hiếp thêm lần nữa trên mặt báo".

Không như nhiều lần trước đây, hầu hết những can phạm Mỹ đều được toà án quân sự Mỹ xử rất nhẹ và dân đảo Okinawa phải nhịn nhục bỏ qua; vụ hiếp trẻ con trên đã là giọt nước cuối cùng làm tràn ly. Chẳng riêng Okinawa, cả nước Nhật đâu đâu cũng phẫn nộ lên tiếng. Nhiều người quá khích đã yêu cầu chính phủ xé bỏ hiệp ước Nhật-Mỹ ký kết năm xưa, đòi đuổi Mỹ về nước.

Đại sứ Mỹ tại Nhật, ông Mondale, trong buổi hội kiến với Ngoại trưởng Nhật Kono cùng tỉnh trưởng Okinawa đã phải ngỏ lời xin lỗi quốc dân Nhật. Sau đó Tổng thống Mỹ Clinton cũng tỏ ý hối tiếc về sự vụ, ông hứa sẽ không để cho các tội ác tương tự tái diễn.

Trước làn sóng phẫn nộ của dân Nhật, quân cảnh Mỹ đã phải giải giao ba tên tội phạm cho cảnh sát Nhật theo yêu cầu. Khi cảnh sát Nhật lấy cung xong, cả ba sẽ phải ra hầu toà Nhật và chịu xét xử dưới hình luật Nhật. Theo các chuyên viên toà án, mỗi tên ít nhất cũng phải lãnh bản án 3 đến 5 năm ngồi nhà đá.

Giữa lúc đó, 3000 chủ đất Okinawa làm reo bằng cách không chịu ký giấy gia hạn cho Mỹ thuê đất của họ nữa. Một số đất đai của họ nằm lọt trong các căn cứ Mỹ; tuy chỉ chiếm khoảng 2% diện tích nhưng vẫn là một vấn đề hết sức đau đầu cho bộ Chỉ huy Mỹ.

Được biết chính phủ Nhật trước giờ phải chịu chi một ngân khoản lớn để nuôi các căn cứ quân sự Mỹ theo hiệp ước đã ký kết trước đây. Nhật Bản cũng như Đại Hàn đều khó có thể... đuổi Mỹ ra khỏi nước vì cần phải nhờ quân đội Mỹ bảo đảm giùm nền an ninh quốc gia cũng như toàn vùng. Các viên chức Đại Hàn cho biết, lính Mỹ ở xứ họ "hiền" hơn, chỉ có sơ sơ 700 vụ rắc rối do các chú GI gây ra, đa số là những vi phạm luật lệ giao thông, gây tai nạn bởi say rượu lái xe ẩu.

"20 năm rồi còn mãi ra đi"

24 thuyền nhân Việt Nam trên một chiếc ghe giạt trôi trên vùng biển Bắc Nhật gần Hokkaido đã được các ghe đánh cá Nhật phát hiện lúc 10 giờ sáng ngày 23.9 và báo cho chính quyền. Sau đó, hai tàu tuần duyên Nhật kịp thời dẫn độ chiếc ghe lênh đênh cách bờ 4, 5 km vào nơi an toàn trên đất Hokadate. Tất cả 24 người gồm 18 đàn ông, 3 phụ nữ và 5 trẻ em trên ghe đều trong tình trạng kiệt sức. Gặp tàu tuần duyên, việc đầu tiên là họ nài nỉ xin nước uống. Có lẽ ghe của họ đã bị cơn bão số 12 đánh giạt từ phía nam Nhật lên tuốt biển Bắc. Chủ ghe khai cùng nhà chức trách Nhật là họ rời miền Nam Việt Nam ra đi từ đầu tháng 9, ghé đã ghé vào vài nơi dọc duyên hải Trung quốc trước khi tiến vào hải phận Phù Tang.

Phần số con dân Việt tộc vượt biên tìm tự do hiện hết sức bi đát. Sở nhập quốc Sapporo của Bắc Hải đạo đã ra lệnh nhốt toàn bộ số người trên về tội nhập cảnh lậu. Trong khi trả lời phỏng vấn, một số người trên ghe cho biết họ mong tới và được chấp thuận cho định cư ở Nhật, một số khác tỏ hy vọng họ sẽ được qua... Mỹ! Điều chắc chắn là chính quyền Nhật sẽ tống xuất 24 thuyền nhân trên về nước bởi Nhật Bản đã chính thức bãi bỏ qui chế nhận người tị nạn Đông Dương từ hồi đầu năm ngoái rồi.

Trong khi chờ đợi ngày bị trục xuất khỏi "cõi miền tự do" để về lại "ngục tù bao la", những thuyền nhân bất hạnh nằm trong trại tù ấy chắc càng thấm-thía: *"Bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi, đi đâu loanh quanh cho đời mỏi mệt..."*

Ừ, đã hơn 20 năm rồi, thuyền nhân Việt Nam ơi, vì sao còn mãi liều mạng ra đi, để lâm cảnh tuyệt vọng "tình thương mỏi mệt" trước ngưỡng cửa tự do?

Phải chăng đồng bào ta chả có niềm vui nào để chọn như ông nhạc sĩ phản-chiến kia được quyền *"mỗi ngày tôi chọn một niềm vui"* nên đành liều-lĩnh ra khơi, mong gặt cho bằng được niềm hi-vọng cuối-cùng? ●

tin văn xứ người

Nguyễn Nhạn Sơn

Ngàn năm nhân loại tò mò

Cách Cairo (thủ đô Ai-Cập) khoảng 10 cây số về hướng tây nam, có một vùng đất cao gọi là Gizeh, trên đó có cái kim tự tháp lớn nhất trong những kim tự tháp Ai-Cập. Kim tự tháp này được xây dựng theo lệnh của vua Ai-Cập Kheops (cũng viết Cheops) trị vì khoảng 2650 năm trước Công nguyên. Vì lẽ đó, kim tự tháp này cũng được gọi là kim tự tháp Kheops.

Nhưng trên cao nguyên Gizeh, không phải chỉ có kim tự tháp Kheops. Còn có hai cái khác nữa, nhỏ hơn. Kheops cao 137 thước; Khephren cao 136 thước; Mykerinos cao 66 thước.

Nói chung, các kim tự tháp Ai-Cập vẫn mãi mãi hấp dẫn sự chú ý của các nhà khảo cổ, cũng như các nhà nghiên cứu văn minh nhân loại. Từ lâu, người ta đã biết kim tự tháp là những ngôi mộ của các vua Ai-Cập, nhưng cho tới bây giờ, chưa có nhà khảo cổ nào dám tự tin là đã biết đủ về chúng. Và kim tự tháp Kheops vẫn là mục tiêu chính của giới nghiên cứu.

Cách đây 2 năm, một kỹ sư người Đức tên là Rudolf Gantenbrink đã khám phá được một điều mới về kim tự tháp Kheops. Khám phá này làm chấn động giới khảo cổ, nhất là những nhà Ai-Cập học. Gantenbrink công bố rằng những đường ống trong lòng kim tự tháp mà từ lâu người ta vẫn tin là dùng để thông khí, đúng là để dẫn tới căn phòng chính.

Gantenbrink say mê cơ khí và tin học. Ông làm việc cho Viện Khảo cổ Đức tại Cairo, lãnh việc thiết kế hệ thống thông hơi cho kim tự tháp Kheops. Ông đã hoàn thành tốt đẹp trách vụ, và cũng nhân đó, ông mới có khám phá về những đường ống kia. Từ xưởng riêng tại Munich (Đức), ông chế ra một rô-bô nhỏ, chạy xích, điều khiển từ xa, được trang bị đủ dụng cụ thu hình. Ông đặt tên cho rô-bô này là *Upuaut*, theo tên vị thần Ai-Cập chuyên dẫn linh hồn người chết qua bên kia thế giới.

Phát xuất từ "căn phòng hoàng hậu", có một ống dẫn chạy về hướng nam. Gantenbrink đã cho *Upuaut* chạy trong ống ấy.

Cũng như những ống dẫn khác trong lòng kim tự tháp Kheops, ống dẫn mà *Upuaut* đã chui vào làm công tác do thám là một "đường hầm" vuông, mỗi cạnh 20 phân. Dù là một đứa bé thật nhỏ xác, cũng không thể chui vào được. Nhưng *Upuaut* đã không đi đến tận cùng. Được 60 thước, nó phải dừng lại. Một tấm chắn chận đường. Tấm chắn có 2 nút giống như nắm cửa, nên người ta nghĩ đó là một cánh cửa mở ra đóng vào được. Theo "báo cáo" của *Upuaut*, cánh cửa bằng đá, 2 nắm cửa bằng kim loại (có thể là đồng), và đoạn đường 60 thước từ "phòng hoàng hậu" đến đây đặc biệt nhẵn nhụi, có chỗ láng bóng.

Trước cánh cửa chắn, có một ít chất màu đen, có thể là hữu cơ. *Upuaut* không cho biết đây là chất gì, nhưng tiết lộ một việc khác: Phía dưới cánh cửa chắn, có một kẽ hở 5 li. Cái kẽ nhỏ tí này gợi cho Gantenbrink tiếp tục suy nghĩ. Cái gì nằm phía sau tấm vách ngăn? Phải chăng là bảo vật của vua Kheops? Gantenbrink nhất quyết tìm hiểu.

Thật ra, những ống dẫn trong lòng kim tự tháp Kheops dẫn đến "căn phòng hoàng hậu", đã được kỹ sư người Anh Waynman Dixon khám phá năm 1872. Ông đã mở chúng ra từ đó. Thời bấy giờ, Dixon không có phương tiện gì để thăm dò sâu vào bên trong những con đường hầm tí hon ấy, nhưng ông cũng thu được 2 vật trong một đường hầm: Một hòn đá hoa cương tròn mài thật nhẵn, và một cái móc cửa bằng đồng. Ngày nay, 2 vật này vẫn còn được giữ trong bảo tàng viện Luân-Đôn, nhưng không ai hiểu được công dụng của chúng trong kim tự tháp.

Như trên đã nói, *Upuaut* khựng lại, nhưng người kỹ sư tạo ra nó

không chịu thua. Gantenbrink nghĩ ra 2 giải pháp: Một rô-bô có những bộ phận thăm dò tinh vi hơn, hoặc một con đội có thể mở cánh cửa chắn mà không làm hư hỏng gì cả. Nhưng đó chỉ là dự kiến, chưa biết đến bao giờ mới thực hiện được. Viện Khảo Cổ Đức tại Cairo, hiện đang là sở hữu chủ khu Gizeh, không đồng ý để cho người đồng hương của họ tiếp tục thăm dò những con "đường hầm" kia.

Trong khi đó, thì chính người Ai-Cập lại muốn công việc thăm dò được tiếp tục. Chắc họ muốn tìm hiểu thêm về tiền nhân của họ. Họ thảo luận với Viện Khảo Cổ, và có lẽ công việc thăm dò sẽ được ủy cho một kỹ sư không phải người Âu Châu, mà là người Gia-Nã-Đại, tên là Peter Zuuring. Ông này hiện là giám đốc công ty tin học Amex.

Các nhà khảo cổ, các nhà Ai-Cập học, và cả thế giới hiếu kỳ, đang chờ đợi những khám phá của Zuuring.

Bỉ sắc tư phong

Terri Apter đang theo học để lấy bằng tiến sĩ tại Viện Đại học Cambridge, đồng thời viết sách. Sách của bà cuốn nào cũng lấy chủ đề phụ nữ: *Altered Loves: Mothers and Daughters During Adolescence; Working Women Don't Have Wives.* Cuốn mới nhất của bà là *Secret Paths, Women in the New Midlife.*

Cũng như hầu hết những cuốn sách mới xuất bản gần đây, nói về xã hội và gia đình, những cuốn của Apter đều có nhận định không lạc quan: Không đạt ước nguyện ban đầu; Không như ý về tình cảm; Việc làm ổn định, thì gia đình không ổn định; Không biết phải làm sao để có thể tiếp tục sống, v.v... Bao nhiêu là chuyện nam giải, bất như ý, đối với đàn bà!

Cuốn *Những Con Đường Bí Mật* nhắm vào hạng phụ nữ đứng tuổi. Terri Apter đã phỏng vấn 80 phụ nữ tuổi từ 39 đến 55, người Anh cũng có người Mỹ cũng có, thuộc thành phần xã hội và chủng tộc khác nhau. Bà cũng trực tiếp quan sát họ ngoài đời. Và kết quả điều tra của bà vừa sinh động vừa khám phá.

Tác giả đã khôn ngoan dùng những giai thoại cá nhân, cả những chuyện có thật trong văn giới, liên hệ đến những cây bút nữ nổi danh như Virginia Woolf (Anh), Margaret Atwood (Gia-Nã-Đại), để chứng minh luận thuyết của mình.

Tác giả chia phụ nữ đứng tuổi thành 4 hạng: Truyền thống, đổi mới, cởi mở, chống đối. Và trong tác phẩm, có một chương có nhan đề là "Những người đàn bà không tìm được con đường đi tới". Nghe thật nản, nhưng xin đừng lo. Các độc giả nữ, sau khi đã nhận ra hạng của mình, sẽ hiểu nguyên nhân gây khủng hoảng cho cuộc sống của mình là gì, để cuối cùng, tìm được con đường phải đi.

Tác giả cũng đề cập đến hôn nhân của những người đàn bà đứng tuổi, đến sự liên hệ tình cảm của những phụ nữ này đối với cha mẹ của họ... Tác giả đặc biệt đề cập đến tình yêu của những người đàn bà đứng tuổi, bản chất và biến thái của thứ tình yêu muộn này: Có khi thật non nớt, có khi quá già dặn.

Nhưng kết luận của tác giả không hẳn là bi quan: Trong hoàn cảnh nào, người phụ nữ vẫn có thể vươn lên.

Nhưng người viết bài này thì không lạc quan về họ chút nào. "Họ" đây bao gồm cả tác giả và những người đàn bà có chút ít danh vọng, hoặc đang kiếm ra tiền. Những người đàn bà này không bao giờ tìm được hạnh phúc gia đình, vì hạnh phúc gia đình không chấp nhận họ. Đây là quan niệm của các nhà xã hội học Mỹ, chứ không phải của tôi. Và chắc Terri Apter cũng một phần nào đồng ý như thế, nên cuốn sách trước của bà mới có tựa là: *Đàn bà đã làm việc thì không làm vợ.*

Thành phố Ba-lê trong thế kỷ 20

Đây là nhan đề của một cuốn tiểu thuyết không biết đích xác viết vào năm nào, nhưng chắc chắn trong thế kỷ trước, hoặc có chậm cũng chỉ ở vài năm đầu của thế kỷ này. Là vì tác giả là Jules Verne, tiểu thuyết gia Pháp, sinh năm 1828, mất năm 1905. Nhưng nó chỉ mới được xuất bản, vì bản thảo chỉ mới tìm được gần đây. Người tìm thấy bản thảo là Jean Verne, chắt gọi tác giả là ông cố. Một phần bài dưới đây được viết dựa theo lời kể của anh.

Năm nay, Jean Verne 32 tuổi. Ông nội anh là con trai của Jules Verne, và cha anh là cháu nội của cụ. Anh kể lòng thòng như thế chỉ cốt nói một điều: Tuy là chắt đích tôn, nhưng anh không hưởng được một chút danh vọng gì của ông cố nội. Nhiều khi, danh vọng của ông cố khiến cho anh khó kiếm việc hơn, vì người ta tưởng anh thừa hưởng tác quyền của ông cố thì giàu lắm, không cần đi làm nữa. Sự thực, anh vẫn phải đi hát cho nhạc viện để kiếm ăn.

Thật ra, Jean Verne không cần phải so bì hay ganh tị với ông cố của anh. Danh vọng của ông cố anh, thì dễ ai có được. Hiện giờ, ngoài viện bảo tàng Jules Verne ở Nantes (sinh quán của Jules Verne), ở Pháp còn có những trung tâm và cơ sở văn học lập ra để tôn vinh, hoặc nghiên cứu văn nghiệp của ông cố anh. Tuy nhiên, trong thực tế, những trung tâm và cơ sở loại này thường gặp phải những khó khăn "phi văn học". Đó là vấn đề kinh phí để bảo trì.

Một thí dụ nhỏ: Thư viện thành phố Nantes có một bức chân dung của Jules Verne do họa sĩ Gustave Wertheimer vẽ năm 1882. Bây giờ, thư viện cần có 30 ngàn quan để bảo trì bức tranh quí đó, nhưng họ không đào đâu ra số tiền khá lớn kia. Vé vào cửa bán cho khoảng 12 ngàn du khách hằng năm (trong đó có 10% là người ngoại quốc), chỉ đủ trang trải chi phí cho việc trưng bày thường trực những bản thảo của Jules Verne thôi. Cho nên, người quản thủ thư viện vẫn đặt hi vọng vào số tiền bán các tập bản thảo. Cũng chẳng qua là "dĩ Tần hỏa thiêu Tần cung". Của Jules Verne thì dùng cho Jules Verne.

Cũng không hiểu tại sao thư viện Nantes không xin được một phần tiền bán cuốn *Thành Phố Ba-Lê Trong*

Thế Kỷ 20. Chỉ mới phát hành, trong phạm vi nước Pháp, các hiệu sách đã bán ngay được 200.000 cuốn. Đó là chưa kể khoảng 30 bản dịch ra tiếng ngoại quốc sắp được tung ra.

Còn sau đây là "hành tung" của tập bản thảo. Jean Verne kể:

"Sau khi cha tôi qua đời, lúc bấy giờ di sản do ông cố tôi để lại vừa được chia xong, có một món mà không ai chịu nhận. Đó là cái tủ sắt nặng 900 ký, vẫn dùng để kê cái bàn thợ trong ga-ra, tại ngôi biệt thự ở Toulon. Ngôi biệt thự ấy thuộc phần thừa hưởng của tôi. Nhưng mãi đến năm 1989, khi quyết định bán ngôi nhà ấy đi, thì tôi mới phải bận tâm đến cái tủ sắt. Tôi cho, nhưng những người phu dọn nhà không ai chịu lấy. Tôi điện thoại cho hãng Fichet ở Marseille. Họ phái một người thợ khóa đến, nhưng người này không mở được khóa tủ. Anh ta đề nghị phá bằng chất nổ, nhưng cũng nói cho tôi biết rằng tất cả những gì bên trong sẽ cháy hết. Tôi bảo: Không sao, vì ngày trước cha tôi có nói là cái tủ trống không. Thế là chúng tôi quyết định. Nhưng anh thợ khóa lại hỏi tôi đặt chất nổ phía trên hay phía dưới. Tôi bảo phía trên. Khi cái tủ banh ra, những gì đựng ở hai ngăn trên nát hết, nhưng mớ giấy tờ để ở ngăn dưới cùng vẫn còn nguyên. Tôi lấy ra coi lại thì thấy đó là những tập giấy viết tay, xếp đặt cẩn thận, cột chung lại bằng một sợi dây nhợ. Bên cạnh, còn một bó biên lai công trái của Nga.

Tôi trao tất cả mớ giấy ấy cho mẹ tôi. Mẹ tôi không đọc, đem bỏ tất cả vào một chiếc túi nhựa, rồi ném chiếc túi vào góc tủ đựng đồ vặt. Lúc bấy giờ, chúng tôi dọn về ở La Roque-d'Anthéron gần Aix-en-Provence. Mớ giấy tờ nằm yên trong góc tủ đó khoảng hai năm.

Một ngày chủ nhật trời mưa, không đi đâu được, tôi sực nhớ đến mớ giấy tờ kia, mới lấy ra coi. Tờ nào cũng viết đầy chữ cả hai mặt. Đọc được vài chục trang, tôi nghĩ đó là một cuốn tiểu thuyết viết chưa xong của ông nội tôi, Michel Verne. Bảy tám tháng sau, tôi đem câu chuyện kể lại cho Piero Gondolo della Riva, Phó Chủ Tịch hội Jules Verne. Ông ta biết ngay đó là bản thảo bị thất lạc của cuốn tiểu thuyết *Thành Phố Ba-Lê Trong Thế Kỷ 20* của ông cố tôi".

Jean Verne thông báo chuyện ngẫu nhiên tìm được tập bản thảo cho mọi người trong họ biết, nhưng không mấy ai quan tâm. Cho đến khi có tin đồn rằng các nhà xuất bản đang tranh nhau mua bản quyền một cuốn sách chưa từng in ra của Jules Verne, thì người trong họ Verne mới thực sự chú ý.

Bây giờ, *Thành Phố Ba-Lê Trong Thế Kỷ 20* đã tới tay độc giả, Pháp cũng như ngoại quốc. Vấn đề còn lại chỉ là tập bản thảo kia sẽ lọt vào tay ai, và với giá nào. Các nhà chức trách về văn học của Pháp, nhất là của thành phố Nantes, cũng muốn thủ đắc nó lắm. Nhưng nó "cao giá" quá, chắc công quỹ không kham nổi.

Hiện nay, tập bản thảo ấy đang do một chưởng khế tại Ba-Lê quản thủ. Nhưng người ta phải chờ cho đến khi nào 5 người thừa kế pháp định của Jules Verne đồng ý về giá cả của nó, thì cuộc đấu giá mới thực hiện được.

Tuy nhiên, Jean Verne cũng có tiết lộ một số chi tiết thú vị:

"Có lẽ đây là bản thảo cuối cùng của ông cố tôi. Ông cố tôi để lại tất cả 80 bản thảo. Bán với giá chung là 6 triệu quan. Chia đều cho năm người, phần tôi trừ thuế xong sẽ được 850.000 quan".

Jules Verne chuyên viết truyện khoa học giả tưởng. Những "giả tưởng" của ông đã nhiều cái trở thành sự thật, khiến cho thiên hạ có người muốn gọi ông là nhà tiên tri. Nhưng chắc ông không thể nào biết trước được rằng óc tưởng tượng của ông lại có thể đem lại cho con cháu nhiều tiền đến như vậy.

Áo gấm về làng

Đây là câu chuyện về thăm cố hương của nhà soạn nhạc người Đức gốc Do-Thái Berthold Goldschmidt.

Goldschmidt sinh năm 1903 tại Hamburg. Cha mẹ không phải là nhạc sĩ, nhưng rất yêu thích ca nhạc, nên đã nuôi dạy ông đi theo con đường âm nhạc. Và ông cũng đã không phụ lòng kỳ vọng của cha mẹ. Chỉ mới ngoài 20 tuổi, ông đã là phụ tá cho nhạc trưởng thời danh của thủ đô Bá-Linh lúc bấy giờ là Erich Kleiber. Và những bản nhạc do Goldschmidt soạn cũng được chính Kleiber điều khiển trình tấu.

Nhưng sự nghiệp âm nhạc của Goldschmidt đã bị chính trị ngăn trở. Năm 1933 (lúc này Hitler đã lên cầm quyền), Goldschmidt bị cấm vào nhạc viện thành phố Bá-Linh. Nhưng ông vẫn nán lại thủ đô thêm hai năm nữa, dạy nhạc để kiếm sống. Cho đến khi nghe tin nhiều thân nhân đã bị quốc-xã bắt giam, ông mới thấy sợ. Rồi một hôm, chính ông bị Gestapo gọi. Nhưng một may mắn bất ngờ đã xảy ra. Khi ngồi trước mặt viên sĩ quan Gestapo có nhiệm vụ lấy cung ông, Goldschmidt chợt nhận ra y có một đứa con gái đang theo học dương cầm với một nhạc sĩ bạn ông. Ông hỏi: Có phải con gái của ngài đang học dương cầm không? Y bảo phải. Goldschmidt lại nói tiếp về chuyện học nhạc của con gái của y. Cuối cùng, viên sĩ quan xếp hồ sơ, không lấy cung người bị gọi đến, chỉ thì thầm: Ông hãy lập tức tìm cách rời khỏi nước Đức.

Khi đã an toàn rời Đức đến Anh, Goldschmidt nghe tin viên sĩ quan Gestapo kia bị trừng phạt vì cố ý tha ông.

Khi ra đi, Goldschmidt dẫn theo người vợ chưa cưới. Rồi trong những năm đầu của cuộc đời tị nạn, hai vợ chồng phải sống thiếu thốn trong một căn phòng tồi tàn ở thủ đô Luân-Đôn. Nhưng đến khi Goldschmidt ký được những hợp đồng với đài BBC, thì vận bĩ của ông chấm dứt. Đài BBC bắt đầu phổ biến mạnh những bản nhạc của ông đã bị Đức quốc-xã cấm.

Tính cho đến nay, Goldschmidt đã sống liên tục tại Luân-Đôn 60 năm. Cuộc sống vật chất của ông không thay đổi nhiều: Căn apartment thuê khi mới đến có một phòng, thì căn thuê bây giờ cũng chỉ thêm được

một phòng. Nhưng sự nghiệp và danh vọng của ông khác trước rất nhiều. Nhạc của ông được trình tấu khắp nơi. Nhiều bản được mọi người coi là kiệt tác. Và bây giờ, ông trở về Đức để tổ chức trình tấu những bản nhạc của ông mà ngày xưa phát-xít đã cấm. Ở khắp mọi nơi, ai cũng hoan nghênh ông. Người ta hoan nghênh nhạc của ông, và hoan nghênh sự trở về của ông.

Trên trang văn học của nhật báo *The Globe and Mail* số đầu tháng 9.95, có một bức ảnh khá lớn mới chụp của Goldschmidt. Tôi nhìn kỹ, thấy đầu ông không còn sợi tóc nào. Ôi, thành công của năm tháng! Nhân tài cũng không được miễn trừ.

Tôi ngậm ngùi. Trong lúc trả lời phỏng vấn về chuyến "về quê", sau khi tỏ ý hài lòng, Goldschmidt lại nói thêm:

- Nhưng tôi cũng cảm thấy buồn, khi biết mình không còn sống được bao lâu nữa. Ở tuổi của tôi bây giờ, một tháng phải kể là một năm. Tôi đã được 92 tuổi rưỡi rồi. Tôi chỉ muốn biết sẽ được sống bao nhiêu tháng nữa, chứ không dám tính đến năm.

Goldschmidt không chỉ "tri túc" về tuổi thọ. Ông còn rất khiêm tốn khi nói về thành công trong lãnh vực âm nhạc của mình:

- Thực tình, chỉ thành công chừng một phần mười như thế, cũng đủ cho tôi mừng.

Lão Lai tài bất tận

Khoảng trước sau thập niên 1920, ở Hoa-Kỳ, có một hiện tượng văn học được mệnh danh là *Harlem Renaissance*. Harlem là khu vực nằm phía bắc thành phố New York. Khoảng đầu thế kỷ, đây là khu dành cho những gia đình da đen khá giả. Do đó, văn học sử dùng chữ Harlem để chỉ người da đen.

Trước khi có hiện tượng đó, người Mỹ da đen cũng đã tham gia hoạt động văn chương nghệ thuật. Nhưng chỉ trong khoảng thời gian nói trên, trong số nhà văn nhà thơ da đen, mới có những tay xuất sắc. Đáng kể nhất là: Nhà thơ Langston Hughes (1902-1967), nhà thơ Countee Cullen (1903-1946), nữ kịch sĩ kiêm kịch tác gia Zora Neale Hurston (1903-1960), tiểu thuyết gia Richard Wright (1908-1960), và nữ tiểu thuyết gia Dorothy West, sinh năm 1907.

Năm người cùng bắt đầu nổi tiếng cách nay đã trên nửa thế kỷ. Nhưng số mệnh đã bắt 4 người kia phải vĩnh viễn gác bút từ lâu. Chỉ còn lại một người, tiếp tục viết, để nhắc cho người ta nhớ lại hiện tượng "văn học da đen phục hưng".

Năm nay, Dorothy West đã 88 tuổi, nhỏ thó như đứa trẻ lên mười. Nhìn bề ngoài, bà không được khỏe mạnh lắm, nhưng lúc nào bà cũng vui sống, và thích nói chuyện. Bà ở trong một ngôi nhà sang trọng trên đảo Martha's Vineyard, tiểu bang Massachusetts. Hằng ngày, ngoài việc viết sách, bà còn bận tiếp khách, tặng sách và tặng chữ ký. Có rất nhiều người ái mộ bà, đã không ngại đường xa, đến tận nhà để được uống trà và nói chuyện với bà một lát.

Dorothy West nổi tiếng thần đồng văn chương khi còn nhỏ. Hồi đang học trung học tại Boston, trong một kỳ thi viết truyện ngắn do một tuần báo văn học tổ chức, bà chia nhau giải nhì với Hurston. Sau đó, bà chính thức bước vào văn học giới da đen Hoa-Kỳ. Bà không thừa hưởng năng khiếu văn chương ở dòng dõi hay cha mẹ, nhưng được cái may mắn sinh ra trong một gia đình người Mỹ gốc Phi Châu, pha màu nhiều đời. Trong cuốn tiểu thuyết *The Richer, the Poorer* (Giàu hơn, nghèo hơn), bà vui vẻ nói cho độc giả biết "gia đình lớn" của bà có đủ màu da: hồng, vàng, nâu, và mun. Và mẹ của bà, màu da hơi sáng, tính rất vui, thường bảo đùa chị em bà: "Các con đâu, hãy chạy ra ngoài chơi để cho bọn da trắng nổi khùng". Trong tâm hồn bà không hề có sự phân biệt da trắng da đen. Khi ở California, có phong trào kỳ thị trắng đen do nhóm da đen *Black Panther* chủ trương, có người hỏi tại sao gia đình bà im lặng, bà nói: Trong khi con báo gầm thét như thế, còn ai lắng nghe tiếng nói của chúng tôi nữa?

Dorothy West viết không nhiều, nhưng bền. Bằng chứng là bây giờ bà vẫn còn viết. Sách của bà luôn luôn được các nhà xuất bản nồng nhiệt đón nhận. Mấy năm trước đây, Jacqueline Kennedy Onassis đã từng là người đứng xuất bản sách của bà. Hồi còn sống, tuần nào Jacqueline cũng đến nhà uống trà với bà, và thôi thúc bà viết cho xong cuốn tiểu thuyết *The Wedding* (Hôn lễ). Vì vậy, khi sách được xuất bản, bà ghi mấy dòng tưởng nhớ Jacqueline ở trang đầu.

Cuốn *Hôn Lễ* vừa phát hành tháng 2 năm nay (1995), thì bây giờ đã có tin là Dorothy West bắt đầu viết một cuốn "lịch sử" về giới da đen thượng lưu Oak Bluffs, cộng đồng da đen của tác giả.

Câu "lão lai tài tận" e không thể áp dụng với bà cụ da đen "đa thọ, đa văn, đa phú quí" này.

Viết để kiếm sống và vui sống

Câu trên là của nhà văn Pháp Michel Tournier (1924).

Tournier đến với văn chương hơi muộn: Năm 43 tuổi. Trước đó, ông chỉ nghĩ đến việc thi lấy cấp bằng thạc sĩ để đi dạy học, chứ không nghĩ đến việc viết văn. Chỉ sau khi lận đận trên con đường khoa cử, ông mới bắt đầu viết. Tác phẩm đầu tiên của ông là quyển tiểu thuyết *Vendredi ou les Limbes du Pacifique* (Thứ Sáu hay Trên Bờ Thái Bình Dương), được xuất bản năm 1967. "Thứ Sáu" là nhân vật da đen đã giúp đỡ cho Robinson Crusoe, nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết phiêu lưu nổi tiếng xuất bản lần đầu năm 1719 của nhà văn Anh Daniel Defoe (1660-1731). Tournier còn khai thác đề tài "Thứ Sáu" một lần nữa trong cuốn *Vendredi ou la Vie Sauvage* (Thứ Sáu hay Cuộc Sống Hoang Dã).

Tính cho đến nay, sau gần 30 năm cầm bút, Tournier cũng chỉ mới được trên chục tác phẩm xuất bản, trong đó có quyển *Le Roi des Aulnes* (Vua Rừng Xích Dương) xuất bản năm 1970, được giải thưởng Goncourt.

Nhưng ông được giới văn học Pháp cho là một nhà văn đương thời có tư tưởng lạc quan, có nhiều ảnh hưởng hữu ích đối với thanh thiếu niên Pháp hơn cả.

Gần đây, tờ *Le Figaro Littéraire* có phỏng vấn Tournier về những tác phẩm của ông, và của người khác, cùng cách đọc sách. Sau đây là những ý chính của bài phỏng vấn.

Hỏi: Xin cho biết con đường dẫn ông vào văn học.

Đáp: Cho đến năm 25 tuổi, tôi chỉ nghĩ đến triết học và nghề dạy học. Tôi muốn trở thành một giáo sư dạy triết. Nhưng sau bao nhiêu cố gắng mà vẫn không lấy được bằng thạc sĩ, tôi đành phải chọn con đường khác. Tôi đi làm cho ngành truyền thanh. Đây là dịp tốt để tôi tiếp xúc với đại chúng. Tôi cũng nghĩ ngay đến việc đưa những hiểu biết của tôi về triết học vào lãnh vực văn chương. Nói một cách khác, tôi dùng máy đánh chữ của Kant, của Hegel để viết những chuyện tình, những chuyện phiêu lưu, những chuyện làm ăn, và những chuyện đi câu đi săn... Chuyện "Thứ Sáu" của tôi là một thí dụ. Tôi đặt câu chuyện trên căn bản đạo đức học của Spinoza.

Hỏi: Những cuốn sách của ai đã ảnh hưởng đến cuộc đời của ông hơn cả?

Đáp: Trước hết, phải kể cuốn *Nils Holgersson* của Selma Lagerlöf. Tôi đọc cuốn này từ hồi 9 tuổi, và từ đó đến giờ, tôi vẫn giữ kỹ bên mình bản mà cha tôi đã cho tôi hồi ấy, để lâu lâu lại lấy ra đọc lại. Tác giả thứ hai có ảnh hưởng nhiều với tôi là Flaubert. Quyển *Gaspard, Melchior et Balthazar* (Đạo Sĩ) của tôi đã lấy ý ở chuyện *Hérodias* của ông ấy. Theo tôi, có 2 Flaubert: Flaubert viết *Salammbô* là Flaubert "màu sắc", còn Flaubert viết *Madame Bovary* là Flaubert "đen trắng". Tôi thích Flaubert màu sắc hơn.

Hỏi: Có một cuốn sách nào mà ông coi trọng hơn mọi cuốn khác không?

Đáp: Tôi phải trả lời câu hỏi này theo cảm hứng. Có một cuốn sách đối với tôi như một cú sốc, tôi rất thích thú, nhưng sau đó tôi không đọc lại. Đó là cuốn *Les Indes Noires* của Jules Verne, xuất bản năm 1877. Câu chuyện như vầy: Ở Tô-Cách-Lan, có một vùng mỏ than ngầm được cải dụng làm chỗ cư trú. Có một số người thích khung cảnh ngầm dưới đất, đến ở đó từ lâu. Một cô thiếu nữ sinh ra trong hoàn cảnh đó, chưa bao giờ mơ ước được lên mặt đất. Nhưng có một thanh niên bên ngoài yêu cô, đưa cô ra ngoài, hi vọng cô thích ánh sáng mặt trời, thích quang cảnh rực rỡ trên mặt đất, và bằng lòng chung sống với anh ta. Nhưng cô gái lóa mắt, thuyết phục người yêu trở vào lòng đất, vì cô nghĩ hạnh phúc chỉ có trong lòng đất. Cũng gần giống chuyện thần thoại Orphée và Eurydice (1).

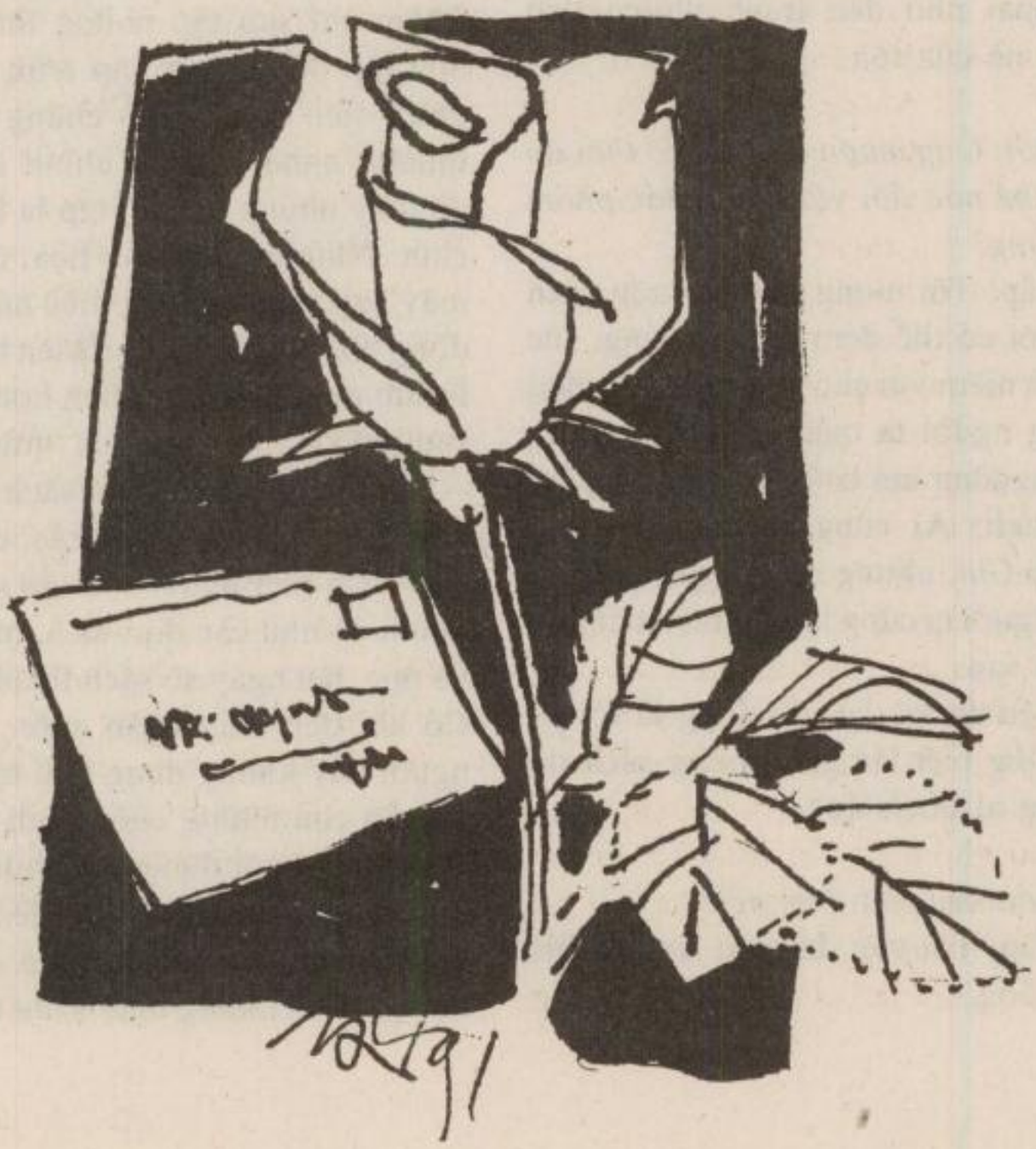

Hỏi: Sách có thể nào làm thay đổi hướng đi của một cuộc đời không?

Đáp: Một cuốn thì không thể, nhưng nhiều cuốn chung lại, và dần dà, thì có thể. Trong lãnh vực thuần túy văn học không mấy rõ, nhưng trong lãnh vực tín ngưỡng, thì ảnh hưởng thật hiển nhiên. Tín đồ Thiên Chúa Giáo, người nào cũng chịu ảnh hưởng của Phúc Âm.

Hỏi: Tại sao ông đọc sách?

Đáp: Một ngày nào đó, tôi sẽ ngưng viết, có thể vì không còn thấy nhu cầu phải viết nữa. Nhưng chắc chắn hễ còn sống là tôi còn đọc. Không thể không đọc. Đối với tôi, đọc là nhu cầu, đọc là mê say, đọc là sinh hoạt. Mỗi khi sửa soạn đi du lịch, sự bận tâm của tôi là lựa chọn những cuốn sách để đem theo. Nếu tôi chọn lầm để phải đọc cuốn sách dở, hoặc chọn không đủ đọc trong chuyến đi, thì tôi sẽ bực bội lắm. Tôi hiểu tâm trạng của Henry de Montherlant(2) khi ông tự tử năm 1972: Cặp mắt gần như mù không cho phép ông đọc sách nữa.

Gần đây, ban quản trị một thư viện công xin tôi một câu để viết lên tường thư viện. Tôi đề nghị câu này: *Đọc sách, đọc sách nữa đi. Các bạn sẽ cảm thấy sung sướng vì hiểu biết.*

Hỏi: Đã có lần nào, ông thất vọng khi đọc sách không?

Đáp: Có những cuốn sách chúng ta thích, và những cuốn sách mà ai cũng công nhận là kiệt tác, nhưng chúng ta không thể thích. Có 2 tiểu thuyết gia Pháp mà tôi phải công

nhận là quan trọng nhất trong thế kỷ 20, mà tôi không thích đọc họ, là Marcel Proust và Louis-Ferdinand Céline. Tóm lại, có 2 loại tác phẩm: Loại thứ nhất bài bác, loại thứ hai tán dương. Loại thứ nhất nhăn mày nhíu mặt và cười châm biếm, và nhiều khi thành công lớn, như trường hợp tập *Hồi Ký* của Saint-Simon. Loại thứ hai ca ngợi cái đẹp, cái cao thượng, cái phi thường, và cho ra những Racine, Victor Hugo, Paul Valery... Tôi cố gắng đi theo loại này.

Hỏi: Trong số nhà văn hiện nay, ông thích ai?

Đáp: Theo tôi, nhà văn lớn nhất của chúng ta hiện nay là Julien Gracq. Ngoài ra, cũng cần kể thêm 10 người thuộc Hàn-Lâm-Viện Goncourt là Hervé Bazin, Francoise Mallet-Joris, Edmonde Charles-Roux, Jean Cayrol, Daniel Boulanger, Francois Nourissier, Robert Sabatier, André Stil, Francoise Chandernagor và Didier Decoin. Tất cả các nhà văn này đều thuộc truyền thống tự nhiên-hiện thực có từ thời Edmond de Goncourt, khởi xướng do Flaubert, Tourgueniev, Maupassant, Huysmans, Daudet và Zola.

Nhưng tôi cũng có mối đồng cảm với 3 nhà văn Dominique Fernandez, Pierre Moustier và Hector Bianchiotti.

Ngày nay, những "quán văn", những "khách thính" không còn nữa. Nhưng những phương tiện truyền thông cũng đã một phần nào thay thế những nơi hội họp kia. Thỉnh thoảng, trong khi lái xe, qua truyền thanh, tôi nghe một nhà văn trả lời phỏng vấn. Tôi chưa gặp nhà văn, nhưng tôi đã đọc tác phẩm, và đã được nghe nói. Tôi liền cảm thấy gần gũi. Như vậy, truyền thông đại chúng cũng làm được nhiệm vụ "dĩ văn hội hữu".

Hỏi: Ông đã gặp chưa một tác phẩm, mà ông muốn chính ông là tác giả?

Đáp: Câu hỏi này thú vị đấy. Là vì trong thực tế, có rất nhiều tác phẩm hay, chúng ta phải ca ngợi, nhưng lại thấy không thuộc về mình. Ngược lại, có những tác phẩm mà ngay khi gặp, chúng ta liền kêu lên: "Đây chính là chủ đề thân thiết của ta đây". Đối với tôi, đó là cuốn *Les Mémoires d'Hadrien* của Marguerite Yourcenar(3). Khi cuốn này được đưa cho nhà Plon xuất bản, tôi đang làm việc tại đó. Tôi đã ngày đêm lo cho cuốn sách được sớm phát hành.

Hỏi: Trong những tác phẩm của ông, ông quí hơn hết cuốn nào?

Đáp: Cuốn *Vendredi hay Cuộc Sống Hoang Dã*. Nhưng không phải vì lý do cuốn ấy bán chạy và được dịch ra nhiều. Cho tới nay, thì tại Pháp đã bán được trên 2 triệu cuốn, và nó đã được dịch ra 30 thứ tiếng. Bản dịch mới nhất bằng tiếng Thái-Lan. Tôi quí nó, vì với nó, tôi đã có nhiều kỷ niệm khó quên... Một ngày trước Noël, tôi đã đến Quốc Gia Học Viện dành cho các thiếu nhi mù, phát cho 130 em, bản in bằng chữ Braille cuả cuốn ấy. Năm 1991, tôi được mời sang Tallinn (thủ đô của Estonie) dự lễ phát hành cuốn ấy, in bằng tiếng Estonie.

Cuốn sách nhỏ này đã khiến hàng chục triệu trẻ em suy nghĩ, mộng mơ, cười và khóc. Và nó cũng nhắc cho tôi phải nhớ đến trách nhiệm thật nặng nề của tôi.

Hỏi: Ông muốn độc giả có thái độ như thế nào đối với những tác phẩm của ông?

Đáp: Tôi mong những cuốn sách của tôi có thể đem lại ánh sáng, sức ấm và niềm vui cho mọi nơi. Tôi cũng mong người ta quên cá nhân tôi đi. Tôi ngưỡng mộ trường hợp Margaret Mitchell. Ai cũng biết *Cuốn Theo Chiều Gió*, nhưng rất ít người biết về bà. Người ta cũng không biết mặt mũi bà ra sao.

Nếu ngược lại, thì đúng là tồi tệ. Ai cũng biết tác giả, nhưng sách thì không ai thích đọc.

Hỏi: Tại sao ông viết?

Đáp: Tôi viết để mưu sinh, và để vui sống.

*

* *

(1) Trong thần thoại Hy-Lạp, Eurydice là vợ của Orphée. Eurydice bị hãm hại, phải xuống địa ngục. Orphée xuống tận địa ngục cứu vợ, đã được phép đưa vợ lên dương thế. Nhưng vì Orphée không giữ được lời hứa, đã quay lại nhìn vợ khi chưa ra khỏi địa ngục, nên Eurydice biến mất.

(2) Henry Millon de Montherlant (1895-1972) là nhà văn nổi tiếng của Pháp, đã được bầu vào Hàn-Lâm-Viện Văn Chương Pháp quốc, từ năm 1960. Khi cặp mắt suy nặng, ông lo lắng bị mù, nên tự tử.

(3) Marguerite Yourcenar (1903-1987) là nữ tiểu thuyết gia nổi tiếng của Pháp. Bà là người phụ nữ đầu tiên được bầu vào Hàn-Lâm-Viện Văn Chương Pháp quốc, từ năm 1980. Cuốn *Mémoires d'Adrien* của bà được xuất bản năm 1951.

Mê sách

Nhà Henry Hold & Company vừa xuất bản một cuốn sách khá dày (trên 600 trang) của Nicholas A. Basbanes. Cuốn sách nói về những người sưu tập sách, có cái nhan là *A Gentle Madness*. Dựa theo nội dung, tôi xin dịch thoát thành *Cũng Là Khùng*.

Chắc các bạn cũng đã từng gặp những người có sở thích sưu tập. Thậm chí sưu tập những thứ rất lạ. Sưu tập đồ cổ, sưu tập tem, sưu tập đồng tiền xưa... thì chúng ta vẫn thường nghe. Nhưng chính tôi cũng đã thấy những bộ sưu tập lạ hơn một chút: Những bức danh họa, mô hình máy bay, xe tăng; ống điếu hút thuốc; đồng hồ, bút máy; vé số kiến thiết. Có lẽ sưu tập kể đầu tốn tiền hơn hết, và sưu tập kể cuối có thể là "miễn phí".

Nhưng có ai sưu tập sách không? Có đấy, các bạn. Tuy nhiên, chúng ta cần phân biệt người sưu tập sách với người có nhu cầu đọc sách, mua sách về đọc, lâu ngày số sách thành nhiều. Có khi đến mấy ngàn cuốn. Những người này không dụng tâm trở thành sở hữu chủ những cuốn sách kia. Họ chỉ cần cái nội dung của chúng. Nếu đọc xong là nhớ hết, thì có lẽ họ cũng không cần giữ những cuốn sách ấy làm gì. Còn những người sưu tập sách

có dụng tâm chiếm hữu sách, có thể họ không đọc cuốn nào cả, nhưng họ cố công gom sách cho nhiều. Cũng có thể bộ sưu tập của họ có những cuốn sách rất đáng giá, rất quí, hoặc rất hiếm. Nhưng họ chỉ gom những tác phẩm ấy theo nhận định chung. Rồi một khi có trong tay, họ sẽ không hăm hở đọc như một học giả nghèo gặp một cuốn sách hay, mà chỉ nâng niu cuốn sách quí như một báu vật. Thái độ ấy có gì đáng chê không, các bạn? Theo tôi, không có gì đáng chê. Dù không đọc, sưu tập sách cũng còn có ý nghĩa hơn sưu tập ống điếu, đồng hồ. Cũng có thể có ý nghĩa hơn sưu tập đồ cổ nữa. Trừ khi... , xin các bạn lưu ý cái "trừ khi" này. Trừ khi, sưu tập được những quyển sách hiếm, rồi cứ bo bo giữ, thậm chí không cho người có nhu cầu tham khảo mượn để sao chép.

Tiện đây, tôi xin kể các bạn nghe vài "giai thoại" về sưu tập sách (hay ngắn hơn là "chơi sách").

Hồi còn trẻ, tôi không có đủ tiền để mua sách đọc. Tại quê tôi lại không có thư viện. Nhưng tôi có cái may là có mấy người bạn khá giả thích chơi sách. Cứ mượn xoay vòng, tôi cũng có đủ sách mới xuất bản để đọc, mà không phải nhịn tiêu những khoản cần thiết. Có khi, tôi còn xúi bạn nhờ nhà Lê-Phan ở Sài-Gòn gởi qua Pháp mua cho những cuốn khá mắc tiền. Thế rồi một hôm, mượn được cuốn *La Porte étroite* của André Gide, còn hăng mùi giấy mực, từ tủ sách của một trong những người bạn khá giả kia. Tôi thấy ghi ở trang đầu ngày mua, ở trang cuối ngày đọc xong, có cả giờ nữa. Hình như một hai giờ sáng gì đó. Khi đem trả sách, thấy bạn đang rảnh, tôi hỏi anh nghĩ sao về cuốn sách. Anh nói:

- Mình chưa đọc. Trước đây, đã đọc bản dịch, nhưng quên cả rồi. Chuyện hay không? Anh kể lại nghe coi.

Ở một người bạn khác, thì thú "chơi sách" còn rõ rệt hơn nữa. Anh rất thích kiếm hiệp Kim-Dung, đã mua đủ các bộ để đọc, và sẵn sàng cho bè bạn mượn. Nhưng cất kỹ trong tủ sách của anh, cũng là những cuốn ấy, đóng thành tập dày như những cuốn từ điển, bìa da, chữ mạ vàng. Nhìn qua kính tủ, ai cũng tưởng là những quyển bách khoa tiếng Pháp, tiếng Anh. Anh bạn này, vừa đọc sách, vừa chơi sách.

Thôi, chúng ta trở lại với quyển *Cũng Là Khùng* của Nicholas A. Basbanes.

Nói một cách tóm tắt, Basbanes "sưu tầm" những người sưu tầm sách ở tầm cỡ thật lớn, thật đặc biệt. Tác giả thật đã có công điều tra: Dẫn thuật gần như đầy đủ, ghi chú rất rõ ràng, nhận định nhiều chỗ rất xác đáng. Ở đây, tôi chỉ trích dẫn một số trường hợp thật "điển hình".

Vụ thứ nhất: Một người đàn ông Mỹ tên là Stephen C. Blumberg bị tù vì đã ăn cắp những bản thảo và sách của gần 300 thư viện công cộng thuộc Hoa-Kỳ, Mễ-Tây-Cơ, và Gia-Nã-Đại. Khi bị đưa ra tòa, ông ta tự biện minh rằng tâm trí không bình thường. Tất nhiên, mọi người kể cả quan tòa, không cần điều tra cũng biết tâm trí của đương sự không bình thường. Nếu bình thường thì đã không đi ăn cắp sách. Nhưng lý do bào chữa không giúp Blumberg thoát tội.

Số sách Blumberg "sưu tập" được không nhiều lắm, nhưng toàn sách quí. Bản thảo thì không có bao nhiêu. Có điều không ai biết là ông ta có đọc được cuốn nào không. Hay thì giờ của ông ta phải dùng hết vào việc đi lấy về.

Vụ thứ hai: Haven O'More, cũng là người Mỹ, trông bề ngoài thì là "khố rách áo ôm", nhưng suốt ngày đi lùng kiếm sách hiếm, sách quí. Kiếm được thì bỏ tiền ra mua, chứ không phải lấy trộm như Blumberg. Có khi ông ta trả giá rất cao cho những cuốn sách cổ có nhiều nhà nghiên cứu rất muốn nhưng không dám đụng tới. Hành động của O'More hợp pháp, nên không bị ai cản trở. Người ta chỉ thắc mắc người "bần cùng" như thế thì mua sách để làm gì, và tiền đâu mà mua. Nhưng về sau thì người ta hiểu. O'More là người "chơi sách" nhưng đồng thời cũng là người quyết tâm tự học, nên cũng có đọc những cuốn sách mua được, và kiến thức ông ta cũng khá. Còn tiền, thì là một chuyện rất lạ: Không biết ông ta làm cách nào thuyết phục được một người bạn trẻ rất giàu, bỏ ra cho ông ta 17 triệu đồng để ông ta đi khắp nơi, lùng kiếm sách quí mua về.

Về vụ này, tác giả Basbanes tỏ ra rất hài lòng khi tìm hiểu được điểm chính yếu: Haven O'More mà ngày nay ai cũng phải nhìn nhận là nhà sưu tập sách vĩ đại, chính thị là Haven Moore, cậu thiếu niên mù chữ bị gọi nhập ngũ trong thời Đệ Nhị Thế Chiến.

Vụ thứ ba: Aaron Lansky, cũng người Mỹ, bắt đầu sưu tập sách khoảng thập niên 1970, trong khi đang theo học tại Đại học Hampshire. Anh rất quan tâm đến vấn đề Phát xít Đức thảm sát người Do-Thái, nên cố ý tìm đọc những sách vở liên hệ. Trong khi tìm hiểu chuyện đó, anh lại phát hiện ra rằng đã từ cả ngàn năm, đa phần người Do-Thái ở khắp nơi, trong khi nói chuyện với nhau vẫn dùng tiếng Yiddish (thứ tiếng Đức cổ, có pha trộn một phần tiếng Do-Thái, mà người Do-Thái cư trú trong vùng Đông-Âu vẫn dùng).

Ngày nay tiếng Yiddish đã hầu như biến mất khỏi Hoa-Kỳ. Và sách vở viết bằng Yiddish cũng không còn, vì không ai đọc được. Nghĩ rằng cần phải "cứu" tiếng Yiddish, Lansky ra sức sưu tập các loại sách báo viết bằng thứ tiếng ấy. Trong 4 năm, anh đã gom được 300 ngàn cuốn. Anh đã thiết lập *Trung Tâm Quốc Gia Sách Báo Yiddish*, và đã được giải thưởng MacArthur.

Vụ thứ tư: Khoảng đầu thế kỷ, thân phụ của Ruth Baldwin là một nhà biên khảo chuyên nghiên cứu về Shakespeare. Một hôm, ông cụ nói với ba chị em bà:

- Cha nghĩ sưu tập những tác phẩm đầu tiên của các nhà văn, nhà thơ là một thú vui thanh nhã. Trong các con, có đứa nào muốn làm công việc đó không?

Ruth Baldwin làm theo lời cha, và càng ngày càng thấy thích thú. Tất

nhiên ở buổi đầu, bà được thân phụ giúp đỡ. Cho đến bây giờ, bộ sưu tập của bà đã vượt con số 100 ngàn cuốn. Toàn là tác phẩm của những tác giả vị thành niên, hoặc còn rất trẻ: Những tác phẩm mở đầu văn nghiệp.

Nhưng có một điều lạ, lạ đến kỳ dị, là Baldwin không cho bất cứ ai động đến những cuốn sách kia. Một giáo sư cùng dạy với Baldwin tại Đại học Florida phàn nàn:

- Không biết bà ấy có tính đem theo khi chết không.

*

* *

Tiếp theo, tác giả kể cho chúng nghe một số trường hợp thật đặc biệt:

. Một tu sĩ người Tây-Ban-Nha hoàn tục để đi đây đi đó tìm sách hiếm, đã phải giết người để chiếm sách. Ông ta giết đến người thứ tám, mới bị bắt.

. Một người Mỹ ngẫu nhiên mua được một tác phẩm in lần đầu tiên của Edgar Allan Poe (1809-1849) tại một tiệm bán sách cũ với giá 15 đồng. Cách đây ít lâu, cuốn sách ấy được bán đấu giá với giá 198 ngàn đồng.

Trường hợp trên không phải chỉ là hơi khùng mà còn là điên nặng; trường hợp dưới thì không khùng chút nào mà là quá khôn.

Lộ trình của Đạt-ma tổ-sư

Mới đây, từ Kancheepuram (Ấn-Độ) đặc phái viên Francois Gautier đã gởi về cho tờ *Le Figaro* một bài phóng sự về nghề võ, nhắc đến thiền sư Đạt-Ma, đến con đường Đông du của phép tu tịnh tâm. Thật ra, xét về mặt nghiên cứu nguồn gốc và ảnh hưởng của võ thuật Trung quốc, thì bài báo này rất sơ lược, thậm chí còn có điểm sai lầm nữa. Chúng tôi trích dẫn, chỉ cốt nêu ra vấn đề này: Trong thời hiện đại, khi một phát súng có thể hạ ngay một võ sư khổ luyện cả đời, tại sao người ta còn chú trọng đến võ thuật cổ truyền? Mục đích của họ là thể dục, là đức dục, là giải trí, là phô trương, hay là thương mại? Theo tôi, hình như tất cả đều có. Tùy trường hợp, tùy người, yếu tố nào đó trội hơn.

Theo Gautier, ông tổ của võ thuật Trung quốc, nhất là võ thuật Thiếu-Lâm, là Đạt-Ma. Đạt-Ma người vùng Kerala (thuộc một vương quốc ở Ấn-Độ), nguyên là một hoàng tử, nhưng đã từ bỏ ngôi vị để đi sang Trung quốc, truyền bá Phật pháp. Về Phật pháp, Đạt-Ma không hề dạy cho đệ tử các nghi thức tu trì, mà chỉ khuyên họ một câu: "Phật ở trong tâm các con".

Ngôi chùa mà Đạt-Ma dừng lại lâu là chùa Thiếu-Lâm (theo Gautier thì chùa này được dựng năm 495, thời Bắc-Ngụy). Tại đây, Đạt-Ma đã nghiên cứu và phổ truyền các môn võ thuật, mà căn bản ông đã thụ đắc từ quê nhà. Nngày nay, người Ấn-Độ vùng Kerala vẫn tiếp tục truyền thống thượng võ. Chủ yếu, Đạt-Ma truyền cho các đệ tử cách tự vệ bằng tay không, cách luyện công, cách điểm huyệt và giải huyệt. Về sau, khi Đạt-Ma viên tịch đã lâu, các vị cao tăng chùa Thiếu-Lâm (kiêm võ sư) mới đem những căn bản võ thuật chính truyền ấy ra nghiên cứu thêm, áp dụng vào những phép đánh với binh khí. Họ thu nhận đồ đệ, thành lập môn phái riêng, lần lần biến việc luyện võ để dưỡng khí tịnh tâm của tổ sư, thành những kỹ thuật đánh người, giết người.

Khi từ Trung quốc tiến sang Nhật bản, Phật giáo dừng lại tại Okinawa. Võ thuật Thiếu-Lâm phối hợp với võ thuật cổ truyền của địa phương, tạo ra môn Không Thủ Đạo.

Riêng tại vùng Kerala ở Ấn-Độ, ngày nay vẫn có những võ sư thụ đắc qua nhiều thế hệ võ thuật chính truyền có từ thời Đạt-Ma. Nhưng "tay nghề" của họ rất đa dạng. Họ luyện, không chỉ quyền cước, mà còn đủ cả "thập bát ban" đao, thương, kiếm, kích... không thiếu thứ gì. Đặc biệt là môn gậy gỗ cong như ngà voi, chuyên dùng để điểm tử huyệt của kẻ thù.

Riêng về điểm huyệt, võ sư Sharanga Prasad (người Kerala) nói:

- Từ mấy ngàn năm trước, tổ tiên chúng tôi đã tìm ra 96 huyệt trên thân thể con người. Nếu bị điểm trúng những huyệt ấy, nạn nhân sẽ bị đau đớn dữ dội. Phải xoa bóp ở những chỗ tương ứng mới chữa được. Thí dụ ở giữa hai con mắt, trên lông mày chừng 5 li, có một trọng huyệt mà người Ấn-Độ chúng tôi thường gọi là "con mắt thứ ba", và cũng có người đánh dấu bằng một chấm đỏ. Đó là huyệt *Thilaka Varnam*. Nếu bị đánh vào huyệt này, nạn nhân sẽ ói máu, và người chữa phải ấn một huyệt trên đỉnh đầu nạn nhân, mới cầm được máu. (Ở đây, có lẽ võ sư Prasad đề cập đến 2 huyệt "Ấn Đường" và "Bách Hội"). Về sau, người ta đưa kiến thức điểm huyệt và giải huyệt vào lãnh vực chữa bệnh. Về mặt này, vùng tiếp nhận trung gian là Tây-Tạng, trước khi lan tràn khắp Trung quốc, sang Nhật bản, rồi khắp Á châu, để có tên là thuật "châm cứu".

Cũng theo Prasad, tại Ấn-Độ, những thiền sư dạy thuật châm cứu, và dùng châm cứu chữa bệnh, không bao giờ lấy tiền. Họ biết họ là những người may mắn thừa hưởng được di huấn của Đạt-Ma Tổ-Sư: "Tập võ là để đưa thân thể đến chỗ toàn hảo, vô bệnh".

Còn ngày nay thì sao? Căn bản có từ Đạt-Ma, qua Thiếu-Lâm tự, và nhiều võ phái khác ở khắp mọi nơi trên hoàn vũ, qua nhiều thế hệ võ sĩ, ngày nay chúng ta còn lại 2 chữ "Công Phu" biểu tượng cho nền võ thuật Á Đông.

Nhưng con người ngày nay, khi nghiên cứu "công phu", đã không thiên về "tâm" mà chỉ chú trọng về "thuật". Họ không dừng lại ở Thái-Cực quyền dưỡng sinh, ở châm cứu chữa bệnh, ở điều khí định tâm, mà tiến rất xa, mở rất rộng. Cứ coi những cuốn phim "công phu" thì biết. Người làm phim kiếm được nhiều tiền, còn người xem phim thì được gì? Chỉ là ấn tượng của vũ lực và bạo lực. Và một số thanh niên bỏ tiền bỏ công đi học võ, cũng chỉ là để kiếm tiền bằng cách tạo cái ấn tượng ấy cho khán giả điện ảnh.

Trên hành trình đông du, Đạt-Ma đã dừng lại ở núi Thiếu-Thất. Nhưng võ thuật của ông đã không dừng lại.

Nó lan tràn khắp nơi, lợi dụng tên tuổi của ông để mưu lợi. Đệ tử xa đời của ông không gây tai kiếp gì cho giang hồ, nhưng đem bí truyền cao quí của sư môn mà bán rao hốt bạc, thì cũng là "khi sư diệt tổ".

Tin được hay không

Trong khoảng tháng 7.1995, từ Nam-Dương truyền ra rồi lan đi khắp thế giới, một cái tin giật gân: "Mới phát hiện được một bộ lạc sống trên cây và ăn thịt người". Loại tin này, trước đây chừng một trăm năm, thường được các nhà nhân chủng học tin là có, và họ chuẩn bị lên đường để đến tận nơi kiểm chứng.

Nhưng ngày nay, khi thiên niên kỷ thứ hai sắp trọn, khi mà bao nhiêu vùng rừng sâu núi thẳm đã bị gót chân các nhà thám hiểm và khoa học dẫm nát cả rồi, người ta đón nhận tin ấy với thái độ hoài nghi. Nhưng về hình thức, thì nguồn tin có xác cứ: Người báo tin là Arnold Tangkudung, trưởng mạng lưới thông tin của nhiều tờ báo Âu Châu đặc trách tỉnh Kurima của Nam-Dương, và nơi phát hiện bộ lạc kia nằm trong vùng rừng núi thuộc tỉnh Irian Jaya.

Tìm tới nơi để biết thực hư, chắc cũng không quá khó khăn. Nhưng cho tới nay, thì chưa có phái đoàn khoa học nào lên đường. Chỉ mới có giới báo chí quan tâm. Họ mở những cuộc điều tra riêng, và thăm hỏi các nhà nhân chủng học có thẩm quyền với chuyện "bộ lạc ăn thịt người" ở Nam-Dương.

Chúng ta cũng nên gác những chuyện "văn hiến" lại vài phút, để nghe chuyện "phi văn hiến" này, xem thiên hạ nhận định ra sao.

Thật ra, không phải ở xứ ta từ trước đến nay không có loại tin này. Có rồi, và là tin thật đấy, các bạn. Chỉ có điều là nghe không "giật gân" đó thôi. Thời tiền chiến, đã có nhiều người gặp tại vùng rừng núi nam Quảng-Bình bắc Quảng-Trị, những người sống lẩn lút trong rừng sâu, không bao giờ tiếp xúc với người lạ. Họ tự trồng trọt, săn bắn, hái trái rừng mà sống. Không hề có sự đổi chác, mua bán với bên ngoài. Nếu có sự dòm ngó hoặc lùng kiếm của xã hội văn minh, thì lập tức họ di cư sâu thêm nữa vào núi. Chưa ai nghe họ nói, cho nên không biết họ nguyên thuộc giống dân nào. Có nhà khoa học đoán rằng họ nguyên là người "văn minh", đã bị một biến cố chính trị nào đó (như nhà Trần diệt họ Lý chẳng hạn), phải trốn vào rừng sâu, rồi không muốn ra nữa.

Bây giờ, chúng ta hãy nghe nhà nhân chủng học Pierre Lemonnier nói về bộ lạc sống trên cây và ăn thịt người kia.

"Trong quá khứ, kể cả trong thời gian gần đây, không thiếu gì những chuyện bịa đặt, những tin tầm phào về những bộ lạc ăn thịt người. Nhưng ở Nam-Dương có những bộ lạc ăn thịt người là chuyện có thật. Vụ có thể xác nhận gần đây nhất là bộ lạc người Mek sống trong rừng sâu tỉnh Merauke, được phát hiện vào năm 1974.

"Nhưng phải hiểu ăn thịt người đây không phải là ăn thịt người để sống. Những giống người lạc hậu kia không ăn thịt người như ăn cơm, hay thịt thú rừng. Họ ăn theo tín ngưỡng và nghi thức riêng. Có giống ăn một chút gan, hoặc gân của kẻ thù đã bị hạ sát, để có thêm can đảm và sức mạnh trong chiến đấu. Có giống xúm nhau ăn trọn xác của người thân mới chết, để thừa hưởng những ưu điểm của người ấy. Có những phù thủy hóa trang làm thần linh, ăn thịt kẻ chết vì bị thư ếm, để có thêm tà thuật.

"Nếu một bộ lạc nào đó thực sự có ăn thịt người, thì thế nào chúng tôi cũng tìm được dấu tích là những cái xương. Có bộ lạc dùng sọ người làm vật gối đầu.

"Trong thực tế, đã có những bộ lạc ở Nam-Dương sống lẩn lút trong rừng sâu, không bao giờ tiếp xúc với người ngoài. Nhưng họ không sống trên cây, không ăn thịt người. Họ chỉ khác chúng ta là không văn minh, và cũng không muốn biết đến văn minh. Thậm chí, rất sợ văn minh làm phiền họ. Họ lẩn tránh những vị truyền giáo, những bác sĩ y tá, những người đi tìm mỏ... như thể lẩn tránh dịch hạch. Chỉ cần ba, bốn chục năm sống biệt lập trong rừng sâu, họ sẽ trở thành "bộ lạc" sống trên cây, hoặc "ăn thịt người" đối với những người thích phao tin".

Qua thành quả nghiên cứu của khoa nhân chủng, nhất là từ sau ngày nhà nhân chủng học lừng danh của Pháp là Claude Lévi-Strauss(*) cho ra đời cuốn *Tristes Tropiques* (Nhiệt Đới Buồn), những huyền thoại về đời sống dã man của một phần nhân loại sống trong rừng sâu, cứ chết mòn đi. Thật ra, trái đất của chúng ta cũng có che giấu ở đâu đó, ở những chỗ văn minh nhân loại khó tới nhất, một giống người lạc hậu có thể gợi lòng hiếu kỳ của chúng ta. Nhưng đó là ngày xưa, là trước đây. Ngày nay thì hầu như hết rồi. Những bộ lạc "sống trên cây và ăn thịt người" trở nên khó tìm. Các nhà nhân chủng học không tin là còn. Nhưng ngược lại, những người hiếu sự lại cứ mong là có.

*

* *

(*) Claude Lévi-Strauss (1909) là triết gia kiêm nhà nhân chủng của Pháp. Đầu thập niên 1950, ông đã thực hiện nhiều chuyến thám hiểm những vùng thổ dân thuộc xứ Ba-Tây và Nam Mỹ. Đến năm 1955, ông cho xuất bản cuốn *Tristes Tropiques*. Đây là những chứng liệu rất xác đáng về nhân chủng học, và về những bộ lạc.

Lévi-Strauss được bầu vào Hàn-Lâm-Viện Văn Chương Pháp quốc từ năm 1973. ●

Hai Người Đầu-Tiên Đúc Súng Phục-Quốc

Xuân Tước

Từ năm 1862 khi Pháp xâm chiếm Việt Nam, phong trào Cần Vương nổi lên ở miền Nam. Các dũng tướng của phong trào này là Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân ở Mỹ Tho, Trương Công Định ở Gò Công, Nguyễn Trung Trực ở Tân An và Rạch Giá, Đốc binh Nguyễn Kiều và Thiên hộ Võ Duy Dương ở Tháp Mười, Phan Tôn và Phan Liêm (con cụ Phan Thanh Giản) ở Bến Tre và Vĩnh Long... Trong thời gian này, nghĩa quân chiến đấu với vũ khí thô sơ như gươm, giáo, giàn ná bắn tên hoặc cướp vũ khí của địch để đánh địch. Nhưng thế lực của thực dân Pháp lúc ấy rất mạnh, cướp đồn đoạt súng không phải là chuyện dễ.

Đến năm 1871, Pháp bắt đầu đánh ra Bắc. Không thể ngồi yên nhìn cảnh nước mất nhà tan, quân ta chiến đấu mạnh mẽ hơn nhưng vẫn không thu được kết quả bao nhiêu. Những nhà lãnh đạo phong trào Cần Vương nhận thấy khuyết điểm lớn của quân nhà là thiếu vũ khí có tác động mạnh như vũ khí của Pháp. Tinh thần cao mà vũ khí kém là một nhược điểm về quân sự cần được khắc phục gấp. Thế nên việc quan trọng đối với phong trào chống Pháp là phải chế tạo được một khẩu súng như của Pháp.

Khẩu súng đầu tiên: súng Hàm Trực

Theo một tài liệu của ông Đẩu Tiếp đăng trên báo *Mai* năm 1939 thì người đầu tiên lo việc đúc súng là ông Nguyễn Hàm Nghi, còn gọi là ông Hàm Trực vì tính khí cương trực của ông.

Ông Hàm Trực người làng Trung Ái, là em ông Nguyễn Hàm Ninh, một danh sĩ lúc ấy đang làm quan ở Huế. Nhiều lần ông Ninh rủ ông Trực ra kinh để tìm cơ hội tiến thân nhưng với bản chất tự cường, với tính khí khẳng khái, ông cương quyết từ chối. Ông ra Nghệ An làm thầy đồ và tự học thêm.

Thi đỗ cử nhân, ông được Hậu bổ ở Hoan Châu rồi thăng Tri huyện ở Nguyên Hưng, nổi tiếng uyên bác, có nhiều biệt tài. Chính ông Hàm Trực đã chế tạo ra nhiều máy móc khéo léo, kể cả ca-nông tàu thủy và máy xe các loại.

Chẳng bao lâu ông cáo bệnh từ quan, về làng kết giao với ông Cử Mai Tập trước đó từng giữ chức Tham tri bộ Lễ. Lúc ấy Pháp khai quật lăng mộ vua Tự Đức để lấy vàng và các báu vật chôn theo. Ông Mai Tập là người đã vào nghinh chiếc lư đồng ra khỏi lăng. Thương vua, xót nước, ông Mai Tập khóc hết nước mắt, làm tất lò hương rồi sau đó treo ấn từ quan.

Gặp nhau, ông Mai Tập và ông Hàm Trực rất tương đắc. Cùng một tâm tình, một ý chí nên khi nhóm Nam Thiên Hiệp Khách Cứu Quốc Hội của Bạch Xỉ Đoàn Chí Tuân ra đời thì hai ông cùng ra hợp tác.

Vào đêm 25 tháng 5 năm Ất Dậu (7.7.1985), Đoàn Chí Tuân được cử làm Bình Tây nguyên soái. Họ Đoàn liền chọn một số người có tài trí và mưu lược làm phó tướng, trong số đó có ông Hàm Trực, rồi rút về núi Đại Hàm làm căn cứ luyện quân.

Với tài sáng chế, ông Hàm Trực được giao cho nhiệm vụ chế tạo vũ khí. Loại súng đầu tiên này vì thế được mang tên là súng Hàm Trực. Khẩu súng gồm có những bộ phận: bá súng giống như bá súng của Pháp; thân súng có hai thanh: thanh trên và thanh dưới có thể kẹp bì đạn hoặc bẻ ra. Điểm đáng lưu ý là khẩu súng này dùng dây cung tống đạn đi. Dây làm bằng dây gấm lấy ở rừng, súng làm theo nguyên tắc của loại ná, hình thể giống như khẩu súng trường.

Dĩ nhiên là loại súng Hàm Trực không thể sánh với súng Pháp được. Nhưng nhóm của Hàm Trúc nhờ nó mà chiến đấu hữu hiệu hơn, đoạt được nhiều vũ khí của giặc và nghĩa quân Cần vương đã lập nên nhiều chiến công vang dội một thời.

Khẩu súng thứ hai: súng Cao Thắng

Người thứ hai chế tạo ra súng chống Pháp là Cao Thắng. Ông mở xưởng đúc súng ở Lê Động hai năm sau ông Hàm Trực.

Cao Thắng là một cận tướng của vua Hàm Nghi, thuộc phong trào Văn Thân của Phan Đình Phùng. Khi Pháp chiếm kinh thành Huế (1885) thì vua Hàm Nghi được Tôn Thất Thuyết đưa ra Tân Sở lập phong trào Văn Thân, kết hợp các sĩ phu yêu nước để chống Pháp. Các đội nghĩa quân phục quốc bắt đầu nổi lên ở Quảng Bình, Hà Tĩnh, rồi chiến khu Ngàn Trươi (chiến khu Vụ Quang) do Phan Đình Phùng lãnh đạo, tổ chức công cuộc chiến đấu chống Pháp theo một qui mộ rộng lớn hơn.

Trong chiến tranh, vũ khí là điều quyết định hơn thua, thế nên Cao Thắng mới nghĩ đến việc chế tạo một khẩu súng như kiểu của Pháp.

Lúc đầu, ông Cao chỉ làm được

loại súng hạt nổ mà thôi. Nhưng khi Phan Đình Phùng chạy ra Bắc thì Cao Thắng cùng với các chiến hữu là Cao Nựu, Cao Đạt, Nguyễn Niên thu tàn quân về ẩn náu trong rừng núi thuộc làng Lê Động mưu việc phục quốc. Ông dẫn lính về các làng làm nghề thợ rèn như làng Trung Lương và Vân Trung, huyện Cao Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, động viên hết anh em thợ rèn về làng Lê Động để lo việc đúc súng. Trong một tháng trời mới xong được một khẩu súng hạt nổ, thứ súng phải nhồi thuốc ở nòng chỗ con cò để hạt nổ, và khi có lửa bắt ra thì súng mới tống đạn đi.

Kết quả ấy không làm cho viên tướng trung kiên của cụ Phan hài lòng. Cao Thắng muốn có một thứ khí giới mạnh hơn, lợi hại hơn. Ông đã phải băn khoăn, quên ăn, mất ngủ vì không biết làm sao có được một khẩu súng của Pháp để lấy kiểu. Mua cũng không được vì đường sá bế tắc và biết đâu mà mua! Đánh đồn thì đồn địch quá kiên cố. Ông phải ra giải thưởng 1000 đồng cho ai tìm được một khẩu súng kiểu Pháp. May sao có một người lạ mặt giấu tên họ đến mách tin và bày kế cho ông phục kích một toán lính tập, đoạt được 17 khẩu súng và 600 bì đạn.

Có kiểu mẫu trong tay rồi, Cao Thắng liền trưng dụng thêm nhiều thợ rèn để bắt đầu công cuộc chế tạo. Ông tự tay tháo một khẩu súng ra từng mảnh, quan sát kỹ lưỡng, lấy ni tấc rồi đêm ngày ngồi bên những người thợ rèn đôn đốc việc đúc súng. Ròng rã mấy tháng mới đúc xong được 350 khẩu kiểu Pháp. Duy có thuốc và đạn là phải dùng thuốc ta, nguyên liệu làm súng đều lấy từ các vật dụng sẵn có trong vùng. Ruột gà thì dùng gọng dù uốn lại, sắt thì mua ở khắp các chợ miền quê như lưỡi cày, lưỡi cuốc, móng ngựa cũ... Bì đạn thì góp nhặt những mâm đồng, mâm thau, nồi đồng, đập ra thật mỏng rồi cuốn lại thành vỏ đạn.

Cơ xưởng chế tạo vũ khí của Cao Thắng hoạt động mạnh trong hai năm 1887 và 1888 tức là vào khoảng thời gian Phan Đình Phùng ra Bắc.

Trong quyển *Empire d'Annam*, Đại úy Pháp là Goselin đã tả khẩu súng của Cao Thắng như sau: "Khí giới của họ (chỉ nghĩa quân) là súng kiểu 1784 do ông Phan Đình Phùng chế tạo ra rất nhiều (ông này không biết là do ông Cao Thắng đúc). Tôi có đem nhiều khẩu súng đó về Pháp, trông nó giống đủ mọi vẻ như súng của các xưởng binh khí nước ta chế tạo đến nỗi các quan binh pháo thủ của ta khi xem phải lạ lùng, sửng sốt. Chỉ hiềm vì nó khác với khẩu súng ta ở hai điểm: ruột gà không đủ mạnh và nòng súng không xẻ rãnh do đó mà đạn bắn ra không xa, không mạnh..."

Thời đại "súng cà-lăm" của nước ta, cứ mỗi lần "ông cà-lăm" bịnh (không nổ) thì phải rước lương y chẩn bịnh và cho thuốc đã qua. Các ông Hàm Trực và Cao Thắng với thành tích chế tạo những khẩu súng kháng Pháp đầu tiên, đã đưa cuộc chiến đấu chống thực dân đến thành công vẻ vang trong tương lai. ●

---

lá phong và chim biển

tặng Hà Chính Bình

Con đường vắng, những hàng cây khoe sắc
Màu vàng thu, rực lửa, tím hoàng hôn
Tôi ngơ ngác chưa biết tên để gọi
Chiếc lá xanh rụng xuống úa trong hồn.

Rồi chợt nhớ hàng cây phong trước mặt
Lá đỏ tươi như thể những bàn tay
Mở năm ngón không bao giờ nắm chặt
Không toả hương mà lòng đã đắm say.

Con chim biển bay về cây trú ngụ
Lá xoè tay che bóng mát cho chim
Cánh run rẩy như nói lời tự thú
Mỏi đường bay nay mới đến nơi tìm.

Cây lặng lẽ không nói lời từ biệt
Gửi tình sâu vào lòng đất nhân từ
Tình yêu dấu nghìn lần không nói hết
Chim giấu vào đôi cánh mỏng vô tư.

Buổi sáng mai chim bay tìm bọt biển
Cây tiễn đưa, chiếc lá vẫy tay chào
Chiều đổ xuống, chim tìm về tổ mới
Chuyện tâm tình - chim với lá lao xao.

Tôi đứng lặng trong chiều xanh, phố vắng
Rồi âm thầm nhặt chiếc lá phong rơi
Chiếc lá đỏ như bàn tay sạm nắng
Che mát đời chim - xoải cánh những phương trời!

việt phong

Huyện-Ly

Hoàng Nga

tặng anh Bùi Công Thuấn

*C*ái huyện lỵ nhỏ, nằm quạnh hiu một góc, ẩn sau quốc lộ về Sài gòn, ngày trước được gọi là tỉnh, sau đổi là huyện. Đối với tôi, tỉnh hay huyện, nó cũng buồn như nhau. Năm tôi về đó, những hố bom vẫn chưa kịp lấp và mùi thuốc súng vẫn còn vương đầy trong không khí. Tôi làm bài tho cho người con trai hiền lành của tỉnh lỵ, không biết đưa ai con, tôi đưa cho anh Thuấn. Anh đọc rồi cười dịu dàng, không phê bình cũng không có ý kiến gì cả. *"Thời anh xa lớp học. Là em về nơi đây. Một trưa già ngơ ngác. Nắng vàng trên hàng cây... Cái phố chợ buồn thiu. Con đường mòn bụi đỏ. Dãy hàng quán đìu hiu... Cái nghèo nàn tội nghiệp. Cái quê mùa chát chua. Mười hai năm cơm áo. Đẩy đời em già nua..."*

Ở đấy, tôi buồn. Mỗi chiều đạp xe về ngang qua phố chợ, tôi vẫn tự hỏi không biết làm sao mà người ta có thể có được những mối tình thơ mộng ở cái huyện lỵ này. Tôi than với anh. Anh lại cười hiền:

- Nhưng ở đây vẫn có những trái tim nồng nàn, vẫn tràn đầy những nhịp đập đầm thắm nên bằng chứng là em vẫn còn làm thơ được.

Tôi làm thơ cho chàng tỉnh lỵ, nhưng chàng tỉnh lỵ không có dịp đọc thơ tôi. Tôi cũng chẳng có được mối tình nên thơ nào nơi ấy. Thỉnh thoảng gặp anh Thuấn, tôi vẫn đùa với anh chắc là tôi sẽ chôn cuộc đời tôi dưới ba tấc đất đỏ, kẹo quánh bùn sâu nơi này.

Trong cuộc sống, có những lúc người ta sống mà không biết sống để làm gì, sống cho ai. Lòng hoang mang ngơ ngác tự hỏi không biết tại sao mình lại có mặt vất vưởng trên trái đất này. Cái tỉnh lỵ nhỏ đã chứa tôi như chứa một người như vậy. Tôi đã vào ra như thể không vào ra, đã làm việc như thể không làm việc. Ngay cả cái ý thức qua ngày đoạn tháng cũng không có trong tôi. Tôi chỉ sống, bởi vì sáng mở mắt ra thấy mình vẫn chưa chết, tối lên giường thấy mình vẫn còn trở trăn, cử động. Cái thế giới chung quanh tôi như mơ hồ không có. Nhân gian, bạn bè chung quanh tôi chỉ là những chiếc bóng lập lờ.

Tôi vẫn nghĩ nếu như lúc ấy tôi mất trí hoặc điên, có lẽ tôi đã chẳng ngạc nhiên, và người khác cũng chẳng ngạc nhiên. Mà biết đâu họ lại thắc mắc là tại sao tôi không điên sớm hơn chút nữa, như có lần nhìn thằng bạn không còn bình thường của mình đạp xe long rong trong phố huyện, tôi đã thầm thương hại vì những cơn chấn động tâm thần đến quá trễ, khiến thời gian hắn phải chịu đựng nỗi buồn dài lâu hơn.

Cái đất nước tang thương, cái phố huyện tầm thường nơi tôi đã sống suốt những tháng năm thanh xuân của đời mình, giống hệt như một bức tranh tĩnh vật cũ kỹ, im lìm, lạnh lẽo. Mười hai năm ở đó, đời tôi dường như chẳng bao giờ thấy xôn xao. Cái phố huyện cũng chẳng có gì thay đổi, ngoại trừ một rạp xi-nê mới xây, nằm chình ình đối diện với nhà thờ chính toà của huyện lỵ, mà thằng bạn tôi, làm việc trong ủy ban kế hoạch của tỉnh, đã nói với tôi lúc đi kiểm tra chất lượng về:

- Có thể hôm nào đó mình phải đi phúng điếu Nga nếu Nga ham chui vào đó coi xi-nê. Nó có thể sụp bất cứ lúc nào.

Cái huyện lỵ với những con đường đầy ổ gà loang lổ tôi ngang qua hàng ngày, có những căn nhà bị bom đạn đổ nát trong chiến tranh, xập xệ, hoang tàn, nhưng hình như chẳng ai buồn sửa. Tôi đã chẳng hề ngạc nhiên vì sao con ngõ nhà anh Thuấn lúc nào cũng thấy gầy xác xơ những giậu dâm bụt không bao giờ được cắt tỉa chăm

sóc và cái lối đi vẫn gập ghềnh chông chênh những hố nước mưa. Có nhiều lần nhìn thấy anh trên đường đạp xe đi dạy, tôi vẫn thường nhủ thầm sẽ đến thăm và nói chuyện gẫu với anh một hôm. Nhưng rồi cái một hôm ấy chẳng khi nào được tôi đặt trong thời khoá biểu của mình và đã bị quên lãng một cách tội nghiệp. Thuở bạn tôi, em gái anh, chưa lấy chồng, mỗi bận đến chơi tôi hay nghịch ngợm nhảy qua cái rào thấp lè tè. Mười hai năm sau, trước ngày đi, tôi đến chào anh, vẫn còn thấy cái cổng thấp, cái sân tráng xi-măng buồn bã, cái hàng rào không thẳng cũng không xiêu vẹo, cảnh nhà vẫn bài trí một kiểu như xưa. Mười hai năm lam lũ ở tỉnh lỵ mà tôi đã bị gắn liền vì cái hộ khẩu nghiệp chướng, vì cả chuyến đò lỡ bước sang ngang, đã buồn bã như cái con ngõ, cái cảnh nhà của anh. Tôi ngạc nhiên làm thơ, lại cho anh chàng con trai tỉnh lỵ, *"Ôi lạ quá, thế mà em vẫn sống. Bao nhiêu năm thật buồn bã nơi này. Anh có mặt, và rồi anh mất hút. Đời vô tình hay trong ta phôi phai?"*

Tôi buồn. Anh Thuấn chắc buồn hơn. Anh bảo:

- Có nhiều đêm anh giật mình thức giấc, nằm nhẩm đếm thời gian trôi qua trong cuộc đời, cố ôn lại những ước mơ thời trai trẻ, nhưng khi nhận ra cái hoài vọng, cái nhuệ khí mình hao hụt dần theo năm tháng, anh giật mình thảng thốt. Lòng cứ bảo là phải bắt đầu lại cái gì đó, phải làm một cái gì đó khác hơn. Nhưng rồi mỗi sáng mai thức dậy đi làm, vội vã lao ra ngoài với bụng rỗng, bàn tay không, anh lại mệt nhoài nhìn chung quanh, biếng lười trở dậy, biếng lười nghĩ suy, biếng lười cả chuyện vực cho mình cái ý chí sống còn, tồn tại.

Những tháng năm anh mang đàn đi hát du ca, mời gọi đến với quê hương anh đã không còn. Cái quê hương yên vui, đổi mới trong ước mơ anh, trong bài ca của anh, hoàn toàn chỉ còn là mơ. Tôi nhớ hồi mới đổi cờ, có anh chàng sinh viên ngồi với tôi trong cửa sổ nhìn xuống con phố xác xơ, thấy đoàn quân thắng trận nghênh ngang đi lại trên đường, dép râu nón cối, quần áo luộm thuộm lôi thôi, đã nói với tôi:

- Anh nhất định sẽ đi tìm đoàn quân phục quốc.

Anh chàng nói, với một vẻ mặt đầy căm phẫn và niềm mơ ước được dựng lại quê hương sáng ngời bằng khối nhiệt huyết nóng bỏng như dòng hỏa lưu toả lan khắp nơi, khiến con bé mười bảy tuổi ngây thơ tôi lúc ấy tràn trề hy vọng và lòng hân hoan ngưỡng mộ. Mười mấy năm sau, gặp lại nhau, nhà cách mạng không tưởng của tôi lúc ấy đã ra trường và làm việc tại một cơ quan nào đó dưới miền Tây, nhân nhắc nhở nhau kỷ niệm hồng, kỷ niệm xanh, tôi hỏi anh có còn những ước mơ lãng mạn ấy nữa không thì anh chàng hoảng hốt chối phắt, bảo có lẽ là tôi đã lầm anh với ai chăng!

Quả thật là tôi lầm, nhưng không phải là lầm anh với ai mà làm chính anh với anh. Tôi kể cho anh Thuấn nghe. Anh cười:

- Ở đời có nhiều người như vậy. Có những người còn trâng tráo hơn, còn làm ra vẻ "tư duy đã thay đổi", đã trở thành những "con người mới" nữa cô ạ.

Trong số những người đó, có bạn đồng môn với anh, những người ngày trước từng đứng chung chiến tuyến với anh, từng chén tạc chén thù, bỗng một sớm một chiều như có phép thần thông, tự biến mình thành con người khác, hiên ngang quay lại tấn công bạn cũ của mình, chẳng vì miếng đỉnh chung mà chỉ vì một cái mảnh bằng khen, cái danh hiệu "tiên tiến" nào đó!

Cái huyện lỵ buồn. Cái nỗi nhớ cũng đau nhức ngậm ngùi. Đám bạn tôi, kể cả tôi, mười đứa thì có đến chín ly dị. Tuyết, lúc còn sống cứ thèm làm nhà văn, thèm được tạo ra trong tiểu thuyết những cuộc đời tươi sáng hơn cuộc đời của chính nó. Tôi hay đùa:

- Cái đời mày nó u buồn thì cái giọng văn và nhân vật của mày giỏi lắm cũng chỉ chết yểu thôi con ạ.

Tôi nói đùa. Còn Tuyết thì chết thật. Ngày đưa đám bạn tôi, thằng chồng cũ của nó, một thằng người vốn vô tích sự, đã kiếm chuyện gây gổ với bà già vợ để khỏi đưa bạn tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng. Tôi ghét cái huyện nhỏ, tôi ghét luôn cả những con người sống trong cái huyện lỵ hắt hiu ấy.

Hôm làm tuần bốn mươi chín ngày của Tuyết, lũ chúng tôi kéo nhau đi thăm mộ, có cả một người mà tôi không biết phải gọi là gì với bạn tôi, cứ đứng lặng lẽ nhìn nấm đất cát pha không cao hơn gò mối là bao, màu xám xỉn, cỏ mọc lưa thưa chung quanh. Cúc đọc điếu văn:

- Mày ạ, tao không biết hiện tại bây giờ mày đang ở trên kia, hay đang xuống dưới ấy. Nếu mày "lên", tao nghĩ có lẽ là tao không "lên" nổi để gặp mày đâu, bởi cái con người mình trần xác thịt, làm đủ mọi điều ô uế như tao, khó có cổng thiên đường nào rộng mở đón mời. Còn nếu như mày "xuống" thì rán đợi tao thêm ít lâu. Gia tài của mày để lại, hai đứa con mày tao không được phép nuôi, thằng chồng mày thì xin lỗi, là tao chê. Chỉ còn có mỗi một người, nhưng tao lại sợ vướng vào, rồi cũng sẽ khổ lụy như mày... Dẫu tao hứa với mày vài năm nữa tao sẽ gặp lại mày, nhưng tao cũng chẳng muốn "đi" sớm hơn Tuyết ơi!

Người đàn ông cười buồn. Trước đó anh ta phân trần nhiều lần, nhưng đám bạn tôi vẫn cho rằng anh ta là một trong những nguyên nhân đưa đến cái chết của Tuyết. Cúc nói với anh ta:

- Hôm ấy, nếu như anh không hẹn hò, rồi không bỏ mặc bạn tôi, có lẽ nó đã chẳng buồn đến nỗi phải lang thang để gặp nạn như thế đâu!

Cái quan hệ của bạn tôi với người đàn ông này là cái quan hệ cụt, cái quan hệ cùng đường. Tôi không biết có nên thông cảm cho anh ta, và nghĩ hộ là hôm ấy anh ta đã không thể sắp xếp được để đến gặp bạn tôi như đã hứa hay không; hay là tôi nên về hùa với Cúc, trách cứ anh ta đèo bòng để gây đau khổ cho cả hai người. Tôi thở

dài:

- Dầu gì bây giờ con Tuyết nó cũng đã yên thân yên phận rồi. Khơi lại chuyện cũ chỉ thêm buồn mà thôi. Bởi tao cứ nghĩ sống như tao và tụi mày đang sống, cơm không ra cơm, cháo không ra cháo thì bước qua cái thế giới con Tuyết đang có mặt, có thể nào gọi là sướng hơn không?

Lũ bạn tôi làm thinh. Người đàn ông cũng làm thinh ngồi xuống bên nấm mộ thấp lè tè, buồn bã nhặt nhạnh những chiếc lá vàng rơi gần đó. Lúc ra về, anh ta nhìn tôi, mắt thoáng vẻ biết ơn.

Đất nước tôi những năm tháng chỉ thấy khoai và củ. Cái huyện lỵ u buồn, nơi tôi đã chôn vùi thời thanh xuân của mình trong cơ cực, có một người con trai yêu tôi, đã ăn hộ tôi những củ khoai sùng ướt sũng nước để nhường cho tôi chén bắp bung trong nhiều bữa cơm tập thể của cơ quan. Đã bao lần trong đời, tôi cố đi tìm anh mà không gặp. Mỗi khi nhớ về tình yêu dịu dàng, đằm thắm mà anh dành cho tôi, lòng tôi luôn rưng rức, xót xa. Tôi vẫn ước ao được có lần gặp lại anh để nói với anh lời tạ ơn về những chén bắp chân tình, về những lần anh bị phê bình, kiểm thảo trong các buổi họp cơ quan cuối tuần, chỉ vì muốn hát cho tôi nghe những bài tình ca tôi thích. Tôi khát khao gặp lại anh để cùng anh ôn lại những đoạn trường anh đã trải, những oan trái anh đã cưu mang. Và tôi cũng muốn nhìn lại nụ cười châm biếm dễ thương của anh mỗi khi anh giễu cợt cái tang thương của đất nước, của cuộc đời. Anh bảo tôi:

- Người ta đang bắt chúng ta sống trong một tiêu chuẩn thấp hèn hơn cả tiêu chuẩn của những con gâu gâu, nên chuyện... cẩu phẩm không được tôn trọng mới đáng nói, chứ nhân phẩm mà bị chà đạp thì chỉ là một trong những cái *logic* hoàn toàn hợp với tiến trình của xã hội.

Nhiều khi ngoảnh lại, tôi đã ngậm ngùi, không hiểu tại sao mình không để lòng thương yêu người con trai ấy, dẫu tôi không còn nít nhỏ nữa để hiểu rằng chẳng thể nào giải thích được vì sao người ta yêu và vì sao không yêu.

Thuở nhỏ, tôi bị sống chập hẹp tù túng trong một thành phố lớn, với nhà cao cửa rộng, với quán với hàng. Tuổi thơ của tôi đã thiếu thốn vô cùng màu xanh của lá, tiếng hót ríu rít của chim, khung trời thênh thang của mùa hạ, ngọn gió dịu dàng của mùa thu... Tôi vẫn thường nghe mẹ kể về quê ngoại, về những bãi cát trắng bên giòng sông Thu Bồn, về những trái bòn bon, trái sim chín bên sườn núi Quế Sơn. Ở trong tôi, quê hương là khói lam chiều, là tiếng trâu nghé ọ lúc hoàng hôn, là bụi tre, là ngọn cỏ thanh bình trong thơ Tế Hanh, thơ Nguyễn Bính, Bàng Bá Lân... Tôi không thể nào tưởng tượng được những nhánh mạ non nớt yếu ớm, nằm ẻo lả mảnh mai trên những cánh đồng xâm xấp nước mà tôi đã nhìn thấy dọc hai bên quốc lộ về quê nội tôi, sẽ vươn lên thành cây lúa, sẽ trở thành chén cơm ăn mỗi ngày. Tôi lại càng không thể nào tưởng tượng nổi mỗi ngày chúng còn được tưới tắm bằng những hạt mồ hôi, những vệt máu ứa rỉ từ nhiều vết xước, nhiều vết nứt nẻ của những bàn tay, bàn chân bị phèn chua, nước mặn ăn mòn.

Hơn thế một chút, tôi càng không tưởng tượng được là có ngày chính tôi lại phơi trần đôi bàn tay và lưng áo mình trên những cánh đồng khô hạn chỉ ngập ngụa một thứ nắng gắt gay mà vẫn không sao kiếm đủ lưng ba bát cơm ăn mỗi ngày.

Có những nơi chốn, khi xa xôi, người ta không thể nào quên được. Cũng có những nơi, khi ở lâu, nếu không yêu thương, gắn bó, thì người ta cũng chẳng đem lòng ghét bỏ. Vậy mà cái huyện lỵ bé nhỏ ấy, nơi mười mấy năm cơm áo, nơi tôi đã sống những tháng ngày dài, lại là cái nơi tôi luôn luôn tìm cách chối từ, tìm cách lãng quên. Thỉnh thoảng nếu phải nhắc nhở đến, là đâu đó trong tôi nỗi đau đớn lại tràn lên, ngậm ngùi. Nhiều lần, khi đi xe đò về ngang miền Trung, khởi hành từ Sài gòn, chạy ngang qua đó, tôi đã không giấu được nỗi vui mừng thật sự chỉ vì biết rằng mình sẽ không phải chuẩn bị xuống xe, chuẩn bị đi bộ dọc theo con đường rầy lởm chởm đá với những đám dây leo phủ đầy bụi đỏ, rất khó phân biệt được đâu là lá đâu là cành.

Cái huyện lỵ buồn, nơi mà khi ra nước ngoài rồi, đọc báo tôi mới thấy có con số nhà tù và trại tập trung nổi tiếng độc địa nhất nhì trong nước; là nơi, tôi đã nhìn thấy hàng đoàn tù binh mang biển số, tay đập đá, vai gánh những thùng phuy nước và phân người để tưới rau dưới cái nắng hừng hực, miệng phải hô lớn con số tù oan nghiệt của mình.

Tôi ít có tính thiên vị, cố chấp, và dẫu cái huyện lỵ, tự bản thân nó chẳng làm gì tôi, nếu không muốn nói cái số phận nó cũng như tôi, bị đủ loại tập đoàn vơ vét đến cùng cực, thê thảm, vậy mà chỉ vì trong ký ức tôi, những tháng ngày trải qua ở đó đoạ đày buồn tủi, thanh xuân của tôi ở đó bị hủy thiêu tàn tạ, nên khi ngoảnh lại, cảm nghĩ chỉ còn là những cay đắng; nỗi nhớ chỉ loanh quanh những mảnh đời vá víu cơ cực, và trái tim thì nhàu nát, tang thương.

Cái huyện lỵ, tựa như một vết sước ung mủ, làm độc, lở loét trong tôi nhiều năm, mà cho đến khi kín miệng, vẫn còn đau nhức âm ỉ. ●

tháng chín

Tháng chín rồi, cây lá đổi thay
Tháng chín tôi về,
chiều lộng gió freeway
Chiếc xe già sao hoài lận đận
Leo dốc đời gặp lắm chông gai!

Người lãng quên trăng thề tuổi dại
Nắng cuối hè bừng lửa
xám trên vai
Khu vườn mộng
loài chim không trở lại
Như tình buồn từ vỗ cánh xa bay...

nguyễn hải hà

Tạ Ơn

Nguyễn Văn Thông

*K*hi mới định cư ở Mỹ, tôi làm thư ký thông dịch cho một phòng răng có nhiều bệnh nhân người Việt. Một trong những điều nhỏ nhặt mà tôi còn nhớ mãi là mấy câu nói của mấy cô thư ký người Mỹ nói với ông bác sĩ sau một bữa ăn trưa ông mua cơm chiên với cánh gà ở tiệm Tàu về đãi chúng tôi. Các cô bảo *"Thank you for the lunch, Dr. Cohen"* (Cảm ơn bác sĩ về bữa ăn trưa). Phần tôi, tôi chỉ nói cám ơn ông bác sĩ trống không thôi.

Lúc ấy tôi có ý thầm chê kiểu cám ơn quá cụ thể và giới hạn của người Mỹ. Cám ơn như vậy có khác gì là chỉ vì bữa ăn mà cám ơn, cám ơn được đóng khung cho bữa ăn đó mà thôi. Hình như họ không thấy rằng để có bữa ăn thì ông bác sĩ đã có lòng tốt với mọi người trong văn phòng trước đã. Cái tấm lòng ấy đáng giá hơn bữa ăn nhiều, và bữa ăn dù lớn hay nhỏ đều không thể diễn tả đúng được cái lòng tốt kia. Nói cám ơn vì bữa ăn thì cũng có nghĩa là bữa ăn càng lớn, sự cám ơn sẽ càng nhiều hay sao! Tôi chỉ nói *"Thank you, Dr."* là tôi muốn nói cám ơn con người ông, lòng tốt của ông, chứ không phải vì bữa ăn.

Nhưng tới giờ thì đã rất nhiều lần tôi cũng nói cám ơn một cách giới hạn và cụ thể như Mỹ vậy. Lý do một phần là vì sự nhập gia tùy tục, một phần khác là vì có nhiều trường hợp tôi thấy cần thiết phải cám ơn một cách chính xác.

Một ngày mùa đông trời đổ tuyết, trường học đóng cửa. Chúng tôi phải mang con đến gửi nhà bạn để đi làm. Gửi xong, lúc đi ra, chúng tôi nói cám ơn. Người bạn cũng cám ơn đáp lại. Tôi quay lại thắc mắc:

- Sao chị lại cám ơn chúng tôi?

Chị ấy cười, đáp:

- Nếu anh chị không cho biết hôm nay nghỉ học thì mấy mẹ con tôi đứng chết cóng ngoài kia chờ xe bus chứ sao!

Nhiều trường hợp khác, đặc biệt với người Mỹ, sau khi gặp nhau để cám ơn, nói chuyện một hồi, lúc chia tay, người ta lặp lại lời cám ơn. Có trường hợp nếu không nói lời cám ơn về điều gì thì quả có lúc người ta sẽ ngỡ ngàng.

Vì thế bây giờ tôi không còn chê lời cám ơn của người Mỹ như trước nữa. Cám ơn chung chung và cám ơn chính xác, chúng đều có cái hay riêng, miễn là phải được đặt đúng chỗ.

Phải công nhận rằng người dân Bắc Mỹ (tôi chưa biết Âu châu) nói lời cám ơn nhiều hơn người mình. Cả lời xin lỗi và xin làm ơn nữa. Trẻ em được giáo dục ở nhà và ở trường để biết nói cám ơn và xin lỗi luôn luôn. Cha mẹ và thầy cô lúc nào cũng để ý nhắc "Con phải nói gì?" mỗi lần một em bé quên không nói. Thỉnh thoảng tôi nghe con tôi, Việt 8 tuổi, nhắc chị nó, Hoàng Lan 12 tuổi, mới buồn cười chứ. Nhờ các con, chúng tôi đã có thói quen nói những lời cám ơn, xin lỗi, xin làm ơn (hay những chữ tương tự) thường xuyên hơn trong gia

đình. Trước kia thì các con nhắc chúng tôi bằng những lời y như chúng tôi nhắc chúng. Bây giờ lớn hơn, chúng sẽ phụng phịu: "Ba chưa cám ơn con kìa!" hoặc "Mẹ không chịu xin lỗi con!" Tôi không sợ các con giảm bớt sự kính nể đối với cha mẹ khi cha mẹ nói lời cám ơn hay xin lỗi các con. Tôi coi các con là những nhân vị mang đến cho cha mẹ những hồn nhiên thiên thần, những yêu thương ngọt ngào và cả những giá trị mà bậc làm cha mẹ không thể không ghi nhận, biết ơn. Chẳng lẽ những bông hoa nhỏ không diễm lệ, không là công trình của tạo hoá hay sao?

Đành rằng nếu không có thói quen hay một ý thức nào đó, những tiếng ấy dùng trong gia đình nhiều khi bị coi là hình thức, khuôn sáo. Chẳng hạn như khi còn nhỏ, tôi có cảm nghĩ rằng, công ơn của bố mẹ tôi đối với tôi như trời như bể, tôi có đền ơn cả đời cũng chẳng hết. Thế thì một lời cám ơn nào có nghĩa lý gì! Cả lời xin lỗi cũng thế. Cha mẹ nào chẳng bao dung, chẳng tha lỗi. Nói xin lỗi thì hoá ra cho là các ngài ít bao dung hay sao! Hình như tôi chưa được nghe những cặp vợ chồng già người Việt, trong đó có bố mẹ tôi, nói lời cám ơn, xin làm ơn, và xin lỗi với nhau. Có thể các ngài nói trong những khi tâm sự kín đáo mà thôi, cho dù tình yêu thương nhau của các ngài thì không thể nghi ngờ được.

Trong một tác phẩm của Margaret Craven, bà kể rằng những thổ dân Kwakiutl ở tỉnh bang British Columbia, Canada không có tiếng "cám ơn" trong ngôn ngữ của họ. Nhưng một nhà truyền giáo đã có nhận xét rằng, những người ấy có một tấm lòng biết ơn không ai bì được. Thay vì lời cám ơn, họ trả lại cái ơn họ nhận, cộng thêm với mọi thứ họ có thể làm được để trả ơn. Họ cám ơn bằng tấm lòng.

Trong khung cảnh và nếp sống đơn giản, có lẽ sự cám ơn nảy nở trong lòng nhiều hơn ở ngoài miệng. Nhưng trong thời đại và khung cảnh năng động chúng ta đang sống, mỗi ngày gặp hàng chục, hàng trăm người lạ; mỗi người có thể nhận được khá nhiều những hành vi lịch sự hoặc thi ơn. Nếu không có lời cám ơn đáp lại, chắc là người ta sẽ quên ngay tức thì. Lời nói thường có giá trị xác định, củng cố, nhắc nhở để từ đó phát sinh ra thái độ.

Nhưng biết đâu chẳng có lúc chúng ta cảm thấy không muốn bị ràng buộc bởi bất cứ thứ gì, nên tự hỏi: tại sao lại phải cám ơn?

Có lẽ xét cho cùng thì cũng có lý khi có người nói rằng họ không cần phải cám ơn ai hết. Thí dụ như đối với người không bằng lòng về sự hiện hữu của mình. Chính họ còn không muốn sống, không tìm thấy bất cứ ý nghĩa nào trong cuộc sống này thì nói gì đến việc phải cám ơn ai!

Nhưng nếu chúng ta không phải là họ thì chúng ta đều cảm nhận rằng, chung quanh ta có những liên hệ mật thiết, và thế giới chúng ta đang sống thật là một kỳ công tuyệt vời của tạo hoá. Một trong những nét tuyệt vời đó là sự liên đới hỗ tương giữa tạo hoá và tạo vật, giữa tạo vật với nhau, mà mức độ cao nhất, tinh tế nhất là giữa con người với con người.

Có người ao ước được sống trong khung cảnh thiên nhiên, vắng lặng, yên tĩnh, thí dụ ở một hòn đảo xa chẳng hạn. Người ấy không muốn ngay cả xe cộ, truyền thanh, truyền hình, không muốn ăn ngon mặc đẹp. Thế nhưng họ vẫn có thể muốn có một chiếc thuyền tốt, có máy để đi quanh đảo, thỉnh thoảng đi câu. Rồi họ cũng muốn được đọc những cuốn sách hay khi nằm phơi mình trong nắng ấm. Đôi khi họ cũng hơi giật mình khi nghĩ đến những lúc đau yếu hoặc tai nạn bất ngờ, cần phải cấp cứu thì có tàu hay trực thăng tới bốc đi kịp không!

Và giả như có người từ chối luôn cả những phương tiện cấp cứu, chết thì thôi, cứ để mặc họ với thiên nhiên thì họ lại vẫn còn cần một thứ. Đó là cõi thiên nhiên của họ. Thiên nhiên cho họ yên tĩnh, nắng ấm, cỏ hoa, gió đùa, bãi cát, mây nước... Nguyên cái bãi cát đã ghi biết bao dấu tích thoải mái họ được hưởng. Không lẽ thiên nhiên không đáng được ghi ơn hay sao?

Người trung bình như chúng ta thì phải biết cám ơn nhiều lắm, bởi vì chúng ta cần nhiều thứ, cần thiên nhiên, cần con người, cần muôn vật.

Trong mùa lễ Tạ Ơn ở Bắc Mỹ, người ta hay nhắc đến một sự kiện lịch sử về nguồn gốc của ngày lễ. Vào năm 1620, một chiếc tàu nhỏ tên là Mayflower chở khoảng 100 người Anh đi tìm tự do tôn giáo. Sau 60 ngày lênh đênh trên biển, vào đầu tháng 11 năm đó, vì bão, họ phải cặp vào Cape Cod, Massachusettes thay vì đi Virginia như dự tính. Cape Cod là vùng biển và đất tốt nên người ta đồng ý chọn làm nơi định cư. Tuy nhiên mùa đông đã đến mà lương thực thì cạn. Sau mùa đông lạnh ghê gớm đầu tiên năm đó, tới tháng ba đầu xuân, hơn nửa số người đã chết.

Nhưng cũng một ngày tháng ba ấy xuất hiện một người Da Đỏ tên là Samoset tới chào mừng nhóm di dân này. Anh ta biết nói tiếng Anh vì đã từng giao thiệp với những người Anh đánh cá ở vùng biển Bắc Mỹ. Samoset dẫn người cầm đầu nhóm dân Anh đi gặp tù trưởng của mình. Hai bên đối xử với nhau thân thiện, soạn và ký một hiệp ước hoà bình mà trong suốt 50 năm, hai bên sống trong hoà bình.

Samoset lại giới thiệu cho nhóm người Anh một người Da Đỏ khác tên là Squanto. Anh này nói tiếng Anh còn giỏi hơn. Squanto ở lại với nhóm dân Anh tại Plymouth để dạy họ về mọi thứ. Khi thủy triều xuống thì tới khu biển nào để cào trai; đi săn nai và rái cá ở đâu; lấy nhựa cây phong làm mật thế nào; những thứ rau rừng nào ăn được, rau nào không... Anh ta cũng dạy nhóm dân Anh làm mùa và trồng ngô, thứ ngũ cốc mà dân Anh chưa hề biết đến.

Nhờ những chỉ dẫn ấy mà trong khi chờ ngày mùa, nhóm dân Anh không bị chết đói. Người ta coi Squanto như sứ giả được trời gửi xuống giúp họ.

Nhưng cơn bĩ cực chưa phải đã qua. Gần hết mùa hè rồi mà chẳng có lấy một hột mưa. Những cây ngô non

bắt đầu héo. Nhóm dân càng ngày càng lo sợ. Cuối cùng họ chọn một ngày để cùng nhau cầu nguyện. Họ được nhận lời một cách tràn đầy và mau mắn. Ngay đêm đó trời bắt đầu mưa nhè nhẹ và đều đặn.

Thế là vào mùa thu, mùa màng thu hoạch được ngoài mức mong ước. Người ta không lo sợ đói vào mùa đông nữa. Đã thế, chuyến tàu Mayflower vừa chở về Anh quốc một số lượng da rái cá để bán, sẽ mua thêm dụng cụ mang trở lại Mỹ

Nhóm dân Anh bàn nhau tổ chức ngày tạ ơn. Họ mời tù trưởng Da Đỏ đến chung vui. Có 90 người Da Đỏ đi theo tù trưởng tới tham dự lễ.

Thế là trong suốt ba ngày, người ta mừng lễ với đủ thứ thực phẩm: tôm hùm, trai biển, gà tây rừng, vịt, ngỗng, bánh bột ngô và đủ mọi thứ trái cây. Nhóm người Anh tạ ơn Thiên Chúa về mọi ơn lành họ nhận được: được sống, được mùa, được tình bạn với người Da Đỏ.

Điều đương nhiên là không phải nhóm dân Anh và 91 người Da Đỏ có thể nói chuyện với nhau thoải mái trong một ngôn ngữ. Nhưng điều chắc là họ tiếp nhận tấm lòng của nhau, thông cảm nhau, chung nhau một tâm tình tạ ơn trên cùng bàn tiệc.

Trong 11 năm, việc mừng lễ Tạ Ơn được lan truyền. Đến năm 1631 thì toàn bang Massachusettes mừng lễ Tạ Ơn.

Đến đời Tổng thống Abraham Lincoln 1861-1865 thì ngày lễ được chính thức mừng trên toàn quốc vào ngày thứ năm tuần cuối cùng của tháng 11. Tới năm 1939 Tổng thống Franklin D. Roosevelt đổi vào ngày thứ năm tuần thứ tư tháng 11 "để có thêm thời gian chuẩn bị mừng Giáng Sinh". Hai năm sau thì quốc hội đặt ngày lễ trở thành luật.

Ở Canada, lễ Tạ Ơn được mừng vào ngày thứ hai tuần thứ hai tháng Mười.

Từ hàng trăm năm nay, người dân Bắc Mỹ có một đời sống tiện nghi nhất, chuyên môn nhất, kỹ thuật nhất, an cư nhất trên toàn thế giới. Hàng năm họ vẫn mừng lễ Tạ Ơn. Trong trường, học sinh được học về lịch sử ngày lễ; ở nhà thờ, tín hữu được tham dự những nghi lễ tạ ơn. Chẳng mấy ai thấy được mối liên hệ giữa lễ Tạ Ơn truyền thống với sự phồn thịnh xã hội và văn hoá họ đang có. Tuy nhiên cũng không thiếu gì người cảm thấy rằng lòng biết ơn đóng góp nhiều vào mối tương quan giữa Tạo Hoá và tạo vật, và giữa tạo vật với nhau. Tinh thần ấy hướng dẫn sự phát triển thuận chiều của đất trời.

Phải chăng tâm tình tạ ơn tạo nên một chuỗi những phản ứng biến đổi những gì chung quanh ta và cả con người chúng ta như phép mầu của chiếc đũa thần? Người ta dễ hiểu lầm nhau ở nhiều điều, nhưng người ta sẽ không hiểu lầm nhau ở tấm lòng biết ơn. Biết ơn là thứ ngôn ngữ hoàn vũ, là điệu nhạc của tâm hồn. Lời thơ của điệu nhạc biết ơn xuyên qua mọi thứ cản trở của trần thế, và bay lên chạm tới tầng trời. ●

---

chiều thu tha hương

Tôi đi giữa hàng phong. Trời trở lạnh
Lá vàng rơi che hết cỏ xanh lề
Vườn ai đó cổng vẫn còn khép kín
Sao mùa thu đã mở cửa sơn khê?

Tôi quờ quạng đưa tay tìm chữ cũ
xếp vào thơ cho kỷ niệm bừng lên
Chén quan hà tỉnh say cơn rừng rú
Những lời buồn xin từ tạ anh em!

Tôi đi giữa hàng phong. Trên xứ lạ
Lá vàng bay hồn quyện gót trầm luân
Trong sinh tử thấy gần nhưng xa quá
những tình thương yêu dấu bỗng vô cùng.

Ý tưởng lạnh từ trong hồn băng giá
Hơi thở nào sưởi ấm được con tim?
Cuộc đời vui phải chi đừng mặc cả
thì nhân gian đã rộn một bầy chim.

Tôi đi giữa hàng phong, êm, bước nhỏ
Tiếng giày đinh vang vọng đã không còn
là đã mất! Hỡi ai nằm dưới mộ
lá vàng bay... ôi nắng buổi hoàng hôn.

trần vấn lệ

thu đến

Em ơi thu lại đến
Nỗi buồn càng lê thê
Ta như thuyền không bến
Nhìn trời bỗng nhớ quê.

Đào vườn sau tơi tả
Khi thu vàng ngập sân
Trúc buồn lây, nghiêng ngả
Chợt thấy lòng bâng khuâng.

Ta leo lên đỉnh dốc
Tìm phương nào quê ta
Càng thấy mình đơn độc
Giữa mây trời bao la.

Ta nhìn mây, mây bay
Gửi ai tâm sự này
Lời thề xưa còn đó
Mắt hoen mờ cay cay.

Em ơi, thu đã đến
Ta buồn như tương tư
Bao giờ thuyền cặp bến
Xóa đi lời thề xưa?

trần ngân tiêu

---

thơ *nguyên nghĩa*

tĩnh

toạ dưới tàn phong nghe diệp rụng
tâm đưa tờ nhẹ thả la đà
hạt sương loang thấm thiền y rộng
phủi xuống bên đường vệt phấn hoa.

động

thét tung lồng ngực giữa cuồng phong
tiếng chìm đi không để vọng âm
quay bước phiêu phiêu về tịch cốc
bỏ bên ngoài chiếc gánh nghìn cân.

Vàng Phai Cúc Muộn

Đông Nghi

Cúc ngồi nhìn những bóng người thỉnh thoảng thấp thoáng bên kia cửa kính. Đời sống trôi lặng lẽ những ngày tháng nhạt nhẽo, buồn rầu. Đôi khi cũng có những náo động nho nhỏ. Người nhận trợ cấp xã hội lằng nhằng những cái toa cũ kỹ. Bọn xì ke ma túy nằn nì mấy thứ thuốc an thần. Hò hét, to tiếng, cãi vả một lúc rồi thì tiệm thuốc cũng trở lại cái không khí im ắng, lặng lẽ. Cúc nhìn mình trong gương. Như nhìn một người nào khác. Gương mặt đã mập mạp những thừa thãi, khoé mắt đã xếp nếp những phong trần. Cúc thở ra nhè nhẹ. Thời gian. Ôi, thật đáng sợ. Ngày nào....mới đó mà đã hơn mấy mươi năm. Ngày nào... cái cô Cúc nhí nha nhí nhảnh, rộn rã mộng mơ. Bước một bước là lên xe. Đi, về có người làm đưa đón. Bụi Saigon chưa một lần lấm tà áo Cúc. Từ trường Marie Curie qua trường Dược bao nhiêu ánh mắt lảo đảo theo Cúc rộn ràng. Để rồi thất vọng bỏ cuộc. Còn Cúc, con một gia đình vọng tộc, vẫn đài các yểu điệu tiểu thư. Bây giờ cái yểu điệu đó đâu còn nữa. Bước ra là chạy. Lên xe là hùng hổ rú ga. Theo nếp đời bương chải của cái xã hội tất bật, bon chen.

Một người khách đi vào tiệm. Cúc nhỏm lên chào. *Bonjour. Comment allez vous?* Chào ông. Ông mạnh giỏi không? Ông cần gì? Những câu nói lặp đi lặp lại đã hàng vạn lần. Những viên thuốc lăn tròn vào chai. Cái nhãn dán bên ngoài. Ông uống mỗi ngày ba lần, mỗi lần hai viên. OK? Chào ông. Cám ơn ông. Người khách cầm chai thuốc bước ra. Cánh cửa đóng lại. Ánh nắng nghiêng lấp lánh tiếng leng keng khua động không khí tịch mịch.

Cúc ngồi trở xuống chiếc ghế da. Hai tay chống cằm tư lự. Cúc nhớ lại ngày mới sang đây. Một thân, một mình. Phải học lại, phải làm lại từ đầu. Cái vốn liếng tiếng Pháp ở Marie Curie có giúp cho Cúc dễ dàng một phần nào, nhưng đời sống lạ lẫm, cô đơn đã nhiều lần đẩy Cúc xuống hố vực khủng hoảng. Nhưng mỗi lần như thế Cúc lại gượng dậy được. Nhờ có tình yêu Phong.

Phong và Cúc gặp nhau trên đảo Bidong. Phong cũng là dược sĩ. Hồi đó Cúc còn đẹp lắm. Cái đẹp làm mềm lòng người. Nên Phong đắm đuối, ngay từ lúc mới làm việc chung với Cúc trong bệnh viện Sickbay. Còn Cúc, sau 75 Cúc vừa ra trường thì miền Nam sụp đổ. Còn đang bỡ ngỡ với cuộc đổi đời, chưa kịp phong trần đầu dãi Cúc đã được đưa xuống tàu một mình vượt biển ra đi. Trong tâm hồn Cúc còn nguyên vẹn hồn nhiên của một thời sinh viên rộn rã. Đến đảo, gặp Phong. Trong lảo đảo chông chênh của những ngày tị nạn, Cúc đã buộc đời mình vào vòng tay ấm áp của Phong. Cả hai đã xây mộng. Về một tương lai hồng. Có một chút nhạc của hạnh phúc, một chút thơ của đời tình. Ở một nước thứ ba thiên đường rực rỡ.

Nhưng cuối cùng thì hai người không định cư được cùng một chỗ. Không sao. Khi nào mọi việc ổn định

mình sẽ tới với nhau. Đêm rời khỏi đảo Bidong, đứng trên cầu Jetty Phong đã nói với Cúc như thế. Và thế là đến được Canada, Cúc đã lao vào công việc. Vừa làm vừa học. Túi bụi với bài vở, lao đao với áo cơm nhưng khi buông ra Cúc nghe lòng nhẹ nhàng với những lá thư Phong ấm áp.

Rồi mọi việc cũng trôi xuôi. Vừa học xong, có việc làm là Cúc vội vàng lo bảo lãnh cho Phong. Trong lá thư gởi sang Thụy Sĩ, Cúc tha thiết: "Em đã chuẩn bị tất cả mọi điều. Mình cũng lớn rồi. Thôi thì anh sang đây với em. Rồi anh cũng sẽ trở lại nghề. Chúng ta sẽ cùng chia xẻ buồn vui như những ngày trên đảo...."

Trong khi chờ đợi Phong đoàn tụ, Cúc làm ngày làm đêm. Cố hết sức để tạo dựng một tổ ấm cho hai người. Dự trù thời gian đầu Phong mới sang còn phải bận bịu việc học. Vì vậy mà những cuối tuần bạn bè rong chơi thư thả, Cúc vẫn phải mài miệt đứng bán ở mấy hiệu thuốc Tây. Công việc của một dược sĩ ở đây đâu có nhàn nhã như ở Việt Nam. Tiếp khách, xem toa, khuyên răn, giải thích. Cho đủ mọi loại người. Vàng đen trắng đỏ. Những ông bà già lụm cụm, cáu gắt. Những tên điên quát tháo sừng sộ. Cái nhịp đời vùn vụt cuốn trôi mọi nổi yên tỉnh nhỏ nhoi. Những chồng toa vơi dần nhan sắc. Những viên thuốc trùng điệp hoa mắt bỏ vào mấy cái chai nho nhỏ trao cho khách hàng như phân phát cái tuổi trẻ ít ỏi còn sót lại.

Đến khi Phong sang được Canada, ngay lúc bước xuống phi trường anh đã hụt hẫng thất vọng. Cúc yểu điệu tiểu thư, Cúc tóc dài mắt biếc, đâu rồi? Trước mặt anh chỉ có người đàn bà phong trần quá đỗi, mà thời gian và công việc đã tận tình phá hủy cái hình ảnh mơ mộng trong anh. Chỉ có tình yêu của Cúc là vẫn còn sôi nổi. Nên Cúc sung sướng đón Phong, không nhận ra tiếng thở dài anh kín đáo nén lại.

Tuy nhiên chỉ vài tháng sau là Cúc hiểu hết mọi điều. Ánh mắt lơ đãng, lo ra. Tiếng ừ hử gượng gạo. Không còn cái nồng nhiệt xôn xao những ngày trên đảo. không còn nỗi ngất ngất mê đắm khi xưa. Tình yêu đã mất tăm mất tích trong lòng Phong, như cái cô Cúc son trẻ ngày nào.... Cúc hiểu hết mọi điều, nhưng Cúc không nỡ bỏ rơi anh để anh phải trở lại Thụy Sĩ, nơi chốn mà anh không bao giờ hy vọng trở lại được nghề. Và Cúc đã hy sinh. Làm hôn thú với anh mà không đòi hỏi một liên hệ, chung sống nào cả. Cúc cố gắng kềm chế lòng mình. Giấu những tiếng nấc. Giấu những buồn tủi. Đến khi tất cả thủ tục xong xuôi, đến khi cầm cái giấy li dị, trả anh lại với tự do bát ngát, trở về phòng mình Cúc mới ngã ra òa lên khóc. *Ôi, tưởng giếng sâu em nối sợi dây dài. Hay đâu giếng cạn.....*

Thời gian ngoài sức tàn phá vô tình, còn có cái kỳ diệu hữu ích. Dần dà rồi Cúc cũng nguôi quên. Thỉnh thoảng cũng có lúc nhớ tới Phong, nhưng lòng Cúc chỉ còn gợn lên nỗi tiếc nuối nhẹ nhàng. Rồi thôi. Cuộc sống trơ trọi một mình hối hả kéo Cúc trôi tuột vào lận đận bôn ba. Những năm tháng kế tiếp nhau trôi qua trong đời Cúc. Những bạn bè đã bận bịu chồng con. Những em cháu ngày xưa ngây ngô trẻ nít bây giờ cũng đã lần lượt lập gia đình. Đôi khi sau một ngày bương chải, nằm một mình trong phòng vắng, Cúc thầm lặng bâng khuâng. Những mùa đông Canada càng ngày càng lạnh hơn bao giờ hết... ●

---

tháng mười, mừng sinh nhật bạn

Tháng mười này là sinh nhật bạn xưa
Lá xôn xao thay áo cuối một mùa
Rực rỡ vàng trên núi đồi sương đọng
Hồn nhiên nằm chờ đêm phả hương mưa.

Tháng mười này, co ro chốn mịt mùng
Tim se sắt từng hơi thở mùa đông
Có thắp riêng ngọn nến chiều sinh nhật
Nhìn bên hiên người, mưa đổ phân vân.

Nghe lừng lững về đâu đó, dư âm
của những sáng trời xanh, trưa nắng hồng
Kỷ niệm hoá thân làm dăm hạt bụi
Vướng víu chân người đau bước trăm năm.

Tháng mười về, mừng sinh nhật bạn xưa
Tưởng tượng giùm em nhé, một chút quà
Gói ghém bằng muôn tơ trời ngũ sắc
Trăm hạt bóng màu rộn lối mưa hoa...

Em chúc bạn qua ngõ đời yên vui
Những bình minh nghe chim hót hiên ngoài
Những hy vọng xanh ngắt trời nắng hạ
Những tháng ngày rộn ràng hương nắng mai.

Tháng mười về, nhớ ngậm miếng bánh thơm
Uống cạn giùm em một cốc rượu nồng
Thêm một lần mừng nhau trong cách biệt
Đã mỏi mòn chưa, từ hai mươi năm?

phan các chiêu hằng

trang khoa-học:

Dược-Phẩm

Nguyễn Xuân Lê

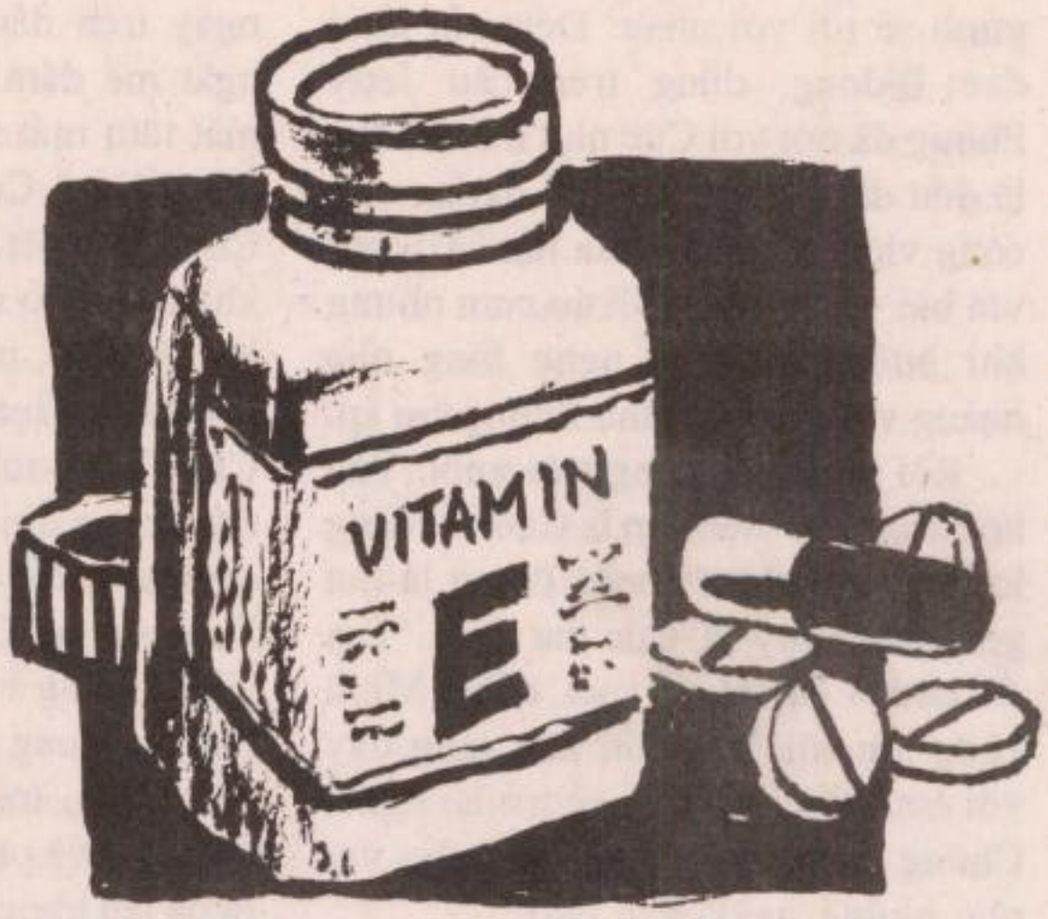

Một khái niệm về dược phẩm

Dược phẩm rất cần thiết để chữa bệnh, nhưng ngoài công năng và ích lợi, thường nó lại chứa đựng một số hợp chất hoá học độc hại qua quá trình hình thành, gây ra những phản tác dụng và những phản ứng phụ, nguy hại cho cơ thể con người.

Y học Tây phương công nhận rằng tất cả các loại thuốc viên đều có chất độc, vì một viên thuốc khi chế biến cần phải vận dụng tới bốn hoá chất: một để tinh lọc hoạt chất, một để tẩy màu sắc, một để tẩy mùi vị, và một để bảo quản. Như vậy thuốc chữa được bệnh, nhưng nếu dùng nhiều, những hoá chất trong thuốc tích lũy lại, có thể di hại cho các bộ phận khác trong cơ thể.

Như vậy, khi dùng thuốc ta cần thận trọng và cân nhắc kỹ để biết chắc rằng thuốc có thật sự cần thiết không, mức lợi hại ra sao!

Chớ nên dùng thuốc một cách máy móc, cẩu thả. Rất nhiều người, hoặc vô tình hay cố ý, coi thường tính chất độc hại của thuốc, nên hơi có triệu chứng bệnh tật là vội vàng mua dùng những thứ thuốc thông thường như aspirine, tylenol, cortisone, nhất là các loại thuốc ngủ...

Trước khi dùng thuốc, nên hỏi ý kiến bác sĩ hoặc tự nghiên cứu bằng cách tham khảo sách thuốc do các hội đoàn dược sĩ biên soạn. Ngoài ra, cũng nên biết thêm rằng bệnh tật còn có thể chữa bằng nhiều phương pháp khác như vật lý trị liệu, ẩm thực liệu pháp, dược thảo thiên nhiên, án ma pháp.v.v.. mà không sợ bị phản tác dụng hay phản ứng phụ.

Chúng ta, nhất là những bậc cao niên, thường lạm dụng thuốc. Có cụ hàng ngày dùng tới bảy, tám thứ thuốc. Theo thống kê tại Quebec, 20% người già dùng trên ba thứ thuốc trong một ngày và vào khoảng 80% các cụ tự động mua dùng những thuốc bán tự do tại các nhà thuốc tây. Hậu quả của việc dùng thuốc cẩu thả này hàng năm đã mang tai họa cho 31.000 vị phải vào bệnh viện chữa trị.

Đành rằng khi già thì các bộ phận trong người suy yếu nên dễ có vấn đề về sức khoẻ. Nếu mỗi bệnh cần một vị chuyên khoa thì mỗi vị lại cho một toa thuốc, đa số là kháng sinh; mà kháng sinh lại là một vấn đề gai góc khác, ngay giới bác sĩ cũng phải quản ngại, dè chừng. Bác sĩ Ray C. Wunderlich Jr. ở St. Peterbourg, Florida đã bày tỏ quan niệm của ông trên tạp chí *Health News and Review* volume 4 N.3 về việc dùng kháng sinh như sau: "Khi chúng ta dùng kháng sinh trong giai đoạn bệnh vừa chớm phát là có nhiều bất lợi. Lẽ ra phải để cho hệ thống miễn nhiễm làm phận sự của nó theo định luật thiên nhiên"

Bác sĩ Zoltan P. Rona, trong một bài viết đăng trên tạp chí *Health Naturaly* ở Mỹ, cũng khuyên nên dè dặt khi dùng kháng sinh để chữa bệnh ngoài da hay để phòng bệnh vì kháng sinh có những tác hại sau đây:

- Kháng sinh tự làm mất sức hiệu nghiệm trước vi khuẩn vì khi chống lại thuốc, vi khuẩn sẽ quen dần rồi hoá ra lờn thuốc, khó trị.

- Kháng sinh giảm thiểu khả năng của cơ chế miễn nhiễm. Lý do là nó không những diệt trừ những vi khuẩn xấu mà diệt luôn cả những vi khuẩn tốt trong cơ thể. Như vậy có khác nào mở cửa cho độc chất, độc tố, nấm độc... xâm nhập vào cơ thể để gây bệnh.

Theo Bác sĩ Fernand Turgeon tại khoa vi trùng học, bệnh viện St. Luc, Montreal, thì kháng sinh chỉ có thể diệt được vi khuẩn chứ không diệt được độc tố.

- Kháng sinh tạo nên sự thiếu dinh dưỡng vì nó diệt đi những vi khuẩn tốt trong ruột, làm trở ngại tiêu hoá, ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng cơ thể.

- Kháng sinh gây ra mệt mỏi, thiếu máu, suy nhược, mất trí nhớ, mất ngủ và gây khó chịu trong cơ thể.

- Kháng sinh gây tổn thất cho gan.

Ông còn phàn nàn rằng thiên hạ quá tôn sùng kháng sinh và ít người đề cập đến vấn đề một cách nghiêm chỉnh. Theo ông, có rất nhiều thực phẩm có thể thay thuốc trị bệnh thông thường như: hành, tỏi, gừng, riềng, nhân hạt bí, hạt bưởi, béta carotène, các loại sinh tố A, B, C, E, D, sélénium calcium, potassium,

zinc.v.v...

Tóm lại, ta nên tránh việc lạm dụng thuốc và nên bồi dưỡng tối đa cho hệ thống miễn nhiễm bằng thực phẩm thiên nhiên. Khi hệ thống miễn nhiễm của cơ thể hoạt động tốt thì sức đề kháng tất nhiên cao, dễ chống được bệnh. Ngoài ra ta còn nên tập thể dục đều đặn và bồi bổ thêm bằng các loại sinh tố (vitamine) thường thiếu hụt trong cơ thể, nhất là ở các bậc cao niên.

Thực phẩm và dược phẩm

Que ta nourriture soit ta médicine
Que ta médicine soit ta nourriture.
Hippocrate.

Thức ăn là thuốc của ta,
Dược phẩm, thực phẩm vốn là anh em.

Lời của vị tổ y học phương tây nói trên cho ta một quan niệm hết sức rõ ràng về những gì liên quan đến đời sống con người là thực phẩm để nuôi cơ thể và dược phẩm để trị bệnh tật.

Phàm thức ăn gì bổ ích cho cơ thể là thực phẩm đồng thời cũng là dược phẩm, cho nên khoa học mới nhận mạnh vai trò của thực phẩm trong cách phòng bệnh, trị bệnh.

Vả chăng, theo định luật thiên nhiên thì con người là sinh vật mà tạo hoá đã ban cho một bộ thần kinh tinh tế và một bộ óc đầy sáng tạo để tự lo cho sự sống còn của mình, tìm thức ăn nuôi dưỡng mình, và trong một phạm vi nào đó, tự sửa chữa bù đắp những thiếu hụt, lệch lạc trong cơ thể mình. Cho nên có thể nói rằng: thực phẩm là gạch nối giữa con người và thiên nhiên. Do đó, trở về với thiên nhiên để phòng trị bệnh một cách đơn giản, hữu hiệu và không sợ có phản ứng, thiết tưởng là điều hợp tình, hợp lý.

Khuynh hướng trở về với thiên nhiên hiện đang thịnh hành ở khắp nơi trên thế giới và vấn đề ăn uống cũng đang rất được chú trọng trong giới y khoa.

Bác sĩ Armand Prappier, nhà vi sinh học nổi danh quốc tế, người sáng lập Viện Vi Sinh và Vệ Sinh Học mang tên ông ở Montreal, Canada, được mời diễn thuyết trong một cuộc hội thảo của Viện Khoa học Kỹ thuật Thực phẩm ở Canada, đã nhấn mạnh tầm mức quan trọng của việc ăn uống. Ông khuyên nên tránh việc ăn quá no và đừng ăn những thức ăn thiếu phẩm chất; nên chọn những thức ăn tươi có đầy đủ chất dinh dưỡng và cần thay đổi các thức ăn để bộ phận tiêu hoá dễ dãi thích nghi.

Ở Gia nã đại, từ 15 năm nay, tháng Ba dương lịch được chọn làm Tháng của Dinh Dưỡng *(Mois de la nutrition)*; và ở Quebec mới đây, bà Annie Langlois thuộc Hội đoàn các Chuyên gia khoa Ẩm thực *(Ordre Professionnel des Diététistes du Québec)* tuyên bố: Năm nay, đề tài là tôn vinh việc khoái khẩu, ăn ngon và lành.

Khoa dinh dưỡng liệu pháp *(nutrithérapie)* và thực vật liệu pháp *(phylothérapie)* trên đà phát triển đề phòng và trị bệnh bằng tinh túy hoạt chất của thực phẩm. Sách vở và báo chí hàng ngày đề cập đến công năng và ích lợi của nhiều loại thực phẩm trong đó có đủ thứ sinh tố thích hợp với từng vấn đề một thuộc phạm vi sức khoẻ con người. Đơn cử một thí dụ, sinh tố béta carotène có trong nhiều thứ rau quả như cà rốt, cà chua, rau cải xanh, quả dưa tây, dưa cantaloupe... mà công năng chữa trị có hiệu quả cho nhiều chứng bệnh thông thường, kể cả một số nan y.

Theo bác sĩ Thimothy Gee tại viện Nghiên cứu Ung thư New York thì qua thử nghiệm, phương thức chữa bệnh bạch cầu bằng sinh tố A do béta carotène chuyển hoá ra có kết quả rất khả quan. Ông thực hành phương thức này trên 20 bệnh nhân thì 18 người thấy thuyên giảm rõ rệt. Ông còn cho biết, sinh tố A có khả năng chuyển hoá tế bào ung thư thành tế bào lành mạnh.

Béta carotène còn có công năng phòng ngừa và chữa trị bệnh đục nhãn cầu (mắt kéo màng), ung thư ruột kết, giải trực tràng, các bệnh rối loạn cơ tim. Nó cũng tăng cường sức mạnh cho hệ thống miễn nhiễm. Như vậy, rõ ràng béta carotène vừa là thực phẩm vừa là dược phẩm đề phòng trị bệnh.

Một thí dụ nữa là tỏi, một loại thực phẩm vô cùng quí giá mà tạo hoá dành cho loài người.

Vào năm 1993, một hội nghị quốc tế về tỏi đã được hai cơ quan, Đại học tiểu bang Pensylvania và Bộ Nông nghiệp Hoa kỳ, phối hợp tổ chức tại Washington. Hội nghị qui tụ đông đảo các khoa học gia ở khắp nơi trên thế giới để bàn thảo và trao đổi kiến thức cùng những khám phá về khả năng chống ung thư của tỏi cũng như những tác dụng tốt của nó đối với các chứng bệnh về tim.

Hoạt chất trong tỏi rất đa dạng. Đáng kể là chất germanium và sélérium, nhất là chất trụ sinh allicine có dược năng sát trùng, tiêu viêm, chống lại sự nhiễm trùng. Tỏi còn có một đặc chất ajoène, làm giảm thiểu loại cholesterol L.D.L là chất cholesterol xấu trong huyết mạch. Ajoène phối hợp với dithiine trong tỏi, chống lại sự kết thành máu cục trong vách mạch máu và có thể làm tan những máu cục đã kết thành từ trước. Hợp chất này còn có đặc tính loại trừ những chứng thuộc về tim như chấn não (stroke), nghẽn mạch máu não.v.v...

Như thế, tỏi chẳng những có tinh dầu thơm dùng làm gia vị trong các món ăn, mà còn là một dược phẩm rất đắc lực trong việc chữa các bệnh thông thường như cảm cúm, giun sán, tiêu đàm, trừ ho, sưng tấy, đau nhức, máu cam, ù tai, thối tai.v.v.. kể cả các chứng nan y như ung thư phổi, cao

máu, thổ tả, rối loạn tim mạch.v.v..

Kể về thực phẩm thì có hàng trăm loại có dược tính trị, phòng bệnh. Tuy nhiên, không nên quan niệm thực phẩm có thể thay thuốc, vì thuốc được bào chế để nhằm vào một mục tiêu hạn chế nhất định, chữa những bệnh riêng rẽ. Cho nên về phương diện phòng bệnh thì không có vấn đề quan ngại; còn khi đã mắc bệnh thì phải tùy chứng trạng nặng nhẹ, mới cũ và nên hỏi bác sĩ trước khi chữa bằng thực phẩm hay thuốc.

Ăn uống là phép dưỡng sinh căn bản nhưng phải dùng đúng cách mới thật sự có hiệu năng, ích lợi.

Rau trái thịt cá khi mua phải lựa chọn những thứ thật tươi. Khéo nhiếp sinh thì ăn uống cần điều độ. Chỉ khi đói mới ăn, nhai kỹ và không ăn nhiều quá, "ăn bớt bát, nói bớt lời" cổ nhân dạy thế. Chỉ khi nào khát mới uống, uống những gì thanh khiết và không nên uống nhiều quá; mọi cái thái quá đều có hại.

Khoa học và kỹ thuật ở thế kỷ này, nhân danh tiến bộ, đã phần nào làm đảo lộn định luật thiên nhiên. Việc trồng trọt lúa gạo, hoa mầu, cây trái và chế biến thực phẩm đòi hỏi gia tăng sản lượng, cải lương phẩm chất cho hợp với nhu cầu của con người thời đại. Mà những việc này đều cần dùng đến hoá chất. Hoá chất thì dĩ nhiên không tốt cho sức khoẻ, cho nên ta cần kiêng cữ một số những thực phẩm chế biến, tạm kể: đường hóa học, bột ngọt, các loại đồ hộp, hoa quả trái mùa, bơ, phó-mát, nước ngọt đóng chai, đóng hộp, rượu mạnh, bia...

Ngoài ra cũng cần bổ sung vào thực đơn hàng ngày các sinh tố và khoáng chất được bày bán tại các cửa hàng thực phẩm thiên nhiên hay các tiệm thuốc tây mà thức ăn hàng ngày sau khi nấu nướng, chế biến, đã mất đi nhiều chất bổ cần thiết.

Tiện đây, tưởng cũng nên nêu ra khái niệm về việc dùng các thứ bổ sung vì có những trường hợp bất lợi cho cơ thể khi dùng sinh tố và khoáng chất mà ta nên tránh để việc dinh dưỡng được an toàn.

- Sinh tố và khoáng chất phải cất vào chỗ khô ráo. Tủ lạnh và phòng tắm không thích hợp. Một góc tủ xa bếp nóng là nơi tốt nhất.

- Sinh tố và khoáng chất dùng vào bữa ăn có sự đồng hoá rất tốt; tuy nhiên vẫn có vài trường hợp ngoại lệ. Nếu trong bữa mà uống trà, nước ngọt thì không nên dùng calcium vì calcium sẽ bị chế ngự đi. Vậy nếu dùng các thức uống trên trong bữa ăn thì nên dùng calcium trước đó khoảng một giờ.

- Nên dùng calcium vào buổi tối trước khi đi ngủ vì đó là lúc thuận lợi để tiếp chất khoáng cho xương cốt. Nếu thiếu calcium, cơ thể phải tự rút ra chất calcium nơi phần này tiếp cho phần nọ, dễ sinh ra bệnh dòn xương (ostéoporose).

- Bổ sung chất sắt dùng với sinh tố C rất tốt, và buổi sáng nên dùng thêm một ly nước cam tươi nữa thì tuyệt.

- Thuốc men vô hiệu hoá các sinh tố và khoáng chất, nhất là loại kháng sinh, cho nên cần lưu ý dùng kháng sinh hay thuốc sau khi dùng các thứ bổ sung trên ba giờ.

- Nhiều loại thuốc hạ huyết áp rất kỵ với sinh tố E. Trong trường hợp này, nên uống sinh tố E vào buổi sáng và thuốc trị bệnh buổi chiều.

- Có một thứ sinh tố ngoại lệ, không nên dùng vào các bữa ăn, đó là béta carotène, nguồn dinh dưỡng chuyển hoá ra sinh tố A. Béta carotèn không hoà đồng được với các thức ăn có nhiều sơ, nên dùng cách xa bữa ăn.

*

* *

Sức khoẻ chúng ta ra sao tùy thuộc rất lớn vào thực phẩm và cách ăn uống hàng ngày. Phần lớn các bệnh tật sinh ra đều bắt nguồn từ những thói xấu về dinh dưỡng. Cho nên không thể chối cãi rằng thực phẩm giữ vai trò then chốt trong việc bảo quản sức khoẻ con người. Mang lại cho cơ thể những thức ăn thích đáng, tiếp sau một sự bài tiết điều hoà thì không những phòng ngừa mà còn chữa trị được bệnh tật nữa. ●

hương thơm mùa cũ

Em xa vắng như nàng tiên xa vắng
Tôi gọi thầm ngàn nỗi nhớ mênh mang
Sáng hôm nay ai nhuộm lá thu vàng
Để tôi nhớ thương mây trời bàng bạc

Con chim nhỏ tìm bầy kêu ngơ ngác
Em ở đâu, tôi lưu lạc chốn này
Để thu về trên ngọn gió heo may
Hồn trống trải, con thuyền tôi không bến!

Em chợt đến, chợt đi, không hò hẹn
Như hôm nào trời chợt nắng, chợt mưa
Để tôi về ngơ ngẩn những thu xưa
Khơi kỷ niệm, tìm hương thơm mùa cũ.

Nghe rất nhẹ mơ hồ trong sương phủ
Gói nai về ủ rũ dưới thông cao
Lại chạnh lòng chợt nhớ đến thu nào
Em gần gũi giữa vòng tay trìu mến.

hồ công tâm

Trò Đạo-Đức

Thảo Nguyên

*T*rong vòng năm năm trời được giao "trọng trách" giặt đồ cho cả nhà, hôm nay là lần đầu tiên nó tỏ ra vui vẻ. Sau khi phơi quần áo ngoài vườn xong, nó quay trở vào nhà, tay phải nắm chặt lại như sợ mất cái gì quí giá lắm vậy. Trong bữa cơm, nó phá lệ và nói cười luôn miệng. Mẹ nó nhìn nó ngạc nhiên. Lũ em chiêm ngưỡng nó, vẻ kính phục. Sự im lặng trong bữa cơm hàng ngày của gia đình nó đã thành lệ. Lũ em nó mỗi lần tỉ tê khóc lóc hoặc đòi mẹ cho thêm miếng thịt, miếng rau đều phải nín bặt, cúi gầm mặt xuống trước cái trừng mắt dữ tợn của bố nó. Lắm lúc nó cũng chẳng hiểu tại sao bố nó lại có thể giữ bộ mặt khó đăm đăm như vậy mãi. Có khi cả tháng không thấy bố nó cười. Dạy triết ở một trường đại học, có lẽ ông nghĩ ông phải thực hành cái học thuyết ấy hàng ngày nên trông ông thật nghiêm nghị, khắc khổ trong bộ com-lê đen cứng ngắc và mái tóc muối tiêu hớt ngắn. Đang tía lia cái miệng, nó chợt hơi khựng lại trước ánh mắt nghiêm nghị của bố nó nhưng rồi nó lại hất mặt lên tự tin và tiếp tục nói. "Lát nữa rồi biết", nó nhủ thầm. Bố nó không quát tháo, cúi xuống tiếp tục và nốt chén cơm.

Tờ giấy chỉ bé bằng bàn tay, góc rách nham nhở với vài dòng chữ cụt ngủn nhưng nó quí hơn vàng. Vàng bạc chưa chắc mua được tự do cho nó, nhưng với mảnh giấy này, nó sẽ làm được những gì nó muốn. "Từ nay mình sẽ tha hồ đi chơi, tha hồ có bạn, tha hồ nghe bất cứ loại nhạc nào, đọc bất cứ thứ sách nào mình muốn". Tưởng tượng đến một ngày mai tuyệt vời như vậy, nó sướng điên người lên. Nó đọc lại những dòng chữ một lần nữa như đánh giá xem hiệu quả của mảnh giấy ấy mạnh đến cỡ nào.

Nó lẻn vào văn phòng trường giờ ra chơi, hồi hộp đứng nhìn tờ giấy như con rắn từ từ trườn ra khỏi chiếc máy photocopy. Hai bản: một cho bố nó, một cho nó.

Xồng xộc bước vào nhà, nó hất hàm hỏi nhỏ Châu: "Bố đâu?" Thấy vẻ mặt của nó, Châu ngơ ngác chỉ về phía phòng làm việc của bố. Đây là thế giới riêng của ông, không ai được vào kể cả mẹ nếu ông chưa cho phép. Nhưng hôm nay nó tự tiện bước vào, không cả gõ cửa. Bố nó vừa trừng mắt, định mở miệng thì con ông đã đặt xuống bàn, bên cạnh những bản thảo của học thuyết đạo đức ông đang soạn, tờ giấy "thông hành" của nó. Ông sững sờ ngước lên. Nó nhìn ông nheo mắt cười ngạo mạn rồi quay đi, để bố nó lại trong nỗi bàng hoàng, nhục nhã.

Dạo này gia đình nó yên ấng hơn, an bình hơn. Trong nhà bớt dần tiếng quát tháo của bố nó, các em nó đã dám vòi quà mỗi lần mẹ đi chợ về. Nó được xem tiểu thuyết thoải mái và trong bữa ăn nó vẫn là người nói nhiều nhất. Mẹ nó ngạc nhiên khi thấy chồng thay đổi. Ông thờ ơ, lãnh đạm với tất cả. Nó biết mẹ nó nhận thấy sự thay đổi lạ lùng trong nhà nhưng bà không hé răng nửa lời. Bà đã nhẫn nhục im lặng suốt 18 năm trời, có lẽ bà sẽ chịu đựng đến hết quãng đời còn lại cho trọn đạo tòng phu. Lắm lúc nhìn mẹ nó cung kính gắp thức ăn cho chồng, sợ sệt và lễ phép, nó bỗng phát bực. Hình như đối với mẹ nó, "làm vợ" đồng nghĩa với một hình phạt kinh khủng nhất của tạo hoá nhưng bà vẫn cúi đầu thọ nhận, không một lời than trách.

Những tưởng nó sẽ có chuỗi ngày tự do tuyệt vời như mong ước khi cầm trong tay tờ giấy "thông hành", thế mà không! Nó vẫn đi về đúng giờ giấc, không tiếp bạn lâu, chẳng xem phim ảnh hay sách báo bậy bạ. Dường như nó đang trở thành một nhà đạo đức. "Thôi, mình chẳng đi chơi. Nếu cứ đi chơi mãi thì cũng hư hỏng như bố mất thôi. Mình lên án ông ấy thì mình phải tỏ ra hơn ông ấy mới phải chứ!" Và nó chợt nhận ra rằng mảnh giấy ấy không còn là "giấy phép" nữa mà chính là "bản án" giam nó trong chính cái "tôi" đạo đức nó dựng lên. Nó thèm thuồng nhìn lũ bạn làm

những việc mà nó không cho phép nó làm, chỉ vì nó muốn tốt hơn bố nó. Bây giờ thì trong nhà có hai kẻ khổ sở: nó và bố nó.

Ông héo hon như một gốc cây khô, đôi vai gầy rũ xuống, ánh mắt mỏi mệt vô hồn. Lũ học trò bỗng thấy ông thầy triết dạo này không hay nói về đạo đức nữa. Cử chỉ, tác phong ông không còn mạnh bạo đanh thép như trước. Ông đờ đẫn, già nua, tránh gặp mặt đồng nghiệp, tránh phê bình chỉ trích lũ học trò ương bướng ngổ ngáo. Ông sợ một ngày nào đó, khi bộ mặt đạo đức của ông bị lột mất thì những kẻ ấy sẽ thừa dịp mà mỉa mai, chỉ trích ông. Chỉ nội đứa con gái của ông biết sự thật thôi mà ông đã không chịu đựng nổi. Nó đó, đứa lớn nhất trong sáu đứa con ông. Đứa bị ông la mắng, đánh chửi nhiều nhất. Cái đứa khi gặp ông chỉ biết cúi gầm mặt, bây giờ trở thành quan toà dò xét mọi việc ông làm. Nó ít đi chơi hơn, chỉ ở nhà, nằm lì trong phòng, câm nín và đăm chiêu. Nó đang toan tính gì đây hở trời? Nó trở thành tên cai ngục đối với ông. Nó vẫn lễ phép khi đứng trước ông nhưng không còn khúm núm sợ sệt như trước nữa. Nó đã dám nhìn thẳng ông, môi mím lại ngạo mạn.

Nó cầm mảnh giấy trong tay, ngập ngừng nửa muốn vất đi, nửa tiếc rẻ. Nó chẳng muốn đưa cho mẹ nó xem làm gì. Nó muốn mẹ nó, lũ em nó vẫn kính trọng ông như trước giờ họ vẫn kính trọng. Dù sao thì mẹ và lũ em nó vẫn may mắn hơn nó, họ còn có người để sợ sệt, để kính phục. Còn nó, nó thèm có lại được cảm giác sợ sệt khi gặp bố, nhưng không thể. Nó đã mất cảm giác đó từ lâu và sẽ chẳng bao giờ tìm lại được. Giá cứ như trước mà lại hơn. Khi đó ít ra nó cũng còn một ông bố để kính sợ. Bây giờ nó có làm điều gì sai trái cũng chẳng ai dám trách nó. Bố nó chỉ nhìn nó với ánh mắt bất lực của kẻ thua cuộc mà thôi. Mà bố đã không nói thì mẹ cũng chẳng đề cập. Bà không quen làm việc đó. Suốt ngày bà chỉ ở bên con dao, cái thớt, nồi cơm, trách cá... Chồng bà là giáo sư kia mà, ông dạy cả trăm học sinh, chẳng lẽ không dạy nổi con ông hay sao?

Nó thẫn thờ khổ sở trong chính cái trò chơi nó bày ra. Nó đi sai một nước và không thể quay lại được nữa. Nhìn bố nó cặm cụi bên những trang giáo án, lòng nó chợt dậy lên một thứ tình cảm hình như là thương hại. Thế có lạ không! Nó đã mất bố và bố đã mất nó! Hai sinh vật cao cấp nhất của thượng đế đã bị đánh gục. Tình phụ tử cao quí không còn nữa và tất cả những giá trị đạo đức bị sụp đổ hoàn toàn chỉ vì một mảnh giấy nhàu rách. Đó là những lời của một giáo sư triết - bố nó - gửi cho một người đàn bà xa lạ nào đó, bắt đầu bằng những chữ: "Em yêu..." ●

---

cát câm

ta đã đợi nhau từ muôn kiếp
tâm ta vô lượng đóa vị tha
mê muội lật tìm trong kinh pháp
khép tự bao giờ lại mở ra

ta đã tắm ở dòng sông ấy
nứt một rãnh sâu rách địa cầu
có ta bơi mãi trong khe hở
muôn trùng thời gian bờ bến đâu?

ta đã hoá thân từ hạt cát
nằm chờ nước mặn cuốn chân đi
xác thân vướng nặng không theo sóng
cứ chìm sâu đáy mộng cuồng si.

ta tới từ đâu không ai biết
bay hoài cánh mỏi đoạn trần gian
còn nơi trọ tạm còn phân biệt
thực không hư có bứt tan hoang.

an nhiên ta đợi mùa trăng lớn
tiếng từ tâm gióng một hồi chuông
vũ trụ ngoài ta thôi vận chuyển
ào ạt trong ta mưa pháp tuôn.

có ta nhập vào khuôn trăng lớn
về lại chốn xưa bờ vĩnh hằng
không chờ không đợi không mê vọng
lặng lẽ mình ta hạt cát câm.

ngô nguyên dũng

---

thu vàng áo lụa

Xuân chuyển hướng theo thời gian vỗ cánh
Vẳng đâu đây xào xạc tiếng rừng hoang
Ngọn kim phong thoảng đưa trời lành lạnh
Lá rừng phong lồng lộng sắc huy hoàng.

Thăm thẳm từng không bềnh bồng sương khói
Điểm pha màu bàng bạc trải mông lung
Hạt bụi li ti cái tôi mòn mỏi
Giữa bao la vũ trụ cõi vô cùng.

Nắng quái chiều lên, tơ giăng vàng óng
Chiếc guồng quay nhịp điệu cuốn mê tâm
Từng guồng quay, từng mùa thu lắng đọng
Buồn như đêm đâu biết có trăng rằm!

Thu về đó áo lụa vàng muôn thuở
Mỗi lần như đổi mới, dáng kiêu sa
Như phép trường sinh trẻ mãi không già
Cõi tịch mịch chỉ riêng ta mòn mỏi...

vân nương

---

trời thu

trời mùa thu,
mưa lạnh đổ tuôn
Nghe như tiếng vọng về nguồn
Anh ngồi đếm
những giọt buồn mãi trôi.
Mùa thu, mùa thu thôi
anh nhớ hàng phượng vĩ
mọc bên đám đất bồi
với từng cành lá đỏ.
Tuổi nhỏ,
mộng mơ,
xoay xoay theo từng con nước!

Lá vẫn rớt rơi
lăn trên đỉnh đồi dốc mỏi.
Mỗi đêm,
bên mé trái vực đồi
Anh ngồi
một mình, chờ sao chuyển
nghe tiếng hú triền miên
của cõi đời bên kia,
của gió...

phan lê anh dũng

Ở Vậy Nuôi... Heo

Trần La Bình

Dân chúng sống bên bờ sông Cửu Long gần nhà máy Mỹ Tường cùng nghĩ giống nhau. Theo họ thì mỗi ngày mặt trời chạy trên dòng sông Cửu Long như xe lửa chạy trên đường rầy, với tốc độ và hướng tiến cố định không xê xích. Vào mùa mưa, bầu trời mây xám mù mịt thì còn khó biết chớ vào ngày trời quang mây tạnh như hôm nay, người ta dễ dàng biết được thời điểm và vị trí chiếc xe lửa mặt trời trên đường chạy từ đông sang tây. Sáng sớm nó khởi hành từ Gò Công lúc 6 giờ, khi cảnh vật còn im lìm. Xe tiến trên đường rầy bỏ lại phía sau một vùng sóng nổi lao xao ngoài Cửa Tiểu. 9 giờ xe đến Hoà Đồng. 10 giờ đến Cồn Cau. 11 giờ đến Mỹ Tho. 12 giờ đến nhà máy Mỹ Tường. 1 giờ trưa đến Bình Đức. 2 giờ đến Đồng Tâm. 3 giờ đến cù lao Năm Thôn. 4 giờ đến Mỹ Thuận. 5 giờ đến Cao Lãnh. 6 giờ đến Hồng Ngự, Tân Châu, hoặc xa hơn... sang cả đất Miên.

Viện cớ trong văn phòng không khí nực nội ngột ngạt, giám đốc Tám Hải đề nghị cô Thu Ba đi ra cầu tàu để vừa "trao đổi" vừa hóng mát. Mặt trời đã lên khá cao, nhưng cả khoảng sân rộng của nhà máy Mỹ Tường và đoạn cầu tàu phía trong bờ hãy còn râm mát nhờ vườn dừa cao bên cạnh che bóng. Gió từ mặt sông Cửu Long bát ngát thổi về từng luồng thoang thoảng dễ chịu. Mới vừa qua khỏi tiết Đoan Ngọ, đầu mùa mưa nên bầu trời xanh thẳm cao tít, trong vắt. Vài cụm mây trắng trôi lang thang...

Tám Hải xuất thân bần cố nông nằm vùng, có cha ông theo cách mạng nên khi chiến thắng ra thành, hắn được phân công giữ chức giám đốc nhà máy xay thức ăn gia súc Mỹ Tường. Hắn thuộc mẫu cán bộ tiêu biểu về một chữ bẻ đôi không biết. Ngoài những bài bản chính trị thuộc lòng, hắn không biết nói năng gì khác. Tuy dốt nhưng hắn cũng biết tận tình ăn cám nên càng ngày càng mập, gia đình hắn càng thêm sung túc. Dù rất sợ vợ, Tám Hải vẫn không bỏ được tính hảo ngọt. Từ lâu hắn có ý ve vãn cô Thu Ba.

Lần nào cũng vậy, hễ được đi gần bên cô Thu Ba thì cái mặt mập của Tám Hải hí hửng rạng rỡ hẳn lên. Hắn vừa hút thuốc vừa nói cười luôn miệng, cố tỏ ra duyên dáng bặt thiệp để lấy lòng người đẹp.

Tám Hải mời Thu Ba cùng ngồi xuống băng đá mài gần đầu cầu tàu có bóng dừa che mát rượi. Hắn mở lời, tiếp tục câu chuyện hồi nãy:

- Tui rối quá!

Thu Ba vội quay sang:

- Chuyện gì vậy ông Giám đốc?

- Thì Thu Ba biết đó, từ hơn tháng nay thiếu nguyên liệu nên nhà máy sản xuất không đủ chỉ tiêu. Không khéo số đầu heo trong tỉnh sẽ bị giảm trầm trọng...

- Nhưng gì thì gì, bữa nay ông Giám đốc cũng duyệt cho tôi một trăm ba mươi bao chớ?

- Không được đâu Thu Ba, mấy hợp đồng khác cũng cần cám dữ lắm. Bữa nay tui chỉ duyệt cho cô được chín chục bao thôi.

Cô Thu Ba nhìn Tám Hải cười mơn:

- Ông Giám đốc thông cảm đi mà! Bầy heo nhà tôi nó ăn như xáng xúc, chín chục bao cám may ra chỉ đủ cho chúng hửi một tuần.

Im lặng một hồi, Tám Hải đưa tay lên gãi đầu:

- Ở cũng ngặt há! Còn ba ngày nữa lấy gì cho nó ăn? Tụi nó mà đói nó la dậy làng dậy xóm ai chịu nổi! Chừng đó nếu bầy heo không xé xác cô thì chòm xóm họ cũng không để cô yên. Kể cũng tội cho cô đó chớ...

Tám Hải vừa nói vừa nhìn Thu Ba cười hề hề. Cô thừa thông minh để hiểu cái cười đó nên cô giả bộ dịu hiền, nhìn hắn buồn buồn năn nỉ:

- Xin ông Giám đốc cân nhắc lại mà chiếu cố cho tôi.

Tám Hải nhăn mày ra vẻ khó nghĩ:

- Khó quá!

Rồi hắn trơ trẽn tiếp:

- Thu Ba biết tại sao khó không? Tại vì cô cứ kêu tui là ông giám đốc hoài. Phải cô đổi cách xưng hô thì hay biết mấy.

Dù đã đi guốc trong bụng hắn, Thu Ba vẫn hỏi:

- Vậy tôi phải gọi ông Giám đốc bằng gì? Gọi bằng anh Tám nghe?

Tám Hải gật đầu lia lịa, khoái chí cười híp mắt. Thu Ba cũng cố mỉm cười theo.

Tám Hải hí hửng:

- E... em..., ủa Thu Ba gọi kiểu nầy thì không những qua ký duyệt một trăm ba mươi bao, mà một trăm năm mươi bao cũng được.

Thu Ba reo lên như đứa trẻ được quà, dù cô đã ngoài ba mươi tuổi:

- Thiệt hả anh Tám? Anh ký cho em 150 bao thiệt hả? Ôi vậy thì còn gì bằng, em mừng quá! À mà em đem tiền theo không đủ, anh Tám cho em thiếu vài bữa, nghen?

- Được, anh cho em thiếu một tuần.

Cả Thu Ba lẫn Tám Hải đều vui, niềm vui của hai người cùng có lợi.

Mặt trời lên khá cao. Bóng mấy cây dừa thu ngắn lại. Ánh nắng sắp liếm đến băng đá. Thu Ba đã được việc nên nôn nóng trở về nhà máy nhận cám.

- Trời trưa rồi, để em vô nhận cám, về nhà còn lu bu công việc.

- Em nán lại ngồi chơi với anh chút nữa..

Thu Ba tinh nghịch:

- Thôi trở vô đi anh Tám. Ở đây em sợ dừa rớt trúng đầu lắm!

- Em khéo lo! Dừa khô có rụng thì rụng gần gốc chớ làm gì rụng ra tới đây!

- Tại anh không biết đó chớ dừa bị chuột khoét, rụng chạy theo bẹ dừa rớt bất tử lắm.

Vừa nói cô vừa ngước mặt nhìn lên mấy tàu lá dừa buông xõa đong đưa trên đầu. Không để Tám Hải kịp ngăn cản, cô đứng lên. Tám Hải thấy vậy cũng đứng lên theo, thong thả đi trở lại nhà máy.

Cô Thu Ba gọi thằng Tiết, em cô, đang ngồi chờ trên xe ba gác trước sân lại cửa hông nhận cám. Cầm giấy xuất kho, cô trở ra phụ giúp em chất cám lên xe. Những bao cám vừa ra khỏi máy còn nóng hâm hấp, bốc mùi bột cá hăng hăng. Hai chị em lòng mừng khấp khởi, đẩy xe cám về nhà. Họ mừng là phải, vì trong lúc khan hiếm cám như hiện nay mà được ông giám đốc duyệt ký một lần 150 bao thì có khác gì bắt được vàng!

Về đến nhà, thằng Tiết một mình vác cám chất vào trong nhà rồi còn đi chở thêm mấy chuyến nữa mới hết. Cô Thu Ba hớn hở báo tin mừng cho mẹ biết. Bà Bảy Thọ đang lúi húi với mâm cơm cúng ông Chuồng bà Chuồng gồm cơm, canh, thịt kho và một con cá nướng. Thời buổi thiếu thốn này, khi được bất cứ thứ gì dân cũng đều vui mừng cả, trừ cái còng số 8.

Bầy heo nằm trong chuồng nghe tiếng Thu Ba liền bật dậy như những chiếc lò xo, kêu la inh ỏi, điếc cả tai. Bà Bảy Thọ lớn tiếng mắng:

- Tụi bây làm gì mà như giặc dậy...

Nhưng đàn heo nào có hiểu được lời bà. Chúng cứ ngoác họng kêu rống, có con la hăng đến sùi bọt mép. Cô Thu Ba biết lũ heo đói thật, vì trời đã trưa lắm rồi. Cô vội vàng thay bộ quần áo "nhà nghề", ra chuồng "phục vụ" lũ giặc đói. Với áo ngắn tay gọn gàng, hai ống quần vo lên khỏi đầu gối, cô cầm cây roi dài đứng thị uy như vị nữ tướng. Cô vừa đánh đuổi chúng dang ra vừa cầm vòi xịt nước rửa máng. Xong cô xúc cám đổ vào các máng rồi đổ nước vô sau. Bầy heo tranh giành chen lấn nhau cắm đầu ăn hùng hục. Thỉnh thoảng có con bị lấn ra khỏi máng, mất ăn, chạy vòng vòng la inh ỏi. Rồi bất chợt nó lấy hết sức bình sinh phóng bạt mạng chen vào giữa mấy con heo đang đứng sắp hàng ăn như điên. Phải bạo như vậy nó mới có một chỗ đứng để được ăn như những con heo khác. Thì ra muốn có miếng ăn, loài heo cũng vất vả quá chứ đâu phải chỉ riêng con người sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa "ta"!

Trong khi bầy heo đang cắm cúi ăn, cô lo dọn rửa chuồng. Cô thoăn thoắt hót phân, quét chuồng. Đợi cho bầy heo ăn xong, cô cầm vòi xịt nước tắm đều khắp từng con rồi xịt nước rửa chuồng cho thật sạch. Bầy heo ăn no được tắm mát, lăn ì ra nằm thở vẻ vô cùng thỏa mãn. Cô còn phải lo hốt mớ trấu lắng một lớp dày dưới lòng máng đổ đi. Đám trấu này do giám đốc Tám Hải có "sáng kiến" cho thêm vào để đạt chỉ tiêu với cấp lãnh đạo, chứ heo nào chịu ăn!

Chẳng mấy chốc, mấy con heo nằm ngủ chổng cẳng. Thu Ba rất có kinh nghiệm nuôi heo. Chỉ nhìn cách nằm ngủ, cô biết con nào mau lớn con nào chậm lớn. Hễ con nào nằm nghiêng một bên, bốn chân duỗi thẳng ngủ say là mau lớn. Con nào nằm sấp, lót hai chân sau dưới bụng, hai chân trước duỗi thẳng rồi gác mỏ lên đó mà lim dim đôi mắt thì ngủ không say, chậm lớn. Trong hoàn cảnh quốc phá gia vong hiện nay, con người trái ngược lại. Ai ngủ say là kẻ vô tích sự. Những con heo chậm lớn, bất lợi cho chủ thì cô Thu Ba đã sớm đào thải đi rồi, còn người mê ngủ vô tích sự thì sao?

Anh Khải đến nhà chơi, bà Bảy Thọ vui vẻ đưa anh ra tuốt sau nhà gặp Thu Ba. Nhìn bầy heo nằm ngủ la liệt trong chuồng, Khải buột miệng:

- Không ngờ cô Thu Ba đảm đang giỏi giắn thế này!

Cô cười khiêm tốn:

- Anh quá khen làm em ngại lắm.

- Tôi nói thật lòng mà. Cô chăn nuôi tài quá.

- Có gì đâu anh. Sau biến cố hồi nẫm, gia đình em lâm cảnh ăn không ngồi rồi, túng thiếu lắm. Đã túng thì phải tính, mấy chị bạn xúi biểu em nên bày ra nuôi heo.

- Nhưng cô cũng phải hiểu biết sẵn về chăn nuôi chứ?

- Không đâu anh, em nuôi đại rồi nghề dạy nghề. Mới đầu em chỉ nuôi một cặp heo thịt, sau lên hai, rồi bốn, rồi tám cặp... giờ thì được hơn hai mươi lăm cặp.

Khải đưa mắt quan sát chuồng heo. Dãy chuồng khang trang, ngăn nắp được xây trên liếp đất rộng gần mé kinh đào, mỗi ngày hai lượt nước lớn ròng nên việc dội chuồng, tắm heo rất thuận tiện. Bên cạnh chuồng heo là ao cá tra lớn, mặt ao luôn luôn có cá ăn mồng. Anh thầm thán phục óc tổ chức và cách bài trí của cô Thu Ba. Với cái lon đại úy Công binh, Khải phải gỡ hơn tám cuốn lịch cải tạo mới được tha về hồi năm ngoái. Về đến quê nhà anh mới hay vợ anh đã đi lấy chồng khác, bán nhà và dẫn con theo người chồng mới qua Miên sinh sống. Đã ba năm nay, bà con lối

xóm không ai biết tin tức gì về vợ con anh nữa. Tuy được thả nhưng Khải vẫn bị công an quản chế, giằn thúc. May là nhờ có người bạn giúp cho chỗ ở và chút ít vốn bán thuốc lá lẻ nên anh cũng đỡ khổ.

Thấy con mình tươi cười vui vẻ nói chuyện với khách, vài ý nghĩ tốt lành nảy ra trong trí bà Bảy Thọ. Con gái bà nay đã ngoài ba mươi, vậy mà chưa chịu lấy chồng khiến bà lo lắm. Em nó, thằng Tiết, đã có vợ con từ 5 năm nay rồi. Càng nghĩ bà càng lo. Con bà tuổi con gà, có vất vả bươi chải thì cũng phải, cớ sao ông trời còn bắt nó chịu tình duyên muộn màng quá sức?

Năm đó lớp đệ nhất ban văn chương của trường nữ trung học Lê Ngọc Hân chỉ có bảy nữ sinh. Đây là lớp đệ nhất C đầu tiên của trường nên bà Hiệu trưởng và các giáo sư cưng các cô như trứng mỏng. Các cô xứng đáng được hưởng sự yêu thương đó vì họ rất chuyên cần, ngoan ngoãn và xinh đẹp. Thu Ba là một trong bảy nữ sinh ấy.

Sau khi đậu Tú tài II, Thu Ba tiếp tục theo học cử nhân ban Việt Hán tại Đại học Văn khoa Sài gòn. Trong thời gian này, một mối tình thơ mộng đã nảy nở giữa cô sinh viên Văn khoa và Chưởng, chàng sinh viên Võ bị Quốc gia Đà lạt. Cả hai hẹn ước khi Chưởng ra trường, họ sẽ làm lễ cưới. Nhưng tình hình chiến sự ngày càng sôi động. Mãn khoá, Chưởng gia nhập binh chủng Thủy quân Lục chiến, hành quân liên miên, không có điều kiện để tiến hành lễ cưới.

Đám cưới ấy không bao giờ có nữa. Trong một trận chiến ác liệt ở vùng Năm Căn, Cà Mau, Chưởng tử trận. Sau đám tang người tình, Thu Ba trở về Mỹ Tho, bịnh liệt giường suốt mấy tháng trời. Khi cô hồi phục thì cũng là lúc nước nhà lâm vào cảnh thay ngôi đổi chủ. Xã hội đổi thay, mọi giá trị đảo lộn, Thu Ba ngỡ ngàng, chới với trước cuộc sống mới. Loay hoay mất mấy năm, dần dần Thu Ba nhận ra để sống còn, cô phải chọn cho mình một thái độ lạc quan, dứt khoát, hăng hái, tự tin. Nhờ bạn bè bày vẽ, cô mua heo về nuôi. Rồi nghề dạy nghề, chẳng mấy chốc Thu Ba trở thành người chăn nuôi thành công. Cứ mỗi khi ký hợp đồng với công ty chăn nuôi hai con heo, thì cô dùng số cám đó để nuôi ba con. Tám tháng sau, cô chỉ giao cho công ty hai con, còn một con là lời. Khéo tay, khéo miệng, Thu Ba rất có uy tín với các cán bộ ngành chăn nuôi của tỉnh. Cô ký hợp đồng ngày càng nhiều thêm, đàn heo trong chuồng của cô ngày càng đông hơn.

Ba Qui, giám đốc sở Nông nghiệp, thường lui tới nhà Thu Ba viện cớ để "tham quan" bầy heo nhưng thật ra là để tìm dịp nói chuyện với cô. Ba Qui là cán bộ hồi kết, từng đi du học ở Liên xô nên giương giương tự đắc, mục hạ vô nhân. Tuy đã tròm trèm năm mươi nhưng hắn vẫn độc thân để dễ giao du "thân mật" với các nữ cán bộ. Ba Qui rất tự mãn với kiến thức học được của Liên xô. Trong câu chuyện, hắn thường chỉ dẫn cho Thu Ba những hiểu biết và kinh nghiệm thiết thực trong việc chăn nuôi heo.

Có lần Thu Ba hỏi hắn:

- Sao những điều anh Ba chỉ dẫn không giống cán bộ công ty chăn nuôi nói?

- Cán bộ nào nói?

- Thì ông Biết với ông Thố đó.

Ba Qui cười khi dễ:

- Ôi tưởng ai, mấy thằng cha từ bưng biền về dốt nát đó mà. Họ có học hành gì đâu!

Thu Ba cãi:

- Nhưng mấy cán bộ miền Bắc như ông Tuyên, ông Súy, ông Thiết cũng nói khác anh Ba!

Ba Qui vênh mặt:

- Bọn nó cũng dốt cả lũ, chỉ có cái mồm to hơn bộ óc. Nói thì nhiều chứ hiểu biết bao nhiêu!

Nghe Ba Qui miệt thị cán bộ đồng nghiệp, Thu Ba khoái chí lắm nhưng không tỏ ra. Cô thừa biết Ba Qui cũng chẳng khác gì đám cán bộ kia, chỉ "trạch ngắn mà chê lươn dài, thờn bơn méo miệng chê trai lệch mồm" thôi! Hắn ưa lui tới nhà cô, chịu khó nói với cô về những "tiêu cực, hạn chế, khuyết điểm của đảng và cán bộ ta" là vì hắn có cảm tình với cô, muốn cô phải phục hắn không những về kiến thức mà còn về anh hùng tính dám ăn dám nói.

Giống như Ba Qui; Tư Cương, giám đốc công ty Chăn nuôi, lấy lòng Thu Ba bằng cách ký thật nhiều hợp đồng với cô. Hắn là cán bộ hồi kết. Ngày về Nam, hắn dẫn theo một vợ năm con nheo nhóc. Không biết trong cuộc sống vợ chồng Tư Cương cơm không lành canh không ngọt đến cỡ nào mà trong câu chuyện với Thu Ba, hắn lên án vợ hắn quá xá cỡ và chê vợ rậm rề.

Tư Cương tự thú:

- Tui chán con vợ do tổ chức xây dựng quá.

Thu Ba ngạc nhiên:

- Sao ông giám đốc nói vậy? Tôi thấy bà nhà ăn nói lanh lợi hoạt bát lắm mà.

- Bả mà lanh lợi hoạt bát? Bà chỉ nói lanh nói lớn thôi cô ơi!

- Tôi thấy bà nhà đảm đang chịu khó chăn nuôi heo gà đó chớ?

- Cô đừng nghĩ vậy mà lầm. Bả làm được bao nhiêu đâu, tui làm hết đó. Lấy vợ cán bộ chán lắm, không làm theo ý nó là nó "đấu tranh" liền! Chuyện gì nó cũng "đấu tranh" hết, chịu không nổi!

Nhờ nghề chăn nuôi heo mà Thu Ba có dịp tiếp xúc với đủ loại cán bộ nhà nước. Tuy họ có khác nhau về chức vụ nhưng giống nhau ở chỗ ai cũng hảo ngọt, cũng có máu lợi dụng dù miệng luôn luôn nói đạo đức. Thế nên với Thu Ba, loài heo tuy hôi hám nhưng vẫn dễ chịu hơn các cán bộ ngành chăn nuôi nhiều.

Bà Bảy Thọ tuổi cao nên từ hai năm nay đau yếu luôn. Nhưng bà đúng là có phước, chẳng những được con gái mà cả con dâu thương yêu, chăm lo săn sóc từng ly từng tí.

Bữa cơm gia đình dọn ra, mấy đứa cháu nội được cho ăn trước, dẫn nhau ra hiên nhà chơi bán đồ hàng. Bà Bảy, cô Thu Ba và hai vợ chồng thằng Tiết ngồi vào bàn vừa ăn vừa nói chuyện vui vẻ. Tô canh để ngay trước mặt bà

Bảy. Cô Thu Ba cười, khen em dâu:

- Ờ, mầy nhớ để tô canh gần má phải đó.

Vợ thằng Tiết nhìn chị, cười duyên:

- Em biết mà chị Hai, già chén canh trẻ manh áo mới.

Bà Bảy vui vẻ:

- Má già dở lắm, bữa nào ăn cơm thiếu canh, nuốt không vô.

Cô Thu Ba nửa đùa nửa thật bảo em dâu:

- Mầy nên nấu canh rau mồng tơi, đậu bắp hoặc khoai từ, khoai mỡ cho nó trơn trơn, má dễ ăn.

Thằng Tiết xen vô:

- Nhưng má cũng phải nhai chớ, canh khoai trơn quá má chỉ nuốt trọng.

Bà Bảy cười:

- Thằng nầy nói niếc! Dù không còn răng nhưng má cũng nhai kỹ lắm chớ. Bộ con tưởng má ăn cơm nuốt trọng như già đãy nuốt cá chắc? Già đãy thì không sao chớ má ăn cơm kiểu đó đau bao tử chết.

Rồi bà quay qua cô Thu Ba:

- Má thì chén canh, hai đứa cháu nội của má thì manh áo mới, vậy chớ con thì cần cái gì?

- Con cần cả hai, vì con xồn xồn không già không trẻ.

Nghe chị nói, thằng Tiết cười lớn:

- Chị Hai khôn tổ!

Cả nhà cùng cười. Bà Bảy sực nghĩ tới tuổi tác của con mình, một nỗi buồn lo nhè nhẹ thoảng đến nhưng bà vội xua đi ngay.

Xong bữa thì trời cũng vừa tối. Cả nhà quây quần nơi phòng khách, vừa uống trà vừa tán gẫu. Bà Bảy vẫn bận tâm về chuyện chồng con của con gái, nói giọng rầu rầu:

- Má lo nhứt cho con Thu Ba, không biết chừng nào nó mới có được tấm chồng!

Cô Thu Ba cười ngất:

- Má khéo lo thì thôi! Bây giờ con chỉ nuôi heo, không nghĩ gì tới chuyện đó đâu!

- Nói vậy nghe được sao con! Năm nay con cũng lớn rồi, phải lo chớ! Má chỉ sợ hoa nở không bán, hoa tàn ai mua!

Thằng Tiết nheo mắt nhìn chị:

- Chịu đi chị Hai, em giới thiệu cho.

Bà Bảy đốc vô:

- Thằng Tiết coi có bạn bè nào được giới thiệu cho chị Hai con đi. Không lẽ để chị con ở vá suốt đời sao?

- Bạn bè thì con không có, nhưng có mấy ông cán bộ để ý chị Hai, mấy ổng có nói với con.

Quay qua cô Thu Ba, thằng Tiết cười cười:

- Chịu đi chị Hai, cán bộ miền Nam nhất trụ, nhì tù, tam khu, tứ kết; chị Hai chịu người nào em làm mai người đó.

Vợ thằng Tiết cũng nhìn chị chồng, cười thật tươi:

- Chị Hai ưng cán bộ là nhà mình ngon lành liền. Nhất thân nhì thế mà!

Thấy chị im lặng, thằng Tiết nhập đề ngay:

- Chị Hai chịu ông Hai Đến đi. Cách nay hai năm vợ ổng bị phong đòn gánh chết trong lần sinh đứa con thứ sáu. Tội nghiệp ổng từ đó tới nay sống mồ côi vợ, làm thân gà trống nuôi con.

Cô Thu Ba nghiêm giọng:

- Ông Hai Đến nào?

- Ông Hai Đến trong thời chiến nổi tiếng kiên quyết bám trụ ở xã Long Hưng, hiện là giám đốc công ty Mai táng của sở Thương binh Xã hội đó.

- Thôi tao biết rồi. Thằng cha cán bộ học lớp hai lớp ba đó mà. Hắn dốt đặc cán mai mà học đòi dữ lắm.

- Ổng dốt nhưng ổng có thế làm ăn, tiền vô như nước. Nội việc công ty ổng độc quyền bán hòm và cung cấp dịch vụ mai táng là đã kiếm ăn khá lắm rồi. Đó là chưa kể ổng được ký hợp đồng mua gỗ từ các tỉnh miền Đông về đóng hòm, gỗ dư cả đống đem bán ra ngoài kiếm lời bỏ túi riêng.

- Đành rằng ổng có nhiều tiền nhưng ổng dốt quá, tao lấy ổng chẳng khác nào bồ dục chấm mắm cáy. Vả lại ổng đông con, tao ớn lắm.

Thấy chị không ưng, thằng Tiết nghiêm chỉnh giới thiệu một ông khác:

- Nếu chị Hai không ưng cán dốt thì em giới thiệu cán có học vậy. Chị Hai biết ông Bảy không? Ổng làm cán bộ xét xử tại toà án Nhân dân Tỉnh đó. Cả đời lo làm cách mạng rồi bị tù tội nên chưa cưới được vợ.

Cô Thu Ba bĩu môi:

- Phải thằng cha cán bộ ốm như con cò ma, lúc nào cũng ho khèn khẹt đó không?

- Ổng đó! Trong giới cán bộ, ổng là người học cao hơn hết. Hồi trước nghe đâu ổng học được vài chứng chỉ Luật ở Sài gòn. Tết Mậu Thân ổng vô bưng theo Việt cộng, sau đó ổng bị quốc gia bắt bỏ tù ở khám Chí Hoà rồi đày ra Côn đảo. Sau ngày "chiến thắng", ổng được đảng phân công làm cán bộ xét xử ở Toà án Nhân dân Tỉnh.

- Chả ở tù bị ăn đòn nhiều hèn gì mắc bịnh hậu, ôm ngực ho suốt ngày!

- Coi vậy mà ổng kiếm ăn khá lắm đó chị.

- Ờ, chuyện ổng xử chìm xuồng vụ 15 ký á phiện lậu rồi số á phiện đó cũng mất tiêu luôn, bàn dân thiên hạ ai không biết.

- Đó chỉ là một trong vô số vụ xét xử về kinh tế và buôn lậu mà ổng cấu kết với sở Công an và viện Kiểm sát để ăn chia thôi.

Im lặng vài phút như để cân nhắc, Thu Ba dứt khoát:

- Dù ông Bảy có học, có kiếm ăn được, nhưng ổng ốm yếu bịnh hoạn quá tao không ham, tao sợ sắc thuốc nuôi bịnh lắm!

Thấy chị mình không chịu lấy cán trụ, cán tù, thằng Tiết vẫn không nản chí. Nó giả bộ nghiêm giọng trách chị:

- Sao chị Hai khó tính quá vậy? Ai chị cũng không chịu hết. Vậy chị có chịu lấy sĩ quan không? Ông Thiếu tá Út Trọng đang công tác ở Tỉnh đội có cảm tình với chị nhiều lắm đó, ổng nhờ em làm mai giúp ổng. Trong thời chiến ổng là cán bộ khu, công tác tại cục "Rờ". Vợ con ổng đã chết tan xác trong lần máy bay dội bom hồi nẳm.

- Chắc thằng cha bộ đội đó cũng ốm nhom xanh lét vì sốt rét chớ gì?

- Ổng còn bị đau bao tử nữa, nhưng mà tủ ổng đầy vàng chị Hai ơi. Bởi ổng được Tỉnh đội giao công tác quản lý đội ghe đánh cá của Tỉnh đội tại Biển Hồ, tỉnh Pursat là tỉnh kết nghĩa với tỉnh Tiền Giang mình nè.

- Ổng bịnh hoạn như vậy mà mầy định làm mai cho tao à? Dù ổng có vàng chất đầy nhà tao cũng không ưng. Thôi bỏ ý định làm mai ăn đầu heo đi em!

Bà Bảy Thọ thở ra. Vợ thằng Tiết chăm chú theo dõi nãy giờ, thấy chị chồng cứ bàn ra, cụt hứng nhưng vẫn ngồi làm thinh. Thằng Tiết kiên nhẫn tiếp tục gạ gẫm chuyện làm cái nghề ngu nhất trên đời.

- Chị Hai khó tính thiệt, ai chị cũng chê ráo trọi. Thôi để em giới thiệu ông cán hồi kết cho chị há?

- Ai nữa vậy mầy?

- Ông Tư Hưng, chắc chị không biết đâu, nhưng ổng biết chị và để ý chị từ lâu, ổng có nhờ em...

Cô Thu Ba ngắt lời:

- Tao biết ổng nhờ mầy rồi, nhưng mầy biết gì về ổng?

- Biết chớ. Ông Tư Hưng người tỉnh nầy, tập kết ra Bắc hồi nẳm, có vợ Bắc. Hai vợ chồng ổng vượt Trường Sơn trở về Nam "chống Mỹ cứu nước". Trên đường vô Nam công tác, hai vợ chồng phải tách rời theo hai đơn vị khác nhau. Tới một lúc, vợ ông bỏ ông theo thủ trưởngcủa bả. Vậy là vinh quang đâu chưa thấy, thấy mất vợ nên Tư Hưng cay lắm! Trước đây ổng làm giám đốc công ty Ăn uống và Khách sạn. Khỏi nói chị cũng biết, ổng như chuột sa hũ nếp, ăn to uống đậm nên mập như heo. Bởi tham lam vô độ, ổng thụt két tiền công ty. Chuyện đổ bể, ông bị tổ chức xử lý bằng cách điều ổng qua làm giám đốc công ty Vệ sinh lo hút hầm cầu.

- Trời đất! Rồi qua công ty mới nầy ổng còn ăn không? Mà có gì đâu ăn?

- Ối, chị lầm rồi! Ổng không ăn được lớn nhưng vẫn có ăn dài dài. Mấy người muốn hút hầm cầu phải hối lộ nhiều nhiều thì ổng mới cho hút hầm sớm và sạch, bằng trái lại thì rán mà chờ và chỉ hút qua loa thôi.

- Mầy kể về ổng làm tao phát ngán ngược. Tao không ưng ổng đâu! Làm sao tao chịu nổi một ông cán nặng mùi nhứt trong các cán cho được? Hơn nữa tao cũng không thích mấy cán hồi kết vì họ ăn nói ngọng nghịu vô duyên lắm!

Thằng Tiết phàn nàn:

- Sao cán Nam nhất trụ nhì tù tam khu tứ kết gì chị cũng chê tuốt luốt vậy? Thôi để em làm mai cho chị một ông cán Bắc nghe? Chị biết ông Trần Quyết, cán bộ sở Thể dục Thể thao không?

- Có phải thằng cha cán bộ "môi hở răng lạnh", hồi sau "giải phóng" ngày một ngày hai lại nhà mình nói xạo "ngoài ta ti-vi chạy đầy đường" đó không?

- Ổng đó.

- Thôi dẹp. Mấy thằng cán Bắc xạo lắm, đứa nào cũng vợ con đầy đàn đầy đống mà vô đây cứ nói chưa vợ để mong lấy gái miền Nam! Dẹp tụi nó đi.

Thu Ba quay sang nói với bà Bảy Thọ:

- Má coi, không biết thằng Tiết thù oán gì con mà nó cứ đòi làm mai cán bộ cộng sản hoài. Cọn sợ mấy ổng lắm!

Bà Bảy vuốt tóc con:

- Sao vậy con?

- Thì má thấy đó! Họ đâu phải là bà con mình, họ là con cháu "bác Hồ" mà, không hạp nổi đâu má!

Bà Bảy Thọ im lặng suy nghĩ một hồi rồi khe khẽ gật đầu, tỏ vẻ đồng ý với con. Thằng Tiết ngồi yên, mỉm cười nhìn chị.

Thấy vậy, cô Thu Ba nghiêm giọng:

- Cười gì mậy? Từ nay trở đi không được làm mai làm mối lôi thôi nữa nghe. Tao không nghĩ gì tới chuyện chồng con hết, mầy nên để tao yên. Tao thích ở vậy nuôi heo à!

Cả nhà nghe Thu Ba nói vậy, ôm bụng cười ngặt nghẽo. Cô cũng bật cười theo.

Thằng Tiết lúc này mới tỏ vẻ nghiêm trang, đứng đắn:

- Chị Hai đừng giận em, nãy giờ em chọc chị chơi cho vui đó thôi, chớ bộ chị tưởng em ưa mấy tay cán bộ đó thiệt sao? Chuyện họ giết cha mình cách nay hơn 20 năm làm sao em quên được?

Không khí trong phòng bỗng dưng ngưng đọng nặng nề. Ba mẹ con bà Bảy hồi tưởng lại thảm cảnh gia đình mình. Năm đó ông Thiếu tá Thọ, quận trưởng quận Tân Trụ, bị Việt cộng giật mìn chết không toàn thây trên hương lộ tại Cống Bần thuộc xã Bình Tịnh, tỉnh Long An.

Một hồi sau, bà Bảy âu yếm nhìn con gái, dịu dàng:

- Có lấy chồng, tốt hơn con nên chọn người mình, dù họ đang thất thế.

Câu nói của bà Bảy đánh động cả tâm hồn cô Thu Ba khiến cô phải thực sự suy nghĩ về tương lai mình.

Đêm đã khuya. Mẹ và hai em đã đi ngủ, Thu Ba còn ra chuồng heo quan sát một vòng. Cô rất ưng ý thấy bầy heo đang nằm ngủ ngon lành trong các chuồng.

Trở về phòng riêng, Thu Ba lên giường nằm, miên man suy nghĩ đến lời mẹ dạy khi nãy. Cô nghĩ đến anh Khải, người đang lâm vào hoàn cảnh rất đáng cảm thông, nhưng tình cảm của cô với anh không có gì sâu đậm.

Dòng suy tư của cô dừng lại thật lâu nơi Chưởng với biết bao kỷ niệm của mối tình đầu. Nhắm mắt lại, hình ảnh Chưởng hiện ra rõ nét. Anh nhìn cô nhoẻn miệng cười. Thu Ba cũng cười đáp lại, nhưng dường như nơi khoé mắt cô những giọt lệ đang lăn dài... ●

anh ở đây

Nhạc và lời 1: **Thục Vũ**

Lời 2: **Vũ Đức Nghiêm**

(ca-khúc đoạt giải nhì,
Cuộc thi Sáng-tác Nhạc thời-thế
Phong-trào Hưng Ca Việt-nam 1994-1995)

Chậm

Dm7 C7 F B♭

lối cho lòng giăng mắc không nguôi Chiều Suối Máu xót xa buồn nhớ
đây thôi đành như cánh chim bay Người đốn núa, vác giang miền núi

Am Gm C7 F

con Tình thương em vẫn đong đầy khoé mắt Chiều Long
xa chiều Sơn La mưa rơi nhoà nước mắt Người đi

B♭ C7 Dm7 C7

Giao sương mờ đêm u uất nhớ thương vơi đầy hẹn hò vương chân
xa trong niềm đau chất ngất Lối xưa không về hẹn hò đành đơn

F Am

mây Anh ở đây bạn bè anh cũng ở đây vẫn giếng nước sâu bên
sai Ôi người đi về đâu khi nắng chiều phai Nắng úa xót xa thương

B♭ Dm7 F Gm C7

cầu Tìm trăng, trăng vướng giây gầu Anh ở đây ngày ngày bên trong rào
người chiều nao gục ngã trên đồi Chim rủ nhau lên rừng ru anh ngủ

F B♭ Dm7 C7 F D.C.

sắt Hận thù ưu tư chồng chất giữa lòng núi cũ sông xưa Anh ở
mãi Hình hài tan theo cỏ cháy hỡi người kiệt sức buông tay

Am B♭ C7 *Rall. .....* F

đây anh ở đây sao vẫn còn ở đây?

xóm cũ

LTS: Để gợi lại, chia-sẻ và giữ-gìn những kỷ-niệm của đời người bên cạnh nét đẹp quê-hương, tòa-soạn mở mục "Xóm cũ" để chào-đón các bài viết về phong-thổ, tập-quán, con người, đặc-tính địa-phương,.. Hãy ghi chép lại trước khi kỷ-niệm chìm sâu. Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời-gian phủ mờ ký-ức. Viết về một lượm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh,.. nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay thắt chặt một mối tình đằm-thắm. Hãy sớt chia, để được gìn-giữ. Hãy cho, và hãy nhận...

Nam Phổ... Trèo Cau

Nguyên Hương
(Dallas)

Ca dao đồng dạo, phong dao tục ngữ ngoài tính cách chung là diễn đạt tình cảm, thỉnh thoảng thấy có những câu khen chê rất ngộ nghĩnh nơi này nơi khác; đôi khi pha chút vui đùa dí dỏm hợp với thể cách trào phúng của người Việt Nam. Vì vui đùa nghịch ngợm chút chút nên thường gợi trí tò mò người nghe, muốn tìm hiểu, muốn được giải thích tường tận.

Văn học dân gian và truyền khẩu phát xuất từ một ý niệm hay kinh nghiệm thực tế. Đến lượt người nghe, tùy hứng khởi tự nhiên, có thể diễn dụ tự do miễn sao dễ tin, hợp lý và hợp ý người đối thoại. Một câu tục ngữ phong dao vì vậy có thể trở thành đầu đề câu chuyện hay bài luận văn; nói, viết mãi không hết lời, hết ý. Loại văn học dân gian này địa phương nào cũng có, nơi ít nơi nhiều, nơi nhẹ nhàng phơn phớt, nơi bộc lộ rõ ràng.

Tạm ghi làm thí dụ vài câu:

Con trai Cẩm Phô, chưa xô đã ngã
Con gái Thanh Hà, chưa gả đã theo.

(Làng Cẩm Phô và Thanh Hà, trên tả ngạn sông Thu Bồn, trước đây thuộc thị xã Hội An).

Ra tới miền Bắc, mặc dù địa danh bao nhiêu lần thay đổi, vẫn còn nghe nói:

Con gái làng Nga, ma quờ quỷ quạt
Con gái chạ Soi, chồng ngoi trên bụng.

(Làng Nga, Liêm Thuận, thuộc huyện Thanh Liêm; Chạ Soi, làng Soi - Thanh Hương - huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nội, theo *Đại Nam Nhất Thống Chí*).

Lâu lắm rồi Huế-Thừa Thiên có câu sau đây được truyền khẩu dài dài:

Con gái Nam Phổ, ở lỗ trèo cau.

Câu này nhiều người nghe, nhiều người biết. Nghe rồi, biết rồi nhưng vẫn tò mò muốn biết tại răng rứa, mần răng mà ra rứa? Ngại ngùng vì trạng từ "ở lỗ" không được thanh nhã, lại thêm có đàn bà con gái trong đó, vì tế nhị, sợ phạm cấm, phạm "húy" nên chưa ai chịu khó luận bàn tới nơi tới chốn.

Trước khi gọi là có lời "diễn dụ" nội dung câu văn, xin tạm "diễn nghĩa" mấy từ chính như Nam Phổ, cây cau, trèo cau. Ai trèo, ai leo đây?

Nam Phổ, một địa danh lâu đời. Sách địa dư *Ô châu Cận Lục* của Dương Văn An soạn xong năm 1555 có nói đến làng Nam Phổ, huyện Tư Vinh (sau này, huyện Phú Vang). Thời xưa, Nam Phổ là một đại xã có

5 giáp Đông, Tây, Nam, Trung, Thượng. Kinh tế mở mang, dân cư đông đúc trù phú, lần hồi năm giáp trên trở thành năm làng riêng biệt tuy cùng có chung một ngôi đình cả. Nam Phổ Đông, Nam Phổ Tây, Nam Phổ Thượng, Nam Phổ Nam, Nam Phổ Trung.

Không biết rõ nguồn gốc thành lập, vị khai canh Thành Hoàng là ai, chỉ biết rằng Nam Phổ là một cựu xã cảnh trí thơ mộng, nhiều người biết, nhiều người đến nơi. Trong loại đồ sứ men lam Huế ký kiểu bên Tàu đời nhà Nguyễn, thấy có một cái bát vẽ hai con ngựa và bài thơ tựa đề:

NAM PHỔ

Nam Phổ xuân lai lục nhất xuyên,
Thạch kiều chu bậc lưỡng y nhiên,
Niên niên tống khách hoành đường lộ,
Tế vũ thùy dương khích họa thuyền.

Lê Hữu Mục dịch:

Nam Phổ xuân về sông biếc sóng
Bến đò cầu đá vẫn y nguyên
Năm năm đưa khách ngang con lộ,
Lá đổ mưa rơi động mạn thuyền.

Chữ Phổ, từ Nôm viết với bộ Thủy (氵) có nghĩa là bến bên sông. Làng Nam Phổ trong bài thơ có sóng biếc, có bến đò, có lá đổ mưa rơi động mạn thuyền. Phong cảnh gợi tình như vậy, Nam Phổ đẹp là phải.

Cảnh đẹp Nam Phổ còn là những hàng cau dài thơ mộng rợp bóng bên sông. Hàng cau trong nắng sớm ban mai, hàng cau tình tự khi bóng chiều nghiêng đổ:

Hai ta ăn một trái cau
Sợ thầy với mẹ ăn sau bóng đèn.
Ai về tôi gởi buồng cau
Buồng trước kính mẹ, buồng sau kính thầy.

Huế-Thừa Thiên làng nào cũng có cau. Đừng nói đâu xa, riêng vùng đất nối liền Nam Phổ từ Thọ Lộc lên đến Dương Nổ, từ La Ỷ xuống đến Tiên Nộn, Mậu Tài, cả miệt vườn bát ngát hương cau.

Có lẽ vì cau Nam Phổ nhiều người thích, ngon hơn, đặc biệt hơn, nên cau Nam Phổ đã đi vào văn học dân gian:

Mua cau Nam Phổ, mua trầu chợ Dinh.
Trầu chợ Dinh với cau Nam Phổ
Non vôi cũng đỏ, thiếu vỏ cũng ngon
Hột thơm mà xác lại giòn
Được tiếng khen là phải, dậy tiếng đồn không sai.

Làng cau Nam Phổ ra sao? Chiều hè nóng bức, cũng nên tản bộ về đây hóng mát, luôn dịp ngắm mây hoàng hôn đang lãng đãng trên những đọt cau cao vút tháng ngày rung rinh theo gió như cánh phượng lưng trời.

Bướm vàng đậu đọt cau tơ
Căn duyên chi chàng với thiếp... lửng lơ rứa hoài.

Từ làng Thượng đến làng Hạ, từ làng Đông qua làng Tây, hình như chỉ thấy toàn cau với cau. Lu bù cau. Những hàng cau dài nối tiếp, vươn cao thẳng đứng đời đời, hết lớp cau này đến lớp cau khác. Con người bảo tồn liên tục đời sống cây cau. Cây cau nuôi sống con người. Cau tươi, cau khô, bán buôn cau từ ngọn cây khi cau còn trong bẹ, chuyên chở cau tiếp tế khắp nơi. Kinh tế địa phương nhờ đó phát triển. Rộng hẹp nhỏ to, vườn nhà nào cũng trồng cau, những cây cau cách nhau độ 2 thước, nối liền nhau bao bọc xung quanh vườn như hàng rào dày bi bít "kín cổng cao tường", từ ngoài nhìn vô khó thấy rõ được bên trong.

Cau đi vào văn học bình dân, cau hiện hữu trong đời sống hàng ngày, quanh năm suốt tháng. Giao thiệp bạn bè, đám ma đám cưới, ăn tiệc ăn mừng, cúng kiến lễ nghi, trong triều ngoài quận, tất cả đều cần đến sự hiện diện của cau. Cây cau còn mãi trong lịch sử. Đời Minh Mạng, cây cau được khắc vào Cửu Đỉnh đặt trước sân Thế Miếu, nơi chiếc đỉnh đồng thứ tư gọi là Anh Đỉnh, cùng với núi Hồng (Hồng Sơn), sông Mã, sông Lô, cây tô hạp, cây kiền kiền...

Ngoài cây tre ra không có cây nào lợi ích đa dụng như cây cau. Thân cây, lá cây, bẹ cây, hoa trái, tất cả không bỏ một thứ gì.

Dĩ thực vi tiên, vậy nói chuyện ăn trước: món bắp cau xào. Đúng hơn bông cau non vàng nhạt mơn mởn xào với tôm thịt, thêm hành nhiều tỏi, rắc trên mặt chút mè, xúc ăn với bánh tráng Sịa. Cưng cứng, mềm mềm, béo béo, bùi bùi, thơm ngon tuyệt! Tuyệt trần hơn nữa, bắp cau xào với ong con còn trong tổ. Hãy nhìn ngắm thật kỹ món ăn này như ngắm nhìn bức tranh thủy mặc: đưa thức ăn từ từ vào miệng, vừa ăn vừa... thiền để thưởng thức mùi vị món ăn lạ miệng. Vừa lạ vừa hiếm vì không phải lúc nào cũng có. Mỗi mùa có được một bắp cau non, ba bốn tháng sau sinh ra trái, trái đẻ ra tiền. Ai nỡ hy sinh buồng cau vì món ngon vui miệng trong chốc lát.

Bông cau xào, có rồi, ăn ngon thiệt. Còn một thứ chè, ngó thiệt mà không: chè bông cau. Gọi bông cau cho mỹ thuật, màu mè vậy thôi. Chỉ có đậu xanh cà vỏ thành những hột đậu màu vàng, đem nấu chè pha thêm chút bột, sệt sệt, không lỏng, không đặc. Chén chè dọn lên, thấy lốm đốm những hột đậu vàng, tưởng tượng đó là bông cau. Chấm hết!

Thân cây cau dùng làm cột nhà, ống xối, làm cừ đắp đê hay chẻ nhỏ làm đũa thay thế đũa tre. Lá cau nằm trên ngọn, bẹ cau bám vào chồi, mỗi năm già khô rơi rụng cùng với lá vàng, gọi chung là tàu cau.

Thương thời chờ đợi năm sau
Chờ cau lớn trái lột "tàu" sẽ hay.

Rảnh rang, nhàn tản thì nhìn tàu cau rơi rụng nhớ lại chuyện tình dang dở. Thiết thực hơn, lấy lá cau vàng làm chổi quét nhà, lấy mo cau làm gàu tát nước, hay đem nhúng nước cho mềm "vắt mo" cơm bới thay thế bánh mì mang theo đi đường, khỏi phải cơm hàng cháo chợ. Con nít dùng tàu cau làm ngựa, đứa ngồi đứa kéo thay đổi nhau "cỡi ngựa" chạy lẹt đẹt trong vườn. Đàn bà con gái thích rong chơi, thấy đó mất đó, thường bị la rầy: ngựa tàu cau.

Ngôn ngữ Huế, ngựa tàu cau, nghe nặng nề châm biếm, nhưng chưa thấm thía hiểm hóc bằng: ngựa Thượng Tứ.

Trái cau còn xanh non chưa ăn được gọi là cau sữa. Cau già quá lứa, xác nhiều thịt ít (mức cau) gọi là cau tra. Cau còn non đã đau ốm tật nguyền, xanh xao vàng vọt không dùng được gọi là cau điếc. Cau nửa già, nửa non, ăn cũng được, nhưng

không mặn vôi, nước cau không ra màu đỏ, gọi là cau tầm vun. Cau chín vừa đúng lúc gọi là cau đầy, ngon số dách.

Cau ngon khéo bửa cũng dầy
Dẫu thương cho lắm hội này cũng xa.

Đất tốt, được mùa, mỗi buồng cau dễ thường có trên 100 trái tròn vo-vo. Tả cảnh tượng những búp non còn nằm trong bẹ, đêm ngày ôm ấp nuôi dưỡng buồng cau, trẻ con ngày trước có câu hát đố do người lớn truyền dạy:

Tàu cao lại mọc hai sừng
Con gái mười bảy ôm lưng ông già
Ông ơi, ông thả tôi ra
Tôi về buôn bán kẻo hoa tôi tàn.
Hoa cô tàn thì hoa tôi nở
Thả cô ra rồi, mấy thuở gặp cô.

Cau đâm bông nở trái vào mùa xuân, tháng 5 mùa hè cau lỗ. Tháng 7, tháng 8 có thêm một lứa khác lỗ muộn. Chờ đợi mùa cau cũng như chờ đợi mùa lúa, bao nhiêu dự tính, bao nhiêu đợi chờ hy vọng:

Cau bên anh lỗ sớm, cau bên nàng lỗ chưa?

Cau lỗ nghĩa là cau chín đến lứa rồi, nên bẻ liền đi. Lâu năm kinh nghiệm trong nghề, những đêm trăng sáng "con nhà vườn" chỉ cần đi rảo một vòng, ngước mắt dòm (nhìn) lên cũng đoán biết đã đến kỳ cau lỗ hay chưa.

Con gái Nam Phổ, ở lỗ dòm cau là vì vậy. Buồng cau treo tòn teng trên cây, muốn bẻ cau phải leo tuốt lên tận ngọn:

Cây suông suông lá tựa đùng đình
Một bầy se sẻ đóng đinh cột cầu.
(Câu đố: Cây cau).

Cây cau cao thẳng đứng, thân tròn trơn trợt. Trèo cau không dễ. Trèo thì được nhưng không được trẹo (lệch chân) hay tréo (hai chân không thuận chiều). Khi trèo phải giữ vị thế làm sao để thân người từ ngực đến háng không cọ sát vào thân cây. Để bám chặt hai chân, người ta dùng một vòng dây xỏ chân vào làm điểm tựa, từ đó ngoi lên từ từ, gọi là nài. Nài phải chắc bền, lỡ đứt nài trèo lên trụt xuống, như trai gái gần nhau rồi xa nhau, có duyên mà không có nợ:

Thương nhau rồi lại ghét nhau
Giá như buổi trước trèo cau đứt nài.

Con nhà nghề như dân làng Nam Phổ không cần câu liêm để thử hay bẻ cau, mà dùng nài leo tuốt lên ngọn cau, hái một trái quăng xuống đất, có người đứng dưới thử cau. Cau đầy, hái luôn cả buồng, thòng dây hạ xuống. Dễ dàng, khỏe ru!

Dòm cau, bẻ cau thường thường làm vào ban đêm trời sáng trăng, vừa mát mẻ, vừa tránh được người ngoài dòm ngó.

Biết qua động tác leo trèo rồi, để giải đáp vấn nạn "ở lỗ trèo cau", thử đoán xem ai leo, ai trèo đây. Người lớn hay trẻ con?

Người lớn, lứa tuổi ngoài 20 trở đi, chắc không có rồi! Trèo cau, leo tuốt ngọn cây, người đong đưa theo thân cây, nhìn xuống "ngợp" lắm. Chỉ có con nít gan lì, mạo hiểm, mới thích leo trèo kiểu này. Không phải chỉ trèo lên trụt xuống vài ba cây rồi hết. Vườn cau mênh mông, cau chín bỏ rồi, phải bẻ cho hết. Trèo lên trụt xuống từng cây một, đời nào cho xong. Muốn mau lẹ, phải chuyển đu người, vít ngọn cây này chuyền qua ngọn cây khác. Tiếng nhà nghề gọi là "vít ngọn trèo ngang".

Làng Nam Phổ thành lập cách đây bốn, năm thế kỷ. Cau Nam Phổ nổi tiếng từ xa xưa. Câu phong dao "con gái Nam Phổ..." xuất hiện có lẽ cũng vào thời gian này, thời gian mà trẻ con bảy, tám tuổi còn ở lỗ nhộng nhộng đi lông nhông nhà này qua nhà khác là chuyện thường xảy ra. Con nít ở lỗ chạy chơi ngoài đường được, ở lỗ trèo cau cũng là chuyện tự nhiên. Trèo cau theo kiểu Nam Phổ "vít ngọn trèo ngang", đừng mặc áo quần chi cả coi bộ tiện lợi hơn: khỏi vướng víu, cấn cái khó leo khó trèo!

Câu phong dao trên, khi hình dung phần nào sinh hoạt làng cau Nam Phổ có thể ngụ ý rằng: còn con nít đã biết trèo cau, có gan trèo cau rồi. Lời khen ngợi trẻ con làng Nam Phổ, nói rộng ra.

Phong dao đời xưa nói chuyện đời xưa. Chẳng qua người đời nay thích vui đùa đã tán xa, hiểu rộng hai chữ con gái. Bảy tám tuổi thích leo trèo cũng là con gái; mười tám đôi mươi cũng là con gái. Ca dao đời xưa, vậy nên hiểu theo người xưa, có lẽ đúng hơn.

Các cớ đi sâu hơn vào ca dao tục ngữ, tìm mãi hiếm thấy có câu nào dù ngắn dù dài mở đầu với hai chữ "con trai", chỉ thấy toàn con gái và con gái:

Con gái mười bảy, bẻ gãy sừng trâu.
Con gái là con người ta
Con dâu mới thật mẹ cha mua về.
Con gái mới về nhà chồng
Thổi cơm nồi đồng, nửa sống nửa khê.

Hay độc nhất một từ "con" chỉ chung con trai con gái:

Con bầy cháu lũ; con ông cháu cha...
Con có cha như nhà có nóc;
Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh.

Tác giả vô danh nào đó ngày xưa nếu truyền văn ngược lại:

Con trai Nam Phổ, ở lỗ trèo cau

Bàng quan thiên hạ chắc chắn sẽ không ai thắc mắc tìm hiểu làm chi; cũng chẳng ai nhắc nhở bàn qua tán lại; như vậy, câu phong dao trên sẽ không được truyền khẩu rộng rãi như ngày nay. Và... chàng trai Nam Phổ năm xưa cũng khỏi mất công "ra miệng":

Con gái Nam Phổ, ở lỗ trèo cau.
Con trai Dương Nỗ ngó chộ thất kinh

---

thơ
đặng thị quế phượng

nhớ quê

rượu gì như nước lã
ta gì chẳng phải ta
phương trời xa đã lạ
còn không một quê nhà?

nhớ người

bên kia đầu điện thoại
nói với cười như ngây
đáy hồn xanh trở lại
một trời lá me bay.

tiếng kêu của máu

Hoàng Hải Thủy

phóng tác

(tiếp theo)

Chương 13

Crawford, trong trụ sở FBI ở Washington, đang nói chuyện bằng điện thoại với Graham ở phi trường Birmingham thì nữ thư ký Sarah mở cửa nhô đầu vào giơ tay ra hiệu:

- Bác sĩ Chilton ở Viện Chesapeake gọi đến, nói có việc gấp. Máy số 2706.

Crawford gật đầu:

- Giữ máy nhé, Will.

Anh nhấn nút trên điện thoại:

- Crawford đây!

- Frederick Chilton. Ông là sĩ quan phụ trách điều tra vụ án mạng ở Atlanta?

- Vâng.

- Tôi có một tờ thư, đúng ra là hai mảnh của một tờ thư. Tôi nghi đây là thư do tên sát nhân vụ án mạng Atlanta viết...

- Bác sĩ tìm cái thư ấy ở đâu ra vậy?

- Trong phòng giam Hannibal Lecter. Thư viết trên giấy vệ sinh, có dấu răng cắn thay cho chữ ký.

- Bác sĩ đọc thư cho tôi nghe, nhưng hết sức tránh, đừng chạm tay lên tờ thư nhé.

Bác sĩ Chilton hắng giọng rồi đọc:

- *"Bác sĩ Lecter thân mến,*

"Tôi phải thưa ngay là tôi rất vui khi được bác sĩ chú ý đến. Khi tôi nghĩ đến số thư từ quá nhiều bác sĩ nhận được mỗi ngày, tôi tự hỏi: Mình có nên viết cho ông ấy không? Mình có dám viết cho ông ấy không? Tôi quyết định nên viết và tôi thấy tôi dám viết. Tôi không sợ bác sĩ sẽ nói với họ tôi là ai dù cho bác sĩ có biết. Hai nữa, cái thể xác tầm thường này của chúng ta chẳng có gì là giá trị.

"Điều quan trọng là tôi đang Hoá Thân, đang Thăng Hoa. Tôi đang Trở Thành. Tôi biết chỉ có ông là người biết được điều thần kỳ ấy. Tôi có chuyện muốn nói riêng với ông, có nhiều thứ muốn ông thấy. Tôi mong một ngày nào đó chúng ta sẽ có điều kiện để gặp nhau. Còn bây giờ tôi muốn chúng ta viết cho nhau..."

Ông Crawford, thư bị xé một đoạn, đây là đoạn kế tiếp *"... Tôi là người ái mộ ông từ nhiều năm nay. Tôi có cả một bộ sưu tập có thể nói là đầy đủ về những bản tin, bài báo viết về ông, cả những bài nghiên cứu ông đăng trên các báo. Theo tôi, những bài người ta viết về ông đều bất công, phi lý và chứng tỏ sự ngu xuẩn của người viết. Cũng như bây giờ họ đang viết bậy bạ về tôi vậy. Quỉ Răng Nanh là cái gì? Khi tôi nhớ rằng người phi thường như ông mà còn bị lũ xuẩn ngốc ấy thoá mạ, sự bực bội của tôi dịu đi.*

"Tên Will Graham coi bộ khá đấy. Cảnh sát như hắn cũng không đến nỗi quá tồi. Với sự cho phép của ông, tôi sẽ trừng trị hắn đúng lúc. Tôi đề nghị ông khuyến cáo hắn đừng có dính vào những việc mà hắn không thể hiểu.

"Xin ông đừng để ý đến loại giấy viết thư này. Tôi dùng nó với mục đích để ông có thể thủ tiêu nó dễ dàng khi cần".

Lại một đoạn thư bị xé mất. Tôi đọc ông nghe mấy dòng cuối cùng: *"...Nếu được tin ông, lần tới tôi sẽ gửi biếu ông một món quà ướt át. Xin ông nhận cho lòng ngưỡng mộ của tôi.*

"Kẻ ái mộ".

Im lặng. Chilton hỏi dồn:

- Crawford? Crawford? Ông còn đó không?

- Tôi đây. Lecter có biết ông bắt được thư này không?

- Hiện lúc này thì hắn chưa biết. Sáng nay theo lệ thường mỗi tuần, hắn được tạm đưa sang một phòng khác để lao công vào dọn phòng cho hắn. Thư này được hắn giấu trong cuộn giấy vệ sinh của hắn. Tình cờ mà lao công phát hiện ra. Lao công được lệnh phải mang đến đưa tận tay tôi tất cả những vật gì họ tìm thấy, cất giấu trong phòng giam.

- Bây giờ Lecter đang ở đâu?

- Trong phòng giam tạm.

- Từ phòng giam tạm này hắn có nhìn thấy được phòng giam chính của hắn không?

- Để tôi nhớ xem. Không. Không nhìn thấy được.

- Bác sĩ chờ tôi một phút. Tôi sẽ quyết định ngay chúng ta phải làm gì.

Crawford nhìn ngây vào ống điện thoại anh cầm trên tay. Kẻ chuyên câu người Crawford vừa nhìn thấy phao dây câu của anh chuyển động. Cá cắn mồi! Anh quay sang tiếp tục câu chuyện với Graham qua đường dây điện thoại:

- Will, một bức thư! Có thể là thư do thằng Quỉ Răng Nanh viết, vừa tìm thấy trong phòng giam Lecter ở Chesapeake. Nó nhận là kẻ ái mộ

Lecter. Nó có nhắc đến anh trong thư. Chắc nó đã đọc bài báo Freddy Lounds tiết lộ là anh đến gặp Lecter trong phòng giam.

Graham hỏi ngay:

- Lecter sẽ trả lời bằng cách nào?

- Chưa biết. Thư bị xé bỏ mất hai chỗ. Chắc đó là những phần nó dặn Lecter cách liên lạc với nó. Nếu Lecter không biết là chúng ta đã bắt được cái thư ấy, rất có thể hắn sẽ liên lạc ra như lời dặn của tên Kẻ Ái Mộ. Tôi muốn mang bức thư về phòng thí nghiệm và khám xét thật kỹ phòng giam Lecter. Nhưng làm thế thì ngại là Lecter biết. Ta cần có bức thư, nhưng ta cũng cần cho hai tên đó liên lạc với nhau.

Crawford nói sơ cho Graham biết vì sao bác sĩ Chilton có bức thư, hiện Lecter đang bị nhốt ở đâu và anh định làm gì:

- Từ đây đến Chesapeake 150 cây số. Tôi không thể chờ anh được, anh nghĩ sao?

- Mười người đã chết trong vòng một tháng. Có ít nhất là năm người nữa sắp chết. Chúng ta không thể chần chừ được. Tôi nói: *Go!*

- Tôi cũng vậy! Crawford trả lời.

- Hai tiếng đồng hồ nữa ta gặp nhau.

Crawford gọi thư ký:

- Sarah... gọi trực thăng đến ngay. Bất kể là trực thăng của ai. Của ta, Ngũ Giác Đài, Hải Quân... miễn là có ngay. Tôi lên mái nhà chờ trong 5 phút nữa. Gọi Văn Khố, bảo họ mang đồ nghề lên mái. Gọi Herbert đưa đội lục xét lên luôn.

Crawford nhấc điện thoại liên lạc với Chilton:

- Bác sĩ Chilton, chúng tôi phải khám xét phòng giam của Lecter mà không để cho hắn biết. Cần sự cộng tác của ông. Ông có nói chuyện tìm ra bức thư này với ai chưa?

- Chưa.

- Người lao công tìm thấy cái thư hiện đang ở đâu?

- Trong văn phòng tôi đây.

- Nhờ ông giữ người đó ngồi kín một chỗ. Dặn đừng nói chuyện với bất cứ ai về vụ bức thư. Thường thì mỗi lần dọn dẹp phòng giam cho Lecter như thế mất chừng bao nhiêu phút?

- Khoảng 30 phút.

- Giữ lâu hơn được không?

- Tất nhiên là được. Nhưng nếu quá lâu Lecter sẽ đâm nghi.

- Nhờ bác sĩ làm như thế này: Gọi ngay người phụ trách ống nước của Viện, giả làm ống nước trong khu có phòng giam Lecter bị vỡ, cho nước chảy ra tùm lum. Cho người mang đồ nghề đi qua phòng giam tạm của Lecter để hắn biết là có vụ vỡ ống nước quanh đó. Tôi sẽ giải thích với nhân viên của Viện sau. Giữ lại tất cả những thùng rác, đừng đổ vội. Đừng chạm tay vào bức thư. Chúng tôi đến ngay.

Crawford gọi điện thoại đến ông Trưởng phòng Phân tích Khoa học:

- Brian, có cái thư, có thể là thư của Quỉ Răng Nanh. Ưu tiên một. Phải đưa thư trở về chỗ của nó trong vòng một tiếng đồng hồ. Cần không có dấu vết bị xem trộm để lại trên thư để chủ nhân nó không biết. Thư sẽ đi qua khâu Tóc và Sợi, Dấu Tay, Văn Kiện và phòng anh. Nhờ anh phối hợp với mấy phòng ban kia... Vâng. Tôi sẽ đích thân mang thư đến anh.

Chương 14

Crawford đứng ở cửa ra vào của nhân viên FBI dưới hầm toà nhà J. Edgar Hoover. Anh chờ Graham để đưa tấm thẻ ra vào trụ sở mới được cấp phát và để đưa Graham vào văn phòng anh nhanh hơn. Graham chưa từng vào trụ sở mới của FBI này lần nào.

Graham có vẻ mệt mỏi và sốt ruột trước những thủ tục phải làm để được đặt chân vào toà nhà sở Điều tra Liên bang.

Đi trên hành lang, họ nói chuyện với nhau:

- Anh trả lại thư cho Lecter an toàn chứ? Graham hỏi.

- An toàn. Tôi bay đến đó, lấy thư bay về đây, bay đến đó trả thư rồi mới vừa bay về tới đây. Tôi bày ra trò bể ống nước để giữ Lecter trong phòng giam tạm. Tôi cho Simmons luẩn quẩn trong số lao công để nhận xét thái độ của Lecter khi hắn được đưa trở về. Theo Simmons, Lecter không nghi ngờ gì cả.

Graham thắc mắc:

- Trên phi cơ tôi nghĩ... có thể nào Lecter tự viết thư đó không?

- Lúc đầu tôi cũng nghi như anh cho đến lúc chính mắt tôi thấy cái thư. Thư viết bằng bút bi, Lecter không có bút bi. Và vết răng cắn trên giấy thư đúng là vết răng cắn trên da hai người đàn bà. Kẻ viết thư đó đã đọc bài báo viết về vụ anh đến gặp Lecter đăng trên tờ *Tattler*. Lecter không được đọc tờ *Tattler*. Rankin và Willingham xét phòng nhưng không tìm thấy gì đáng kể. Trước khi lục soát, hai người dùng máy Polaroid chụp khắp phòng, kể cả ngăn đựng sách của Lecter, để sau đó căn cứ theo ảnh mà xếp lại y chang mọi thứ.

- Anh nghĩ sao về bức thư?

- Ly kỳ nhưng nó không cho mình biết gì nhiều về tên viết. Không tìm ra phong bì thư. Họ đổ rác sáng sớm mỗi ngày. Mình không biết rõ Lecter nhận được thư ấy ngày nào nhưng chắc chắn là thư phải viết được sau ngày số báo *Tattler* có bài viết về anh và Lecter phát hành. Cũng có thể là Lecter đã hủy bì thư đó. Hy vọng là hai tên đó liên lạc với nhau và mình biết được cách liên lạc của chúng.

- Anh cho lệnh kiểm duyệt thư từ và điện thoại của Lecter rồi chứ?

- Xong cả. Tôi cho một đường điện thoại đặc biệt của FBI phục vụ riêng Hannibal Lecter. Cục biện lý cho phép kiểm duyệt, nghe lén ngay sau khi tôi trình bày lý do.

Crawford dừng lại trước một khung cửa còn nồng mùi nước sơn mới. Anh dùng thẻ ra vào đút vào ổ khoá điện tử để mở cửa:

- Văn phòng mới của tôi đây. Mời vào.

Graham buông túi hành lý xuống sàn. Crawford mở ngăn kéo lấy bức thư ra đặt trước mặt Graham:

- Nó đây. Chụp lại đúng cỡ chính bản. Bản chính viết trên giấy vệ sinh.

ngõ thu

Lâu rồi mình tự hỏi mình
Thơ sao? vần điệu buồn tênh u hoài
Quê hương nào của riêng ai
Kiếp người hệ lụy, đất trời bao la
Làm gì, thơ cứ xót xa
Làm gì, chuốc chuyện người ta vào mình.
Những vần u uẩn điêu linh
Những trang thế sự, những tình bơ vơ
Làm gì, thơ đắng, thơ mưa
Thương vay, ai mượn mà mua tội tình!
Ngẩn ngơ giữa cõi phù sinh
Phải là duyên nghiệp cho mình sầu tư
Quán đời mộng huyễn phù du
Khi không thơ đẫm lệ mờ thương vay!
Nhủ lòng, nhất định từ nay
Sầu đời, thôi thả gió bay về trời.
Cho thơ đẹp nắng hồng tươi
Cho chiều thanh thản trắng ngời búp lan
Trong lòng vũ trụ mênh mang
Như hương Chiêm Bặc trải vàng ngõ thu.

tuệ nga

Crawford đi pha hai ly cà phê.

Graham đọc bức thư hai lần. Nhìn thấy tên mình được viết bằng kiểu chữ in toàn những đường gạch cứng ngắc đầy góc cạnh, Graham thấy tai mình ù đi.

- Thư viện xác quyết là chỉ có tờ *Tattler* đăng tin anh đến viện Chesapeake gặp Lecter. Freddy Lounds theo anh mà anh không để ý.

Crawford vừa nói vừa lấy ra mấy vỉ thuốc trị bệnh tiêu hoá, mời:

- Nhá hai bi này cho nó nhẹ bụng đi. Bọn trẻ nghiện xì-ke thì bọn mình nghiện cái này. Đỡ hại hơn. Báo ra lò tối ngày thứ Hai nhưng phải đến sáng thứ Ba mới bày bán tại các sạp báo trên toàn quốc; ở nhiều nơi như Alaska, Maine... phải đến sáng thứ Tư mới có báo. Tên Quỉ Răng Nanh vớ được một tờ, nhất định phải là trong ngày thứ Ba, dù nó có viết thư ngay thì cũng phải đến thứ Tư nói mới gửi đi. Rất tiếc là không tìm được phong bì.

Sau khi nhai một viên thuốc, Crawford nói tiếp:

- Như vậy là Lecter nhận được thư sớm nhất vào thứ Tư tuần trước, hoặc là trong ngày thứ Năm. Hắn xé và hủy đoạn viết về cách thức liên lạc. Hắn lại dùng bút nỉ xóa bỏ mấy dòng này. Tại sao hắn không xé bỏ luôn như đoạn trên mà lại dùng bút xóa?

- Tại vì, Graham nói, hai dòng này ở giữa một đoạn ca tụng hắn. Hắn không thể hủy bỏ những lời ca tụng ấy. Chính vì được ca tụng nên hắn mới giữ thư này lại để thỉnh thoảng lấy ra thưởng thức.

- Anh có tin là Lecter sẽ mau mắn trả lời tên Quỉ Răng Nanh không? Crawford hỏi.

- Tin chứ. Hắn trả lời là cái chắc. Hắn vẫn thích viết. Nằm ép rệp trong tù mấy năm rồi, trò liên lạc bí mật này hết sức hấp dẫn đối với hắn.

- Không chắc Quỉ Răng Nanh lại ngu si hay liều mạng đến cái độ cho Lecter một địa chỉ nào đó để gửi thư ra. Nhiều phần hai tên sẽ viết cho nhau qua bài báo trên tờ *Tattler*. Nếu qua tờ *Tattler* thì chỉ có thể là trên số phát hành tối nay. Tờ báo chỉ phát hành mỗi tuần một số, ra vào tối thứ Hai. Tôi đã cho Chester đến toà soạn tờ báo ở Chicago để đón xem trước mục Quảng cáo - Rao vặt - Nhắn tin. Để không làm ồn ào tiết lộ bí mật, Chester sẽ đóng vai trung gian mua bán nhà đất, đến chờ đọc tin tức về mấy sở nhà đất đang được tranh mua, tranh bán.

Crawford cười gượng:

- Khi cần, FBI cũng biết hối lộ như ai. Chester sẽ chi một khoản tiền có thể lên tới 500 đô để mua những bản Nhắn Tin ngay khi chúng vừa được đưa xếp chữ. Được đoạn nào mua ngay đoạn ấy. Nếu tìm được cách Lecter trả lời Quỉ Răng Nanh, chúng ta có thể làm giả một bản nhắn tin, bảo Quỉ Răng Nanh làm một việc gì đó, đến một nơi nào đó. Nhưng mà làm việc gì, đến đâu? Dễ gì mình lừa được nó. Mà lừa nó như thế nào để nó dẫn xác đến chỗ mình chờ tóm cổ nó chứ?

Dường như Graham đã có chủ ý, trả lời ngay:

- Phải có mồi thật ngon mới nhử được nó vào lưới mình.

- Anh định dùng mồi gì?

- Lecter.

- Dùng như thế nào?

- Mất công đấy. Ta phải xin lệnh đưa Lecter ra khỏi Chesapeake. Lý do đổi chỗ hoặc đi bệnh viện. Đem hắn về, giữ chặt ở một bệnh viện gần đây và tổ chức vụ Lecter vượt ngục. Ta loan báo Lecter đã trốn thoát trên đường di chuyển.

- Lạy Chúa! - Crawford nói gần như rên rỉ - Làm thì được nhưng làm thì một lần nữa ngành cảnh sát nói chung và FBI nói riêng lại bị thiên hạ chửi bới nát nước. Nhất là bọn nghị sĩ, dân biểu to mồm chuyên sống về miệng lưỡi. Để xổng Lecter, dám có anh đòi giải thể FBI lắm ạ. Bọn nhà báo cũng xúm lại mần thịt FBI.

- Đã bảo là mất công mà. Ta phải chấp nhận thôi, nếu không muốn cú ngồi đây đợi tin báo gia đình thứ ba bị nó thảm sát.

Crawford hỏi sau vài giây suy

nghĩ:

- Để hắn xổng chuồng rồi ta sẽ làm gì?

- Đăng nhắn tin của Lecter trên báo *Tattler*, yêu cầu Quỉ Răng Nanh đến gặp. Theo ý tôi, nên hẹn nó đến một thùng thư ở góc đường. Ta chặn hai đầu đường để bắt nó. CIA có một số thùng thư loại này, chuyên dùng để bắt gián điệp. Ta sẽ hỏi mượn họ cái nào ta thấy tốt nhất.

- Cũng được. Nhưng tôi muốn giải thích thêm: thằng Quỉ Răng Nanh đến gặp Lecter để làm gì?

- Để giết Lecter, Jack. - Graham đứng lên. Phòng kín không có cửa sổ để có thể nhìn ra ngoài trời, chàng đành đứng trước tấm bảng Lệnh Truy Nã với những tấm ảnh và lý lịch của các phạm nhân nguy hiểm nhất - Thằng Quỉ Răng Nanh ca tụng Lecter nhưng nó vẫn ghen với Lecter. Nó không muốn thấy người nào hơn nó. Trong thư nó gửi Lecter có đoạn: "Tôi mong một ngày nào đó chúng ta sẽ có điều kiện gặp nhau..." Tôi nghĩ nó gặp Lecter là có mục đích, không chỉ là lời hẹn hò lịch sự mà thôi.

Hai người cùng im lặng. Một lúc sau, Crawford nói chuyện khác:

- Chuyến đi Birmingham của anh thế nào?

- Không còn nhà Jacobi ở Birmingham nữa. Nhà đó đã được tân trang, sơn lại, đồ đạc mới và đang được rao bán. Di sản của những người chết không nhiều lắm, được cất trong kho chờ thanh lý. Tôi có đến xem những món ấy. Gia đình Jacobi mới dọn đến có ba tháng nên họ chưa có ai là bạn ở trong vùng. Những người tôi hỏi về họ chỉ nói họ vui vẻ, lịch thiệp.

Hai người nhìn nhau khi nghe tiếng Sarah vang lên qua máy *intercom:*

- Thưa ông Crawford, có tin Chester gọi về...

Nữ thư ký Sarah mang ống nghe trên đầu, đang đánh máy chữ. Những hàng chữ theo nhau hiện ra:

"Bạn Hành Hương thân mến, bạn làm tôi rất vui...

- Đúng nó rồi! - Graham nói nhỏ với Crawford - Trong lúc nói chuyện với tôi, Lecter gọi nó là Người Hành Hương.

"...Mừng bạn thành công. Tôi dâng hiến 100 lời cầu nguyện để bạn được an ninh.

"Hãy tìm sức mạnh nâng đỡ bạn trong John 6:22, 8:16, 9:1, Luke 1:7, 3:1, Galatians 6:II, 15:2, Acts 3:3, Revelation 18:7, Jonah 6:8...

Sarah đọc lại những con số cho Chester ở Chicago kiểm lại. Khi nàng ngừng đánh máy, bản thông điệp với nhiều con số dài tới nửa trang giấy.

Bản nhắn tin có vẻ vô thưởng vô phạt ấy được ký tên với hàng chữ *"Chúc bạn thành công, 666".*

Crawford cầm ống nói:

- Ô kê, Chester... có gì rắc rối không? Tốt. Chờ nghe, tôi sẽ gọi lại ngay đấy.

- Mã số. Graham nói.

- Đúng vậy. Chúng ta chỉ có 25 phút để giải mã bản thông tin này. Có giải mã được nó ta mới có thể thay thế nó bằng một bản nhắn tin khác theo ý ta. Bowman sẽ giải mã ngay nhưng vì thì giờ quá ít, ta sẽ nhờ luôn cả phòng giải mã của Langsley. Sarah, cô gửi ngay bản tin này sang CIA, Phòng Giải Mã. Tôi sẽ phôn ngay cho họ.

Bowman, trưởng phòng Giải Mã FBI, đặt bản tin mở rộng trên bàn. Bowman không phải là cựu quân nhân Thủy quân Lục chiến nhưng anh làm việc nhanh, gọn và hữu hiệu không kém gì những quân nhân xuất sắc nhất của binh chủng này.

- Chúng ta có 25 phút. Graham nói.

- Tôi biết - Bowman gật đầu - Nhờ bên Langsley chưa?

- Crawford đang làm việc đó.

Bowman đọc kỹ bản nhắn tin. Anh lấy quyển Kinh Thánh mở ra xem. Trong khoảng 5 phút, văn phòng chỉ có tiếng thở nhẹ của hai người.

- Không giải nổi trong 20 phút đâu. Mã số này đơn giản thôi nhưng điều khó là chúng ta phải tìm ra quyển sách chúng dùng làm mật mã. Nhưng đó là quyển sách nào?

- Không phải là Kinh Thánh sao? Graham hỏi.

- Nó đánh lừa bằng cách kể ra những sách trong Kinh Thánh để không ai để ý. Đây này... Mã số ghi Galatians 15:2 tức là đoạn 15 dòng 2. Nhưng sách Galatians trong Kinh Thánh chỉ có 6 đoạn. John 6:8 cũng vậy. Sách John chỉ có 4 đoạn. Chúng không dùng Kinh Thánh đâu. Ta có thể dùng thuốc bắt Lecter nói sự thật được không? Trong những viện điều trị tâm thần, người ta vẫn dùng cách này mà?

- Người khác thì đa số bị thuốc gây ảnh hưởng - Crawford vừa bước vào phòng, trả lời - nhưng Lecter thì không. Người ta đã dùng sodium amytal để làm hắn mê và hỏi hắn chỗ chôn xác anh sinh viên Princeton bị hắn giết nhưng hắn chỉ nói đến chuyện ăn uống.

- Hắn được phép đọc những sách gì? Điều quan trọng là ta phải biết hắn được giữ những quyển sách nào trong phòng giam.

- Hắn được quyền đọc tất cả những sách hắn muốn. Trong phòng giam của hắn có sách y học, sách tâm lý, sách dạy nấu ăn.

Chợt nhớ ra, Crawford búng ngón tay:

- Khi xét phòng Lecter, Rankin và Willingham có chụp hình kệ sách của hắn. Ta chỉ cần xem hình đó là biết ngay hắn hiện giữ những quyển sách gì.

- Vậy thì tốt. Anh bảo họ mang hình đến gặp tôi.

- Gặp anh ở đâu?

- Thư viện Quốc hội.

Bowman thu xếp đồ nghề vào cặp rồi đi ngay.

Crawford nhìn đồng hồ tay:

- Will, bây giờ chúng ta có ba cách hành động và phải quyết định chọn lấy một, lập tức. Một là: ta lấy bản nhắn tin của Lecter ra khỏi tờ báo; hai: ta thay vào đó bản tin của ta, nhắn tên Quỉ Răng Nanh đến chỗ ta hẹn; ba: ta cứ để tờ báo in bản nhắn tin của Lecter.

- Việc bỏ bản nhắn tin của Lecter

có lôi thôi lắm không? Graham hỏi.

- Muốn tờ báo bỏ bản nhắn tin đó, ta phải nhân danh FBI đến gặp chủ bút và trình bày lý do. Nếu chủ bút không chịu, ta có thể nhờ lệnh toà.

Graham lắc đầu:

- Không thể được. Không thể bắt toà báo phải ngừng in vì một chuyện không đâu. Làm ồn ào lên thế nào Quỉ Răng Nanh cũng biết, và nó biết là ta mất mối dây liên lạc luôn. Nếu ta thay vào đó bản nhắn tin của ta mà không dùng mã số tên quỉ răng nanh đã cho Lecter thì nó sẽ biết ngay là nhắn tin giả. Nó cũng sẽ biến mất, còn lâu mới mò đến chỗ ta hẹn để tóm cổ nó...

- Vậy thì...?

Graham xúc động khi thấy Crawford dành cho chàng quyết định việc này:

- Tôi thấy ta chỉ còn cách là cứ để bản nhắn tin của Lecter được in trên báo. Ít nhất ta vẫn giữ được mối dây liên lạc với tên Quỉ Răng Nanh.

Crawford có vẻ chần chừ:

- Cứ để cho báo đăng nhắn tin thì dễ rồi, nhưng nếu bản nhắn tin gây ra hậu quả tai hại thì sao? Chẳng hạn Lecter nhờ hay sai tên Quỉ Răng Nanh làm một việc gì đó?

- Thì ta phải đối phó và chấp nhận hậu quả thôi. Đành vậy, không còn cách nào khác.

Mười lăm phút sau, giàn máy tin báo *The Tattler* bắt đầu chuyển động. Nhân viên FBI chờ sẵn ở nhà in đón mấy số báo đầu tiên, kiểm thấy bản nhắn tin của Lecter có nằm trong trang Nhắn Tin, bèn gấp mấy tờ báo lại, bỏ vào bì gửi về Washington. Vì mực in còn ướt, dấu tay của anh để lại rõ trên trang nhất tờ báo. Nhiều năm sau khi anh dẫn mấy đứa cháu đi xem một cuộc triển lãm đặc biệt của cơ quan FBI, anh có chỉ cho các cháu anh thấy dấu tay của anh trên trang báo *The Tattler* được trưng bày. Cuộc triển lãm về những vụ giải án này được tổ chức trong trụ sở cơ quan điều tra liên bang FBI.

Chương 15

Một giờ đồng hồ trước bình minh Crawford thức giấc. Phòng tối om.

Chuông điện thoại lại reo. Crawford đưa tay ra, nhấc ống nói.

- Jack, Lloyd Bowman đây. Giải mã được bản nhắn tin rồi. Phải báo cho anh ngay. Nghe rõ không?

- Rõ. Anh nói đi.

Crawford ngồi dậy, khua chân tìm dép.

- Nghe này: *"Graham ở Marathon, Florida. Phải tự cứu. Giết hết chúng nó."*

- Mẹ kiếp! Phải hành động ngay thôi.

- Đúng vậy.

Crawford đi thẳng sang phòng làm việc. Anh gọi điện thoại hai lần đến Florida, một lần đến hải cảng. Rồi anh gọi đến khách sạn nơi Graham tạm trú.

- Will, Bowman giải mã được bản nhắn tin rồi.

- Hắn nhắn chuyện gì?

- Will, tôi nói ngay đây, nhưng anh phải nghe tôi, đừng cuống lên. Tôi đã làm mọi chuyện cần làm.. Bình tĩnh nhé...

- Nói đi.

- Lecter cho thằng quỉ biết địa chỉ nhà riêng của anh ở Marathon. Will... tôi đã nói anh phải nghe tôi mà. Tôi đã báo động với FBI và cảnh sát Florida rồi. Hai xe cảnh sát đang đến nhà anh, tàu tuần duyên đã khoá bờ biển Marathon. Thằng Quỉ Răng Nanh không thể đến đó nhanh hơn chúng ta được. Nghe tôi đi, anh có thể bảo vệ vợ con anh tốt hơn nếu anh để tôi giúp anh. Tôi đã yêu cầu những người đến nhà anh đừng làm gì để chị ấy phải sợ hãi. Họ sẽ ở bên ngoài nhà anh cho đến khi tôi bảo họ vào tiếp xúc với chị ấy. Bây giờ anh gọi điện thoại cho chị ấy đi. Ở đó chờ tôi. Ba

---

một mùa thu cũ

Tôi ngoảnh lại, mắt dõi mùa thu cũ
Cây khế chua, lá rụng xuống ao bèo
Khóm cúc nhỏ, vàng ươm vừa hé nụ
Một khoảnh trời xanh ngắt, trong veo.

Tôi ngoảnh lại, dõi theo mùa thu cũ
Đang cuốn nhanh những chiếc lá lìa cành
Chút gió nhẹ dường như vừa đủ
Làm rung rinh mấy giọt nắng hanh.

Tôi ngoảnh lại dõi theo mùa thu cũ
Ánh trăng tràn qua mái giảng đường
Áo nữ sinh bên giếng tròn, tình tự
Mấy vần thơ ngào ngạt mùi dạ hương.

Rồi mùa thu - vẫn mùa thu cũ
Bâng khuâng dâu bụt mới trổ hoa
Em xé vội những giấc mơ trinh nữ
Giọt châu rơi làm nát mảnh trăng ngà.

Tôi chết sững trước mùa thu cũ ấy
Đã quay lưng như một kẻ phụ tình
Mong ngóng mãi bao giờ thu trở lại
Để làm khăn, gói kiếp phiêu linh.

nguyễn trọng lượng

mươi phút nữa tôi đến đón anh.

- Tôi không còn ở đây chờ anh đâu.

- Không chờ thì anh đi đâu? Anh định chạy bộ về Marathon ư? Tôi hỏi rồi, đến 8 giờ mới có chuyến bay đi Florida. Cách hay nhất là đưa chị ấy và thằng nhỏ đến đây. Nhà ông anh tôi ở Chesapeake sẽ được dành riêng cho vợ con anh. Anh nên để tôi trình bày kế hoạch đã, nếu không thuận, tôi sẽ đưa anh ra phi trường.

Hai mẹ con Molly và Willy là những hành khách đầu tiên trên chuyến bay từ Florida bước xuống phi trường Washington.

Molly nhìn thấy Graham đứng trong đám người chờ thân nhân, nhưng nàng không cười. Thay vì nhìn chàng, nàng nghiêng mặt nói câu gì đó với Willy.

Nàng nhìn Graham từ đầu đến chân rồi hôn nhẹ lên má chàng. Graham cảm thấy sự lạnh lùng của nàng. Chàng cũng cảm thấy ánh mắt nhìn của con nàng. Chàng bắt tay nó.

Trên đường ra xe, Graham nói đùa về trọng lượng cái va-ly của Molly.

- Để con xách. Willy nói.

Graham lái xe đưa hai mẹ con im lặng ra khỏi bãi đậu xe. Có một chiếc Chevrolet màu nâu chạy theo. Khoảng 20 cây số ngoài Washington, chiếc Chevrolet ngừng lại bên đường. Tiếng người nói bỗng vang lên trong xe Graham:

- Cáo già Edward đây. Yên tâm đi, anh không có đuôi. Thượng lộ bình an.

Graham lấy ra chiếc micro giấu dưới tay lái:

- Roger, Bobby. Cám ơn nhiều.

Graham nói với Molly:

- Họ kiểm soát xem có xe nhà báo nào đi theo mình không.

Molly chỉ nhắc lại:

- Xe nhà báo.

Hai giờ trưa, họ vào một tiệm ăn bên đường, ăn cua biển. Willy ra sân xem những bồn đựng cua cá...

- Molly, anh bực lắm về những chuyện này.

- Bây giờ lại chính nó đi tìm anh à?

- Anh đến gặp Lecter trong nhà giam. Không biết vì sao Lecter lại biết chúng ta ở Marathon. Hắn yêu cầu thằng Quỉ Răng Nanh đến đó. Thật là hoàn toàn bất ngờ.

Molly nén tiếng thở dài:

- Tất nhiên là bất ngờ rồi. Chính vì những bất ngờ ấy nên em mới không muốn để anh đi.

- Em và Willy sẽ hoàn toàn an ninh. Nhà riêng của ông anh Crawford. Chỉ có em và Willy ở đó, và cũng chỉ có anh và Crawford biết mẹ con em ở đó.

- Đừng nhắc đến cái tên Crawford với em.

Họ im lặng. Molly hít vào một hơi dài. Sau khi thở ra, sự hờn giận như thoát ra khỏi ngực nàng theo hơi thở đó. Nàng nhìn Graham, môi thoáng nét cười:

- Có lúc em bực quá trời. Em và Willy ở đâu mà chẳng được, việc gì lại cứ phải nhờ vả Crawford?

- Molly, em đừng để ý - Nhấc giỏ đựng bánh mì đặt qua một bên, Graham cầm tay Molly - Willy biết những gì về chuyện này?

- Em sợ nó biết khá nhiều đấy. Một đứa bạn nó nhà có tờ báo lá cải gì đó đăng nhiều bài về anh. Bạn nó cho nó xem tờ báo. Nó hỏi em có biết những chuyện ấy không. Em nói em

---

nhịp thu montreal

trên đồi mont-royal
ta lắng nghe thu nhịp dưới đồi
bên hồ lặng lẽ bóng trăng soi
bâng khuâng lá úa buông vài chiếc
thoáng gợn trong ta chút ngậm ngùi.

bên quán gió
ai ngân tiếng hát theo làn gió
đưa sóng lòng dâng ngập biển sầu
ta níu một cành phong vàng võ
ngấm dần da thịt nỗi thương đau.

giữa đường vắng
ta đang bước tới bờ hiu quạnh
nhìn bóng thời gian lướt lạnh lùng
ta vút lên tầng không ngất tạnh
thả hồn thơ thẩn giữa mênh mông.

trong vườn im
giọt nắng bên hiên bỗng ngập ngừng
cành hoa lưng giậu thoảng bâng khuâng
em mang hương ấm vào sân vắng
ô! nụ hoa tim chợ nở bừng!

nỗi nhớ
em đến trời thu sáng lạ thường
em đi ngàn cỏ đọng dư hương
để ta ngơ ngẩn cùng năm tháng
góp lửa hư vô đốt đoạn trường.

vạn lam

có biết. Em nói em và anh có nói với nhau nhiều về những chuyện ấy trước khi chúng ta kết hôn. Em bảo để em kể cho nó nghe rõ ràng hơn nhưng nó muốn hỏi thẳng anh cơ.

- Nó làm vậy là tốt đấy. Anh sẽ có dịp nói cho nó biết. Nó đọc tờ báo nào thế? Có phải là tờ *The Tattler* không?

- Chắc là *Tattler*.

Graham lại thấy cơn giận Freddy Lounds dâng lên trong chàng.

Sarah sửa soạn ra về khi chuông điện thoại reo. Cô đặt sắc tay xuống bàn để trả lời:

- Hê-lô... Văn phòng điều tra viên Crawford... Vâng... Ông Graham không có ở đây. Ông có thể nhắn tin hay cho biết số điện thoại, chúng tôi sẽ báo ông Graham gọi lại ông... Ông là...? Xin ông chờ chút, tôi có thể để ông nói chuyện với ông Graham ngay... Xin chờ...

Giọng nói và vẻ mặt của Sarah làm Crawford ngạc nhiên. Anh đi ngang phòng Sarah nhưng giọng nói của cô làm anh ngừng lại.

Sarah ngơ ngác nói với Crawford:

- Hắn đòi nói chuyện với Will Graham và hẹn 12 giờ trưa mai sẽ gọi lại. Tôi định tìm cách giữ hắn lại để hắn nói chuyện với ông.

- Hắn là ai?

- Hắn nói nguyên văn thế này: "Nói cho Graham biết là Kẻ Hành Hương muốn nói chuyện với hắn..."

Cô hỏi Crawford:

- Kẻ Hành Hương là tên người trong bản nhắn tin của Lecter, phải không ạ?

Graham gật đầu:

- Phải. Đó là tên Lecter gọi thằng Quỉ Răng Nanh.

Graham đi chợ trong khi mẹ con Molly mở hành lý. Khi về, chàng đậu xe bên kia đường nhìn sang căn nhà bên trong có mẹ con Molly. Chàng cảm thấy xấu hổ khi vì chàng mà Molly phải rời nơi nàng gọi là tổ ấm để đến sống ở một nơi hoàn toàn xa lạ như thế này. Ngôi nhà riêng của ông anh Crawford thật đẹp, dành cho những dịp đến tắm biển, nghỉ mát. Nhà có vườn hoa, cây cảnh, có người chăm sóc. Từ nhà xuống đến biển chỉ khoảng hai trăm thước.

Ngồi trong xe, Graham nhìn thấy có ánh xanh đỏ theo nhau hiện sau rèm cửa phòng khách. Chàng biết hai mẹ con Molly đang ngồi xem chương trình thể thao baseball trên ti-vi.

Ba của Willy là một cầu thủ bóng chày khá nổi tiếng. Anh và Molly gặp nhau và kết hôn từ năm hai người còn ở đại học. Anh chết vì bệnh năm Willy lên sáu.

Graham gõ cửa. Chàng nghe tiếng hai mẹ con.

- Để con mở. Willy nói.

- Chờ chút.

Molly vạch màn cửa sổ nhìn ra. Nàng tiếp:

- Mở cửa đi, Willy.

Nàng đỡ túi thực phẩm từ tay chàng:

- Anh uống cà phê Gin nhé? Ở đây có Gin nhưng không phải thứ anh thích.

Khi Molly vào bếp, Willy mời Graham ra ngoài nói chuyện.

Ngồi trong vườn sau, họ nhìn thấy những ngọn đèn trên những con tàu đậu ngoài biển xa.

- Ba cho con biết những việc gì con phải làm để bảo vệ má con trong lúc ba đi vắng. Willy mở đầu.

- Ba có thể nói, mẹ con con ở đây hoàn toàn an ninh. Con thấy chiếc xe đi theo mình từ phi trường ra chứ? Họ theo ta để kiểm soát xem có xe nào khác theo ta không. Không ai biết mẹ con con ở đâu.

- Tên điên ấy muốn giết cả mẹ con con à?

- Không chắc lắm, nhưng chúng ta vẫn phải đề phòng. Ba không được yên tâm khi thấy nó biết chúng ta sống ở Marathon.

- Ba sẽ giết nó chứ?

Graham nhắm mắt lại trong vài giây:

- Không. Việc của ba là tìm ra nó chứ không phải là giết nó. Khi nó bị bắt, người ta cũng không giết nó đâu. Nó sẽ được đưa vào một viện tâm thần và giữ tại đó để nó đừng làm hại ai khác nữa.

- Nhà Tommy, bạn con, có tờ báo đó. Báo viết là sau khi ba bắn chết tên sát nhân điên ở Minnesota, ba cũng phải vào viện tâm thần điều trị. Con chưa biết chuyện này. Có đúng thế không ba?

- Đúng đấy.

- Con có thể hỏi má con, nhưng con nghĩ hỏi ba rõ hơn.

- Con hỏi thẳng ba như thế là phải. Bệnh viện ba vào điều trị hồi đó không phải là một viện chuyên trị bệnh tâm thần. Đó là một bệnh viện đa khoa. Ba chỉ vào chữa ở khoa tâm lý trị liệu của viện ấy. Con muốn biết ba có điên hay không vì má con kết hôn với ba, phải không?

Không trả lời thẳng, Willy nói:

- Con có hứa với ba con là sẽ bảo vệ má con.

Graham thấy cần phải nói với Willy, cho nó biết vừa đủ. Đèn tắt trong bếp. Bóng Molly đi lại đằng sau cánh cửa lưới. Chàng biết cuộc nói chuyện tối nay giữa chàng và Willy vô cùng quan trọng, quan trọng cho chàng và cho cả nàng. Cuộc nói chuyện này ảnh hưởng lớn đến trái tim nàng.

Willy muốn hỏi nhưng không biết phải hỏi câu gì, hỏi như thế nào. Graham mở đầu thay:

- Ba vào bệnh viện sau vụ tên Hobbs.

- Ba bắn người đó?

- Phải, ba bắn nó.

- Vụ ấy đầu đuôi ra sao?

- Trước hết Hobbs là một tên sát nhân có bệnh tâm thần. Hắn làm quen với những nữ sinh trung học rồi giết các cô ấy.

- Giết bằng cách nào ba?

- Dùng dao cắt cổ. Hắn đã giết nhiều cô bằng cùng một cách giống nhau. Cảnh sát không sao tìm ra thủ phạm. Ba được giao điều tra vụ này. Ba tìm thấy trong y phục của hai nạn nhân có cùng một thứ mảnh vụn kim khí li ti. Đây là những mảnh vụn thường dính bám vào quần áo những công nhân lắp ráp ống nước, ống hơi. Ba đi tìm hắn ở những công trường đang xây cất trong thành phố. Khi ba

tìm ra tên tuổi hắn thì hắn đang nghỉ việc. Ba phải đến nhà hắn để bắt. Khi ba lên cầu thang thì hắn biết, hắn đẩy vợ hắn xuống. Chị ta chết dưới chân ba.

- Hắn giết bà ấy?

- Hắn giết vợ trước. Khi biết hắn đang ở trên lầu, ba không cần phải xông lên. Ba chỉ cần đứng chặn ở chân thang và cho người phụ tá của ba đi gọi cảnh sát tới tiếp viện. Nhưng lúc ấy ba nghe thấy tiếng một người con gái kêu trên lầu. Vì vậy ba phải xông lên. Hobbs đang ôm một cô gái và định dùng dao cắt cổ cô ta. Ba bắn vào giữa hai mắt hắn.

- Còn cô gái có làm sao không?

- Không, cô ấy chỉ ngất đi thôi. Sau thời gian điều trị, cô ấy khoẻ lại và nay thì sống bình thường như mọi người. Cô ta là con gái của Hobbs.

Hai người im lặng một lúc.

- Willy - Graham trầm giọng nói tiếp - Vụ bắt tên Hobbs làm ba bận trí mãi. Ba nghĩ rằng nếu ba khéo léo hơn, người vợ của Hobbs đã không chết. Thế rồi ba bị khủng hoảng tinh thần. Bác sĩ đề nghị ba vào bệnh viện điều trị. Ba làm theo. Chỉ hai tháng sau ba bình tĩnh trở lại. Đến khi ba gặp cô con của Hobbs và nói chuyện nhiều với cô ấy, ba quên hẳn vụ Hobbs.

- Giết người, dù là giết người có tội và ta bắt buộc phải giết, cũng làm cho ta phải hối hận sao ba?

- Willy, đó là việc xấu xa ghê tởm nhất cõi đời này.

- Thôi, con vào nhà trước. Ba uống gì không?

- Cho ba lon coke.

- Để con nhờ má con đem ra, cho má con ngắm cảnh biển đêm.

Đêm đã khuya. Graham và Molly ngồi bên nhau trên chiếc ghế đu trên hiên nhà sau. Mưa nhẹ, những ánh đèn tàu ngoài biển mờ nhạt trong màn mưa. Gió biển thổi vào ngây ngây lạnh.

- Chắc còn phải kéo dài nhiều ngày nữa, phải không anh?

- Anh mong là nó không kéo dài, nhưng anh sợ là mọi việc sẽ không như anh mong đợi.

- Will... Evelyn nói là chị ấy sẽ trông nom tiệm giúp em đến hết tuần sau, nhưng nhiều lắm là mười ngày nữa em cũng phải trở về Marathon một hai ngày. Vì công việc buôn bán của em. Em sẽ ở nhà Evelyn và Sam.

- Evelyn có biết em đi đâu không?

- Em chỉ nói là em đi Washington.

- Tốt.

- Will... Em thấy cuộc sống đầy những rủi ro. Rủi nhiều hơn may. Ta khó có được những gì ta ao ước, cái mà ta có ta lại không giữ được. Cuộc sống đúng là vô thường.

Graham im lặng.

- Will... Rồi chúng mình sẽ trở về Sugarloaf chứ?

Chàng nhắc lại lời nàng nhưng với giọng khẳng định:

- Chúng ta sẽ trở về.

- Đừng vội nhé anh. Anh mà vội làm cho mau xong là... lôi thôi đấy.

- Không đâu, lúc nào anh cũng thận trọng.

- Anh nói chuyện với Willy xong rồi chứ?

- Tốt. Anh bảo nó hỏi thẳng anh như thế là rất phải.

- Tại cái anh nhà báo ấy gây ra. Anh nhà báo cứ hay viết về anh đó tên là gì nhỉ?

- Lounds. Freddy Lounds.

- Thôi, quên hắn đi. Chúng mình vào ngủ. Em xoa lưng anh.

Trong một thoáng, Freddy thấy tự ái chàng bị tổn thương. Chàng vừa phải tự bào chữa và chứng minh chàng không điên với một chú con nít. Chàng đã được vị quan toà nhóc con này nhìn nhận là chàng không bị điên và chàng có thể sống với mẹ chú. Giờ đây, người mẹ của chú nhóc ấy cũng tỏ ý chấp nhận chàng bởi vì con nàng đã chấp nhận.

"Khi hờn giận đừng có mở mồm". Ý nghĩ ấy đến trong óc Graham.

Molly đứng lên:

- Anh cần ngồi một mình suy nghĩ thì em vào nhà trước.

Còn suy nghĩ gì nữa. Lúc này mà suy nghĩ thì chỉ có vỡ mặt thôi. Chàng đứng lên theo nàng:

- Em xoa lưng anh còn anh xoa ngực em.

- Tốt thôi. Thử xem ai khéo hơn.

Tiếng cười nhẹ của nàng làm chàng muốn lùng bùng hai lỗ tai.

Gió thổi cơn mưa nhỏ bay qua vịnh vào lúc 9 giờ sáng. Sân tập bắn của cảnh sát vắng tanh và lạnh ngắt.

Người gác sân tập bắn chiếu ống nhòm nhìn theo quan sát cho đến lúc anh tin chắc là cặp nam nữ ở đầu sân bên kia tuân theo đầy đủ những điều bắt buộc về an ninh.

Thẻ chứng minh do bộ Tư pháp cấp ghi chức vụ của người đàn ông là "điều tra viên". Anh ta đưa người phụ nữ đến để dạy nàng bắn súng.

Người phụ nữ chuyên chú vào việc tập bắn. Nàng làm theo tất cả những gì người đàn ông chỉ bảo. Nàng làm quen với việc bắn súng rất nhanh. Khi súng nổ, nàng không nhắm mắt, không chùn gối, không rúm người lại. Tuy mất 4 giây nàng mới rút được khẩu súng từ sắc tay ra và đưa lên ngắm đích, nổ súng; nhưng mới tập bắn mà chỉ mất 4 giây là khá lắm rồi. Nàng là người có năng khiếu về bắn súng.

Graham đi vào phòng kính để trả mũ che tai. Cô học viên ngồi trên băng gỗ bên ngoài, đầu cúi xuống, hai bàn tay đặt trên lòng.

Người gác ngỏ lời khen người phụ nữ bắn rất khá, ít khi anh thấy ai bắn được như nàng. Graham lơ đãng nói cám ơn. Chàng có cái vẻ ngẩn ngơ, luyến tiếc của người vừa đánh mất một vật gì thật quí.

(còn tiếp)

---

về yêu hoa cúc

Hôm qua em mặc áo vàng
Anh về nhớ mãi mấy hàng cúc kim.
Ngày xưa mỏi mắt đi tìm,
Chỉ nghe trăng vỡ
bên thềm gấm hoa.
Ngày nay bước giữa vườn cà,
Tầm xuân mấy nụ nở xa xót tình.

phạm tâm phố

cuộc đời vô định

TRUYỆN DÀI PHÓNG-TÁC CỦA

Tống Minh Long Quân

(tiếp theo)

LTS: Xin quí độc-giả đọc phần chữ nghiêng sau đây tiếp theo kỳ 133, trước khi đọc chương 18 trên số 134:

Tracy vui vẻ:

- Dạ không có gì. Hai người đàn ông này nhặt được túi nữ trang của tôi và họ muốn trả lại nhưng ngại không được an toàn. Mấy ông giúp tôi ra tận taxi được không?

- Dĩ nhiên, chúng tôi rất sẵn sàng.

Tracy quay lại hai tên bất lương:

- Bây giờ các ông có thể giao trả tôi túi nữ trang rồi đó. Mấy ông cảnh sát tử tế này sẽ giúp tôi ra xe an toàn.

Tom Bowers phản đối:

- Không, không phải vậy... Tốt hơn cô để cho chúng tôi...

Tracy nhấn mạnh:

- Ồ không! Tôi biết các ông cần đi cho kịp chuyến bay mà...

Hai gã đưa mắt nhìn nhau rồi nhìn hai người cảnh sát, nét mặt lộ vẻ thất vọng. Họ không thể làm gì khác hơn được. Cực chẳng đã, Tom Bowers lôi cái túi nữ trang trong túi áo ra.

Tracy tỉnh bơ chụp túi nữ trang, mở ra và nhìn vào:

- Tốt quá! Còn đủ cả.

Tom Bowers cố nói vớt vát:

- Sao cô không để chúng tôi giữ cho an toàn cho đến khi...

- Không cần đâu - Tracy nói, giọng vui vẻ. Nàng mở sắc tay và rút ra hai tờ giấy bạc 5 đồng, đưa mỗi tên một tờ - Đây là số tiền tượng trưng cho lòng biết ơn của tôi về những việc các ông đã làm.

Các hành khách khác đã lên tàu. Giọng cô tiếp viên vang lên trong máy:

- Đây là lần gọi chót, mời quí vị lên tàu.

Tracy cám ơn hai người đàn ông một lần nữa trước khi quay lưng đi theo hai người cảnh sát:

- Bây giờ hiếm thấy những người lương thiện như vậy.

Tracy vừa cười vừa nói với hai người cảnh sát.

*

* *

Khi Tracy về đến Nữu Ước, nơi đầu tiên mà nàng ghé là tiệm kim hoàn Conrad Morgan. Ông ta đẩy nàng vào văn phòng và đóng kín cửa lại, rồi xoa tay vào nhau, vui vẻ:

- Tôi đang lo đây cô bé! Tôi đã chờ cô ở sân ga St. Louis mà...

- Ông không có mặt ở St. Louis.

- Cái gì? Cô nói gì? Đôi mắt xanh của ông ta chớp lia.

- Tôi nói là ông không đi St. Louis. Ông không bao giờ có ý định đi đón tôi ở đó cả.

- Dĩ nhiên là tôi đi đón chớ. Cô có nữ trang và tôi...

- Ông đã sai hai gã đàn ông đến cướp trên tay tôi.

Gương mặt ông ta hiện nét bối rối:

- Tôi không hiểu...

- Lúc đầu tôi tưởng trong công ty ông có người nghe lén điện thoại nhưng không phải vậy. Chính là ông! Chính ông nói với tôi là ông đích thân mua vé xe lửa cho tôi thì chỉ có ông mới biết số toa của tôi mà thôi. Tôi đã dùng tên khác và hoá trang kỹ càng thế mà hai gã đó vẫn kiếm ra tôi ngay chóc.

Morgan làm ra bộ sửng sốt. Ông ta ấp úng:

- Có phải cô định nói với tôi là họ đã cướp hết số nữ trang?

- Không, tôi định nói với ông là họ không thực hiện được điều đó.

Phen này thì ông ta ngạc nhiên thật:

- Vậy cô còn giữ số nữ trang đó à?

- Đúng. Mấy ông bạn của ông vội vã đi cho kịp chuyến bay nên đã bỏ lại.

Morgan nhìn Tracy chăm chú một lúc rồi xin lỗi đi ra ngoài. Chừng mười lăm phút sau ông ta trở lại, vẻ thán phục:

- Tôi sợ có chuyện hiểu lầm chi đây. Cô là một cô gái trẻ và thông minh lắm đấy cô Tracy ạ. Cô đã kiếm được hai mươi lăm ngàn đồng rồi đó. - Ông ta mỉm cười - Đưa nữ-trang đây cho tôi và...

- Không. Phải năm chục ngàn đồng.

- Cô nói gì?

- Tôi phải ăn cắp đến hai lần. Năm chục ngàn chẵn đó ông Morgan.

- Không. Ông ta lạnh lùng đáp. Mắt ông ta hết còn chớp chớp được nữa - Tôi không thể trả cho cô số tiền cao như vậy.

Tracy đứng lên:

- Thế cũng được. Tôi sẽ tìm một người nào đó ở Las Vegas biết giá trị món hàng này.

Nàng bắt đầu quay lưng đi ra cửa. Ông Morgan kêu lại:

- Cô nhất định năm chục ngàn hả?

Tracy gật đầu.

- Vậy nữ trang đâu?

- Tôi cất trong tủ ở trạm xe lửa Penn Station. Khi nào ông đưa tôi đủ số tiền mặt và để tôi leo lên taxi rồi thì tôi sẽ đưa ông chìa khoá.

Ông Morgan chịu thua:

- Tôi chấp nhận đề nghị của cô.

Tracy cười, giọng vui vẻ:

- Cám ơn ông, tôi thích hợp tác với ông lắm.

Chương 19

Daniel Cooper cũng biết hôm nay có buổi họp vì hôm trước công ty đã gởi giấy thông báo cho các thám tử của sở biết về vụ trộm ở nhà bà Lois Bellamy tuần trước. Daniel ghét những buổi họp. Anh không có kiên nhẫn ngồi nghe mấy thằng ngu ngốc bàn tán.

Chàng đến văn phòng ông xếp Reynolds trễ đến bốn mươi lăm phút trong lúc ông này đang thao thao thuyết trình. Thấy Daniel bước vào, ông ta mỉa mai:

- Ngọn gió nào đưa ông đến đây?

Nhưng không có tiếng trả lời. Reynolds tự nhủ là nói chuyện với thằng cha gàn này chỉ tốn thì giờ vô ích. Hắn không biết người ta mỉa mai hắn. Hắn không biết gì cả ngoại trừ tài săn bắt kẻ bất lương. Trong lãnh vực này, ông phải công nhận Daniel thật xuất sắc, mười người họp lại cũng không bằng một bộ óc của hắn.

Ngồi trong văn phòng có ba thám tử giỏi nhất sở, đó là David Swift, Robert Schiffer và Jerry Davis.

Reynolds tiếp tục:

- Chắc quí vị đã đọc bản tường trình về vụ trộm ở nhà bà Bellamy. Ông cảnh sát trưởng là bà con với bà Bellamy nên không muốn làm ầm ĩ chuyện này.

- Phản ứng của cảnh sát thế nào? Davis hỏi.

- Trốn tránh báo chí chứ biết làm sao hơn! Cảnh sát mà hành động như một thằng khờ. Họ đã nói chuyện với tên trộm bị bắt gặp tại trận và để cho cô ta chuồn đi dễ dàng.

- Nếu vậy ít ra họ cũng còn nhớ nhân dạng cô gái chớ? Swift lên tiếng.

Reynolds hừ qua lỗ mũi, giọng bực bội:

- Họ tả rõ bộ đồ ngủ của cô gái. Bọn khốn nạn mê cái thân hình của cô gái mà trí óc ngu muội đi đến nỗi không biết cả màu tóc của cô ta vì cô ta cuốn tóc bằng mấy lọn tròn và mặt thì phủ lớp bùn nuôi da ban đêm. Họ chỉ tả cô gái vào khoảng hơn hai mươi với cái mông và vú thật đẹp. Không có một điểm chắc chắn nào cả, hoàn toàn không có.

Lúc này Daniel Cooper mới lên tiếng:

- Có. Chúng ta có.

Mọi người khó chịu quay lại nhìn Daniel. Reynolds hỏi lại:

- Ông muốn nói cái gì?

- Tôi biết cô ta là ai.

Khi nhận được bản tường trình buổi sáng hôm trước, Daniel đã quyết định đi quan sát một vòng ngôi nhà của bà Bellamy xem thế nào. Đối với Daniel, mọi việc phải phù hợp với nguyên tắc của nó. Anh chàng lái xe đến Long Island. Vừa nhìn qua ngôi nhà, không cần xuống xe là chàng đã quay ngược đầu xe lái thẳng về Manhattan. Chàng đã biết những điều cần biết. Căn nhà ở biệt lập, cây cối rậm rạp bao quanh, không có phương tiện chuyên chở công cộng nào cả thì có nghĩa là tên trộm phải đi bằng xe riêng.

Daniel giải thích với mọi người:

- Nếu tên trộm dùng xe riêng thì chắc chắn nó phải mướn xe hay dùng xe ăn cắp để khỏi bị theo dõi. Tôi điều tra các văn phòng mướn xe trước nhất vì tôi đoán là tên trộm phải mướn xe ở Manhattan để đánh lạc hướng...

Jerry Davis không thấy hứng thú trong sự khám phá này của anh gàn nên hỏi vặn:

- Ông có đùa không đó? Cả hàng ngàn chiếc xe cho mướn mỗi ngày ở Manhattan.

Daniel không thèm trả lời, vẫn tiếp tục nói:

- Tất cả xe cho mướn đều vào hệ thống computer. Tôi chỉ cần biết những xe được đàn bà mướn. Con số này không nhiều. Tôi dò tất cả các danh sách, người mà tôi nhắm vào đã mướn một chiếc Chevy Caprice vào lúc 8 giờ tối đúng đêm bị ăn trộm và đã trả xe lại vào lúc hai giờ sáng hôm sau.

Reynolds nóng nảy hỏi:

- Làm sao ông biết được đó là chiếc xe dùng để ăn trộm?

Daniel đã chán nghe những câu hỏi ngu si của mấy cha bạn đồng nghiệp quá rồi:

- Tôi kiểm soát số km chiếc xe đã đi. Từ chỗ mướn xe đến nhà bà Bellamy phải mất bốn chục cây, bận về bốn chục cây nữa. Con số này đúng y chang với con số chiếc xe Caprice đã đi. Chiếc xe được mướn dưới tên Ellen Branch.

David Swift buột miệng:

- Đó là tên giả.

- Đúng. Tên thật của cô ta là Tracy Whitney.

Mọi người trố mắt nhìn Daniel Cooper. Một người lên tiếng:

- Quỉ thần ơi, làm sao mà ông khám phá hay như vậy?

- Có gì đâu, cô ta có thể để tên và địa chỉ giả nhưng cô ta bắt buộc phải ký tên vào giấy mướn xe. Tôi lấy bản chính đến Tổng nha Cảnh sát để nhờ họ truy dấu tay trên đó ra. Dấu tay ăn khớp với dấu tay của cô Whitney. Cô ta đã ở tù một thời gian ở trại tù nữ Southern Louisiana. Nếu mấy ông còn nhớ, tôi đã vào tù nói chuyện với cô ta năm ngoái về vụ bức tranh Renoir bị mất cắt đó!

Reynolds gật đầu:

- Tôi nhớ, và ông cũng nói là cô ta vô tội.

- Thì là hồi đó. Cô ta không vô tội nữa. Chính tay cô ta đã thi hành vụ trộm nhà bà Bellamy.

"Thằng khốn nạn này lại giải được một vụ trộm nữa bằng một lý luận thật đơn giản". Reynolds cố nén tiếng thở dài, tiếp tục hỏi ý kiến chàng gàn:

- Ông làm việc khá lắm, Cooper. Tôi thành thật ngợi khen ông đó. Bây giờ chúng mình báo cho cảnh sát đến bắt và...

Cooper hỏi, giọng nhẹ nhàng:

- Bắt về tội gì? Mướn xe? Cảnh sát đã không nhận diện được cô ta và không có một bằng chứng nhỏ nào để buộc tội...

- Vậy chúng ta phải làm gì bây giờ? Để cô ta tự do đi khơi khơi với số nữ trang ăn cắp được?

- Lần này thì đúng vậy! Nhưng bây giờ tôi đã biết cô ta rồi. Nếu cô ta giở trò gì nữa là tôi sẽ chụp cô ả liền.

Buổi họp chấm dứt. Anh chàng gàn ao ước được tắm một phát cho phẻ. Daniel lấy ra một cuốn sổ bìa đen và cẩn thận viết vào đó tên một người: Tracy Whitney.

Chương 20

Tracy quyết định: "Bây giờ mình nên bắt đầu cuộc đời mới. Nhưng bằng cách nào đây? Mình đi từ một người lương thiện, một nạn nhân khờ khạo rồi... một tên trộm!" Nàng nghĩ đến Joe Romano, Anthony Orsatti và Perry Pope cùng chánh án Lawrence. Chỉ vì muốn trả thù mà ngày nay nàng trở thành như vậy. Nàng đã qua mặt được mấy viên cảnh sát, hai tên đại bịp và một nhà kim hoàn gian manh. Nàng lại nhớ đến Ernestine và Amy và cảm thấy bồi hồi. Không cưỡng lại được, Tracy đến một tiệm đồ chơi mua một bộ kịch với những hình nhân múa rối có các đặc tính khác nhau gửi cho Amy. Trên tấm thiệp, nàng đề: "Tặng cháu mấy người bạn mới. Nhớ cháu nhiều. Thương. Tracy". Kế đó nàng vào tiệm áo lông mua một áo lông chồn gởi cho Ernestine cùng một chi phiếu hai trăm đồng. Trên tấm thiệp chỉ vỏn vẹn hàng chữ: "Cám ơn Ernie. Tracy".

"Những món nợ mình đã trả xong", Tracy thầm nghĩ. Nàng cảm thấy dễ chịu. Bây giờ nàng tự do đi đến bất cứ nơi nào nàng muốn, làm bất cứ những gì nàng thích. Để đánh dấu ngày tự lập, Tracy lấy phòng ở khách sạn Helmsley Palace. Từ trên phòng khách của tầng 47, nàng gọi một chai sâm-banh, ngồi đó nhấm nháp một mình, ngắm nhìn hoàng hôn từ từ bao phủ thành phố Manhattan. Đến trưa hôm sau thì Tracy quyết định sẽ đi Luân Đôn.

Buổi tối, Tracy nằm duỗi dài trên giường xem tin tức. Trên màn ảnh truyền hình, hai người đàn ông đang được phỏng vấn về trận đấu cờ sắp tới tại Bắc Hải. Một người tướng thấp, vạm vỡ, mặc bộ đồ vét nâu căng cứng tên Boris Melnikov, kỳ thủ Nga sô. Người kia gốc Lỗ-ma-ni, Pietr Negulesco, cao và gầy trông có vẻ lịch sự hơn. Cả hai trông có vẻ căng thẳng và hiếu thắng khiến Tracy không thích. Nàng tắt ti-vi và đi ngủ.

Sáng hôm sau, Tracy ra công ty du lịch để giữ một chỗ trên chiếc du thuyền Queen Elizabeth II. Nàng nôn nao như đứa trẻ lần đầu được đi chơi xa và lăng xăng mua sắm quần áo, hành lý trong ba ngày liền.

Buổi sáng xuống tàu, Tracy mướn Limousine đưa nàng ra bến. Tới nơi, thấy ký giả và phóng viên truyền hình đứng đầy, Tracy cảm thấy sợ hãi nhưng khi biết ra họ đến để phỏng vấn, thu hình hai tay kiện tướng về cờ sắp có mặt trên du thuyền, nàng an tâm trở lại.

Căn phòng của Tracy trên tàu thật dễ thương với sân thượng riêng, giá tuy cứa cổ nhưng nàng muốn hưởng thử một lần cho biết. Sau khi cất đồ đạc, Tracy bước ra dạo mát. Hầu như cabin nào cũng có tiếng cười nói, chúc tụng cho cuộc viễn du tốt đẹp. Nàng cảm thấy mình cô đơn tột cùng. Không một ai tiễn chân nàng, không ai cần biết đến nàng và cũng không có ai để nàng phải lưu luyến.

Bước vào phòng ăn, Tracy đến bàn dành riêng cho nàng. Vừa ngồi xuống ghế, nàng đã nghe một giọng nói quen thuộc vang lên:

- Quả đất tròn. Mạnh giỏi chớ cô?

Tracy ngẩng mặt lên nhìn. Quỉ thần ơi, đó là Tom Bowers, anh chàng cớm giả tính phỗng tay trên số nữ trang của nàng.

- Thật ngạc nhiên hết sức. Tôi có thể ngồi chung bàn với cô được không?

- Vâng, xin tùy tiện.

Hắn ta kéo ghế ngồi đối diện nàng, nụ cười thân thiện nở trên môi:

- Hai đứa mình có thể kết bạn với nhau. Cuối cùng rồi chúng ta cũng có mặt trên tàu với cùng một mục đích, phải không?

Tracy ngơ ngác không hiểu:

- Này ông Bowers...

- Tên tôi là Stevens. Jeff Stevens.

- Tên gì cũng vậy.

Tracy định đứng dậy bỏ đi.

- Chờ một chút, tôi muốn giải thích lý do gặp cô lần trước...

- Không có gì phải giải thích cả. Một đứa con nít khờ cũng đoán ra được...

Jeff nhăn mặt khổ sở:

- Tại tôi mang ơn ông Morgan một việc. Tôi sợ chuyện vừa rồi làm ông ta không được vui cho lắm.

Lại cũng vẻ duyên dáng của một người có vẻ dễ tính như lần trước hắn đã đóng kịch. Đồ giả dối! Tracy trả lời cộc lốc:

- Tôi không vui vì gặp ông đâu. Ông làm gì trên tàu này? Đáng lý ông nên có mặt trên ghe mới phải.

Jeff cười lớn:

- Với sự có mặt của Maximilian Pierpont thì đây cũng chỉ là một chiếc ghe thôi!

- Ai?

Hắn ngạc nhiên nhìn nàng:

- Đừng có vờ vịt. Thật sự cô không biết sao?

- Biết cái gì?

- Max Pierpont là một trong những người giàu nhất thế giới. Ông ta có cái thú làm các công ty cạnh tranh phải phá sản. Ông ta thích đua ngựa và đàn bà nhanh nhẹn mà cả hai thứ này ổng đều có nhiều và sẵn sàng chi đẹp...

- Ông định chấm mút tài sản của ông ta chăng?

- Cũng một phần thôi. - Hắn ta nhìn nàng, vẻ nghĩ ngợi - Cô có biết cả hai chúng ta nên làm cái gì không?

- Tôi biết, ông Stevens ạ. Chúng ta nên chia tay nhau là hơn.

Hắn ngồi yên nhìn Tracy đứng dậy đi ra khỏi phòng ăn.

Tối hôm đó, Tracy kêu bồi mang thức ăn lên phòng. Vừa ăn nàng vừa

nghĩ đến cuộc gặp gỡ Stevens vừa qua. Nàng muốn quên đi cái cảm giác sợ hãi trên xe lửa khi nàng tưởng mình bị bắt lại. "Ta sẽ không để cho thằng cha lưu manh này làm hư chuyến du lịch. Chỉ có cách là làm lơ, không thèm nói chuyện với hắn".

Ăn tối xong, Tracy thả bộ lên boong tàu. Buổi tối thật tuyệt diệu với bầu trời lấp lánh sao. Nàng đứng yên ngắm trăng và nghe tiếng sóng vỗ rì rào. Có tiếng chân đến gần, nàng quay lại và nhận ra thằng cha mà nàng không muốn gặp.

- Cô có biết là cô đứng im như vậy trông đẹp lắm không? Cô có tin những mối tình lãng mạn thường nảy sinh trên những du thuyền như thế này không?

- Không. Cái mà tôi không tin là con người của ông.

Nói xong, Tracy định bỏ đi.

- Khoan đã. Tôi cho cô biết một tin: Pierpont không có mặt trên tàu này. Đến phút cuối, ông ta hủy bỏ chuyến du lịch.

- Xấu hổ chưa! Rốt cuộc ông chỉ tốn tiền vé vô ích.

- Không hẳn thế. - Hắn nhìn nàng chằm chặp - Cô có muốn kiếm chút tiền còm trong chuyến du lịch này không?

"Thằng cha này thật lì lợm", nàng nói như hét vào mặt hắn:

- Ngoại trừ ông có trực thăng hay tàu ngầm giấu trong túi thì mới tính chuyện cướp giật và chạy trốn khỏi chiếc tàu này.

- Ai nói với cô là cướp giật? Cô có nghe hai cái tên Boris Melnikov và Pietr Negulesco chưa?

- Nếu có thì sao?

- Hai ông này trên đường đi Nga để dự trận đấu cờ. Nếu tôi dàn xếp cho cô đấu với họ, chúng ta sẽ thắng khối tiền. Đúng là một cơ hội bằng vàng.

Tracy nhìn hắn như nhìn một con quái vật:

- Ông định dàn xếp cho tôi đấu với hai ông đó?

- Ừ, cô có thích không?

- Thích, nhưng chỉ kẹt một điều...

- Gì vậy?

- Tôi không biết đánh cờ.

Jeff mỉm cười:

- Không sao, tôi sẽ chỉ cho cô.

- Ông điên nặng rồi. Tôi khuyên ông nên đi gặp bác sĩ thần kinh thôi. Chào ông.

Sáng hôm sau, tình cờ Tracy đụng đầu Boris Melnikov. Ông ta đang chạy thể dục trên boong. Tracy đang lơn tơn đi đến một góc khuất, không thấy ông ta chạy tới. Ông ta tông nàng té xuống đất, chẳng những không đỡ nàng dậy mà còn càu nhàu:

- Mắt mũi đâu mà không thấy đường vậy?

Nói xong ông ta tiếp tục chạy thẳng. Tracy ngồi phệt dưới sàn nhìn theo, nghĩ thầm: "Thằng cha mất dạy thiệt!" Nàng đứng dậy phủi quần áo. Một thủy thủ bước lại:

- Cô có sao không? Tôi thấy ông ta đụng...

- Không sao. Cám ơn.

Nàng không muốn bất cứ ai phá vỡ cuộc du lịch này.

Lúc Tracy trở lại phòng, nàng thấy có sáu mẩu giấy nhắn nàng gọi lại cho Stevens. Nàng vất ngay vào sọt rác. Đến chiều, cảm thấy sảng khoái sau khi được tắm hơi và đấm bóp, Tracy vào quán rượu định kiếm chút chất cay cho thêm yêu đời. Nhưng nàng không thoải mái được lâu. Pietr Negulesco đang có mặt tại quầy, thấy nàng, hắn bước tới:

- Tôi muốn mời người đẹp một ly rượu, được không?

Tracy hơi ngần ngại nhưng rồi mỉm cười:

- Cám ơn. Tại sao không?

- Cô uống gì?

- Xin cho một ly Vodka pha tonic.

Ông ta vẫy tay gọi bồi rồi quay qua nàng:

- Tôi là Pietr Negulesco.

- Tôi biết.

- Dĩ nhiên là ai chả biết đến tôi. Tôi là một kỳ thủ nổi tiếng...

Hắn chồm người về phía trước, để hai tay lên đầu gối Tracy, nham nhở:

- Và cũng là một tay đánh cờ người có hạng.

Tracy tưởng mình nghe lộn:

- Ông nói cái gì?

- Tôi làm tình số dách.

Phản ứng đầu tiên là nàng muốn tạt ly rượu vô mặt hắn nhưng cố nén, mỉm cười:

- Xin lỗi ông, tôi có hẹn với một người bạn.

Tracy bỏ đi gặp Stevens. Nàng thấy hắn đang ở trong phòng ăn với một cô gái đẹp, ăn mặc sang trọng lịch sự. Tracy quay lưng đi trở ra, thầm nghĩ đáng lẽ mình phải biết là hắn đi du lịch với bạn gái chứ ai lẻ loi như nàng. Nhưng chỉ một lúc sau, nàng thấy Stevens đã đi bên cạnh.

- Tracy, cô kiếm tôi phải không?

- Tôi... tôi không muốn làm phiền ông trong bữa ăn.

Hắn cười, tỉnh bơ:

- Nhằm nhò gì. Cô ta chỉ là món tráng miệng. Cô muốn gặp tôi có chuyện gì?

- Về chuyện Melnikov và Negulesco, ông có ý định đứng đắn không?

- Có chứ. Mà tại sao?

- Tôi nghĩ cần phải dạy hai thằng cha này một bài học cho bỏ tánh kiêu căng.

- Tôi cũng nghĩ vậy. Chúng mình vừa kiếm được tiền nữa.

- Tốt. Vậy ông định như thế nào?

- Cô sẽ hạ hai thằng cha đó trong một ván cờ.

- Ông đừng có giỡn!

- Tôi đâu có giỡn!

- Tôi không biết đánh cờ, không biết một chút gì cả!

Jeff nói chậm, giọng chắc nịch:

- Đừng lo, tôi chỉ cần dạy cô bài học vỡ lòng về cờ là cô sẽ hạ tụi nó sát ván.

- Cả hai?

- Ừ. Vậy chớ tôi chưa nói cho cô nghe sao? Cô đấu với cả hai đứa một lúc.

Stevens ngồi cạnh Boris Melnikov trong một quầy rượu trên tàu. Hắn gạ chuyện và nói khích:

- Cái cô đó là một tay chơi cờ có hạng. Cô ta đi du lịch có một mình.

Anh chàng Nga gầm gừ trong cổ họng:

- Đàn bà biết quái gì về cờ! Họ

làm gì có đầu óc!

- Nhưng cô này khác. Cổ nói là cổ sẽ hạ ông dễ như chơi.

Melnikov cười lớn:

- Không ai hạ được tôi cả.

- Cô ta dám cá mười ngàn đồng là cổ có thể đánh cờ với cả hai ông một lúc và hạ ít nhất một trong hai ông.

Boris Melnikov đang uống rượu bỗng phát sặc:

- Cái gì? Khôi hài thật! Đấu một lúc với cả hai chúng tôi? Cái cô này chắc tay chơi tài tử?

- Chắc vậy. Cá mười ngàn đồng cho mỗi ông.

- Cái con ngốc này cần phải được dạy một bài học.

- Nếu ông thắng, số tiền này sẽ được bỏ vào bất cứ trương mục nào trên thế giới mà ông chọn.

Boris có vẻ suy nghĩ:

- Tôi chưa từng nghe tên tuổi cô ta, lại đòi đối đầu với hai đứa tụi tôi một lúc. Chắc con mẹ đó khùng rồi!

- Tại cô ta có hai chục ngàn tiền mặt nên muốn chơi ngông.

- Cô ta người nước nào vậy?

- Người Mỹ.

- À, mấy người Mỹ có tiền thường hay điên điên, nhất là đàn bà.

Stevens đứng dậy:

- Nếu ông không dám thì có lẽ cô ta sẽ đấu một mình với Pietr Negulesco.

- Negulesco đồng ý đấu với cô ta hả?

- Đúng vậy. Bộ tôi chưa nói cho ông biết à? Cổ muốn đấu với cả hai cùng một lúc nhưng nếu ông sợ...

- Sợ? Boris Melnikov chưa từng biết sợ! - Hắn rống to lên - Tôi sẽ tiêu diệt tên tuổi con mẹ này. Bao giờ trận đấu khôi hài này xảy ra?

- Thứ sáu là tiện nhất, buổi tối chót trước khi tàu hạ neo.

- Phải ăn hai ván trong ba phải không?

- Chỉ một ván thôi.

- Một ván cờ mười ngàn đồng?

- Đúng.

Gã kỳ thủ Nga có vẻ suy nghĩ:

- Tôi không mang nhiều tiền mặt như vậy.

Stevens trấn an:

- Đừng lo. Cô Whitney này chỉ muốn được tiếng là đấu với tay kỳ thủ nổi tiếng Boris Melnikov mà thôi. Nếu ông thua, ông phải chịu chụp chung với cô ta một tấm hình. Nếu ăn, ông sẽ ẵm trọn mười ngàn đồng.

Giọng Melnikov có vẻ nghi ngờ:

- Nhưng ai làm trọng tài?

- Viên phó thuyền trưởng.

Melnikov quyết định:

- Được. Tối thứ sáu. Đúng mười giờ.

- Chắc cô ta mừng lắm.

Sáng hôm sau, Stevens lại đi gặp riêng Pietr Negulesco ở phòng thể dục.

- Cô ta là người Mỹ hả? Mấy người Mỹ khờ khạo và dễ tin lắm.

- Cô ta chơi cờ giỏi có hạng.

Negulesco khoát tay:

- Có hạng mà nhằm gì. Vô địch mới đáng kể. Tôi là năm-bờ oăn đây!

- Bởi vậy cô ta nôn nao muốn được đấu với ông. Nếu ông thua, ông chỉ phải đứng chụp hình chung với cổ. Nếu thắng, ông có mười ghim ngon ơ.

- Negulesco chẳng bao giờ đấu với những tay chơi tài tử.

- Tiền được bỏ vào bất cứ trương mục nào ông muốn...

- Đừng nhắc đến chuyện này nữa.

- Vậy thì thôi. Cô ta sẽ đấu một

mình với Boris Melnikov.

- Cái gì? Melnikov đồng ý đấu với cô ta hả?

- Dĩ nhiên. Nhưng cô ta muốn đấu với cả hai ông cùng một lúc.

- Tôi chưa từng nghe những chuyện kỳ cục như vậy. Cô ta nghĩ mình là ai mà đòi đấu với hai nhà đánh cờ quốc tế?

Stevens thú nhận:

- Cô này có vẻ hơi ngông nhưng tiền cô ta thì ngon lành. Toàn là tiền mặt.

- Ông nói là mười ngàn đồng nếu thắng cô ta?

- Đúng.

- Và Boris Melnikov cũng được bằng số tiền này?

- Nếu ông ta thắng.

- Nếu Boris thắng được cô này thì tôi cũng vậy.

- Tôi biết chắc là ông thắng nhưng mình nên dạy cô ta một bài học.

- Ai sẽ là trọng tài?

- Ông phó thuyền trưởng.

"Dại gì mình để anh chàng Boris ăn tiền cô gái này. Mười ngàn chớ ít sao!", Negulesco nghĩ thầm.

- Này ông bạn, tôi đồng ý đấu rồi đó. Bao giờ?

- Tối thứ sáu. Mười giờ. Phòng Queen.

Pietr Negulesco mỉm cười:

- Tôi sẽ có mặt.

Tracy hốt hoảng:

- Họ nhận lời?

- Đúng vậy.

- Sao tự dưng tôi chóng mặt quá.

- Để tôi đi lấy khăn ướt cho cô.

Jeff vội vã đi vào phòng tắm lấy khăn. Tracy nằm dài trên ghế. Hắn đắp chiếc khăn lên trán nàng:

- Cô thấy đỡ chưa?

- Kỳ quá, tôi có bị nhức đầu như thế này bao giờ đâu!

- Tại cô lo lắng quá đấy mà.

Trời ơi, tại sao nàng lại nghe lời tên này đối đầu với hai tay kỳ thủ nổi tiếng thế giới trong khi nàng chỉ biết những bài học sơ đẳng về cờ?

- Chúa ơi, đáng lẽ tôi không nên nghe lời ông. Ước gì chiếc tàu này đắm đi cho rồi...

Jeff trấn an:

- Đừng lo nghĩ nhiều. Mọi chuyện rồi sẽ...

- Tai họa! Tất cả mọi người trên tàu sẽ chứng kiến.

- Thì đó là điều mình mong muốn.

Stevens dàn xếp với viên phó thuyền trưởng. Hắn đưa cho ông ta hai chục ngàn bằng chi phiếu du lịch và yêu cầu ông ta thu xếp hai bàn cờ vào tối thứ sáu. Tiếng đồn lan nhanh. Mọi người tìm đến Stevens hỏi thăm xem thực hư ra sao. Gặp ai, hắn cũng trả lời, giọng chắc nịch:

- Thật không thể tưởng tượng nổi. Tội nghiệp cô Whitney cứ tin rằng mình sẽ thắng được hai kỳ thủ đại tài. Cô ta đã bỏ tiền ra cá.

Một người khách hỏi:

- Không biết tôi có thể bỏ một số tiền nhỏ để cá chơi không?

- Dĩ nhiên. Muốn cá bao nhiêu thì cá. Cô Whitney dám cá mười ăn một.

Mọi người bèn đua nhau bỏ tiền vào quỹ đánh cá. Hầu như không thiếu một ai, từ khách du lịch đến thủy thủ, thợ máy... Lâu lâu mới gặp một con mẹ khùng có tiền chơi ngông chớ dễ gì có dịp may như vậy. Ai ai cũng đổ đồn cá cho hai anh chàng Nga và Lỗ sẽ thắng.

Mới 9 giờ tối mà phòng Queen đã đông nghẹt người đến xem trận đấu. Theo yêu cầu của Stevens, người ta ngăn hai phòng nhỏ cách xa nhau để đặt hai bàn cờ. Giữa hai phòng có tấm màn che không cho hai bàn thấy được nhau. Stevens giải thích là để các tay chơi không bị chia trí. Khán giả có thể theo dõi một trong hai bàn cờ. Sợi dây nhung đỏ ngăn giữa khán giả và người đấu.

Stevens chỉ giới thiệu Tracy với hai kỳ thủ trước khi trận đấu mở màn. Trong chiếc áo dạ hội nhung xanh hở vai, trông nàng như một cô gái Hy Lạp cổ với nước da trắng mịn.

Pietr Negulesco nhìn nàng chòng chọc:

- Cô đã từng đoạt giải trong nước lần nào chưa?

- Có chứ.

Hắn nhún vai:

- Tôi chưa hề nghe đến tên cô.

Boris Melnikov thì thô lỗ hơn:

- Người Mỹ các cô dư tiền nên không biết làm gì hết hả? Tôi xin cám ơn cô trước, với số tiền thắng này đem về, gia đình tôi sẽ vui lắm.

Đôi mắt xanh của Tracy mở to:

- Nhưng chắc gì ông thắng hở ông Melnikov?

Melnikov cười tồ tồ:

- Cô bạn thân mến. Tôi không cần biết cô là ai nhưng tôi biết tôi là ai. Tôi là nhà vô địch Boris Melnikov.

Đúng mười giờ, Stevens tuyên bố bắt đầu trận đấu. Tracy ngồi xuống bàn, đối diện Melnikov và tự hỏi không biết nàng phải đi nước cờ nào trước. Tracy có cảm tưởng đầu gối nàng run lên.

Melnikov quay mặt lại đám đông cười ngạo nghễ. Hắn vẫy tay gọi bồi một cách ồn ào:

- Đem cho tôi một ly rượu.

Trước đó, Stevens đã nói với Melnikov và Negulesco:

- Để trận đấu được công bằng, ông Melnikov giữ quân cờ trắng nên đi trước; với bàn của ông Negulesco, cô Whitney giữ quân trắng nên cô sẽ đi trước.

Cả hai đều đồng ý. Đám đông nín thở theo dõi. Boris nhấc một quân cờ và đi một nước. Hắn liếc nhìn Tracy. Cô ta chăm chú nhìn bàn cờ và gục gặc đầu trong khi Pietr ngồi bàn bên kia chờ đợi. Tracy đi một nước cờ rồi bước qua bàn bên cạnh. Nàng nhấc một quân cờ, đi đúng nước của Boris đã đi. Pietr nhíu mày suy nghĩ. Hắn nhấc quân cờ đen và đi một nước. Tracy chăm chú nhìn rồi đứng dậy qua bàn bên kia. Nàng ngồi xuống và nhấc quân cờ đúng theo nước mà Pietr đã đi.

Càng lúc hai tay đại kỳ thủ càng ngạc nhiên. Họ thấy họ phải đương đầu với một tay cao thủ. Đến giữa cuộc đấu, họ trở nên chăm chú và căng thẳng, thận trọng từng nước một để khỏi thua một cô gái vô danh. Chỉ có Tracy là vẫn thoải mái, bình tĩnh.

Cuộc cờ kéo dài hơn bốn tiếng đồng hồ. Từ cử toạ cho đến người

trong cuộc không ai cử động mạnh. Hai tay kỳ thủ có biết đâu họ đang đấu cờ với nhau qua trung gian Tracy vì nàng lặp lại từng nước một của người này với người kia.

Cuối cùng, Melnikov quan sát bàn cờ một lúc lâu và tuyên bố:

- Tôi xin bỏ cuộc.

Tracy nhẹ nhàng:

- Đồng ý.

Nàng bước qua bàn cờ kia. Vừa định ngồi xuống thì Negulesco đã lên tiếng, giọng khàn hẳn đi:

- Tôi xin rút lui.

Tiếng ồn ào nổi lên từ mọi phía. Không ai tin được một cô gái vô danh đã khiến hai kỳ thủ quốc tế phải bỏ cuộc.

Jeff tiến lại gần Tracy:

- Thôi, chúng mình đi kiếm chút gì uống chớ!

Khi hai người đi khỏi, Pietr Negulesco và Boris Melnikov vẫn ngồi yên trên ghế, đầu óc trống rỗng nhìn trừng trừng lên cột buồm.

Ngồi trong bar rượu trên tầng cao, Jeff cười ngất:

- Cô thật tài. Cô có để ý sắc mặt của Melnikov không? Tôi tưởng đâu ông ta bị bệnh tim chớ!

- Tôi nghĩ tôi bị bệnh tim mới đúng. Mình ăn cả thảy bao nhiêu?

- Khoảng hai trăm ngàn. Sáng mai mình sẽ nhận tiền từ ông phó thuyền trưởng khi tàu cặp bến Southampton. Tôi sẽ gặp cô ở phòng điểm tâm.

-Được rồi.

- Bây giờ mình nên trở lại. Để tôi đưa cô về phòng.

- Tôi chưa buồn ngủ. Tôi bị kích thích quá, ông đi trước đi.

- Cô bây giờ là nhà vô địch rồi. - Hắn vừa nói vừa cười, cúi xuống hôn lên má nàng - Chúc Tracy ngủ ngon.

- Chúc Jeff ngủ ngon.

Nàng nhìn theo hắn đến khi khuất dạng. Đi ngủ? Không thể nào. Đây là một đêm kỳ lạ nhất trong cuộc đời nàng. Jeff đúng là tên đại bịp. Hắn thông minh, vui tánh nhưng nàng sẽ chẳng bao giờ tính chuyện gì đứng đắn với hắn cả.

Trên đường trở về phòng, Jeff gặp một nhân viên trên tàu.

- Trận đấu hay quá ông Stevens ạ! Tôi nghĩ thế nào báo chí cũng đến phỏng vấn hai người ở bến Southampton. Ông có phải là ông bầu của cô Whitney không?

- Không, chúng tôi chỉ mới quen nhau trên tàu thôi.

Jeff trả lời tự nhiên nhưng trí óc hắn hoạt động dữ dội. Nếu mọi người biết hắn và Tracy có liên hệ với nhau thì sẽ khám phá ra được âm mưu của hắn ngay. Hắn quyết định đi lấy số tiền trước khi mọi người nghi ngờ.

Hắn viết ít chữ cho Tracy: "Đã lấy đủ số tiền. Hẹn gặp cô trong buổi điểm tâm ở khách sạn Savoy. Cô thật là tuyệt diệu. Jeff". Hắn dán kín bao thư lại, giao cho người bồi:

- Làm ơn đưa thư này cho cô Whitney vào sáng sớm mai!

Rồi Jeff đi thẳng đến phòng ông phó thuyền trưởng:

- Xin lỗi đã làm phiền ông giờ này, nhưng tàu chúng ta sẽ cặp bến trong vòng vài tiếng đồng hồ và tôi biết chắc ông sẽ bận rộn ghê lắm nên không hiểu ông có thể đưa tôi số tiền ngay bây giờ được không?

- Được chứ. Cô gái đi với ông tài tình quá nhỉ!

- Vâng, đúng thế.

- Ông Stevens, cho phép tôi tò mò hỏi ông câu này: Cô ta học đánh cờ ở đâu vậy?

Jeff chồm người lên, nói nhỏ vào tai ông ta:

- Tôi nghe nói cô ấy học với Bobby Fischer.

Ông phó thuyền trưởng mở két sắt, lấy ra một bao thơ lớn đầy cộm:

- Toàn là tiền mặt nên hơi bất tiện. Ông có muốn tôi đổi cho ông một chi phiếu không?

- Dạ không dám phiền ông. Tiền mặt không hề gì... Thưa có phải thuyền nhỏ đến lấy thư trước khi tàu cặp bến không ạ?

- Đúng thế. Họ đến khoảng sáu giờ sáng.

- Tôi rất mang ơn ông nếu ông có thể thu xếp cho tôi một chỗ trên tàu thư tín. Tôi vừa được tin mẹ tôi đau nặng nên muốn gặp bà trước khi...

- Ồ, tôi rất tiếc khi nghe tin ấy. Để tôi dàn xếp với nhân viên thuế vụ.

*

* *

6 giờ 15, Jeff, với hai bao thơ đầy tiền mặt cất kỹ trong cặp, leo thang bên hông tàu để xuống tàu đưa thư. Hắn quay lại nhìn chiếc tàu khổng lồ trên đầu hắn. Mọi hành khách trên tàu vẫn còn đang yên giấc. Jeff sẽ đến bến trước khi chiếc Queen Elizabeth II thả neo. Jeff nói với viên thủy thủ trên tàu thư tín:

- Thật là một cuộc du lịch đẹp.

Một giọng nói vang lên:

- Đúng. Tuyệt đẹp!

Jeff nhìn quanh. Tracy đang ngồi trên đống dây thừng, tóc xoã bay trong buổi bình minh.

- Ô, Tracy, cô làm gì ở đây?

- Ông nghĩ tôi đang làm gì?

Nét mặt nàng có vẻ giận.

- Cô không nghĩ rằng tôi chạy trốn cô chứ?

- Tại sao tôi phải nghĩ vậy? Giọng nàng đầy cay đắng.

- Tracy, tôi có viết ít chữ để lại cho cô, hẹn gặp cô ở khách sạn Savoy và...

- Thôi đủ rồi!

Hắn nhìn nàng, không thể biện bạch gì thêm.

Trong căn phòng khách sạn, Tracy chăm chú nhìn Jeff đếm tiền chia cho nàng.

- Phần của cô là một trăm ngàn đồng.

- Cám ơn.

Nàng nói, giọng lạnh lẽo.

- Cô hiểu lầm tôi rồi, Tracy. Tôi hy vọng cô cho tôi một cơ hội để giải thích. Tôi mời cô đi ăn với tôi tối nay nhé?

Tracy ngần ngại nhưng rồi cũng gật đầu:

- Cũng được.

- Tốt. Tôi sẽ đón cô đúng 8 giờ.

Khi Jeff trở lại đón Tracy đi ăn thì nhân viên khách sạn cho biết:

- Thưa ông, cô Whitney đã trả phòng hồi chiều và không để lại địa chỉ.

(còn tiếp)

hoa trôi trên sóng nước

Nguyên tác:
Journey in Search of the Way
(Satomi Myodo)

NGUYÊN PHONG
dịch

(tiếp theo)

Cũng phải nói thêm rằng tuy theo Thần đạo nhưng lão sư không phải là người chuyên đào tạo các cô đồng (Miko) mà chỉ là một học giả thích tìm tòi nghiên cứu mà thôi. Ông đã từng học thiền với Hoà thượng Nantembo tại Kyoto, học Thánh Kinh với các nhà truyền giáo Tây phương, tập võ nghệ với các võ sư người Trung Hoa. Ông rút tỉa các tinh hoa thâu tập được và tổng hợp thành một đường lối riêng của mình. Ông không ưa phương pháp tẩy uế ô nhiễm, thanh lọc bản thân của Thần đạo vì cho rằng nó quá bạo động và phũ phàng. Ôngchủ trương chỉ cần tĩnh tọa, đặt trọng tâm vào hơi thở, người ta có thể tẩy sạch được các ô nhiễm. Ông nói: "Khi tĩnh tọa một cách chính tâm thành ý, người ta có thể giao cảm được với chư thần (Kami) và khi mình và chư thần không còn là hai thực thể cách biệt nữa, chỉ cần một hơi thở nhẹ cũng có thể quét sạch được mọi ô nhiễm rồi". Việc hợp nhất với chư thần là mục đích tối hậu của Thần đạo, do đó việc giao cảm với chư thần qua một cô đồng (Miko) cũng là một cuộc thí nghiệm, để ông có dịp tìm hiểu thêm về con đường mà ông đang theo đuổi.

Về phần tôi chỉ có một mục đích duy nhất là tìm ra con đường có thể giúp tôi thay đổi những thói hư tật xấu, những kiêu căng ngã mạn, vẫn tiềm ẩn trong tâm thức của tôi. Tôi tin rằng với quyền năng sẵn có, nếu được lão sư chỉ dạy thêm ít lâu, tôi có thể đạt được mục đích này. Điều bất ngờ là không những lão sư chẳng chỉ dậy gì riêng cho tôi mà lại chỉ định tôi thành một đầy tớ, phục vụ cho bà vợ của ông. Vào lúc đó lão sư vẫn tiếp tục thu nhận học trò, vẫn có những buổi thực tập hay tĩnh tọa hay giảng giải học thuyết Thần đạo nhưng tôi không được phép tham dự. Tại sao lão sư không dạy thêm cho tôi? Tại sao ông lại đối xử với tôi như vậy? Tại sao ông lại viết thư gọi tôi trở lại rồi không dạy dỗ gì hết? Lúc đầu tôi nghĩ rằng ông muốn thử thách tôi một thời gian nhưng càng ngày tôi càng thất vọng và nghĩ có lẽ ông đã quên tôi hoặc nhận thấy tôi không có khả năng đi xa hơn nên chỉ coi tôi như một người đầy tớ.

Lão sư thường cấp chứng chỉ cho học trò khi họ đạt được một trình độ nào đó. Cho đến nay, tôi vẫn không biết những chứng chỉ đó được dựa trên căn bản nào nhưng lúc đó, tôi tin lão sư đã có những công thức bí mật mà ông chỉ dạy riêng cho từng người. Dĩ nhiên những học trò được cấp chứng chỉ không bao giờ nói gì về những điều mà họ đã được truyền dạy. Hàng ngày nhìn những người đến tu học với ông một thời gian rồi được cấp pháp chứng chỉ, tôi thèm khát vô cùng và thầm ao ước cũng có được một chứng chỉ như vậy. Morisan là một thiếu nữ trong số học trò của lão sư. Tuy mới theo học mấy năm mà cô đã được cấp chứng chỉ trình độ trung cấp. Cô thường dắt bạn bè đến đàm đạo với lão sư và luôn luôn được mời uống trà với ông ở vườn sau. Một hôm cô và một người bạn trẻ đến thăm lão sư gặp lúc ông đi vắng, tôi bèn mời họ ra vườn sau ngồi chờ. Đây là cơ hội ngàn năm một thuở để tôi tiếp xúc với những học trò đã được cấp chứng chỉ mà không có mặt lão sư tại đó, biết đâu họ chẳng thương tình tiết lộ cho tôi một vài điều gì chăng. Tôi dọn một mâm cơm thịnh soạn, khoanh tay đứng hầu, hy vọng có thể nghe lén được vài điều. Tôi chăm chú theo dõi từng cử chỉ của Morisan và thầm nghĩ: "Tại sao một người còn trẻ thế kia mà đã được vào trình độ trung cấp, chắc chắn cô ta phải sở hữu một kiến thức đặc biệt nào đó". Sau cùng lòng khao khát mãnh liệt thúc đẩy tôi buột miệng:

- Này chị Morisan, chân lý tối hậu là gì?

Người bạn của Morisan đang ăn bỗng quay qua nhìn tôi rồi nói:

- Là khi ăn biết mình ăn, khi uống biết mình uống. Chỉ có thế thôi!

Tuy nói thế nhưng anh ta vẫn nhồm nhoàm nhai thức ăn một cách thô bỉ, anh gắp lấy gắp để những thức ăn trên bàn như sợ ai giành mất. Ăn xong anh còn bưng cả bát canh húp một hơi dài khiến tôi thắc mắc không biết điều anh nói và việc anh làm có ăn nhập gì với nhau không. Morisan không trả lời, chỉ giữ thái độ im lặng trong suốt bữa ăn. Tôi khó chịu lắm vì nghĩ cô này không muốn chia sẻ gì với tôi, tự nhiên tôi nổi giận và nhủ thầm: "Nếu chúng mày không muốn chia sẻ với ta thì ta sẽ tìm cách khác". Vài hôm sau tôi vào gặp lão sư:

- Thưa thầy quả là một phép lạ. Thầy biết pho tượng Địa Tạng bằng gỗ đàn hương dựng ở cửa nghĩa địa

không? Pho tượng này linh lắm, có lúc nó nhẹ như bông, có lúc nó lại nặng như tảng đá ngàn cân. Chính con đã đến đó xem, một chú tiểu nhỏ có thể khuân pho tượng đó lên để lau chùi một cách dễ dàng, nhưng một gã phu xe khoẻ mạnh lại không sao nhấc nó lên nổi.

Tôi nghĩ lão sư phải sốt sắng tìm hiểu về việc này, biết đâu ông lại chẳng buột miệng giải thích và nhờ đó, tôi tìm được cái chìa khoá bí mật mà ông vẫn cất giữ, chưa chịu truyền dạy. Tuy nhiên lão sư vẫn tỏ ra bình thản:

- Thế ư? Kể cũng lạ đấy nhưng việc đó chẳng có gì quan trọng.

Khi đó không hiểu sao tôi bạo miệng tự giải thích:

- Phải chăng nặng hay nhẹ cũng chỉ là một quan niệm của tâm thức nhị nguyên trái với nguyên lý "Vạn vật đồng nhất thể" và "Nhất bản tán vạn thù"?

Lão sư thản nhiên trả lời bằng một câu vô thưởng vô phạt:

- Ừ.

- Thế nhưng tại sao...?

- Đừng thắc mắc nhiều. Cái đó chẳng có gì đáng quan tâm hết.

Tôi thất vọng lắm nhưng không biết làm sao hơn nên đành tự an ủi rằng có lẽ thời cơ chưa đến, một ngày nào đó đủ duyên ông sẽ chỉ dạy cho tôi.

Thời gian tiếp tục trôi nhưng tôi vẫn không được ông chỉ dạy thêm một điều gì hết. Tôi bèn đổi chiến thuật, ngày ngày cố ý đi ngang qua phòng lão sư, làm một cử chỉ gì đó khiến ông phải chú ý đến nhưng lão sư vẫn ung dung, điềm đạm, dường như ngoại cảnh không ảnh hưởng gì đến ông được. Tôi nghĩ thầm có lý nào mình hầu hạ gia đình ông suốt bao nhiêu năm, chịu đựng trăm điều khổ cực mà chẳng được đối xử tử tế chi hết. Sự thất vọng dần dần chuyển qua tuyệt vọng. Một hôm không thể chịu được nữa, tôi đã vào quì trước mặt lão sư, cương quyết:

- Thưa thầy, con là đứa ngu độn không có một khả năng gì hết... Phải chăng một cục đất sét không bao giờ có thể trở nên vàng ròng được?

Lão sư thản nhiên trả lời:

- Đúng vậy! Làm sao một cục đất sét có thể trở thành vàng ròng được, nhưng nếu biết nhào nặn cẩn thận, một cục đất sét vẫn có thể trở nên một vật hữu dụng.

Tôi đau khổ khóc oà lên:

- Thưa thầy, một cục đất thì hữu dụng cái nỗi gì!

- Không đâu, khi một vật vô dụng trở nên hữu dụng, nó sẽ là một bảo vật quý giá của thế gian.

Lúc đó vì quá thất vọng nên tôi không hiểu được ý nghĩa lời khuyên của lão sư. Tôi lẩm bẩm: "Phải rồi, đất là đất, vàng là vàng, ta chỉ là một cục đất tầm thường vô dụng, dù có cố gắng đến đâu ta cũng không thể trở nên vàng ròng được. Lão sư đã xác nhận như vậy thì cố gắng cách mấy ta cũng không thay đổi được gì. Phải chăng ta đã lầm khi có ý đi tìm một con đường lý tưởng? Phải chăng chân lý chỉ là một ảo vọng, một trò chơi của những kẻ viển vông?"

Sau buổi tiếp xúc đó, sự kính trọng của tôi đối với lão sư đã giảm hẳn đi. Từ địa vị một vị thầy khả kính, lão sư đã biến thành một kẻ lợi dụng, một tên đạo đức giả, một người tồi tệ đáng khinh. Đúng vào lúc đó, tôi nhận được thư nhà gửi từ Hokkaido qua. Trong thư mẹ tôi cho biết, cha tôi đang lâm trọng bệnh sắp chết, căn nhà của chúng tôi đã bị hỏa hoạn cháy rụi, và đứa con gái của tôi đang chuẩn bị để lập gia đình. Mẹ tôi khẩn khoản gọi tôi trở về lo việc nhà, bà còn kèm theo một món tiền nhỏ làm lộ phí nữa. Tôi run rẩy đặt lá thư xuống bàn, nước mắt ràn rụa. Thì ra tôi đã xa nhà hơn mười sáu năm. Mười sáu năm dài đăng đẳng, mười sáu năm lang thang khắp các nẻo đường mà chẳng học hỏi được gì nên người hết. Tôi đã phụ lòng cha mẹ, chẳng làm gì cho ông bà có thể hãnh diện, và nay đến lúc cha tôi gần đất xa trời, tôi vẫn chưa báo đáp được công ơn dưỡng dục của ông trong muôn một. Liệu tôi còn mặt mũi nào trở về gặp mẹ cha? Làm sao tôi có can đảm gặp lại đứa con mà tôi chẳng hề săn sóc? Không những là một đứa con bất hiếu, tôi còn là một người mẹ thiếu bổn phận nữa. Làm sao một người tồi tệ như tôi lại dám trở về làng xưa? Dĩ nhiên tôi không có can đảm trở về nhưng trong hoàn cảnh khốn cùng hiện nay, tôi cũng không thể tiếp tục sống ở đây, chờ đợi lão sư dạy dỗ thêm gì nữa. Sau nhiều đêm mất ngủ, tôi quyết định từ bỏ việc học đạo, trở về Hokkaido, sống đời một dân quê ngu muội, chỉ biết cày sâu cuốc bẫm vậy.

Chỉ sau khi quyết định khăn gói lên đường thì tôi mới khám phá rằng mình đã lầm và lầm rất lớn. Thật ra thời gian sống với gia đình lão sư không vô nghĩa như tôi tưởng nhưng là một sự rèn luyện âm thầm, một cách huấn luyện kỳ lạ của lão sư để phát triển khả năng tiếp xúc với cõi giới siêu hình của tôi. Biết tôi đã thực hành tĩnh toạ đến mức sở hữu được định lực, ông thấy không cần phải dạy các lý thuyết từ chương nữa. Đó là lý do ông không cho phép tôi tham dự các khoá tĩnh tọa, học hỏi lý thuyết như các họ trò khác. Để diệt trừ bản ngã của tôi, ông đã lợi dụng bản tính khắc nghiệt, hung dữ của chính bà vợ mình, để huấn luyện tôi trở nên thụ động, tuyệt đối vâng lời. Ông đã tính toán kế hoạch một cách kỹ lưỡng mà tôi nào hay biết. Ông âm thầm thử thách tôi, quan sát thái độ của tôi đối với bà vợ của ông, mà tôi nào có hay. Cho đến khi tôi xin phép được trở về quê, ông mới yêu cầu tôi làm vài việc nhỏ để trắc nghiệm và khi tôi làm tròn một cách dễ dàng, ông mới xác nhận trình độ của tôi. Ông cho biết tôi đã đạt đến trình độ rất cao của Thần đạo, đã trở nên một cô đồng (Miko) với quyền năng đặc biệt có thể tiếp xúc với chư thần theo ý muốn. Tôi hết sức ngỡ ngàng và vô cùng xúc động vì kết quả bất ngờ này. Trước khi đi xa hơn, tôi muốn nói qua vài nét về vai trò của cô đồng (Miko) trong Thần đạo.

Cũng như mọi tôn giáo lớn, Thần đạo chia làm hai phần: Công truyền và Bí truyền. Phần Công truyền được tổ chức chặt chẽ qua kinh điển, sách

vở, nghi thức, đền thờ và giáo sĩ. Phần Bí truyền không có tổ chức, không có sách vở, không có giáo sĩ, mà chỉ dựa trên sự tin tưởng và hiểu biết của một thiểu số. Đây là những phương pháp khẩu truyền bí mật được truyền riêng giữa thầy và trò. Danh từ cô đồng (Miko) vì thế cũng được chia ra làm hai loại: Các cô đồng thuộc nhóm Công truyền hay đồng đền (Shrine Miko) là những phụ nữ được huấn luyện để phụ tá cho các giáo sĩ trong các nghi thức cúng tế. Trong đền thờ Thần đạo, các cô đồng đền này phụ trách việc múa hát (kagura), dâng lễ vật, bày biện trang hoàng bàn thờ thần linh.v.v.. Số người hành nghề này khá đông vì công việc không đòi hỏi gì nhiều. (Trong Thần đạo, giáo sĩ và cô đồng được coi là một nghề nghiệp có lương). Các cô đồng đền này được huấn luyện trong các khóa đào tạo, và khi tốt nghiệp được cấp chứng chỉ hành nghề. Trong khi đó, các cô đồng thuộc nhóm Bí truyền (Shamanic Miko) được huấn luyện riêng trong vòng bí mật, bởi các vị thầy của Thần đạo, để trở nên một khí cụ trung gian giữa thần linh và người. Những cô đồng này sẽ tuân theo những nghi thức riêng để bước vào một trạng thái mê hoặc xuất thần, lúc đó chư thần (Kami) sẽ nhập vào họ, sử dụng xác thân của họ để tiếp xúc với thế giới loài người. Qua miệng của cô đồng, chư thần cho mọi người biết trước những điều hung cát, tiên đoán mùa màng, thời tiết, vận mệnh làng xã hay quốc gia, hoặc trả lời những câu hỏi có tính cách cá nhân của mọi người... Ngoài ra, những cô đồng này còn có thể yêu cầu các vong linh nhập vào họ để tiếp xúc với họ hàng thân quyến hoặc thực hành các nghi thức trừ tà, chữa bệnh.v.v...

Từ xưa Thần đạo đã đóng một vai trò rất quan trọng trong lịch sử Phù Tang, trước khi ảnh hưởng của Trung hoa du nhập vào đây. Vào thời cổ sử, những người lãnh đạo các bộ tộc, các vị lãnh chúa đều có những cố vấn riêng là những cô đồng có khả năng giao thiệp với Thái Dương thần nữ (Amaterasu Omi Kami). Tại sao những người này thuộc phái nữ mà không thuộc phái nam? Người Nhật tin rằng đấng sáng tạo hay Thái Dương thần nữ thuộc phái nữ, và chỉ người nữ mới có thể tiếp xúc được với người nữ một cách tương đắc mà thôi; người nam thường thô lỗ, nhiều ô uế, lắm tham vọng, dễ làm phật lòng Thần Nữ. Do đó trong Thần đạo, tu sĩ thường là phái nam nhưng một người đồng (Miko) luôn luôn phải thuộc phái nữ. Trong hai cuốn cổ thư của Thần đạo, Kojiki và Nihon Shoki, có ghi rõ việc Hoàng đế xứ Chuai lập đàn cầu khẩn chư thần để hỏi ý về việc ông muốn xuất quân đi đánh xứ Kumaso, nằm ở phía đông xứ Chuai. Chư thần, qua miệng cô đồng, cho biết ông phải tiến quân về phía tây thì mới gặt hái kết quả tốt đẹp. Hoàng đế xứ Chuai nổi giận chỉ trích cô đồng nói láo vì phía tây là biển cả, đâu có xứ nào để chinh phục. Ông ra lệnh chém đầu cô đồng rồi thúc quân đi về phía đông, đánh xứ Kumaso. Vì hỗn láo, miệt thị chư thần, xúc phạm đến đại diện của chư thần, nên vừa mặc giáp trụ để cầm quân thì tự nhiên Hoàng đế hộc máu ra chết. Các tướng lãnh thấy vua bị chư thần vật chết, vội lập vua khác rồi ra lệnh cho quân sĩ đóng thuyền bè để đi về hướng tây, mặc dù lúc đó không ai biết hướng này có gì. Vượt biển được hai ngày, họ đặt chân lên một mảnh đất trù phú đúng như lời mách bảo của chư thần, họ chinh phục xứ này, đặt ách thống trị trong nhiều thế kỷ. Mảnh đất này chính là xứ Triều Tiên (Đại Hàn) ngày nay. Cuộc chinh phục Triều Tiên đã đưa địa vị cô đồng (Miko) lên một mức rất cao và sau đó, hầu hết các quyết định quan trọng đều dựa trên lời mách bảo của chư thần qua miệng những cô đồng. Lịch sử Nhật Bản đã chép rõ vai trò của các cô đồng này có khi vượt hẳn quyền hạn của các tướng lãnh hay có khi cả hoàng đế nữa.

Đến triều đại Taika, ảnh hưởng văn hoá Trung Hoa du nhập Nhật Bản mỗi ngày một mạnh; các quan văn, chịu ảnh hưởng Khổng giáo, không chấp nhận phái nữ (các cô đồng) xen vào quyền bính. Họ đòi cải tổ triều chính, rập khuôn theo tổ chức hành chánh của nhà Đường bên Tàu. Họ chủ trương hoàng đế (thiên tử) chính là một vị thần (Kami) rồi, mà đã là thần thì không cần phải hỏi ý kiến một vị thần linh nào hết. Họ dẹp bỏ các nghi thức cầu đảo trong triều đình, đưa Thần đạo xuống hàng tín ngưỡng bình dân, các cô đồng bị giới hạn tầm hoạt động, chỉ được thực hành các nghi thức cúng lễ trong đền thờ mà thôi. Từ đó khởi đầu cho vai trò của các cô đồng đền, chỉ biết múa hát, dâng lễ vật, thực hành nghi thức cúng tế chứ không có quyền năng. Dĩ nhiên vẫn có một số người cất giấu những phương pháp huấn luyện các cô đồng thời cổ, qua các phương pháp khẩu truyền nên truyền thống này vẫn được giữ gìn một cách giới hạn. Là nhà nghiên cứu, chủ trương tìm về nguồn cội, lão sư đã tìm được các tài liệu về việc huấn luyện các cô đồng và ông đã áp dụng vào tôi.

Cũng phải nói thêm rằng thời đại Minh Trị (Meiji) là một giai đoạn đặc biệt với những truyền thống cũ mới xung đột nhau mạnh mẽ. Khi trước, vào thời Tokugawa (1600-1867), các sứ quân nắm quyền cai trị và vai trò của hoàng đế rất lu mờ, nếu không nói là vô quyền. Để phát triển văn hoá, các sứ quân cho lập trường Quốc học (Kokugaku) để nghiên cứu văn hoá và phục hồi các truyền thống cổ xưa. Nhờ biết áp dụng các phương pháp nghiên cứu rất khoa học, các học giả của trường Quốc học đã phát hiện được rất nhiều tài liệu cổ, nhất là những tài liệu từ xưa, được cất giấu trong các chùa chiền, cổ mộ. Vào đầu thế kỷ 18, lúc phong trào bế quan tỏa cảng lên cao, các học giả chủ trương bài ngoại muốn dẹp bỏ các ảnh hưởng ngoại lai, nhất là ảnh hưởng của Trung Hoa, để phục hồi truyền thống quốc gia nên thiết lập ra học phái Kannagara-no-michi. Học giả Hirata Atsutane (1776-1843) là người cổ súy việc này. Ông chủ trương lấy Thần đạo làm quốc giáo, nhấn mạnh về vai trò hoàng đế là một vị thần (Kami) con cháu của Thái Dương thần nữ.

Theo ông, các sứ quân chỉ là kẻ tiếm vị, là người đã theo chủ thuyết Trung Hoa mà ông gọi là chủ thuyết của các quan hoạn, làm ô uế truyền thống cao đẹp cổ truyền của Thái Dương thần nữ. Dĩ nhiên các sứ quân triều đại Tokugawa không chấp nhận lối giải thích này nên Hirata bị bắt giam và đày biệt xứ, sách của ông bị tịch thâu nhưng học trò của ông vẫn lén lút truyền bá học thuyết này. Ít lâu sau, lợi dụng tình hình chính trị sôi động về việc người Âu Mỹ bắn phá các hải cảng của Nhật, đòi tự do giao thương và truyền giáo, các nhóm chính trị đối lập đã hô hào dân chúng nổi lên, lật đổ chế độ sứ quân, đưa Thiên hoàng trở lại địa vị tối cao. Một trong những việc đầu tiên của Minh Trị thiên hoàng là khôi phục lại truyền thống cũ, đưa Thần đạo lên hàng quốc giáo và dẹp bỏ ảnh hưởng của Phật giáo mà triều đình cho rằng đã ủng hộ các sứ quân khi xưa. Sự phát triển của Thần đạo đã vô tình phục hồi giai cấp võ sĩ đạo (Bushido) vốn bị các sứ quân thời Tokugawa hạn chế. Dưới danh nghĩa võ sĩ đạo, các nhà lãnh đạo quân sự đã đào tạo được nhiều sĩ quan có tinh thần quốc gia cực đoan, và hậu quả là đưa Nhật Bản vào cuộc chiến với Trung Hoa (1894-1895), Nga sô (1904-1905) và Thế chiến thứ hai (1937-1945).

Trước khi trở về Hokkaido, lão sư và tôi đã thực hành một nghi thức quan trọng mà qua đó tôi đã chứng tỏ quyền năng của một cô đồng như sau: Yoshida là một thiếu phụ ngoài ngũ tuần. Bà mắc một chứng bệnh lạ lùng mà các y sĩ đều bó tay. Sau khi chữa đủ mọi thầy hay thuốc giỏi mà vẫn vô hiệu, người ta mách bà tìm đến lão sư để xin ông giúp cho. Lão sư thiết lập một đàn tràng rất nghiêm trang tại một đền thờ Thần đạo gần đó. Sau khi tất cả mọi người tham dự chắp tay cầu nguyện một hồi lâu, tôi được mời ra ngồi quay lưng trước bàn thờ. Lão sư đứng trước mặt tôi cầm một tờ sớ dài và bắt đầu đọc. Tôi ngồi yên, giữ hơi thở thật đều đặn và bắt đầu đọc thầm các câu thần chú bí mật có mục đích giữ cho tâm thật trống rỗng theo lời chỉ dẫn của lão sư. Khoảng mười phút sau, thình lình tôi thấy lồng ngực mình nóng ran lên, dường như có một cái gì to cỡ quả trứng gà nổi lên giữa lồng ngực; vật này di chuyển từ từ xuống đan điền rồi dừng lại ở đó. Tôi thấy toàn thân bỗng cứng đơ, dường như cái vật này đã làm chủ thân thể tôi một cách kỳ lạ. Tôi thấy mọi vật trước mặt mờ nhạt đi rồi tất cả như tan biết trong một biển ánh sáng quang minh kỳ lạ. Tôi không còn biết gì nữa, hình như tôi đã chắp hai tay giơ lên trán. Lúc đó lão sư thong thả lên tiếng hỏi ba lần:

- Vị nào đã về đó?

Sau khi hỏi xong, vẫn thấy hai tay tôi giơ trước trán, ông bèn đọc bài Khai Khẩu thần chú có công dụng giúp tôi lên tiếng được. Một giọng nói kỳ lạ, dĩ nhiên không phải giọng nói của tôi, thốt lên qua miệng tôi:

- Ta là Thanh Xà đây.

Ngay lúc đó, trong biển ánh sáng lung linh đầy màu sắc tôi đã trông thấy một cái gì lạ lùng đang từ từ xuất hiện. Giọng nói kỳ lạ đó vẫn tiếp tục phát qua miệng tôi:

- Khi Yoshida còn là một đứa bé mười hai tuổi, ta chỉ là một con rắn nhỏ đang bò đi trên đường làng. Lũ nhỏ đi học về nhìn thấy, bèn lấy gậy thay phiên nhau đánh ta đến chết. Sáu đứa nhỏ con trai đã hành hạ ta trong khi Yoshida chỉ đứng nhìn. Trong lúc thân thể cực kỳ đau đớn, ta bỗng nhìn thấy ánh mắt xót thương của Yoshida, dường như cô không chịu nổi khi thấy ta đau đớn. Trước khi lìa đời, ta cần một nơi chốn nương tựa nên thu hết năng lực nhảy vào lưng của Yoshida... Ta đã sống tại đây nhiều năm và ngăn trở luồng sinh khí của Yoshida khiến nó bị tắc nghẽn. Khi Yoshida còn trẻ,

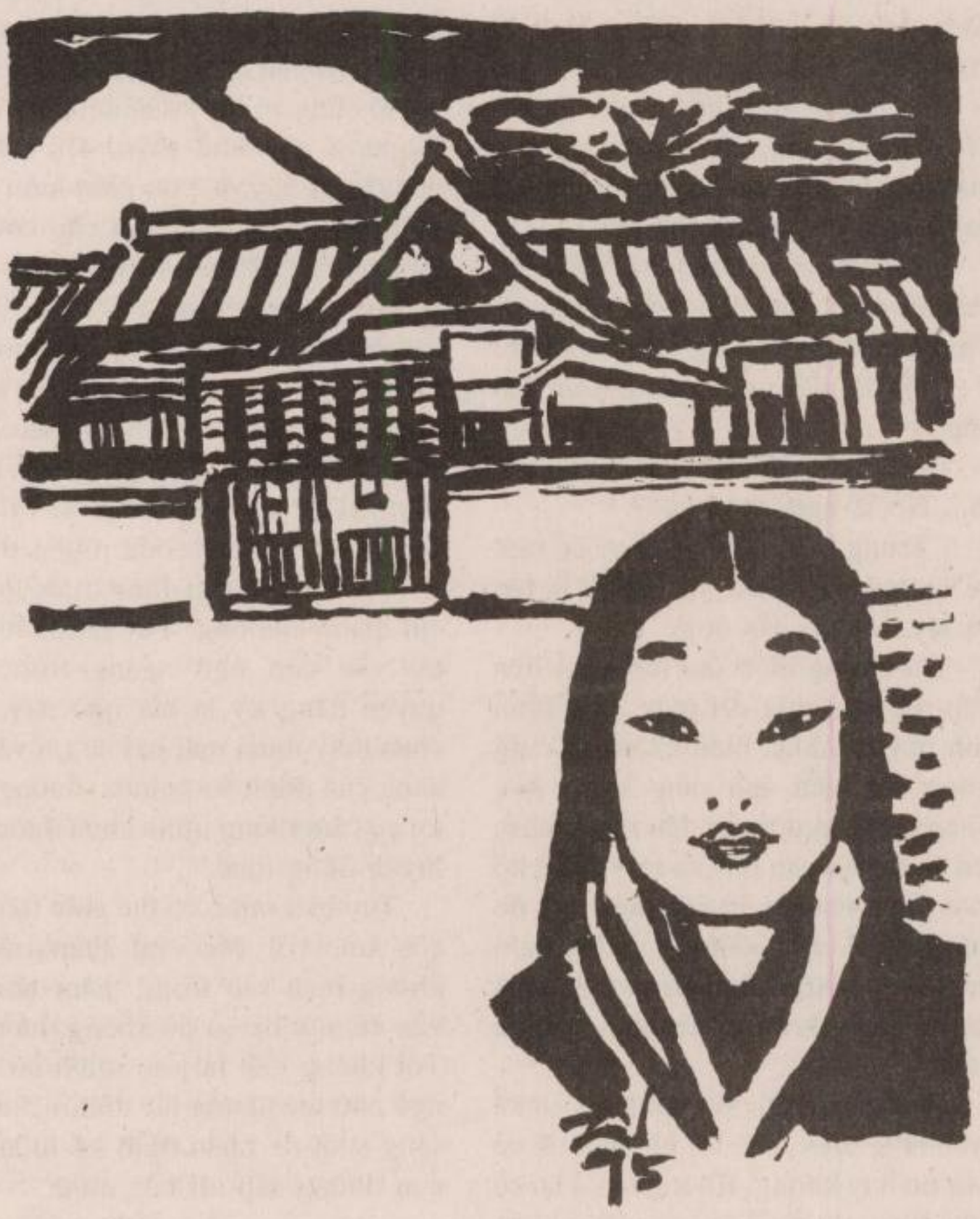

luồng sinh khí còn mạnh nên nó tìm được chỗ rẽ để thoát đi, nhưng nay về già, luồng sinh khí đã yếu, không lưu chuyển được nữa nên tích tụ và gây ra bệnh tật. Ta cũng muốn thoát đi lắm nhưng không sao thoát được... Cách đây khoảng mười cây số về hướng nam, ở góc cánh đồng có một cổ thụ lớn, dưới gốc cây đó là nơi chôn xương cốt của ta. Nếu Yoshida đến đó thắp cho ta một nén hương, một bó hoa tươi và đọc kinh siêu độ thì may ra ta có thể thoát được hoàn cảnh này.

Ngay lúc đó tôi nhìn rõ cái vật lạ lùng đang xuất hiện chính là một con rắn nhỏ màu xanh lục. Tôi tự hỏi: "Phải chăng đây là con rắn năm xưa đã ẩn náu trong thể phách Yoshida khiến bà mang bệnh?" Lão sư thắp một nén hương và đọc một bài thần chú khác, tôi thấy lồng ngực càng lúc càng nóng ran, bứt rứt khó chịu vô cùng. Tự nhiên tôi nhảy nhổm lên múa tay múa chân cho đỡ nóng và cứ thế quay cuồng như không làm sao làm chủ được mình nữa. Lão sư quay qua đám đông hỏi lớn:

- Còn ai muốn hỏi điều gì nữa không?

Một người bước ra nói:

- Kính thưa chư thần, hôm qua con bị mất cái xe đạp, liệu con có thể tìm lại được nó không?

Dường như có một cái gì xui khiến, tôi quát lớn:

- Cái gì? Xe đạp của ngươi ư? Nó đã bị tháo gỡ ra thành nhiều mảnh để mang bán chợ trời rồi.

Khi miệng tôi thốt ra những câu đó thì trong biển ánh sáng kỳ lạ trước mặt tôi bỗng hiện ra chiếc xe đạp đó đang bị tháo gỡ như thế nào.

- Trời ơi, chiếc xe đó rất đắt tiền, tôi phải dành dụm mãi mới mua được. Thưa chư thần, kẻ cắp đó là ai vậy?

- Đó là một người cùng xóm với ông.

- Nhưng kẻ đó là ai? Tôi phải tìm ra... Nó là người thế nào?

- Trong hai tuần lễ nữa sẽ có một kẻ bị ngã què chân, đó chính là tên đã lấy xe đạp của ông.

Tôi không hiểu sao mình lại liên tiếp nói như một cái máy. Các hình ảnh này tự nhiên hiện ra rất rõ ràng trong cái biển ánh sáng kỳ lạ kia. Tuần tự hết người này đến người khác lên tiếng đặt câu hỏi và tôi trả lời họ một cách liên tục, không một chút do dự. Buổi lễ chấm dứt với những nghi thức hết sức trang nghiêm long trọng mà tôi thấy không cần phải viết ra đây.

Chiều hôm đó, khi nghe lão sư kể lại những điều này, tôi không biết có nên tin hay không. Không lẽ tôi lại sở hữu được cái quyền năng mầu nhiệm như vậy hay sao? Tôi gật đầu cám ơn lão sư đã dạy dỗ rồi chờ đến lúc tĩnh toạ một mình trong phòng, vận dụng định lực để quán xét lại xem sự việc này xảy ra như thế nào. Lạ lùng làm sao, chỉ cần dụng công một chút, tôi đã thấy trước mặt hiện ra một biển ánh sáng chói lọi và mọi câu hỏi đều được kiểm chứng một cách rõ rệt. Quả nhiên tôi đã phát triển được quyền năng của một người đồng (Miko), đúng như lời lão sư đã nói, tôi đã thành công.

Hôm sau tôi khăn gói lên đường trở về Hokkaido. Lão sư tiễn tôi ra tận trạm xe lửa. Tuy là người điềm đạm ung dung nhưng lần này ông đã bùi ngùi nói:

- Tuy con đã sở hữu được một quyền năng rất đặc biệt nhưng con phải nhớ kỹ những môn quy mà ta đã truyền cho con. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, con phải gìn giữ nghiêm cẩn những điều này, không được vi phạm. Quyền năng không phải là thứ mà ai cũng có thể sở hữu mà đó là do ý muốn của chư thần. Dù bất kỳ chuyện gì xảy ra, con phải luôn luôn biết ơn các ngài đã ban cho con cái quyền năng này. Đó là điều cuối cùng ta muốn nhắn riêng với con. Ta đã truyền cho con những điều mà từ trước đến nay ta chưa hề dạy ai và chưa chắc ta sẽ dạy cho ai nữa. Con là một người đặc biệt trong hàng trăm, hàng ngàn đệ tử của ta. Ta chúc con tìm được điều con muốn tìm.

Tôi hết sức cảm động trước lời nói chí thành của ông. Tuy nhiên lúc đó tôi vẫn còn ngỡ ngàng trước cái quyền năng kỳ lạ bất ngờ này. Tôi chưa thấy thoải mái hay tự tin về khả năng của mình bao nhiêu, dường như tôi có cảm tưởng mình chưa được đào luyện đúng mức.

Tuy biết mình có thể giao tiếp với cõi âm, với các chư thần, nhưng không hiểu sao trong thâm tâm tôi vẫn có một cái gì đó không được ổn. Tôi không biết tại sao mình lại nghi ngờ như thế nhưng lúc đó tôi chưa đủ sáng suốt để nhận định kỹ lưỡng về con đường sắp tới của mình.

(còn tiếp)

nghe đàn trưa

Đàn ơi vút cánh hải âu
bay qua một trời thu rộng
Gió mùa nay thổi về đâu
mà nghe quanh đời đồng vọng.

Trưa vàng trong tiếng đàn tranh
tưởng thấy một loài hoa rụng
Mái hiên mắc võng ta nằm
lặng nghe hồn mùa xao động.

Đàn đưa ta vào vườn vải
từng chùm đỏ ối tiếng chim
Áo sen Tây hồ mùa hạ
còn loang vạt máu quanh thềm.

Đàn đi trong âm ca dao
khi em về ngang cầu ngói
Gió thu khăn điều vắt vai
bay theo nắng sầu ngoài nội

Đàn trưa buồn như mùa thu
Ôi những ngày vui đã tắt
Những người thân yêu lìa xa
Ta đi khắp cùng mặt đất
đi dưới mái nhà gió mùa
hồn mơ một tia lửa ấm.
Em về bên mái hiên xưa
xin ta bông tường vi đỏ
và ngọn nắng thu quê nhà.

Đàn ơi cùng ta đi nhé
đi trên mảnh đất gió mùa.

nguyễn xuân thiệp

tài-liệu:

Bước Vào Ngưỡng Cửa Hy-Vọng

Đức Giáo-Hoàng Gioan-Phaolô II

Nguyễn Văn Thông

dịch

LTS: Cuốn "Bước vào ngưỡng cửa hy-vọng" của Đức Giáo-hoàng Gioan-Phaolô đệ II, với một số vấn-đề tế-nhị và nhạy cảm có tính-cách tôn-giáo và xã-hội, đang là đề-tài thời-sự nóng bỏng. Với mục-đích cung-cấp cho quí độc-giả một tài-liệu chính-xác, Làng Văn xin trích đăng trong ba kỳ báo, các đoạn quan-trọng trong cuốn sách này, qua bản dịch của Nguyễn Văn Thông, một nhà văn có kiến-thức quảng-bác về thần-học Thiên Chúa giáo.

kỳ II:

Đức Phật Thích-Ca

Hỏi: Trước khi đi đến tôn-giáo độc-thần, đến hai tôn-giáo khác (Do-Thái-giáo và Hồi-giáo) là tôn-giáo thờ một Thiên-Chúa, con xin Cha nói đầy-đủ hơn về đề-tài Phật-giáo. Điều quan-yếu là - như Cha dư biết - đạo ấy cống-hiến một "giáo-lý cứu-rỗi" có vẻ như càng ngày càng thu-hút người tây-phương như một giáo-lý "thay-thế" Kitô-giáo hoặc như một bổ-túc cho Kitô-giáo, ít nhất trong cái nghĩa nói về những phương-pháp khổ-hạnh và huyền-bí.

Đáp: Đúng, ông nói đúng và tôi ghi ơn ông đã nêu câu hỏi này. Giữa những tôn-giáo được nhắc đến trong văn-kiện Công-Đồng *Nostra Aetate*, ta cần phải đặc-biệt chú-trọng đến Phật-giáo, mà từ quan-điểm nào đó, giống với Kitô-giáo, là một tôn-giáo tìm sự giải-thoát. Dầu vậy cần phải nói ngay là giáo-lý về sự giải-thoát của Phật-giáo và của Kitô-giáo thì đối-nghịch nhau.

Đức Đạt Lai Lạt Ma, vị lãnh-đạo tinh-thần của người Tây-Tạng, là một khuôn mặt sáng-giá ở Tây-Phương. Tôi đã gặp Ngài ít lần. Ngài mang Phật-giáo tới cho thế-giới Kitô-giáo tây-phương, khơi dậy sự ham thích tinh-thần Phật-giáo lẫn phương-pháp cầu-nguyện. Tôi cũng đã có cơ-hội gặp-gỡ bậc giáo-phụ Phật-giáo ở Bangkok, Thailand, và giữa những vị sư vây quanh ngài đã có cả, chẳng hạn, những vị ở Mỹ. Ngày nay chúng ta đang nhìn thấy một sự lan-toả của Phật-giáo trong xã-hội Tây-Phương.

Giáo-lý Phật-giáo về sự giải-thoát làm nên tâm-điểm, hay rõ hơn là điểm duy-nhất của đạo. Tuy nhiên cả truyền-thống Phật-giáo và phương-pháp bắt nguồn từ đó đều là một chủ-thuyết giải-thoát hết sức tiêu-cực.

Sự giác-ngộ do Đức Phật kinh-nghiệm được đưa đến sự thâm-tín rằng thế-giới này xấu, nó là nguồn của sự ác và sự đau-khổ cho con người. Để giải-phóng con người khỏi sự ác, con người phải tự giải-thoát mình ra khỏi thế-giới, cần phải dứt bỏ những ràng-buộc nối chúng ta với thực-thể ngoại-tại - những ràng buộc hiện-hữu trong bản-tính con người, trong tâm-thức, trong thể-xác chúng ta. Càng được giải-phóng khỏi những ràng-buộc này, chúng ta càng trở nên dửng-dưng với những gì trên đời, và chúng ta càng được thoát-khỏi những đau-khổ, khỏi sự ác bắt nguồn từ thế-giới.

Chúng ta có đến gần Thiên-Chúa bằng con đường này không? Điều ấy không được nói đến trong sự giác-ngộ được Đức Phật truyền-dạy. Phật-giáo về một phương-diện lớn là một giáo-thuyết "vô-thần". Chúng ta không giải-thoát mình khỏi sự dữ qua những sự lành do Thiên-Chúa ban, chúng ta chỉ giải-phóng mình bằng sự tách mình không dính-bén với thế-giới ở phần xấu. Hoàn-toàn tách rời như thế không phải là kết-hợp với Thiên-Chúa nhưng với điều được gọi là Niết-Bàn, một trạng-thái hoàn-toàn dửng-dưng với thế-giới. Cứu mình, trên hết là giải-thoát mình khỏi sự dữ bằng cách dửng-dưng với thế-giới, vì nó là nguồn-gốc của sự dữ. Đấy là tột-đỉnh tiến-trình của đạo.

Ở những thời-điểm khác nhau đã có những cố-gắng móc nối phương-pháp này với trường-phái thần-bí Kitô-giáo - hoặc là những trường phái Bắc-Âu (Eckhart, Tauler, Suso, Ruysbroeck) hay trường-phái thần-bí Tây-Ban-Nha sau này (thánh Teresa Avila, thánh Gioan Thánh-Giá). Nhưng khi thánh Gioan Thánh-Giá, trong cuốn *Ascent Of Mount Carmel (Lên Núi Carmel)* và cuốn *Dark Night Of The Soul (Đêm Tối Của Linh-Hồn)* nói về nhu-cầu tẩy-luyện, về sự tách khỏi thế-giới giác-quan, ngài không nói đến sự tách-biệt ấy như một cùng-đích. "Để tới nơi mà bạn không hưởng bây giờ, bạn phải đi qua nơi bạn không hưởng. Để tới cái bây giờ bạn không biết, bạn phải đi qua nơi bạn không biết. Để đến mức sở-hữu được những gì bạn không có,

bạn phải đi qua nơi bạn bây giờ không có gì". *(Ascent Of Mount Carmel I. 13,11).* Ở vùng Đông-Á, những bản văn cổ này của thánh Gioan Thánh-Giá đôi khi đã bị hiểu như là công-nhận phương-pháp khổ-hạnh của Đông-phương. Nhưng vị thánh tiến-sĩ này của Giáo-Hội không chỉ đưa ra một sự tách rời khỏi thế-giới. Ngài đưa ra sự tách rời với thế-giới để kết-hợp chính mình với cái bên ngoài thế-giới, điều mà tôi không có ý nói tới cõi Niết-Bàn, nhưng là một Thiên-Chúa nhân-vị. Sự kết-hợp với Ngài không phải chỉ đến từ sự tẩy-luyện nhưng bằng tình-yêu.

Đời sống thần-bí dòng kín *(Carmelite)* bắt đầu từ điểm mà suy-tư của Đức Phật, cùng với những chỉ dẫn của ngài về đời sống tinh thần, ngừng lại. Trong sự tẩy-luyện chủ-động và thụ-động của linh-hồn con người, trong những đêm tối của giác-quan và tinh-thần đặc-biệt nào đó, thánh Gioan Thánh-Giá nhìn thấy, trên hết tất cả là sự chuẩn-bị cần-thiết để linh-hồn con người được nung đốt bằng ngọn lửa sống-động của tình-yêu. Và đó cũng là đầu đề một tác-phẩm lớn của ngài - *The Living Flame Of Love* (Ngọn Lửa Sống Của Tình-Yêu).

Vì thế cho dù có những phương-diện giống nhau, vẫn có một sự khác-biệt căn-bản. Thần-bí Kitô-giáo ở mỗi giai-đoạn - bắt đầu từ thời các giáo-phụ Đông-phương và Tây-phương cho tới những nhà thần-học lớn của trường-phái kinh-viện (như thánh Thomas Aquinas) đến những nhà thần-bí Bắc-Âu, tới các tu-sĩ dòng kín - đều không bắt nguồn từ một sự "giác-ngộ" hoàn-toàn tiêu-cực. Cũng không phải phát-sinh do ý-thức về sự dữ nằm trong sự dính bén của con người với thế-giới qua giác-quan, trí tuệ, và tinh-thần. Thay vì thế, thần-bí Kitô-giáo được phát-sinh từ sự mạc-khải của Thiên-Chúa sống-động. Vị Thiên-Chúa tỏ mình Ngài để kết-hợp với con người, khơi-động trong con người cái khả-năng kết-hợp với Ngài, đặc-biệt bằng các nhân-đức thần-học - lòng tin, sự hy-vọng, và trên hết là tình-yêu.

Thần-bí Kitô-giáo trong mỗi thời đại cho tới thời của chúng ta - kể cả sự thần-bí của các bậc sống đời hoạt-động tuyệt-vời như Vincent Phaolo, Don Bosco, Maximilian Kolbe - đã xây lên và còn tiếp-tục xây mãi đời sống Kitô-giáo trong những yếu-tố căn-bản nhất. Nó cũng xây đắp Giáo-Hội thành một cộng-đồng trong đức tin, hy-vọng, và tình-yêu. Nó xây lên nền văn-minh, đặc-biệt nền văn-minh tây-phương, là cái được đánh dấu bởi cách tích-cực đi vào thế-giới, và phát-triển dựa vào những thành quả của khoa-học và kỹ-thuật, hai ngành tri-thức bắt nguồn từ truyền-thống triết-học cổ Hy-lạp và sự Mạc-khải Do-Thái - Kitô-giáo. Chân-lý về Thiên-Chúa là Đấng Tạo-Hoá và về Chúa Kitô là Đấng Cứu-Rỗi là một nguồn lực vô-song thúc-đẩy thái-độ tích-cực hướng về sự sáng-tạo và cung-cấp sức mạnh liên-tục cố-gắng tiến đến sự biến-hóa và kiện-toàn.

Công-Đồng Vatican đã xác-định một cách đầy-đủ về chân-lý này. Chấp-nhận một thái-độ tiêu-cực về thế-giới, xác-tín rằng nó là nguồn khổ-đau của con người và vì thế con người phải dứt bỏ nó, thì không những chỉ tiêu-cực vì nó phiến-diện mà còn vì một cách căn-bản, nó đi ngược lại sự phát-triển của cả con người và thế-giới mà Tạo Hóa đã ban và ký-thác cho con người (cùng cộng-tác) như một trách-nhiệm.

Chúng ta đọc trong thấy thông-điệp *Gaudium et Spes* rằng: "Vì thế, thế-giới mà Công-Đồng đang nói tới là thế-giới của con người, của toàn-thể gia-đình nhân-loại được hiểu trong nghĩa liên-hệ với tất-cả thực-tại của nó; thế-giới ấy là sân-khấu của lịch-sử nhân-loại và mang những dấu-tích phấn-đấu, thất-bại, và chiến-thắng của nhân-tính; thế-giới mà người Kitô-hữu tin là đã được tạo-dựng và gìn-giữ bởi tình-yêu của Đấng Tạo-Hóa, một thế-giới bị nô-lệ bởi tội nhưng được Chúa Kitô chịu chết đóng đinh và sống lại giải-thoát để thắng sự dữ, và được hướng đến cùng-đích theo chương-trình thánh-thiêng, để được biến-đổi và đến sự viên-mãn của nó" *(Gaudium et Spes 2).*

Những lời ấy cho thấy giữa Kitô-giáo và những tôn-giáo vùng Viễn-Đông, đặc-biệt là Phật-giáo, có một cách hiểu về thế-giới khác nhau căn-bản như thế nào. Đối với Kitô-hữu, thế-giới là tạo-vật của Thiên-Chúa, được Chúa Kitô cứu-chuộc. Chính nơi thế-giới mà con người gặp Thiên-Chúa. Vì thế con người không cần phải đạt tới một sự tách-biệt tuyệt-đối nào mới tìm thấy chính mình trong sự huyền-bí của bản-ngã sâu-thẳm. Đối với Kitô-giáo, khi cho thế-giới là một sự ác "từ căn-bản" là vô-nghĩa, bởi vì ngay từ khi thế-giới được tạo-dựng chúng ta đã thấy Thiên-Chúa-Đấng-Tạo-hóa yêu- thương tạo-vật của Ngài, một Thiên-Chúa đã cho Con duy-nhất của Ngài để ai tin vào Ngài thì không bị hủy-hoại đi mà được sự sống vĩnh-cửu (Jn 3:16).

Vì lý-do ấy, thật không phải là không thích hợp để lưu-ý các Kitô-hữu đang hăng-say tiếp-đón những tư-tưởng nào đó bắt-nguồn từ những truyền-thống tôn-giáo ở Viễn-Đông - thí-dụ, những kỹ-thuật và phương-pháp thiền và khổ-hạnh. Trong một số trung-tâm, những phương-pháp ấy đã trở thành thời-thượng, và được tiếp-nhận không cần suy-xét. Trước hết người ta phải biết cái di-sản tinh-thần của riêng mình một cách rõ-ràng và hãy cân-nhắc xem để nó ra bên cạnh một cách dễ-dàng như thế có đúng không? Chúng ta cần phải nhắc lại ở đây, dù chỉ sơ qua, một tài-liệu ngắn nhưng quan-trọng của Đại-Hội về Tín-Lý "về vài khía-cạnh của sự nguyện-gẫm Kitô-giáo" (15/10/1989). Trong đó chúng ta tìm thấy câu trả lời rõ-ràng cho câu hỏi "nên hay không nên và như thế nào [sự cầu nguyện Kitô-giáo] được phong-phú thêm nhờ các phương-pháp thiền xuất-xứ từ những tôn-giáo và những nền văn-hóa khác" (n.3).

Cần phải nói tới một vấn-đề khác là sự trở về với những tư-tưởng trực-tri thời cổ dưới dạng-thức gọi là Thời-Mới. Chúng ta đừng để bị lầm-lẫn

rằng sự trở về ấy đem lại sự canh-tân tôn-giáo. Đó chỉ là một cách thực-hành mới về thuyết trực-tri - cái thái-độ tinh-thần mà, nhân-danh tri-thức sâu-xa về Thiên-Chúa để cuối cùng bóp méo Lời Ngài và thay thế bằng những lời hoàn-toàn thuộc về con người. Chủ thuyết trực-tri không hoàn-toàn phủ-nhận chỗ đứng của Kitô-giáo. Trái lại, nó luôn-luôn hiện-hữu ở bên cạnh Kitô-giáo, đôi khi nó mang dạng-thức của một trào-lưu triết-học, nhưng thường mang nhiều đặc-tính của một tôn-giáo hay một chuẩn-tôn-giáo mà rõ-ràng, dù không lên tiếng, đối-nghịch một cách căn-bản với những gì thuộc Kitô-giáo.

Muhammad?

Một đề-tài thảo-luận khác hẳn là đề-tài đưa chúng ta đến những hội-đường Do-Thái và các giáo-đường Hồi-giáo là nơi người ta tụ-họp để tôn-thờ Một Thiên-Chúa.

Phải, chắc-chắn đây là một trường-hợp khác khi chúng ta bàn đến những *tôn-giáo lớn thờ độc-thần*, bắt đầu là Hồi-giáo. Trong Thông-Điệp *Nostra Aetate* chúng ta đọc thấy "Giáo-hội rất kính-phục tín-hữu Hồi-giáo, những người tôn-thờ một Thiên-Chúa, sống-động và tồn-tại, thương-xót và quyền-năng, là Tạo-Hóa của trời và đất" (*Nostra Aetate 3*). Vì là tôn-giáo độc-thần, những người tin vào Đấng Allah gần-gũi với chúng ta một cách đặc-biệt.

Tôi nhớ một sự-kiện hồi nhỏ. Trong một tu-viện của nhà thờ Thánh Marco ở Florence, chúng tôi ngắm-nhìn những tấm bích-họa do Fra Angelico vẽ. Một lúc sau có một người nhập bọn với chúng tôi. Sau khi góp lời khen-ngợi tác-phẩm của nhà danh-họa tôn-giáo này thì anh ta nói: "Nhưng không có gì có thể so-sánh với tôn-giáo độc-thần Hồi-giáo cao-cả của chúng tôi được." Lời nói ấy không ngăn-cản việc chúng tôi tiếp-tục thăm-viếng và không làm mất vẻ thân-thiện trong cuộc nói chuyện. Dịp ấy là dịp đầu-tiên tôi có thể gọi là nếm thử cuộc đối-thoại giữa Kitô-giáo và Hồi-giáo, mà chúng ta đã cố-gắng phát-triển một cách có hệ-thống trong thời hậu Công-Đồng.

Bất cứ ai biết Cựu-Ước và Tân-Ước và đọc kinh Coran đều nhìn thấy rõ *tiến-trình giản-lược hoàn-toàn sự mạc-khải về Thiên-Chúa*. Người ta không thể không chú ý đến sự tách khỏi những gì mà Thiên-Chúa nói về chính Ngài, trước hết trong Cựu-Ước qua các tiên-tri, và cuối cùng trong Tân-Ước qua Con Ngài. Trong Hồi-giáo tất-cả những sự phong-phú của

---

ai về sông đáy

Vương vương chiều tàn thu
ngỡ ngàng hoa nắng rụng
nghe lòng nao nức nhớ quê xưa
nhớ màu hoa sim tím
chiều ấy em tôi khóc giã từ!

Ai có về bên kia sông Đáy
quê hương tôi còn xanh?
Thuở xưa mây nước giăng tình núi sông
Mẹ tôi già năm tháng long đong
chiều mưa bên bếp lửa hồng
vẫn ngồi nhỏ lệ chờ mong tôi về.
Và người em gái nhỏ
má hồng rám nắng sơn khê
tôi đi đi mãi chưa về
em buồn ngắm mảnh trăng quê ngậm ngùi!

Sông Đáy êm trôi
trên ngàn nước đổ về xuôi
như giòng lệ mẹ đầy vơi tháng ngày.
Chiều nay trông áng mây bay
mơ về quê hương yêu dấu
nhớ thương mái tóc hoa cài
em đẹp trinh nguyên hoa mộng
dịu hiền như nắng buổi sơ khai!

Chiều ấy tôi đi
mưa buồn giăng mắc
Em nhìn tôi, chẳng nói năng gì
mưa rơi hạt hạt trên sông vắng
như lòng hai đứa khóc từ ly!
Đã mấy thu rồi xa cố quận
mơ giòng sông Đáy lững lờ trôi
Em còn giặt lụa bên sông Đáy
nhìn mảnh trăng thơ nhoẻn miệng cười?

Ngàn xa thương nhớ
vương buồn theo sáo chiều quê
chiều nay trong gió thu về
một giòng sông một tình quê: Ngậm ngùi!

tô giang

Thiên-Chúa mạc-khải về chính Ngài, để xác-định di-sản của Cựu-Ước và Tân-Ước đã dứt-khoát bị loại bỏ. Có một số danh-xưng đẹp nhất trong ngôn-ngữ loài người được tặng cho Thiên-Chúa trong kinh Coran, nhưng cuối cùng Ngài là một Thiên-Chúa ở ngoài thế-giới, một Thiên-Chúa chỉ cao-sang, không bao giờ là Emmanuel, Thiên-Chúa-ở-với-ta. Hồi-giáo không phải là một tôn-giáo cứu-chuộc. Giêsu được nói đến, nhưng chỉ là một tiên-tri, là người sửa-soạn cho vị tiên-tri cuối cùng là Muhammad. Đức Maria, Mẹ Đồng-trinh của Ngài cũng được nói đến, nhưng thảm-kịch cứu-chuộc hoàn-toàn không có. Vì lý-do ấy không những nền thần-học mà cả nhân-chủng học của Hồi-giáo rất xa-vời với Kitô-giáo.

Dầu vậy, lòng sùng-đạo của người Hồi-giáo đáng được kính-trọng. Thí-dụ, người ta không thể không ca-ngợi sự trung-thành cầu-nguyện của họ. Hình-ảnh những người tin vào Đấng Allah, bất kể lúc nào hoặc nơi nào, đều quì gối và chìm-đắm vào kinh-nguyện luôn là một gương-mẫu cho tất-cả những ai kêu-cầu Thiên-Chúa thật, đặc-biệt những người Kitô-hữu bỏ trống những thánh-đường nguy nga, chỉ cầu-nguyện ít hoặc không cầu-nguyện gì cả.

Công-Đồng cũng đã kêu gọi Giáo-Hội đối-thoại với những tín-đồ của đấng "Tiên-tri", và Giáo-Hội đã tiến-hành công-việc ấy. Chúng ta đọc thấy trong Thông-Điệp *Nosta Aetate* rằng: "Cho dù trải qua hằng thế-kỷ Kitô-hữu và tín-đồ Hồi-giáo đã từng có những gì vượt quá một số điều khác-biệt và cãi-vã, Công-Đồng thánh khuyến-nhủ tất-cả hãy quên quá-khứ và cố-gắng tìm-hiểu lẫn nhau cũng như cùng gìn-giữ và thúc-đẩy sự công-bằng xã-hội, nền luân-lý lành-mạnh, sự hòa-bình và tự-do vì phần ích của tất-cả nhân-loại" (*Nostra Aetate 3*).

Từ quan-điểm đó, như tôi đã nói trước, những cuộc gặp-gỡ cầu-nguyện tại Assisi (đặc-biệt là cầu-nguyện cho hoà-bình ở Bosnia, trong năm 1993), chắc-chắn đóng một vai-trò rất ý-nghĩa. Rồi những cuộc gặp-gỡ của tôi với các tín-đồ Hồi-giáo cũng đáng kể trong những chuyến công-du tông-đồ của tôi ở Phi-Châu và Á-Châu, là những nơi mà đôi khi, cả nước đa-số là tín-hữu Hồi-giáo. Vậy mà Giáo-Hoàng vẫn được tiếp-đón rất nồng-hậu và được lắng nghe một cách niềm-nở.

Chuyến công-du của tôi đến Marocco do Vua Hassan II mời chắc-chắn được coi như một biến-cố lịch-sử. Đấy không hẳn là một chuyến công-du đáp lễ, nhưng là một biến-cố có bản-chất rất thật là tông-đồ. Cuộc gặp-gỡ với những người trẻ tại vận-động-trường Casablanca (1985) thật không thể quên được. Sự cởi-mở của giới trẻ đối với những lời của Giáo-Hoàng thật cảm-kích khi ngài nói về niềm tin vào một Thiên-Chúa. Đấy chắc-chắn là một biến-cố chưa từng có.

Dù thế nào chăng nữa, những khó-khăn cụ-thể vẫn không thiếu. Trong những nước mà những phong-trào (Hồi-giáo) chính-thống lên nắm quyền, thì nhân-quyền và những nguyên-tắc tự-do tôn-giáo đã không may bị cắt-nghĩa rất hạn-hẹp một chiều - tự-do tôn-giáo nghĩa là sự tự-do áp đặt lên tất-cả quốc-dân nền "tôn-giáo chân-thật". Trong những đất nước ấy tình-trạng của các Kitô-hữu đôi khi bị phiền-hà kinh-khủng. Thái-độ chính-thống ấy làm cho việc tiếp-xúc tương-giao trở nên rất khó-khăn. Còn Giáo-Hội vẫn trước sau luôn mở rộng chờ đối-thoại và hợp-tác.

Do-Thái-Giáo?

Tới đây hẳn là Đức Thánh Cha muốn nói về Do-Thái-giáo.

Đúng như vậy. Xuyên qua tính-chất đa-nguyên lạ-lùng của các tôn-giáo, sắp-xếp giống như những vòng tròn đồng-tâm, chúng ta đi đến một tôn-giáo gần với chúng ta nhất - tôn-giáo của dân Thiên-Chúa thời Cựu-Ước.

Những lời từ bản Tuyên-Ngôn *Nostra Aetate* trình-bày một điểm quẹo. Công-Đồng nói: "Giáo-Hội của Chúa Kitô, quả vậy, nhận biết rằng theo mầu-nhiệm cứu-chuộc thánh-thiêng cho thấy gốc-tích niềm tin và sự được tuyển-chọn đã được tìm thấy trong các Tổ-Phụ, Môisen, và các Tiên-tri... Giáo-Hội, vì thế không thể quên được rằng mình đã nhận sự mạc-khải của Cựu-Ước qua dân-tộc mà Thiên-Chúa, bằng lòng thương-xót hải-hà, đã làm nên Giao-Ước Cũ, và Giáo-Hội cũng không thể quên rằng mình hút lấy sức sống từ rễ cây ô-liu tươi-tốt mà trên ấy những mầm-chồi dại là Dân Ngoại đã được tháp-nhập vào... Vì vậy, do cùng một di-sản tinh-thần chung quá lớn-lao cho người Kitô-giáo và Do-Thái-giáo, Công-Đồng thánh khuyên-nhủ và thúc-đẩy một sự hiểu-biết và tôn-trọng lẫn nhau, nhất là qua sự học-hỏi thánh-kinh và sự bàn-thảo huynh-đệ" (*Nostra Aetate 4*).

Những lời ấy trong Tuyên-Ngôn của Công-Đồng phản-ảnh kinh-nghiệm của nhiều người Do-Thái và Kitô-hữu. Chúng cũng phản-ảnh kinh-nghiệm của cá-nhân tôi như vậy, từ những năm đầu đời ở quê tôi. Tôi nhớ nhất ngôi trường tiểu-học Wadowice, nơi có ít nhất một phần tư học-sinh lớp tôi là Do-Thái. Tôi cần phải nói tới tình-bạn của tôi với một học-sinh trong đám, Jerzy Kluger - một tình-bạn mà kéo dài từ thuở còn đi học cho tới bây giờ. Tôi còn nhớ rõ mồn-một cảnh người Do-Thái tụ-họp mỗi ngày thứ Bảy ở hội-đường đằng sau trường học của chúng tôi. Cả hai nhóm tôn-giáo, Công-giáo và Do-Thái đoàn-kết với nhau, tôi nghĩ thế, do sự ý-thức rằng họ cùng cầu-nguyện với một Thiên-Chúa. Dù ngôn-ngữ của họ có khác nhau, những kinh-nguyện trong nhà thờ và trong hội-đường đều dựa trên cùng những văn-bản ở mức-độ đáng kể.

Rồi Thế-Chiến Thứ Hai xảy tới, với những trại tập-trung và sự tàn-sát có hệ-thống. Đứng đầu và nhiều hơn hết là những người con trai con gái của đất nước Do-Thái bị bách-hại chỉ

vì lý-do duy-nhất họ là người Do-Thái. Bất cứ ai sống ở Ba-Lan thời đó, đều phải va-chạm tới thực-tại này, dù là một cách gián-tiếp.

Vì thế, đây cũng là một kinh-nghiệm cá-nhân của tôi, một kinh-nghiệm cá-nhân ở với tôi mãi cho tới bây giờ. Trại tập-trung Auschwitz, có lẽ là một biểu-tượng nhiều nghĩa nhất của cuộc tàn-sát người Do-Thái, cho thấy những mức-độ mà một hệ-thống xây trên những nguyên-tắc thù ghét chủng-tộc và tham-vọng quyền-hành có thể nguy-hại đến mức nào. Cho tới ngày nay, trại tập-trung Auschwitz không ngừng cảnh-cáo con người, nhắc-nhớ chúng ta rằng chủ-nghĩa bài-Do-Thái là một tội lớn chống lại nhân-tính, rằng tất-cả sự thù-ghét chủng-tộc không tránh khỏi việc dẫn đến sự chà-đạp phẩm-giá con người.

Tôi muốn trở lại hội-đường ở Wadowice. Nó đã bị quân Đức tàn-phá và bây giờ không còn nữa. Cách đây mấy năm Jerzy đến gặp tôi bảo rằng cái địa-điểm hội-đường cần phải được gắn bảng tưởng-niệm đặc-biệt để kính-nhớ. Tôi phải nhận rằng lúc đó cả hai chúng tôi đều cảm-thấy xúc-động sâu-xa. Chúng tôi đã nhìn thấy những khuôn mặt chúng tôi quen biết và săn-sóc, chúng tôi nhớ lại những ngày Thứ Bảy khi chúng tôi còn nhỏ và khi ở tuổi thanh-niên, lúc mà cộng-đồng người Do-Thái ở Wadowice tụ-tập lại cầu-nguyện. Tôi hứa với ông ấy là rất hân-hạnh gởi thư riêng như một dấu-hiệu tình liên-đới và sự kết-hợp tinh-thần của tôi trong dịp trọng-đại ấy. Và tôi đã làm như thế. Chính Jerzy mang lá thư ấy cho những người đồng-hương của tôi ở Wadowice. Cuộc ra đi đối với ông không dễ. Tất-cả mọi người trong gia-đình của ông ở vùng quê nhỏ ấy đã chết trong trại tập-trung. Chuyến viếng-thăm Wadowice để mở khăn che tấm bia tưởng-niệm ngôi hội-đường ấy là chuyến viếng-thăm đầu-tiên của ông sau 50 năm trường...

Những lời từ bản Tuyên-Ngôn *Nostra Aetate*, như tôi vừa nói, phản-ảnh kinh-nghiệm của nhiều người. Tôi nghĩ về thời-gian tôi làm công-việc mục-vụ ở Kraków. Ở Karków, đặc-biệt là vùng Kazimierz, còn lưu lại nhiều dấu-tích văn-hoá và truyền-thống Do-Thái. Ở Kazimierz, trước chiến-tranh, đã có mấy chục ngôi hội-đường mà về khía-cạnh nào cũng là những đền-đài văn-hóa lớn-lao. Khi là Tổng Giám-Mục của giáo-phận Kraków, tôi liên-hệ rất gần-gũi với cộng-đồng Do-Thái của thành-phố. Tôi được hưởng tình liên-đới thân-ái với cấp lãnh-đạo của cộng-đồng và còn tiếp tục kéo dài tới sau khi tôi đến Roma.

Sau khi tôi được bầu lên kế-vị thánh Phêrô, tôi vẫn tiếp-tục nuôi-dưỡng những mối ràng-buộc có ý-nghĩa sâu-đậm đó. Trong những cuộc công-du mục-vụ khắp thế-giới, tôi luôn cố-gắng gặp-gỡ những vị đại-diện cộng-đồng Do-Thái. Nhưng một kinh-nghiệm hết sức khác thường đối với tôi chắc-chắn là cuộc thăm-viếng hội-đường ở Roma. Lịch-sử người Do-Thái ở Roma là một chương độc-đáo trong lịch-sử của người Do-Thái, một chương nối-kết gần-gũi với sử-liệu của sách Tông-Đồ Công-Vụ. Trong cuộc viếng-thăm đáng nhớ ấy, tôi nói về người Do-Thái như những người anh của chúng ta trong đức tin. Những lời ấy đã là lời diễn-tả vừa của giáo-huấn của Công-Đồng, vừa là một sự xác-tín về phía Giáo-Hội. Công-Đồng Vatican II không đề-cập nhiều về đề-tài này, nhưng những điều nói đến gồm-chứa một thực-tại mênh-mông không chỉ về tôn-giáo mà còn về văn-hoá nữa.

Dân-tộc khác thường ấy vẫn tiếp-tục mang dấu-tích được Thiên-Chúa tuyển-chọn. Một lần kia tôi nói điều ấy cho một người trong chính-phủ Israel và ông ta đồng ý ngay, nhưng liền thêm rằng: "Giá mà đừng phải trả giá đắt đến như thế!..." Nước Israel thực đã phải trả một giá đắt cho sự được "tuyển chọn". Có lẽ vì thế mà nước Israel càng trở nên giống Con Người hơn, là đấng mà theo huyết-nhục cũng là con của dân nước Israel. Năm kỷ-niệm hai thiên niên ngày Ngài đến thế-gian cũng sẽ là ngày mừng của người Do-Thái vậy.

Tôi hân-hạnh được thi-hành sứ-vụ kế-vị thánh Phêrô ở thời-gian sau Công-Đồng Vatican II, khi những cái nhìn nội-tại linh-hứng Tuyên-Ngôn *Nostra Aetate* đang tìm được cách diễn-đạt cụ-thể trong nhiều cách-thế khác nhau. Như vậy cách-thế mà hai thời-điểm được Thiên-Chúa tuyển-chọn - Giao-Ước Cũ và Giao-Ước Mới - xích lại gần nhau hơn.

Giao-Ước Mới ăn rễ trong Giao-Ước Cũ. Thời-điểm mà dân-tộc của Giao-Ước Cũ sẽ nhìn thấy họ như thành-phần của Giao-Ước Mới thì hẳn nhiên đó là công-việc của Chúa Thánh-Linh. Chúng ta là những con người, chỉ cần cố-gắng đừng đặt lên lối đi những chướng-ngại. Cái hình-thức "đừng đặt lên những chướng-ngại" chắc-chắn là việc đối-thoại giữa người Kitô-giáo và Do-Thái-giáo, mà ở phần Giáo-Hội đang được Hội-Đồng Tòa-Thánh Chuyên Lo Sự Hợp-Nhất Kitô-giáo thực-hiện.

Tôi cũng vui-sướng vì kết-quả của tiến-triển hòa-bình đang đến ở Trung-Đông, dầu có những chậm chạp và cản trở, và cũng nhờ vào sáng-kiến của nước Israel để có thể thiết-lập quan-hệ ngoại-giao giữa Toà-Thánh và Israel. Về việc công-nhận nước Israel, điều quan-trọng phải tái xác-nhận là tôi chưa từng bao giờ nghi-ngờ gì về việc ấy.

Một lần kia, sau khi kết-thúc một trong những cuộc họp của tôi với cộng-đồng Do-Thái, có người hiện-diện ở đó nói: "Tôi muốn cám ơn Đức Giáo-Hoàng về tất-cả mọi sự mà Giáo-Hội Công-giáo đã làm suốt hai ngàn năm qua để người ta nhận biết Thiên-Chúa thật."

Những lời ấy cho thấy một cách gián- tiếp rằng Giao-Ước Mới đã làm thế nào để hoàn-tất những gì bắt rễ trong ơn gọi của Abraham, trong giao-ước của Thiên-Chúa với Irael ở Sinai, và trong toàn-thể di-sản giàu-sang của các Tiên-tri được linh-hứng, mà hằng trăm năm trước khi được hoàn-tất, các ngài đã chỉ cho thấy trong các Sách Thánh Một Đấng mà Thiên-Chúa sẽ gởi tới khi "thời-gian đã viên-mãn" (cf. Gal 4:4). ●

đàn trăng quạt bướm

(TRUYỆN DÀI)

Hồ Trường An

(tiếp theo và hết)

Chương cuối

Năm năm sau.

Một buổi sáng, bà Quản hạt Thất từ vườn bước vào nhà, tay cầm trái mãng cầu xiêm mập núc thì hai cô gái nhỏ cỡ mười tuổi từ trong buồng chạy ra. Tuyết Mai, mặc áo đầm đỏ rắc bông trắng, rối rít:

- Nội ơi, anh Phát và anh Phú thi đậu vô trường Le Myre de Vilers rồi.

Tuyết Nga, mặc áo đầm trắng rắc bông xanh, nhấn mạnh:

- Anh Phát đậu hạng tư, anh Phú đậu hạng chín lận đó nội.

Bà Quản Thất mừng rỡ:

- Có vậy hay sao? Mà hai thằng anh bây đâu rồi?

Tuyết Mai:

- Mấy ảnh không đè bữa nay yết bảng, may là sáng nay anh Tráng, bạn mấy ảnh, đạp xe vô báo tin nên mấy ảnh đón xe thổ mộ ra ngoài trường rồi.

Bà Quản bảo cháu:

- Tuyết Nga, con dắt em con ra lò heo, kêu thằng Bảy Vận vô đây cho nội dạy việc.

Dặn xong, bà Quản đi xuống bếp. Cô Út Thiên Kim đang sửa soạn cơm trưa. Cô xắt mực tươi và lóc thịt cá thác lác. Cô ngửng lên nhìn mẹ:

- Tụi thằng Phát, thằng Phú học không miệt mài thái quá mà vẫn đậu cao.

Bà Quản Thất cười:

- Trải qua bao tai biến mà hồng phước nhà mình vẫn còn, má cũng mừng. Hai con Tuyết cũng thông minh sáng dạ.

Cô Út không nói gì, trưa trờ trưa trật rồi, cô phải làm thúc làm riết cho xong. Bà Quản bảo con gái:

- Để má làm bếp tiếp cho, con ra ngoài nhà thủy tạ coi chồng con và anh Ba con làm gì ở ngoài.

- Có vợ chồng con Phước Vân ngoài đó rồi, má cứ an tâm.

Bà Quản nhắc nhở:

- Con nhớ làm thịt chà bông và chấy tôm trứng cho anh Hai con, đừng quên.

Khi cô Út đi ra ngoài nhà thủy tạ, bà Quản Thất bảo con Hiếu đang sắp mâm dọn chén:

- Lát nữa mầy thay bông khắp bàn Phật, nhớ đơm mận, cam, quít ở các đĩa quả tử. Tối nay có bà Hai Lầu tới giảng kinh đó, nhớ lo trà bánh và nấu cho tao nồi cháo chay.

Năm năm qua, trên con đường trở về cứu chuộc, gia đình ông bà Quản hạt Thất đã đi được ba phần tư. Hai ông bà đã gom về dưới mái nhà này lũ con rơi của bác sĩ Hữu Thạnh, đã giúp vốn mẹ chúng hoặc bên ngoại chúng cơ hội làm ăn. Bác sĩ Hữu Thạnh qua ở trại cùi bên cù lao Rồng bên kia sông Mỹ Tho, có nhờ cô Tư Minh Nguyệt đem phần ba gia tài của ông giúp đỡ các em quan kinh lý Thận. Trước sự thành tâm cải hối của bác sĩ Hữu Thạnh, cô Tư Minh Nguyệt nối lại sự giao hảo với gia đình ông bà Quản hạt. Cô đã đẹp duyên với Lionel Laporte, sinh cho chàng hai cậu con trai khấu khỉnh nhưng vẫn viết thư thăm hỏi, an ủi chồng cũ đều đều.

Con Phước Vân từ Cai Lậy trở về. Bà Quản Thất gả nó cho Ba Hưởng và thâu dụng cả hai làm quản gia. Ba Hưởng giúp ông Quản Thất đắc lực, còn con Phước Vân tận tụy giúp cô Út Thiên Kim săn sóc luật sư Hữu Vượng và kỹ sư Oánh.

Luật sư Hữu Vượng lần lần lai tỉnh. Bùa mê thuốc lú trải qua năm năm cũng mất hết tác dụng với kỹ sư Oánh, nhưng họ không thể hoàn toàn bình phục nên khó ra đời để sanh cơ lập nghiệp. Bà Phủ Trạch nói với bà Quản Thất:

- Miễn là con tui tỉnh táo. Nhà tui có tiền, có ruộng, để mai sau con dâu tui coi sóc và thâu huê lợi.

Kỹ sư Oánh lấy cô Út Thiên Kim, quyết ở Bến Chùa chớ không về Mỹ Tho. Ông bám vợ như sam, hễ cô Út vắng nhà hơi lâu là trông đứng trông ngồi. Còn luật sư Hữu Vương không chịu lấy vợ. Ông thưa với cha mẹ:

- Hồi xưa con sưng quai bị mà không săn sóc kịp lúc nên nếu có vợ cũng sẽ chẳng thể có con được. Vả lại trải qua tai biến, lửa dục con đã tắt, chẳng thà ở vậy săn sóc ba má và lũ cháu mà phải hơn.

Về phần cô Út, sau một thời gian, vết sẹo trên mặt cô không còn nổi cộm, thâm tím nữa mà lì xuống. Tuy nó không mất hẳn nhưng chỉ còn mờ mờ. Từ khi quyết tâm cải ác tùng thiện, dung quang cô trở nên rạng rỡ khác thường, không mấy ai còn để ý đến vết thẹo kia nữa.

Bệnh cùi của bác sĩ Hữu Thạnh tuy không phát tác nhưng cũng không chịu hết. Với thành tâm, ông tình nguyện phụ giúp các bác sĩ, y tá trông

nom, an ủi các bịnh nhơn khác không nề gớm ghiếc, cực khổ. Còn thì giờ rảnh, ông đọc sách, viết nhật ký và tham khảo kinh kệ. Tuy xa nhà nhưng ông vẫn nhận được thư và ảnh của gia đình nên không hề cảm thấy cô đơn, tuyệt vọng.

Gia đình ông bà Quản hạt Thất nhờ hoạt động hăng say vào các công cuộc lợi tha mà quên đi nỗi bất hạnh của gia đình mình. Qua ông bà Hai Dần, bà Quản Thất tiếp xúc với bà Hai Lầu, bà Ba Các, bà Hương bộ Khâm, bà Giáo Toàn. Tấm lòng thành của bà lần lượt gột rửa thành kiến và nghi kỵ của họ đối với bà.

Một hôm, một người khách đen đúa, cao lớn đến nhà bà Quản Thất. Ông ta tự xưng là Kim Ba, em ruột của thầy bùa Kim Sang. Ông kể:

- Anh tui có nuôi hai con rít bằng ngải, nọc rất độc. Bữa kia ảnh say rượu, mở nắp thùng thiếc, tụi nó chui ra cắn ảnh sùi bọt quáp, mắt lộn thinh, chết tươi thiệt dễ sợ!

Bà Quản chỉ biết thở dài, an ủi Kim Ba và tặng ông ta ít tiền.

Anh em Tà Noọt, thầy bùa Kim Sang đã ra người thiên cổ, cất đứt bà Quản Thất khỏi cuộc đời bùa chú, ngải nghệ. Do sự khuyên bảo của bà Hai Lầu, bà tụng kinh Kim Quang Minh cho các tinh linh ngải nghệ và bà Hai Lầu giảng Thập Nhị Nhân Duyên cho chúng nghe. Cho đến một hôm, các cây ngải nghệ đều chết rũ, gốc teo tóp. Đêm đó bà nằm mơ thấy những hình sương dáng khói mơ hồ đến chào và cảm ơn để bước sang cõi khác.

Tưởng nhớ đến cựu tình với anh em Tà Noọt và thầy bùa Kim Sang, bà Quản Thất cũng tụng kinh hồi hướng công đức cho vong linh họ. Bà còn giúp Phước Vân bỏ tiền in kinh, trì tụng kinh Pháp Hoa và kinh Địa Tạng cầu cho bà Thạch Thơm được đầu thai nơi nhà lương thiện. Trên con đường hoá giải ác nghiệp, giúp đỡ người sống lẫn người chết đã vì gia đình bà chịu bao oan nghiệt, bà Quản Thất được sự chung lưng đấu cật của cả chồng và con nên bà không thấy tai ương bất hạnh đáng kinh sợ nữa.

Bà đang suy nghĩ lan man thì ông Quản hạt cùng hai thằng cháu nội về tới. Phát năm nay được 12 tuổi, lớn vóc, nước da đen dòn, mặt mũi vui vẻ, có duyên, cười có lúm đồng tiền bên khoé miệng. Phú cũng khá lớn vóc, trắng trẻo, mặt mũi thanh tú, đẹp trai hơn anh nhưng không mặn mòi bằng.

Ông Quản hạt sai thằng Bụng ra xe lấy các món vô nhà rồi về buồng thay đồ mát. Ông chỉ hộp trà Thiết Quan Âm và chai rượu Cointreau, bảo vợ:

- Của cô Sáu Thọ Huệ và con Hai Thoại Hảo tặng đó.

Bà Quản nhìn chồng, sửng sốt. Ông cười, giải thích:

- Tui ăn điểm tâm ở tiệm nước gần rạp thầy Năm Tú thì gặp vợ chồng cô Sáu với vợ chồng con Hai. Họ ân cần mời tui viếng nhà họ chơi cho biết. Tới đâu tui cũng được tặng quà. Họ hứa sẽ đưa chồng tới thăm bà đó.

Bà Quản hạt hỏi:

- Mình nghĩ coi có tiện hay không?

- Có gì đâu mà không tiện? Chuyện ngang trái hồi năm sáu năm về trước qua rồi, giờ họ có gia đình đàng hoàng nên muốn lấy tấm lòng thành, lấy cảm tình để kết giao thì mình cũng nên tiếp đãi họ như thượng khách mới phải.

Bữa cơm dọn ra, bà Quản tuy ăn chay nhưng cũng ngồi chung bàn. Mọi người ăn uống, cười nói vui vẻ. Phước Vân thưa với bà Quản hạt:

- Con đã soạn bốn phần quà để mai mốt mấy đứa nhỏ về thăm mẹ, thăm ngoại tụi nó.

Như giao ước, cứ mỗi tháng đầu kỳ bãi trường, ông bà Quản hạt Thất cho bốn đứa nhỏ về thăm mẹ hoặc bên ngoại tụi nó. Nhờ số vốn khá bộn mà ông bà Quản hạt tặng cho mỗi gia đình, họ có cơ hội lập cơ sở nho nhỏ để sanh nhai.

*

* *

Thời gian từ từ trôi. Các cậu các cô thanh niên thiếu nữ ngày nào nay đã con bồng con ẵm, tạo dựng gia đình, nghề nghiệp vững chắc. Bà Hai Lầu quyết lòng tu niệm, xuống tóc, thọ giới tì kheo ni, lấy pháp danh là Hương Vân; bao nhiêu tiền bạc cúng dường đều do một tay bà Ba Các nắm giữ. Bà Ba tánh tình chất phác, đôn hậu nên không dám tơ hào mảy may. Bà dùng tiền đó xây thêm toà ngang dãy dọc, thiền phòng thiền viện, biến ngôi am vân thành ngôi phạm vũ nguy nga tráng lệ.

Một hôm trời nắng tốt, không khí trong trẻo nhẹ nhàng, bà Hai Lầu ngồi ôn lại chuyện xa xưa, bàn chuyện sắp tới với em dâu. Bà tâm sự:

- Mới đây thầy tui, ông Đạo Hy Mã, có hiện về cho tui biết ổng đang tu theo đạo Bồ Tát, quyết định mai sau sẽ thành bực chánh đẳng, chánh giác. Còn tui đây chưa chứng được Tu Đà Hườn, chưa thuộc vào hàng Nhập Lưu, bởi vậy tui tính ít năm nữa sẽ theo dấu chơn thầy lần hồi tìm về núi Tuyết Sơn để tu vĩnh viễn trên đó.

Bà Ba Các hỏi:

- Còn cái am nầy, ai sẽ trông coi, thừa kế chị?

Bà Hai Lầu trầm ngâm:

- Trưởng pháp tử của tui rồi cũng sẽ về núi Tuyết Sơn nên tui tính giao am cho chị Quản hạt Thất. Chính chị ta sẽ trở thành bực đạo cao đức trọng mai sau. Thím phải làm kẻ trợ tu cho chỉ cũng như thím đã trợ tu cho tui tự bấy lâu nay.

Bà nhìn về hướng Bến Chùa, ngậm ngùi bảo em dâu:

- Thím coi đó, một kẻ cay nghiệt ác đức như chị Quản hạt một khi ngộ được lẽ vô thường rồi, giốc lòng tinh tấn tu hành. Trong cái lớp vỏ quỉ La Sát, quỉ Cưu Bàn Trà vẫn còn cái thượng căn là vậy. Có nhiều kẻ hiền đức, ăn chay niệm Phật nhưng đâu được cái thượng căn như chỉ. Việc đời biết sao mà lường! Hồi chỉ cầu huề với chị em mình, tui cũng giốc lòng chữa trị cho thằng Hữu Vượng và thằng Oánh hết điên, nhưng mà tui chỉ chữa được bịnh chớ làm sao chữa được ác nghiệp! Chính cái thành tâm giải nghiệp của cả nhà họ là phương thuốc trị liệu bịnh tâm thần tốt nhứt, tuy chậm mà chắc.

Tối hôm đó, bà Hai Lầu giảng kinh Pháp Cú. Các bà sẽ tới nghe kinh

xong ngủ luôn ở đây.

Trời vừa tắt nắng, khách lần lượt tới. Bà Quản Thất tới sớm nhứt. Cùng đi với bà có con Hiếu bưng hai quả bánh hấp như bánh bò, bánh da lợn, bánh thuẫn, bánh qui, xôi vị.

Bà Ba Các thăm hỏi:

- Em nghe lối xóm nói lóng rày thằng Ba và chồng con Út đã đỡ nhiều lắm, phải không chị?

Bà Quản Thất cười hiền lành:

- Tạ ơn thập phương chư Phật, tụi nó đỡ nhiều. Thằng Ba muốn thọ giới ưu bà tắc, tu tại gia. Chồng con Út thì đang tham khảo kinh Đại Thừa, đọc tới đâu nó chắc lưỡi hít hà khen tới đó. Được vậy tui cũng mừng.

Bà Hai Lầu dịu dàng:

- Em đã dùng thần chú Mật Tông để trị bịnh cho cháu Hai, ngặt vì nghiệp của cháu sâu dày, phước huệ của cháu cạn mỏng nên khó lòng dứt bịnh. Tuy nhiên bịnh sẽ không phát tác nữa, xin chị an tâm.

Bà Quản hạt Thất ngậm ngùi:

- Tạo ác nghiệp thì má con tui phải lo trả cho xong kiếp nầy, đợi kiếp sau mới trả dứt... thì lôi thôi phiền phức quá! Kể như tui mất một đứa con nhưng lời được bốn đứa cháu nội.

Bà Hai Lầu bắt lảng qua chuyện khác:

- Em đã dọn giường cho chị cùng buồng với em. Mời chị rửa mặt nghỉ ngơi rồi cùng ăn cơm với tụi em.

Bà Quản Thất xách giỏ trầu vô buồng. Chừng một giờ sau, các bà Hương bộ Khâm, bà Hai Dần, bà Đốc học Thông và hai bà ở Xóm Chùa lần lượt tới. Mọi người cùng ngồi vào bàn. Bà Hai Lầu bảo hai cô Tư Ngọc Nhan và Út Ngọc Nga:

- Bây về ăn cơm tối với bọn kia đi, để hai sư cô đãi trà bánh và dọn dẹp được rồi.

Bên nhà bà Ba Các, các cô đang chiên xào kho nấu coi có vẻ rộn ràng lắm. Các cậu thì ngồi ở bàn ăn vừa uống bia vừa trò chuyện vui vẻ.

Trăng rằm từ từ lên cao tới lưng chừng trời, sáng đẹp nguy nga, tỏa ánh rạng rỡ khắp nơi. Mùi hương nguyệt quới thoang thoảng tản mạn đó đây. Dưới sông, ghe thương hồ đi lại. Trên đường tráng nhựa nối Mỹ Tho và Sài gòn, lác đác người đi chơi trăng, tiếng cười giỡn văng vẳng.

Dưới mái am, bà Hai Lầu bắt đầu thuyết pháp cho tới gần giữa canh ba. Sau đó mọi người dùng cháo chay và trà bánh.

Lúc đó, bên nhà bà Ba Các, mâm bánh trái cũng được đem lên. Bà Quản hạt lẳng lặng bước qua sân nhà bà Ba, đứng nấp sau cây cột nhìn hoạt cảnh vui tươi đầm ấm của đám trẻ. Bà chạnh nghĩ tới đám con bà, tới phần đời huyễn hoặc mà gia đình bà đã từng tạo tác gây tổn hại cho kẻ khác để thoả mãn tự ái. Giờ đây những kẻ đó gia đạo vững vàng, công việc làm ăn phát đạt. Nghĩ tới thằng trưởng nam đang ở cù lao Rồng, lòng bà bỗng đau đớn như kim châm muối xát. Nhưng trong một thoáng, tiếng chuông mõ bên am vọng qua, đưa bà trở về niềm bình an mà bà quyết tâm thiết lập cho mình...

Bỗng một bàn tay đặt nhẹ lên vai bà, một giọng nói êm dịu và ngập tràn cảm thông rót vào tai bà:

- Thím Ba Các bên am đang chờ chị về để cùng tụng kinh Phổ Môn đó.

Bà Quản hạt Thất quay lại, cười:

- Tui đứng đây ngắm lũ cháu mà chợt nhớ thuở hai thằng con trai tui vừa mới ra trường. Lụi hụi mà cũng gần hai mươi năm rồi đó...

Bà Hai Lầu ôn tồn:

- Hai mươi năm! Biết bao là dâu bể hưng phế! Rồi đây sẽ có một ngày em đi xa. Am này sẽ nhờ chị trông nom. Chị hãy thâu đồ chúng để họ cùng chị hoằng pháp, và xin chị nhớ chuyện vua Nghiêu thuở xưa, truyền ngôi cho vua Thuấn vốn là kẻ cày ruộng chớ không truyền ngôi cho con trai mình, để rồi khi chị sắp viên tịch thì nên vì em mà truyền hiền chớ đừng nên truyền tử ngôi phạm vũ nầy.

- Hết -

BÚT CHÌ phụ-trách

Tòa-soạn mở mục "Độc-giả thắc-mắc" để giải-đáp nghi-vấn của bạn đọc về mọi lãnh-vực: văn-học, nghệ-thuật, khoa-học, xã-hội, chính-trị, v.v.

Trong mục-đích học-hỏi, Bút Chì hoan-nghênh mọi ý-kiến đóng-góp về câu trả lời.

Vì khuôn-khổ hạn-hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn-chế mỗi lần hỏi tối-đa ba câu. Đa tạ.

Tự-ngữ Anh-văn

Hỏi: Xin bác giải-thích cho một vài từ-ngữ Anh sau đây, tôi hiểu nghĩa nhưng muốn biết thêm về xuất-xứ của nó, ai đặt ra chữ từ-ngữ này, và dùng trong dịp nào:

- *alibi* (chứng-minh mình có mặt ở nơi khác trong lúc tội-phạm xảy ra).
- *bikini* (quần áo tắm hai mảnh của phụ-nữ).
- *molotov cocktail* (bom xăng, có phải do ông Molotov nghĩ ra đầu-tiên?)
- *condom* (bọc cao-su ngừa thai).
- *chicken à la King* (gà nướng kiểu Anh).
- *prostitute, hooker* (gái mại dâm).

Anny Trần
San Jose, CA

Đáp:

- *alibi*: gốc la-tinh, nguyên nghĩa là "nơi khác". Nhiều luật-sư đã cãi thắng nhờ chứng-minh được là thân-chủ của mình có mặt tại một nơi khác trong lúc tội-phạm xảy ra.

- *bikini* nguyên là Bikini, là danh-từ riêng mà ông William H.R. Blandy (Mỹ) dùng gọi tên một vụ thí-nghiệm bom nguyên-tử năm 1946. Đến năm 1947, các nhà vẽ kiểu áo tắm cho các bà đã cắt đôi loại áo tắm một mảnh cổ-điển (từ đùi lên cổ) ra thành hai mảnh, trông giống áo nịt ngực và quần lót. Các nhà vẽ kiểu cho rằng các ông khi trông thấy kiểu áo tắm này sẽ điếng người y như bị nổ bom nguyên-tử. Từ đó loại áo tắm hai mảnh được gọi là *bikini*.

- *Molotov cocktail* là bom xăng, chế-tạo đơn-giản bằng cách đổ đầy xăng vào một cái chai, dùng vải nhét chặt lại thành một cái tim như tim đèn. Khi dùng, mồi lửa vào tim vải, ném vào mục-tiêu, chai vỡ, xăng bùng cháy lên. Loại bom xăng này quả có dính-dáng đến ông Vyacheslav Mikhailovich Molotov, Thủ-tướng Phần-lan, nhưng không phải do ông này nghĩ ra, mà là do dân-chúng Phần-lan nghĩ ra và dùng chống lại chính-quyền Molotov, lúc đó là bù-nhìn của Liên-sô, cai-trị nước Phần-lan.

- *condomi*, tiếng lóng ta gọi là "áo mưa" hay "pông-sô" (áo mưa nhà binh) là bao cao-su dùng bọc dương-vật trong lúc giao-hợp, ngăn không cho tinh-trùng xâm-nhập người nữ. Người phát-kiến đầu-tiên dụng-cụ này là Đại-tá Ngự-lâm-quân hoàng-gia Anh, tên là Condom, năm 1667. Ông này dùng da trừu (rất mềm nhưng dai) may thành bao, mỗi lần dùng nhỏ một giọt dầu ăn vào cho trơn. Đến thế-kỷ 18, người chế-biến và sửa-đổi cho hoàn-chỉnh là một nhà vật-lý hậu-duệ của Đại-tá Condom, tên là Charles Condom.

- *Chicken à la King* nguyên gốc là *"chicken à la Keen"*. Nguyên J.R. Keen là tên một người Anh, chủ con ngựa đua thắng giải Grand Prix năm 1881. Để ăn mừng, một đại khách-sạn ở Luân-đôn bày ra món *chicken à la Keen* (người Anh quí-phái rất sính dùng tiếng Pháp). Công-chúng ăn thử thấy ngon, yêu-cầu nhà bếp tiếp-tục làm món này. Lâu dần tên *chicken à la Keen* bị nói trại ra thành *chicken à la King*.

- *Prostitute*, theo nguyên ngữ la-tinh, chỉ có nghĩa là "trình-bày món hàng để mời chào"; người bán hàng có thể là đàn ông, hoặc đàn bà, và "hàng" đây là hàng-hóa, không phải xác thân. Về sau động-từ này dùng chỉ hành-động "bày hàng chào mời" của các cô gái giang-hồ câu khách qua lại trên đường phố; cuối cùng *prostitute* trở thành danh-từ chung, chỉ gái điếm.

Hooker cũng là gái điếm, có xuất-xứ khác. Có hai truyền-thuyết về tự-ngữ này.

Theo truyền-thuyết thứ nhất, Hooker là tên của tướng Joseph Hooker thời nội-chiến Nam Bắc tại Mỹ. Ông tướng chủ-trương dùng các "em gái hậu-phương" để khích-lệ các "anh trai tiền tuyến" trong thời-gian dài trấn thủ lưu-đồn, chỉ có "trời quen đất lạ, thiếu bóng đàn bà." Đạo "nữ binh" ấy được gọi là các cô gái của Hooker, lâu dần thành *"hooker"*.

Truyền-thuyết thứ hai, chữ *hooker* để chỉ các cô gái trong khu Corlear's Hook trong thành phố New York. Khu này toàn nhà thổ chứa gái, rất nổi tiếng trong giới hàng-hải.

Cào cào - châu chấu

Hỏi: 1) Cào cào và châu-chấu khác nhau ra sao? Ở đất nhà cháu, cháu thấy cào cào biết bay, khi bay cánh xoè ra như cánh bướm, còn châu-chấu chỉ nhảy, không biết có đúng không?

2) Bữa trước cháu có mua ở đâu đó một tập thơ của Kiên Giang do nhà xuất-bản thành phố HCM in. Sách nói, tên thật của Kiên Giang là Hà Huy Hà; nhưng theo cháu nhớ, thì Kiên Giang tên thật là Nguyễn Thạch Kiên, không biết có đúng không?

3) Ở Toronto có nơi nào bán loại máy chạy băng lớn *(reel to reel)*, hoặc có phòng thu thanh nào nhận chuyển âm-thanh từ băng lớn sang băng nhỏ?

Trần Thị Vân
Ontario

Đáp: 1) Cào-cào đầu nhọn, râu

ngắn, mình thon dài, mầu xanh lá cây, cánh mỏng màu xanh nhạt, hai chân sau to, nhiều gai nhọn, nhảy rất cao, bay xa đến hàng trăm mét.

Loại cào-cào trâu mình to đến một phân rưỡi, dài 10 phân, cánh màu xám, có sọc đỏ.

Giống cào-cào điếc nhỏ con, chỉ dài khoảng 2 phân, không có cánh, chỉ nhảy, và không có bộ-phận nghe.

Châu-chấu đầu tròn, râu dài, thân mập, màu nâu hay vàng, hai chân sau rất khoẻ, ít gai, bay xa khoảng 6 mét.

(Lưu ý: hai miền Nam Bắc VN có nhiều nơi gọi lẫn-lộn giữa cào-cào và châu-chấu. Trong Nam, "cào cào" thân mập, đầu tròn, màu cát vàng, bay gần; châu-chấu thân dài, màu xanh lá cây, bay xa)

Các giống này thuộc họ Acrididae (Locustidae), Tettigonidae và Gryllaccrididae, tên Anh là grouse, pugmy, locust, grasshopper.

2) Chỉ có một ông Kiên Giang nổi tiếng về thơ và là cộng-sản nằm vùng tại Sài-gòn, tên thật là Trương Khương Trinh, sinh ngày 17.2.1929 tại huyện An-biên, Rạch-giá (về sau, chính-phủ đệ Nhất Cộng-hòa đổi thành Kiên-giang).

Ngoài bút hiệu Kiên-Giang, ông này còn có nhiều bút-hiệu khác như Cửu-long Giang và Hà Huy Hà, ký dưới các bài phê-bình thi-ca, điện-ảnh, kịch-trường. Kiên Giang còn nổi tiếng về soạn tuồng cải-lương cho gánh Thanh-minh (sau này là Thanh Minh Thanh Nga) với các vở *Người đẹp bán tơ, Hồi trống học-đường, Gánh chiếu tà-niên, Hội chùa tháng giêng*, v.v.

3) Cháu có thể hỏi mua tại tiệm:

Long & McQuade Musical Instrument
925 Bloor St. W., Toronto
ĐT: (416) 588-7886.

Tiệm này bán cả máy mới, cũ và nhận đổi. Dùng ở nhà, mua loại trung-bình chừng 400 gia-kim.

Ngoài ra hầu như phòng thu nào cũng nhận chuyển âm-thanh từ băng tròn sang băng nhỏ. Cháu có thể liên-lạc với các tiệm ở Ottawa để hỏi giá (xem niên-giám vàng).

Lá diêu bông

Hỏi: Lá diêu bông là cây gì, hình dạng ra sao, có mọc tại miền Nam không?

N.D.
Alberta

Đáp: Tương truyền, diêu bông là một loại cây mọc ở làng Đình-bảng (Bắc-ninh), các bà các cô hái về giã nhuyễn, xoa lên mặt như một loại mỹ-phẩm, giúp da trơn láng, mịn-màng.

Thực sự loại lá này rất khó tìm, người ta bảo nhau về công-dụng, nhưng chưa ai tìm thấy bao giờ; mà giá như có tìm được, chưa chắc đã giúp gì cho da mặt như lời đồn-đãi.

Mấy chữ "lá diêu bông" sau này xuất-hiện trong thơ Hoàng Cầm. Có người cho rằng, qua bài thơ *Lá diêu bông*, thi-sĩ Hoàng Cầm đã đưa chiếc lá này vào thi-ca, ví-von như một loại tiên-dược mà Đảng gạt-gẫm văn-nghệ-sĩ đua nhau đi tìm, mong mang về làm đẹp mặt cho chế-độ. Nhưng hỡi ơi, trên đời nầy làm gì có thứ lá làm đẹp nổi cho một bộ mặt vốn đã quá xấu! Hoặc Đảng biết vậy, hoặc Đảng không muốn cải-thiện nên khi chiếc lá xuất hiện, Đảng che mặt lại, không nhìn, và văn-nghệ-sĩ cầm chiếc lá trên tay, tức-tưởi... Bài thơ như sau:

LÁ DIÊU BÔNG

Váy Đình-bảng buông chùng cửa võng
Chị thẩn-thơ đi tìm
Đồng chiều
Cuống rạ...
Chị bảo
- Đứa nào tìm được lá diêu bông
từ nay ta gọi là chồng.

Hai ngày
Em tìm thấy lá
Chị chau mày,
- Đâu phải lá diêu bông!

Mùa đông sau
Em tìm thấy lá
Chị lắc đầu
trông nắng vãn bên sông.

Ngày cưới chị
Em tìm thấy lá
Chị cười
xe chỉ ấm trôn kim.

Chị ba con
Em tìm thấy lá
Xoè tay phủ mặt
chị không nhìn...

Từ thuở ấy
em cầm chiếc lá
đi đầu non cuối bể
Gió quê vi-vút gọi
- Diêu bông hời
ới diêu bông!...

Hoàng Cầm

Mới đây, dưới "ánh-sáng cách-mạng", Hoàng Cầm đã công-khai phủ-nhận ý-tưởng chính-trị nêu trên, khẳng-định *Lá diêu bông* chỉ đơn thuần là một bài thơ tình.

Trở về với thực tế, ta có thể xem "diêu bông" như một loại lá mọc trong ...huyền thoại; màu sắc, hình dạng hoàn toàn theo trí tưởng, không thể xác-định.

Ăn chay

Hỏi: Tôi đọc báo thấy các ca-nhạc-sĩ thời danh như Madonna, Michael Jackson, Paul McCartney và k.d. lang đều ăn chay cả, nhưng có người tuy ăn chay mà vẫn ăn trứng gà, có người ăn trứng gà mà lại kiêng sữa, kem. Tôi không hiểu cách họ ăn chay có giống như Cao-đài hay Phật giáo của ta không? Tại sao phải ăn chay, và hiện có khoảng bao nhiêu người Canada và Mỹ ăn chay?

Trinh Ất
Montréal

Đáp: 1) Theo định-nghĩa y-học, có bốn loại ăn chay:

- *chay hoàn-toàn:* chỉ ăn rau và hạt. Các phái tu khắc-khổ của Phật-giáo ngày xưa ăn chay theo lối này, chỉ có cơm, rau.

- *lacto-ovo:* kiêng thịt cá, ăn rau, hạt, trứng, sữa và phó-sản của sữa

(kem, bơ, phó-mát,..) Dòng tu khổ-hạnh Thiên Chúa giáo, tín-đồ Cao-đài giáo và phần lớn người ăn chay ở Bắc Mỹ ăn theo lối này.

- *lacto:* kiêng thịt cá, trứng; ăn rau, hạt, sữa và phó-sản của sữa. Phật-giáo hiện-đại và Ấn-độ giáo ăn chay theo lối này.

- *ovo:* kiêng thịt cá và sữa cùng phó-sản của sữa, nhưng ăn trứng, rau, hạt.

2) Hiện có khoảng 14 triệu người Bắc Mỹ-châu (tức hai nước Gia-nã-đại và Hoa-kỳ) ăn chay theo lối *lacto-ovo*, kiêng thịt cá, ăn rau trứng và sữa.

3) Người ta ăn chay vì các lý-do sau:

- *Y-khoa:* tránh bệnh tim, thận, dòn xương, cao huyết-áp, mỡ trong máu.

- *Bảo-vệ môi-sinh:* việc chế-tạo sản-phẩm thịt cá tiêu-thụ nhiều tài-nguyên thiên-nhiên, làm đất cằn-cỗi và gây ô-nhiễm do phân thú, giết thịt, nhà máy chế-tạo thực-phẩm.

- *Tôn-giáo.*

- *Yêu súc-vật:* những người yêu súc-vật ăn chay để loài người bớt sát-hại các loài cầm thú, cá tôm.

- *Tiết-kiệm:* ăn chay ít tốn hơn.

Sóng thần

Hỏi: Sóng thần là gì? Có phải hễ sóng nào lớn quá thì gọi là sóng thần? Tại sao dân Nhật sợ sóng thần hơn các dân-tộc khác? Tác-hại của sóng thần do đâu và ra sao?

Lê Văn Trạng
Houston

Đáp: 1) Sóng thần (tsunami hay tidal wave, seismic sea wave) là loại sóng do động đất dưới đáy biển gây ra. Trận động đất này không sâu quá 50 cây số dưới nền biển, và mạnh từ 6,5 chấn-độ trở lên mới tạo nổi sóng thần. Núi lửa phun dưới đáy biển hay núi đổ xuống biển gây thành sóng thần. Không phải sóng nào to cũng là "sóng thần". Sóng to do bão gây ra không tác-hại bằng sóng thần.

2) Dân Nhật sợ sóng thần vì nước Nhật thường động đất, dân Nhật có nhiều kinh-nghiệm với sóng thần hơn các dân-tộc khác.

3) Cường độ của sóng thần tùy theo lực gây ra sóng và chiều sâu của biển. Biển càng sâu, tác-hại của sống thần càng lớn. Trong khi sóng thần đi với một vận-tốc khủng-khiếp dưới biển sâu, thì mặt sóng bên trên chỉ cao có 6 tấc, tàu bè qua lại ngoài khơi không hề hay biết. Cho đến khi sóng tiến gần bờ, làn sóng theo nền biển cạn dần rồi tung vào bờ, khi ấy mới tàn-phá dữ-dội.

Năm 1883, núi lửa Krakatau gần đảo Sumatra (Nam-dương) tạo thành sống thần cao 40 mét, chiều dài của sóng 524 cây số, chu-kỳ lên xuống 10 giờ, tốc-độ 680 cây số giờ, giết chết hơn 36.000 người. Sau khi đợt sóng đầu-tiên vỗ vào bờ Sumatra ở Nam-dương (Á-châu), 32 giờ sau bờ biển Anh-quốc (Âu-châu) bị chấn-động dữ-dội.

Sức nhồi phá của sóng thần rất khủng-khiếp. Năm 1724, động đất dưới biển gần Peru tạo thành sóng thần cao 27 mét, 23 chiếc tàu lớn đậu gần bờ bị đập vỡ thành hàng ngàn mảnh. Một chiến-hạm có 33 khẩu đại-bác hạng nặng, bị sóng ném qua bờ thành cao 30 mét, văng sâu hàng cây số vào đất liền. Trong thành có 4900 dân, chỉ 200 người sống-sót.

Ngoài sức tàn-phá trực-tiếp, sóng thần còn tạo ra sóng phản-hồi. Năm 1868, sóng thần xuất-hiện ở Aria (Chí-lợi), cao 18 mét, hất tung một tàu chiến đậu ở bờ biển vào sâu trong đất liền gần 2 cây số. Sóng phản-hồi truyền sang tận Tân Tây-lan, tàn-phá bờ biển quốc-gia này.

Năm 1960, sóng thần tại Chí-lợi gây ra sóng phản-hồi, tàn-phá duyên-hải Hạ-uy-di, Đài-loan, Nhật-bản và Nam-dương.

Góp ý về "Đầm Sét"

Trên *Làng Văn* số 133, về hai chữ Đầm Sét trong câu *"cá rô Đầm Sét"*, ông Bút Chì giải-thích là làng Đầm (Diêm-khê) và làng Sét (Mỹ-đức), tôi thấy không đúng.

Theo tôi, "Đầm Sét" là cái đầm tên Sét, hoặc cái đầm ở làng Sét.

Đầm là một cái hồ lớn. Ở Hà-nội và kế-cận có mấy cái hồ và đầm nổi tiếng. Hồ thì có hồ Gươm (Hoàn-kiếm), hồ Trúc-bạch và hồ Tây (Lãng-bạc). Đầm thì có đầm Bảy Mẫu, đầm Sét và đầm Linh-đường.

Đầm Bảy Mẫu nổi tiếng về sen, nằm ở phía nam Hà-nội, dọc theo quốc-lộ 1, từ khu Hội Chợ (đấu xảo) xuống tới đê La thành. Con đê này bắt đầu từ làng Kim-liên chạy sang ngã tư Trung-hiền (Bạch-mai) và sang tuốt đến làng Thanh-trì (nổi tiếng về bánh cuốn) để nối vào đê sông Hồng, là một đoạn vòng đai phía nam Hà-nội.

Vẫn theo quốc-lộ 1, đi quá xuống ít nữa, về phía tay trái là làng Sét (Giáp bát) có đầm Sét (nổi tiếng về cá rô). Lại đi thêm ít nữa, gần tới Văn-điển, về phía tay phải là làng Linh-đường. Hai làng Sét và Linh-đường đều thuộc huyện Thanh-trì tỉnh Hà-đông.

Vân Đình
Winnipeg

thu trên phố cũ

Lối xưa vẫn còn đó
Kỷ niệm vẫn dâng đầy
Tình người thôi gắn bó
Ta độc hành hôm nay.

Tháng Mười, hơi thu lạnh
Không gian ủ nét buồn
Bước chân tìm cô quạnh
Bên xác lá vàng tuôn.

Quanh co những nẻo đường
Mơ hồ giữa khói sương
Trăm năm miền vô định
Một chút tình còn vương.

Lối xưa ta về đó
Mênh mang sắc hương tàn
Chiều thu dâng mắt đỏ
Khối sầu đời chưa tan.

b.h.t.

Chuyện ...Ma

Nguyễn Nhạn Sơn

*T*heo nhận định của Âu Mỹ, ngày nay, số người không tin có ma nhiều hơn số người tin có ma. Điều này tự nhiên, vì không tin thì dễ hơn. Không tin, thì bảo không tin. Không cần nêu lý do, cũng không cần chứng minh. Ngược lại, tin có ma thì phải trưng bằng chứng. Mà bằng chứng về ma thì đâu phải dễ tìm!

Tuy nhiên, trên đời cũng có nhiều chuyện không thể trưng dẫn bằng chứng, nhưng có thì vẫn có. Những ai không muốn tin, tất nhiên đòi hỏi bằng chứng để đi đến phủ nhận. Nhưng thật ra, họ làm thế chẳng qua là vì thói quen, hoặc muốn chống lại quan niệm "chết không phải là hết".

Theo khái niệm chung, ma là "hồn người chết" trở về cõi dương thế, dưới một hình thể nào đó, thường là một bóng trắng mờ ảo. Nhưng kiểm lại những hồ sơ về ma, hình thể của ma rất đa dạng. Có khi, lại chẳng có hình thể nào cả. Ma chỉ làm cho người sống cảm thấy sự hiện diện của nó. Ma cũng rất khác nhau về cung cách. Có khi hành động có mục đích, có khi không; có khi chỉ là đùa nghịch, có khi rất độc ác.

Có 3 lối giải thích về ma: Trí động, cơ động và tâm động.

1. *Giải thích theo trí động*: Lối giải thích này cũng gồm 3 cách hơi khác nhau.

Có người cho "ma" là linh hồn của người đã chết. Khi hiện lên, nó trở lại với cái hình dạng cũ, kể cả áo quần mặc trước khi chết. Nó hiện lên ở nơi trước kia quen thuộc với nó, để tiếp tục làm công việc bỏ dở, hoặc sửa đổi, hoặc phản ứng lại những việc đã làm. Nó hành động theo thói quen, do dục vọng, hoặc vì hối hận... Nó có thể hung ác, có thể tốt bụng, hoặc có thể hoàn toàn dửng dưng với người sống. Giải thích theo cách này là nghĩ rằng ma là giai đoạn chuyển - tiếp giữa cuộc đời dương thế và "cuộc đời sau", hoặc ở thiên đường, hoặc ở địa ngục.

Có người cho "ma" không dính líu gì đến linh hồn người chết, mà là một "thể" ngoài con người, hiện thành hình người, thành hình thú, thành hình vật, thành luồng khói, thành ánh sáng... Có khi có mục đích, có khi không mục đích nào cả.

Có người lại nghĩ rằng những hiện tượng được gọi là "ma" không phải là "đích thân hiện hình", mà chỉ là những huyễn ảnh do thần linh hoặc quỷ tạo ra, để báo tin hoặc đe dọa, để giúp đỡ hoặc làm hại con người.

2. *Giải thích theo cơ động*: Cách giải thích này tự nhận là "khoa học". "Ma" là hình thái "phi vật chất", là một dạng khí vô hình, chỉ những ai có loại trí tuệ và quan năng đặc biệt, mới nhìn thấy được.

Nhưng cách này không giải thích được những trường hợp "ma" tương tác một cách hiểu biết với người thấy nó.

3. *Giải thích theo tâm động*: Những người chủ trương lối giải thích này cho rằng "ma" là hiện tượng tâm lý tương ứng giữa người sống và người chết, thường chỉ xảy ra trong vòng thân nhân, bè bạn. Có khi là hậu quả của tình trạng không kiểm soát được (vô thức) động năng tâm ý, ở một số người rất hiếm khi ngủ.

Thật ra, lối giải thích này chỉ ứng dụng cho một số trường hợp đã được kiểm chứng, được gọi chung là "thần giao cách cảm", hoặc "xuất hồn". Hiện tượng "ma hiện" rất phức tạp, lối giải thích này không bao hết được.

Tóm lại, những ai tin là có ma, thường tổng hợp cả 3 lối giải thích trên, để hiểu về ma. Mặt khác, những người không tin có ma, cho rằng "ma hiện" chỉ là chuyện bịa đặt, là ảo giác, là chuyện "ngay tình thuật lại" của những người trông lầm.

Nhưng mặc kệ ai tin, ai không tin, ma vẫn hiện ra ở mọi nơi, mọi thời.

Con ma gà

Chuyện này được chép trong cuốn *Haunted London* (Luân-Đôn Có Ma) của Peter Underwood.

Con ma gà này do người tạo nên. Người đó là triết gia Francis Bacon (1561-1626), đã từng làm bộ trưởng tư pháp Anh quốc, và được phong tước.

Một ngày trong tháng 3.1626, Bacon đi xe ngựa trên quãng đường qua công trường Pond Square. Một lớp tuyết dày phủ kín cỏ mọc hai bên đường. Bacon để ý thấy ở những chỗ bánh xe hoặc vó ngựa làm lộ ra, cỏ

vẫn xanh tươi. Ông có một ý nghĩ bất chợt. Ông cho dừng xe lại, bảo người đánh xe vào chợ mua cho ông một con gà. Trước mắt đám người hiếu kỳ bu quanh, ông bảo người đánh xe giết ngay con gà, nhổ gần trụi hết lông, mổ bụng móc hết ruột gan ra. Rồi chính ông hốt tuyết nhét đầy vào bụng con gà, đặt nó vào một cái túi, xung quanh bỏ thêm tuyết. Bacon muốn thử xem tuyết giữ cho cỏ tươi, nhưng có giữ cho thịt gà tươi được không.

Nhưng Bacon không biết được kết quả việc thí nghiệm của mình. Vì vừa cho con gà vào bao xong, ông rùng mình mấy cái, rồi ngã xuống đất, bất tỉnh. Một người bạn thân là huân tước Arundel tình cờ đi qua, đã đưa ông về nhà săn sóc. Nhưng chỉ hai ngày sau, ông qua đời.

Về sau, người ở gần hoặc có dịp đi qua quãng đường Highgate, chỗ Francis Bacon đã làm thí nghiệm, thường trông thấy một con gà trụi gần hết lông, hiện lên, chạy mấy vòng. Nó hay hiện lên những đêm sáng trăng, lúc thật khuya. Nó không làm gì khác, chỉ chạy vòng vòng, rồi đột nhiên biến mất.

Cứ tính theo số lần xuất hiện, thì có lẽ con ma gà ở Pond Square Luân-Đôn, đã "sống dai" hơn cả. Gần đây, tháng 2-1970, vẫn còn có người trông thấy nó.

Ma đòi công lý

Một đêm năm 1681, ông James Graeme, chủ một nhà máy xay bột thuộc hạt Durham, Anh quốc, một mình đi trở về nhà. Đến một quãng đường vắng, ông bỗng cảm thấy ớn lạnh. Một bóng người mờ ảo hiện ra giữa đường, rồi rõ dần. Định thần ông thấy đó là một phụ nữ còn trẻ, mình mẩy đầy máu, trên đầu có những vết thương toác miệng. Thiếu phụ chận ông lại, và nói với ông:

- Tôi ở làng bên, tên là Anne Walker. Tôi bị giết tháng trước, xác bị vùi trong rừng. Người giết tôi là Mark Sharp, ở cùng làng. Hắn dùng cuốc chim bổ vào đầu tôi năm nhát. Hắn làm theo lệnh của một người bà con của tôi, cũng tên là Walker. Chính người này đã dụ dỗ tôi đến mang thai, rồi bỏ rơi... Bây giờ, tôi nhờ ông đem sự việc tố cáo với nhà chức trách, cho tôi được giải oan.

Nói xong, con ma biến mất. Nhưng qua ngày hôm sau, chẳng hiểu nghĩ sao, Graeme không làm gì cả. Phải sau hai lần hồn ma Anne Walker chận đường khẩn khoản nữa, ông mới hành động. Xác của nạn nhân được tìm thấy ngay, và hai tên Sharp và Walker liền bị bắt giữ. Nghe biết chuyện hồn nạn nhân đã kể chuyện với Graeme, 2 can phạm thú nhận tất cả tội lỗi. Chúng bị tòa xử treo cổ.

Sau vụ xử, Graeme những tưởng Ann Walker sẽ chận đường ông để cảm ơn, nhưng ông không gặp lại hồn ma nàng lần nào nữa. Trường hợp này, người Việt thường gọi là đã được "siêu thoát".

Hồn ma báo tử

Ở Ái-Nhĩ-Lan và Tổ-Cách-Lan, có một giống dân từ lục địa di cư qua sống từ lâu đời, được gọi là Gaelic. Giống dân này tin rằng trong nhiều gia đình của họ, nhất là những gia đình quí tộc, vẫn có những hồn ma theo ám, chờ cơ hội làm hại. Họ gọi những hồn ma này là "banshee". Nhưng theo ngôn ngữ chung của dân Ái-Nhĩ-Lan và Tô-Cách-Lan, "banshee" là nữ thần báo tử. Mỗi khi nữ thần lên tiếng, thì có người chết.

Theo gia phả của dòng Nam tước Rossmore, ở Ái-Nhĩ-Lan, thì hiện tượng báo tử đã xảy ra nhiều lần trong dòng. Lần đầu tiên là vào năm 1801, ứng cho cái chết của tướng Robert Cunningham, vị Nam tước thứ nhất. Câu chuyện đã xảy ra như sau:

Lúc bấy giờ, Robert Cunningham là bạn chí thân của vợ chồng Huân tước Jonah Barrington. Một hôm, họ gặp nhau tại nhà một người bạn chung tại Dublin (thủ đô ANL), và Cunningham mời vợ chồng bạn hôm sau tới nhà chơi với ông. Vợ chồng Barrington nhận lời, nên tối hôm đó đi ngủ sớm, để sáng hôm sau tới nhà bạn. Nhưng đến khoảng 2 giờ sáng, vợ chồng Barrington bỗng giật mình thức giấc: Những tiếng kêu rền rĩ, nghe vừa ghê sợ vừa sầu thảm, không biết từ đâu vọng đến. Hai người hoảng hốt, mở cửa ra coi, nhưng không thấy gì lạ. Tiếng kêu kỳ quái vẫn tiếp tục. Lẫn trong tiếng rền rĩ, dường như chữ "Rossmore" được lặp đi lặp lại nhiều lần. Bọn tôi tớ trong nhà cũng nghe thấy, và ai nấy đều kinh sợ. Chừng nửa giờ sau, tiếng kêu mới dứt.

Hai vợ chồng Barrington đi ngủ lại, nhưng vẫn trằn trọc đến sáng. Khoảng 7 giờ, một người hầu vào trình:

- Ngài Nam tước Rossmore vừa mãn phần lúc 2 giờ rưỡi sáng. Ông quản gia bên ấy vừa cho người đi ngựa đến báo tin.

Về sau, cũng theo gia phả dòng họ quí tộc Rossmore, các Nam tước kế vị đều được báo tử một kiểu y như thế. Chẳng những người trong nhà, mà cả thân thuộc bè bạn ở nơi khác, cũng được nghe những tiếng kêu la thảm thiết đó. Lần gần đây nhất xảy ra vào năm 1958.

Lái về hướng tây bắc

Năm 1828, một chiếc tàu Anh rời cảng Liverpool, Anh quốc chạy về hướng tây, tính đến Nova Scotia, Gia-Nã-Đại. Đã mấy tuần, chiếc tàu chạy chậm rì qua vùng biển băng giá của miền bắc Đại-Tây-Dương.

Một hôm, trên tàu xảy ra một chuyện quái dị: Trong khi đi ngang qua phòng thuyền trưởng, thuyền phó Robert Bruce nhìn vào, ngạc nhiên trông thấy một người lạ mặt, đang đứng viết gì đó lên tấm bảng đen trong phòng. Nghe kể lại, thuyền trưởng tỏ ý không tin. Một người nào lại đường đột vào phòng ông, viết cái gì lên bảng? Nhưng khi hai người trở lại, thì rõ ràng trên bảng có mấy chữ phấn: *Hãy xoay về hướng tây bắc*. Sau đó, thuyền trưởng cho kiểm tra tự dạng cả thủy thủ đoàn, thì không thấy chữ của ai giống chữ viết trên bảng.

Viên thuyền trưởng không thể nào

giải thích sự xuất hiện một người lạ trên tàu và mấy chữ viết trên bảng đen. Nhưng ông cũng ra lệnh cho tàu chuyển hướng về tây bắc. Mấy tiếng đồng hồ sau đó, người thủy thủ đứng gác trên chòi báo động, trông thấy bên mạn trái, một chiếc tàu bị dính trong băng. Viên thuyền trưởng ra lệnh dùng xuồng đưa tất cả hành khách và thủy thủ đoàn của chiếc tàu lâm nạn, lên hết trên tàu mình. Trong số người đó, viên thuyền phó nhận ra người lúc nãy viết chữ lên bảng đen. Người này được yêu cầu viết thử mấy chữ, thì thấy kiểu chữ giống y như mấy chữ "Hãy xoay về hướng tây bắc".

Viên thuyền trưởng chiếc tàu lâm nạn thuật lại sự việc: Tàu của ông ta bị dính trong đám băng ấy đã hai ngày. Không có cách nào ra được, và cũng không thấy tàu nào chạy qua. Trước đó mấy giờ, người viết chữ kia bỗng gục xuống thiếp đi. Một lát sau, anh ta tỉnh dậy, nói quả quyết rằng mọi người trên tàu sẽ được một chiếc tàu khác đến cứu.

Trường hợp này, người Việt hay gọi là "li hồn" hoặc "phân thân".

Cái huông của tàu Charles Haskell

Trong khoảng 1830 đến 1892, trên vùng biển hay có gió chướng Grand Banks ngoài khơi Newfoundland (Gia-Nã-Đại), đã có trên 600 chiếc tàu bị đắm, và trên 3.000 người mất mạng. Các nạn nhân đều là những ngư phủ ra khơi tìm bắt cá thu, rồi tàu bị gió đẩy vào đá ngầm bể nát, bị bão tố đánh đắm, hoặc tự gây tai nạn vì tranh giành chỗ nhiều cá.

Đi vào vùng biển ấy nguy hiểm đến như thế, nên mỗi khi ra khơi, ngư dân rất quan tâm đến những gì họ cho là điềm báo, đến vận hên vận xui của chiếc tàu.

Chiếc *Charles Haskell* được đóng năm 1869. Đây là chiếc ngư thuyền lớn, chắc và đẹp, rất thích hợp cho việc đánh cá thu. Nhưng rủi thay, khi tàu được kiểm tra lại lần cuối cùng trước khi hạ thủy, một người thợ té gãy cổ chết tươi, khi trèo cầu thang từ dưới hầm tàu lên bông. Còn cái điềm nào xấu hơn là cái chết? Ai cũng thấy ngán chiếc tàu vừa hạ thủy. Ngay cả viên thuyền trưởng đã nhận lời đưa tàu đi đánh cá chuyến đầu tiên. Ông ta tìm cớ thoái thác. Rồi trong một năm, không ai nhận điều khiển chiếc tàu còn mới nguyên. Nhưng sau, có thuyền trưởng Curtis, người Gloucester, tiểu bang Massachusetts (Hoa Kỳ) đến nhận.

Tàu *Charles Haskell* ra khơi mùa đông năm ấy. Một hôm, đang cùng cả trăm chiếc tàu khác làm việc trong vùng biển Georges Bank, nó gặp bão lớn. Có nhiều chiếc đắm. Riêng *Charles Haskell*, trong khi vật lộn với sóng gió, đã đâm sầm vào chiếc *Andrew Johnson*. Cả hai chiếc đều gần như bể nát, nhưng chỉ chiếc *Andrew Johnson* chìm cùng với thủy thủ đoàn, còn chiếc *Charles Haskell* vào được tới bờ. Sau vụ ấy, thiên hạ lại thay đổi định kiến về chiếc tàu mới, cho là nó có vận hên.

Sang xuân, chiếc *Charles Haskell* lại ra khơi đánh cá thu trong vùng biển cũ. Công việc suôn sẻ được 6 ngày thì xảy ra biến cố. Đêm ấy, hai người thủy thủ gác tàu bỗng trông thấy nhiều người mặc quần áo vải dầu láng bóng, trồi lên khỏi mặt nước, trèo lên tàu. Hai người kinh hãi chạy đi gọi thuyền trưởng. Khi thuyền trưởng ra xem, thì thấy đám người kia đang ngồi vào vị trí, làm động tác móc mồi, quăng những lưỡi câu vô hình xuống biển. Xong, đám người ấy lặng lẽ đứng dậy, xếp thành một hàng, leo ra mạn tàu, rồi biến mất xuống biển. Viên thuyền trưởng đếm được 26 người tất cả.

Thuyền trưởng Curtis lập tức cho tàu quay mũi trở về. Nhưng phải qua một đêm nữa, tàu mới về đến bến. Vào khoảng nửa đêm, những "ngư phủ ma" đêm trước lại trèo lên, diễn lại trò chơi cũ, trước những con mắt khiếp đảm của những người trên tàu.

Đó là chuyến ra khơi cuối cùng của tàu *Charles Haskell*. Về sau, không một ai còn dám ra khơi với nó nữa. Nó bị neo mãi ở bến, cho đến ngày mục nát.

Ngôi nhà ma

Thiếu tá Stewart sau khi giải ngũ, về ở tòa lâu đài Ballechin ở Perthshire, Tô-Cách-Lan. Ông sống ở đây trên 40 năm, trước khi qua đời vào năm 1876. Trong thời gian sống ở đây, ông đã nổi tiếng là người kỳ dị. Ông sống cô độc, thân nhân bạn bè không ai lui tới. Gần gũi chỉ có vài người giúp việc. Có nói chuyện với ai, ông cũng chỉ nhắc đến chuyện ma quỉ, chuyện xuất hồn. Đặc biệt, ông rất thích chó. Khi ông qua đời, trong tòa lâu đài có đến 14 con chó đủ loại. Như thế chưa đủ, ông còn nói cho mọi người biết ông ước mong sau khi chết, có thể trở lại trần thế trong thân xác một con chó xù, lông đen giống như con ông đang nuôi và yêu quí hơn cả.

Phàm cái gì thái quá, thì phản ứng cũng là thái quá. Sau khi Stewart chết, thân thuộc của ông đem cả 14 con chó kia, đập chết luôn một lần.

Thừa kế tòa lâu đài Ballechin, là một người cháu kêu chủ cũ bằng chú. Ông này có gia đình, đã dọn đến cùng với vợ và đứa con nhỏ. Bà vợ có thói quen hay đem sổ sách chi tiêu vào tính toán trong căn phòng, trước kia ông chú chồng dùng làm thư phòng. Một hôm, trong khi đang cắm cúi với mấy cuốn sổ, bà đột nhiên ngửi thấy một mùi lạ, hăng hăng, nồng nồng. Rõ ràng là mùi chó, không thể nào lầm lẫn. Rồi có ai đó chạm vào chân bà, đẩy bà. Không phải người, mà là một con vật. Rồi tiếp theo là tiếng chân bước, tiếng chân chạy, tiếng chen lấn, tiếng va chạm, tiếng ủng ẳng, tiếng rầm rì... mà trong phòng, thì chỉ có một mình bà.

Những hiện tượng đại khái như thế xảy ra hoài. Chủ nhà có muốn giữ kín, thì tôi tớ cũng tiết lộ. Thế cho nên, cả một vùng, ai cũng nghe tiếng lâu đài Ballechin có ma.

Rồi ít lâu sau, người cháu có việc phải đi Luân-Đôn, gặp nạn chết ở đó: Ông ta bị một chiếc tắc-xi cán.

Người kế tiếp thừa hưởng ngôi

nhà cũng là một người cháu của thiếu tá Stewart: Đại úy Stewart. Có lẽ cũng ngán chuyện bị ma phá, ông đại úy này không dọn đến ở. Ông treo bảng cho thuê. Có nhiều người từ xa đến thuê đúng vào mùa săn. Cơ ngơi ngôi nhà bao gồm luôn cả một khu rừng riêng rất rộng, đầy gà gô.

Nhưng người nào đến thuê cũng chỉ tuần trước tuần sau là bỏ đi. Họ đành chịu mất tiền nhà đã trả trước cho cả tháng. Họ không thể nào chịu nổi, lúc thức cũng như khi ngủ, bị những con vật vô hình kéo tới đẩy lui, có khi còn chồm lên người xô họ ngã xuống đất.

Câu chuyện lan truyền, một ngày nọ, tới tai của một người rất để ý đến loại chuyện này: Hầu tước Bute, thành viên của Hội Nghiên Cứu Tâm Linh. Ông cùng với một thành viên khác của hội là thiếu tá Le Mesurier Taylor, bỏ tiền ra thuê ngôi nhà một thời gian; rồi cùng nhiều người khác tổ chức cuộc "điều tra" tại chỗ.

Tất cả bọn là 35 người, gồm 10 người là hội viên Nghiên Cứu Tâm Linh, số còn lại là khách mời dự liên hoan của 2 ông hầu tước và thiếu tá. Những người khách không biết gì về chuyện ngôi nhà có ma. Nhưng chỉ trong đêm đầu tiên có mặt tại lâu đài Ballechin, thì mọi người đều biết mùi vị ma của lâu đài Ballechin như thế nào.

Ban đầu là những tiếng động. Đủ mọi loại tiếng động. Tiếng đập cửa, tiếng khua động đồ đạc, tiếng xô đẩy bàn ghế; tiếng gì rào rào như tiếng nước chảy trong ống cống; tiếng gì rít lên như tiếng gió lọt khe cửa; lại có cả tiếng rên rỉ, tiếng gào thét, tiếng sủa, tiếng tru... Chưa hết, ông hầu tước và ông thiếu tá đang cùng hai bà bạn uống cà-phê trong phòng khách, bỗng thấy hiện ra giữa thinh không, một con chó xù lông đen. Nó nhe răng đe dọa, rồi biến mất.

Trong số khách mời, có một bà đem theo một con chó nhỏ, lúc nào cũng giữ bên mình. Đặc biệt, bà này không bị ma quấy nhiễu. Nhưng khoảng nửa đêm, bà chợt tỉnh, vì con chó nằm bên cạnh bỗng chồm lên, ư ử và ngoắc đuôi. Nhìn theo hướng mắt của nó, bà khách thấy trên chiếc bàn phấn cạnh giường có 2 cái chân chó lông đen. Định thần nhìn kỹ, bà biết đó là cặp chân trước của một con chó xù, nhưng chẳng thấy đầu mình của nó đâu hết cả. Bà sắp la lên, thì đôi chân chó biến mất, và con chó của bà cũng thôi vẫy đuôi.

Cứ thế, những hiện tượng quái dị liên tục xảy ra trong suốt 3 ngày đêm. Đám người "liên hoan" chỉ làm gan chịu đựng được có vậy. Họ trở về với những ngôi nhà bình yên của họ. Và từng người, hoặc từng nhóm, họ thuật lại những điều "tai nghe mắt thấy" và cả những "cảm giác đụng chạm" lại cho Hội Nghiên Cứu Tâm Linh ghi vào kỷ yếu.

Mẹ về thăm con

Ở Aberlour gần Craigellachie, Tô-Cách-Lan, có một cô nhi viện. Khoảng cuối thập niên 1870 đầu thập niên 1880, quản đốc cô nhi viện này là linh mục Charles Jupp. Năm 1883, trên tờ tạp chí nhỏ của cơ sở từ thiện này, linh mục Jupp có thuật lại một hiện tượng lạ, đã xảy ra trước mắt ông:

- Vào khoảng giữa năm 1878, nhà chức trách trong vùng đem đến giao cho tôi 3 đứa trẻ độ ba, bốn tuổi, không có cha, mẹ thì vừa chết trong bệnh viện, lại không có thân nhân nào chịu nhận nuôi. Trong viện đã có hàng trăm trẻ mồ côi, nhưng vì đây là 3 đứa thuộc loại mới đến, nên tôi phải săn sóc nhiều hơn để chúng có thể qua giai đoạn khó khăn buổi đầu mới mất mẹ. Tôi để ý thì thấy có một đứa lúc nào mặt cũng buồn thiu. Nó chẳng bao giờ cười, dù xung quanh nó, các bạn nô đùa.

Một hôm, có nhiều khách phương xa đến thăm viện và ở lại qua đêm. Tôi phải nhường phòng khách và phòng ngủ của tôi cho họ dùng, và vào ngủ trong phòng của mấy trẻ nhỏ tuổi nhất viện. Đứa bé lúc nào cũng buồn, cũng ngủ trong phòng này.

Vì ban ngày bận rộn với khách khứa, đêm ấy tôi ngủ sớm, và ngủ khá say. Nhưng khoảng nửa đêm, tôi chợt tỉnh giấc, không hiểu vì cớ gì. Tôi chợt nhận ra một điều khác lạ. Trong phòng đang sáng, nhưng ánh sáng không giống như những đêm khác, khi đèn trong phòng đã được tắt đi cho các cháu ngủ. Tôi ngồi dậy nhìn quanh. Kìa, chiếc giường cách giường tôi đang ngồi hai cái, của đứa bé lúc nào cũng buồn, đang tỏa ra ánh sáng. Nguồn sáng là một đám mây nhỏ tụ lại giống như một cái quầng trăng, trên giường. Thằng bé ngủ, nhưng hình như nó đang cười.

Trong phòng hoàn toàn im lặng. Chỉ nghe tiếng thở rất nhẹ, đều đều. Tôi biết tôi đang thức, và rất tỉnh táo. Nhưng khi tôi định bước xuống, đi lại gần xem quầng sáng ấy cho rõ, thì chợt như bị một sức mạnh vô hình ghì lại, và trong tai tôi văng vẳng mấy tiếng: "Đừng. Hãy nằm xuống ngủ đi. Không hại gì đâu". Thật ra, tôi không nghe gì cả. Nhưng tôi hiểu là có ai đó yêu cầu tôi như vậy. Tôi nằm xuống và ngủ thiếp đi. Khi tôi thức dậy, thì thấy đồng hồ chỉ đúng 5 giờ rưỡi sáng, giờ thức giấc thường lệ của tôi.

Đúng 6 giờ, tôi bắt đầu đánh thức từng đứa bé trong phòng dậy, và thay quần áo cho chúng. Sáng nào tôi cũng đích thân lo cho những đứa ở phòng này. Chúng là những đứa mới đến, hoặc khó thích nghi với không khí viện mồ côi. Đến phiên đứa trẻ ba tuổi, nằm trên giường có ánh sáng đêm vừa qua. Tôi bồng nó lên, đặt nó lên đùi, âu yếm hôn lên trán nó như mọi lần. Nó bỗng ngước mắt nhìn tôi, nói:

- Mẹ cũng mới về hôn cháu hồi tối. Mẹ hứa sẽ về luôn, nhưng chỉ mới về hồi tối. Cha có thấy mẹ cháu không?

Tôi bối rối, nhưng cũng phải nói:

- Có, cha có thấy.

Hương cỏ

Hoàng đế Napoléon III (1808-1873) làm vua nước Pháp từ năm 1852 đến năm 1870. Sau khi thất trận trong cuộc chiến tranh Pháp-Phổ năm 1970, nhà vua cùng hoàng hậu và con

trai sang Anh tị nạn, 3 năm sau, qua đời tại đây. Hoàng hậu Eugénie và con trai là Louis vẫn tiếp tục sống tại Anh.

Khi trưởng thành, Louis gia nhập quân đội hoàng gia Anh, rồi đến năm 1879, sang chiến đấu tại Zululand (1), khi đế quốc Anh đưa quân xâm chiếm xứ này. Trong một lần đi trinh sát, Louis bị người Zulu phục kích giết chết. Xác của cậu về sau được đưa về Anh.

Sang năm sau (1880), cựu hoàng hậu Eugénie sang tận Phi Châu để làm giỗ đầu cho con trai. Câu chuyện dị thường bắt đầu ở đây, nhưng có hai ngã rẽ.

Một tài liệu chép: Đúng chiều ngày trước hôm Louis chết, cựu hoàng hậu Eugénie được hộ tống đến tận khu rừng con trai bà đã bị hạ sát. Một đơn vị giữ an ninh vòng ngoài cho bà, nhưng họ để bà một mình trong một căn lều vải dựng ngay chỗ Louis đã ngã xuống. Sáng hôm sau bà kể lại với những người tùy tùng:

- Tôi ngồi trầm tư, nghĩ nhớ đến con tôi. Tôi cố hình dung ra cảnh nó bị giết, trong lòng thầm mong nó hiện về. Trời lặng thinh, không có một hơi gió. Bỗng mấy ngọn sáp thắp quanh chỗ tôi ngồi, chập chờn như sắp tắt. Cảm thấy có điều lạ, tôi lên tiếng hỏi: "Louis, có phải con đấy không?". Mấy ngọn sáp lại chập chờn một lần nữa. Và tôi mơ hồ như có nghe con tôi đáp phải. Tôi bắt đầu nói chuyện với nó. Mặc dù nó không trả lời, nhưng tôi biết nó đang ở bên cạnh tôi.

Nhưng một tài liệu khác lại chép: Đêm ấy, cựu hoàng hậu Eugénie không ngủ được. Bà ra ngoài lều, và đi dạo quanh, trong lòng vẫn nghĩ nhớ con trai, và phân vân tự hỏi không biết năm ngoái nó đã nằm xuống đúng là chỗ nào. Bỗng nhiên, trong bóng đêm, quanh bà tràn ngập mùi thơm cỏ roi ngựa (2). Bà chợt nhớ hồi còn sống, Louis rất thích mùi hoa này. Như kẻ mộng du, bà bước đi trong bóng đêm. Sáng hôm sau, người ta tìm thấy bà nằm trên mặt đất, nửa mê nửa tỉnh, ở một chỗ cách căn lều vài trăm bước. Về sau, quân đội Anh kiểm lại, biết chính chỗ đó mới là chỗ Louis đã bị người Zulu phóng lao ngã xuống.

---

(1). Zululand nguyên là một tiểu vương quốc, ngày nay thuộc Cộng-hòa Nam-Phi.

(2). Cỏ roi ngựa, thân có hình thon như roi đánh ngựa, hoa có mùi thơm nhẹ; có giống dùng làm thuốc; tiếng Anh gọi là *vervain*, tiếng Pháp gọi là *verveine*.

Chuyện Đô đốc Tryon

Năm 1893, Đô đốc George Tryon là tư lệnh hạm đội Địa-Trung-Hải của hải quân hoàng gia Anh. Hạm đội này gồm 13 chiếc tàu thiết giáp, vẫn thường xuyên tập trận trong vùng hoạt động. Ngày 22.6, thực hiện một cuộn diễn tập, xuất phát từ sáng sớm tại cảng Beyrouth của Liban, đến quá trưa thì cả hạm đội đến ngoài khơi mũi Tripoli của Libye. Tai nạn xảy ra tại đây.

Lúc bấy giờ, Đô đốc Tryon vẫn được Hải quân Anh và các nước, coi là một nhà chiến thuật có tài trên mặt biển. Nhưng không hiểu sao hôm ấy, ông lại ra một cái lệnh vô cùng tai hại cho thuộc hạ, và cả cho ông.

Mười ba chiếc chiến hạm đang đi hai hàng dọc cách nhau khoảng trên 1.000 thước. Đô đốc Tryon đột nhiên ra lệnh cho chiếc soái hạm *Victoria* của ông đang dẫn đầu một hàng, phất cờ cho cả hạm đội quay ngang, chạy giao nhau. Đề đốc Albert Hastings Markham, đang đi trên chiếc *Camperdown* dẫn đầu hàng tàu phía bên kia, nhận thấy hai bên đang chạy hơi gần, sợ xảy ra đụng nhau trong khi mới vừa đổi hướng, vội cho đánh tín hiệu hỏi lại. Chiếc soái hạm khẳng định lệnh vừa ban.

Đúng như sự lo sợ của Đề đốc Markham, hai chiếc *Camperdown* và *Victoria* đụng vào nhau. Và chiếc *Victoria* chìm trong vòng chưa đến 10 phút. Trong tổng số 649 người trên tàu, 358 người kể cả Đô đốc Tryon, chết theo tàu.

Trong cùng lúc đó, tại ngôi nhà sang trọng của họ tại công trường Eaton, Luân-Đôn, Đô đốc phu nhân đang mở cuộc tiếp tân. Đa phần quan khách có mặt biết Đô đốc Tryon đang ở một nơi nào đó trong vùng Địa-Trung-Hải. Nhưng đột nhiên họ thấy ông đi lại trong phòng khách. Họ chào và tránh đường cho ông, nhưng khi nhìn lại thì không thấy ông đâu nữa.

Tin chiếc *Victoria* chìm, và Đô đốc Tryon chết theo tàu, mấy ngày sau mới về tới Luân-Đôn.

Anh em gặp nhau

Thế Chiến I chính thức chấm dứt lúc 11 giờ sáng ngày 11.11.1918. Lúc bấy giờ, sĩ quan hải quân người Anh Harold Owen, 21 tuổi, phục vụ trên chiếc tuần dương hạm *Astraea*, đang bỏ neo tại vịnh Table, Nam-Phi. Để ăn mừng đình chiến, hạm trưởng mời tất cả các sĩ quan trên tàu vào phòng mình uống rượu. Ai cũng vui mừng, nhưng riêng Owen vẫn thấy lo sợ. Anh ta có một người anh, lớn hơn 4 tuổi, cũng là sĩ quan quân đội. Không biết giờ này anh ấy ra sao?

Sau đó, chiếc *Astraea* rời Table, đến bỏ neo ngoài khơi Victoria. Trong lúc tinh thần không yên, Owen lại lâm bệnh. Anh ta bị sốt rét, nhưng vẫn gượng dậy làm việc. Và lúc nào

trong tâm trí cũng lởn vởn câu hỏi: Wilfred Owen còn sống hay không? Và, Harold tha thiết mong được gặp anh.

Một buổi sáng, Harold từ trên boong đi xuống phòng riêng, định viết thơ về nhà để hỏi tin Wilfred. Vừa mở cửa phòng, anh ta trông thấy người anh đang ngồi trên chiếc ghế độc nhất trong phòng. Anh ta cảm thấy như bị điện giựt, toàn thân lạnh toát, tay chân liệt đi, không cử động được. Anh ta nghe mình hỏi anh:

- Sao anh vào đây được?

Người anh vẫn ngồi im, hình như bị bắt buộc phải ngồi im lặng như thế. Nhưng đôi mắt thì đang nhìn anh ta, và cố làm cho anh ta hiểu điều gì đó. Anh ta lại hỏi, cũng chỉ một câu:

- Sao anh đến đây được?

Người anh vẫn im lặng, nhưng mỉm cười. Nụ cười dịu dàng, nhưng rất buồn. Anh ta không hỏi nữa, cảm thấy rất hài lòng được gặp lại anh. Anh ấy đang mặc quân phục bằng ka-ki. Giữa những đồ đạc trong phòng, hình như bộ quân phục của anh ấy không thích hợp. Với ý nghĩ đó, Harold cố quay đầu nhìn đi chỗ khác. Khi anh ta nhìn lại, Wilfred không còn đó nữa.

Harold bỗng cảm thấy như thân thể được cởi trói, tay chân động đậy trở lại. Nhưng anh ta mệt, mệt đến nỗi phải lại ngay giường vải, nằm xuống và thiếp đi. Khi tỉnh dậy, anh ta nghĩ là người anh đã chết rồi.

Sau đây là vài hàng về Wilfred Owen. Sinh năm 1893, chết năm 1918, chỉ sống đến tuổi 25, nhưng W. Owen nổi tiếng. Khi chưa đến 20 tuổi, ông đã có nhiều thơ đăng báo. Năm tròn 20, có một tập xuất bản. Ông đã từng dạy học tại Pháp (Bordeaux), và có nhiều cảm tình với đất nước này. Khi Thế Chiến I bùng nổ, ông vào quân đội, chiến đấu tại Pháp. Trong khi đó, vẫn làm thơ tố cáo chiến tranh. Đến giữa năm 1917, bị thương, phải trở về Anh điều dưỡng. Đến tháng 8.1918, vừa bình phục, xin trở lại ngay chiến trường bên Pháp. Chết trận ngày 8.11.1918, chỉ trước ngày Đình-Chiến 3 ngày.

Thơ phản chiến của Wilfred Owen về sau được nhà soạn nhạc nổi tiếng người Anh Benjamin Britten đem phổ nhạc và xuất bản năm 1962, trong tập *War Requiem* (Tưởng niệm chiến tranh).

Trong số thơ của Wilfred Owen, người ta hay nhắc tới bài *Strange Meeting* (Cuộc Gặp Gỡ Lạ lùng), trong đó nhà thơ tưởng tượng ra cảnh mình gặp vong hồn của những người chết trong chiến tranh.

Ném ma thì ma ném trả

Chuyện này rất giống một số chuyện ma đã được nghe ở Việt-Nam. Riêng người viết bài này cũng có nghe một chuyện.

Khoảng 1943-44, một ngôi nhà ở làng Phước-Khánh (cách thị xã Tuy-Hòa 3 cây số), không hiểu vì cớ gì, bỗng bị ma quấy phá liên tục đến cả tháng. Cứ ban ngày đốt nhà, ban đêm ném đất. Nhà là nhà lợp rạ, nhưng ma đốt mãi, vẫn còn nguyên đó, mái chỉ có vết cháy lam nham. Có thể nhờ sự "phòng thủ" chặt chẽ; cũng có thể ma chỉ dọa chơi, chớ không chủ tâm đốt thật. Những vụ cháy luôn luôn xảy ra giữa trưa, lúc trời đang nắng to. Nhưng hễ có tiếng người la "cháy, cháy", thì lập tức lửa tắt. Không cần phải dội nước. Ném đất thì xảy ra trong đêm tối. Đất ném vào đầy sân, nhưng không bao giờ trúng người. Coi kỹ những cục đất khô nằm rải rác trên sân, người ta đoán đất đó đã được lấy từ những khoảnh ruộng cày ải phơi đất trước mặt nhà. Chức việc trong làng cắt người núp rình. Nhưng họ không bắt được ai cả, trong khi đất vẫn ném vào.

Một đêm, ông hương kiểm đích thân đến tìm hiểu. Ông lấy vôi trắng bôi lên 3 cục đất vừa được ném vào, rồi lên giọng thách thức:

- Mẹ cha tụi bay. Tụi bay mà ném vô đây đủ 3 cục đất tao ném ra đây, thì tao mới phục là giỏi.

Ông ra sức ném 3 cục đất đánh dấu ra đám ruộng trước mặt nhà. Điều làm ông ngạc nhiên trước hết là ông và mọi người có mặt trên sân, không hề nghe tiếng mấy cục đất rơi. Tiếp theo, là những tiếng bịch bịch. Ông hương kiểm lãnh đủ cả 3 cục vào người. Lượm lên coi, đúng là 3 cục đất đánh dấu lúc nãy.

Về sau, gia chủ rước thầy pháp đến trấn ếm gì đó, nhưng cũng không đứt. Phải chờ đến khi một vị sư ẩn tu ở chùa Hang trên núi Chóp Chài (có họ với gia chủ) đến tụng kinh cầu an, ma mới hết quấy nhiễu.

Chuyện sau đây xảy ra ở Sumatra, Nam-Dương, do nhà văn kiêm nhà vạn vật học Ivan Anderson kể.

"Năm 1928, tôi được mời đến dự tiệc tại một đồn điền cao su. Khách cũng khá đông. Tiệc xong khoảng 8 giờ tối, và chủ nhà cùng chúng tôi ra hóng mát trên hiên, hoặc trên sân. Đột nhiên, hàng loạt những viên đá nhỏ rơi xuống rào rào. Chúng tôi hoảng hốt, định chạy vào nhà. Nhưng chủ nhà bảo không hề gì, và giải thích rằng những trận mưa đá như thế thỉnh thoảng vẫn xảy ra ban đêm. Thấy không hại gì, và cũng đã quen, nên gia đình ông không sợ. Ông cho biết những viên đá nhỏ chính từ bên khu vườn hoang phía bên trái nhà ông ném qua, và chưa lần nào trúng vào người. Ông còn bảo chúng tôi đánh dấu vào những viên đá rồi ném qua bên khu vườn ấy, để thí nghiệm. Thấy chúng tôi không hiểu, ông nói thêm: "Rồi quí vị sẽ được nhận lại những viên đá ấy". Chúng tôi dùng đủ thứ để đánh dấu. Nào mực, nào phấn viết bảng, nào dùng giũa khía vào. Có bà dùng cả son tô môi. Xong, chúng tôi tiến ra sát cạnh hàng rào, ném qua bên vườn. Lúc ấy, bên vườn tối om, chỉ nghe tiếng gió rì rào và tiếng cây cối cựa mình, không trông rõ được gì cả. Lặng thinh một lúc, chẳng có gì xảy ra. Chúng tôi đi vào đứng trong sân, và quay nhìn chủ nhà. Ông ra hiệu im lặng chờ đợi. Một phút, hai phút... Những viên đá nhỏ lách cách rơi xuống chân chúng tôi. Người nào lượm lên, nhìn kỹ cũng đúng là viên đá mình đánh dấu lúc nãy. Có tất cả khoảng 50 viên. Nhưng một bà khách bỗng la lên: "Ủa, sao tôi không có?"

Câu nói vừa dứt, thì cạch một tiếng, một viên đá rơi cạnh chân bà. Bà đã vẽ một trái tim bằng sáp môi trên viên đá. Có lẽ ma thấy hình vẽ đẹp, hoặc tưởng người vẽ có ý gởi gấm gì đây, nên muốn giữ luôn viên đá làm kỷ niệm chăng".

Cây số 239

Cuối mùa hè năm 1929, một xa lộ mới được mở cho xe cộ lưu thông giữa Bremen và Bremerhaven, Đức quốc. Nhưng chỉ trong vòng một năm, có đến hơn 100 chiếc xe bị lật một cách khó hiểu tại khoảng cây số 239. Đây là một đoạn đường thẳng, mặt đường không có tì vết gì.

Cảnh sát mở cuộc điều tra, hỏi kỹ những người sống sót sau tai nạn. Người nào cũng khai giống nhau: Khi họ chạy đến chỗ ấy, chiếc xe bỗng như bị một sức mạnh vô hình ghì lấy, rồi kéo ra lề đường, họ không tài nào điều khiển được nữa.

Tai nạn ngày càng tăng. Chỉ trong một ngày 7.9.1930, đến 9 chiếc xe bị lật tại chỗ ấy. Nhà chức trách và cảnh sát công lộ địa phương hoảng hốt. Họ tăng cường điều tra, nhưng cũng chẳng tìm ra được "sức mạnh lật xe" kia là gì.

Trong khi các điều tra viên bối rối, bỗng có một người tự đến xin giúp. Ông ta tên là Carl Wehrs, làm nghề dò mạch nước để đào giếng. Ông ta gợi ý rằng cái lực vô hình làm lật xe kia có thể là một luồng từ lực cực mạnh, phát xuất từ một mach nước ngầm. Để chứng minh ức thuyết đó, ông ta cầm một cái que thép vẫn dùng dò mạch nước, từ xa đi chầm chậm đến trụ cây số 239. Khi ông còn còn cách chỗ đó chừng 5 thước, que thép bỗng vuột tay ông bay qua bên kia đường, còn ông thì bị xoay ngược trở lại.

Thấy giả thuyết của mình đúng, Wehrs đề nghị nhà chức trách cho chôn ngay tại gốc trụ cây số kia một cái thùng bằng đồng, bên trong chứa đầy những miếng đồng nhỏ đúc thành hình ngôi sao. Trong vòng một tuần lễ thùng đồng được chôn ở đó, không có tai nạn nào xảy ra. Nhưng khi chiếc thùng được lấy đi, 3 chiếc xe đầu tiên chạy qua chỗ ấy đều bị lật. Người ta phải vội vã chôn chiếc thùng ấy trở lại vào chỗ cũ. Kể từ đó, tai nạn không xảy ra nữa.

Nhưng dân quê trong vùng không tin vào chuyện từ trường. Họ coi thùng đồng của Wehrs như một lá bùa ếm quỉ. Và hình như họ ngấm ngầm oán trách việc làm của Wehrs: Quỉ không lật được xe ngoài đường, quay vào làng xóm phá máy thu thanh của họ. Mở ra, họ chỉ nghe rột rột.

Chiếc xe buýt đỏ

Khoảng giữa thập niên 1930, có rất nhiều người lái xe hơi hoặc xe gắn máy qua chỗ quẹo trên đường St. Mark chạy vào công viên Cambridge, gần khu rừng Ladbroke (Luân-Đôn), đã lạc tay lái, rồi tự gây tai nạn. Khi được hỏi nguyên do, người nào cũng khai là sở dĩ họ phải lái xe ra lề đường để phải đụng vào gốc cây, vào trụ đèn, vào xe khác hoặc người đi bộ, là vì lúc ấy họ trông thấy một chiếc xe buýt đỏ lù lù hiện ra trước mặt họ. Ai cũng nói như vậy, nhưng không ai chỉ ra được chiếc xe buýt. Nó chỉ hiện ra trong khoảnh khắc cho họ hoảng hốt đến lạc tay bánh, rồi biến mất ngay.

Nhưng cảnh sát sở tại không dễ dàng gì tin một chuyện huyền hoặc như thế. Chỉ đến khi một tai nạn thật nghiêm trọng xảy ra, người chết lên đến cả chục kể cả tài xế, lời khai chắc chắn của mấy nhân chứng còn sống mới khiến được các điều tra viên nghĩ đến "chuyện dị thường". Các nhân chứng đồng thanh kể:

- Xe chạy chậm, sắp quẹo qua chỗ ấy. Đột nhiên, chúng tôi nghe tài xế la lên, nét mặt thất sắc, hai tay rán sức vặn tay lái như để tránh một cái gì trước đầu xe. Nhưng xe lại đâm vào gốc cây và lật nghiêng.

Sở công chánh cho chữa lại khúc quẹo đó. Về sau, tai nạn bớt đi nhiều. Báo chí địa phương nhận định: "Ma quỉ cũng biết lợi dụng hoàn cảnh".

Mơ hồ nhưng khiếp đảm

Bác sĩ Hereward Carrington là người Anh. Khoảng đầu thế kỷ, ông thực hiện nhiều cuộc điều tra về những hiện tượng tâm linh tại Anh. Sau, ông sang Mỹ tiếp tục làm công việc đó. Có thể nói ông là một trong những nhà khoa học đi tiên phong trong lãnh vực nghiên cứu về thần giao cách cảm, về lên đồng, về ma quỉ. Khi có người hỏi có khi nào ông thấy chuyện gì kinh dị, hoặc khiến ông sợ hãi, ông nói:

- Tôi ngạc nhiên và sợ hãi thì nhiều lần lắm. Nhưng chỉ có một lần, tôi và cả nhà tôi đều khiếp đảm.

Vợ của Carrington cũng là một chuyên gia về tâm linh học. Và câu chuyện đã xảy ra như sau:

Đó là đêm 13.8.1937. Vợ chồng Carrington và 2 người bạn, người thuê nhà cùng 2 người bạn của ông ta, tất cả là 7 người, cùng đến ngôi nhà "có ma". Ngôi nhà này nằm cách thành phố New York chừng 80 cây số, chủ nhà ở xa. Người thuê nhà nói đây đã ký hợp đồng thuê trọn năm, nhưng chỉ ở mới được 2 tuần, đã phải dọn đi. Rồi ông ta đến gặp bác sĩ Carrington. Thế cho nên, đêm ấy họ họp nhau tại ngôi nhà kia. Người thuê nhà còn dẫn theo con chó của ông ta, đã từng sống trong ngôi nhà 2 tuần.

Khi họ vừa bước vào nhà, Carrington cho mở tất cả đèn trong nhà, và chia nhau đi kiểm soát các phòng, để biết chắc không có người ẩn núp, cũng không có mèo, chuột, dơi... Ở từng trệt và từng hầm, họ không gặp điều gì khác thường. Họ kéo nhau lên cả từng lầu. Khi bước vào căn phòng ngủ chính, ai nấy đều có một cảm giác lạ, rất khó giải thích.

Nhưng họ bỏ qua, cùng nhau đi dọc theo hành lang dẫn đến một khung cửa nhỏ, đóng kín. Người thuê nhà cho biết đó là lối đi lên chỗ ở của những người giúp việc. Cả bọn mở cửa đi lên gác xép. Bác sĩ Carrington trèo lên cầu thang trước tiên, theo liền phía sau là vợ ông. Hai vợ chồng lên khỏi cầu thang thì rẽ phải, đi qua mấy căn phòng nhỏ. Chuyện lạ xảy ra ngay lúc ấy. Đang đi, Carrington

bỗng như bị ai đấm thật mạnh vào bụng; bụng và lồng ngực đau dội lên; bao tử co lại như sắp ói ra. Rồi đầu óc quay cuồng, trán vã mồ hôi, cổ họng khô cứng, không nuốt được. Trong một thoáng, đang là người khỏe mạnh, ông bỗng thành người ốm. Một cảm giác khiếp sợ xâm chiếm toàn thân ông. Vợ ông không hay biết gì cả. Bà đi vượt lên vài bước, miệng nói: "Những căn phòng nhỏ này xinh quá". Nhưng liền đó, bà lại xua tay, la lên: "Không, không". Rồi bỏ chạy xuống cầu thang. Mấy người đi sau, cũng quay mình chạy xuống.

Bác sĩ và vợ là những người chuyên đi điều tra những vụ ma quỉ. Nhưng trong thực tế, họ chưa lần nào phải khiếp sợ như lần này. Người thuê nhà trao đầu dây xích buộc con chó cho bác sĩ Carrington, ra hiệu bảo ông đất lên gác. Carrington làm theo. Nhưng chưa đến đầu cầu thang, con chó chun lại, miệng khịt khịt như mèo, không chịu bước lên nữa.

Cả bọn 7 người quây quần trong phòng khách, cố gắng bình tâm suy nghĩ. Chẳng lẽ cất công tới đây để rồi không hiểu gì cả? Bác sĩ Carrington và vợ kể lại cho mọi người nghe những cảm giác lúc nãy, rồi đề nghị trở lên gác một lần nữa. Cả bọn cùng đi, sẵn sàng đề phòng mọi bất trắc. Con chó cũng được dẫn theo. Nhưng lần này, tất cả đều không thấy gì lạ. Cả con chó cũng tự nhiên đi theo khắp chỗ, vừa đi vừa vẫy đuôi.

Mãi về sau, vợ chồng bác sĩ Carrington và các bạn mới được một người đã từng thuê ngôi nhà ấy, gọi điện thoại cho biết là trước kia có một người tự tử ở trên từng gác ấy.

Bóng người trong rạp xi-nê

Năm 1955. Xuất chiếu cuối cùng hôm ấy của rạp xi-nê Tower ở Peckham, phía nam Luân-Đôn, chấm dứt vào lúc nửa đêm. Phó quản đốc rạp Bernard Mattimore cùng chuyên viên Jerry Adams đi ra phía sau rạp để lấy xe về nhà. Khi đi đến gần cửa hậu, không ai bảo ai, hai người đột nhiên dừng lại: Trước mặt họ, một người đàn ông đang "bước đi", chân cách mặt nền 3 thước. Ông ta có vẻ đứng tuổi, ăn mặc như sống ở thời xưa, mình mẩy đang tỏa ra ánh sáng. Ông ta chầm chầm "đi" trong không khí, đến nhập vào tấm vách hậu, chỗ ngày trước, khi rạp chưa được sửa, có dấu vết đặt một cây đại phong cầm.

Hai năm trước, khi rạp đang được sửa chữa, 2 người thợ bọc nệm ghế ở lại làm đêm, đã hoảng kinh bỏ chạy khi trông thấy hiện tượng đó. Một người hãi quá, không dám trở lại làm việc. Một người thợ nề cũng trông thấy người đàn ông đi trong không khí ấy. Rồi những chuyện lạ cứ liên tục xảy ra: Vật dụng bị phá, những bao xi-măng bị xé rách, nước không biết từ đâu chảy vào... Nhưng nhà thầu không muốn bỏ dở công việc. Toán thợ này sợ ma bỏ đi, họ thuê ngay toán thợ khác. Cuối cùng, việc sửa chữa hoàn tất, và rạp xi-nê hoạt động.

Sáng ngày hôm sau đêm gặp ma, Mattimore và Adams đi tìm hiểu, và họ biết được một điều: Ngày xưa, cả trăm năm về trước, ngay chỗ rạp xi-nê tọa lạc bây giờ, là một ngôi giáo đường. Nền giáo đường ngày trước cao hơn sàn rạp ngày nay đến 3 thước. Bóng ma kia đã bước đi trên nền giảng đường của nhà thờ.

Nước chảy từ đâu

Khoảng cuối năm 1963, gia đình Francis Martin ở Methuen, tiểu bang Massachusetts, bị "thủy nạn": Ở đâu, thì cũng bị ma "dội nước".

Lần đầu xảy ra trong tháng 10, ngay tại nhà. Vợ chồng Martin và con cái đang ngồi coi truyền hình, thì đột nhiên trên tấm vách phía trước mặt, hiện ra một vạt đẫm nước. Ngầm trong vách chỗ ấy làm gì có ống dẫn nước? Vả lại, dù cho có ống dẫn nước, thì ống cũng không thể bể trong khi khí trời đang ấm như thế này. Họ chưa kịp hết ngạc nhiên, thì lại nghe tiếng nước chảy trong vách, rồi một vòi nước từ trong vách phọt ra, chảy liên tục trong vòng vài chục giây. Khi nước ngưng chảy, cả nửa căn phòng đã ướt sũng.

Nhiều ngày sau đó, những ngọn nước không cần vòi, không cần lỗ thông, cứ phọt ra chỗ này chỗ khác trong nhà. Ngọn nước chảy không lâu, chỉ mấy giây lại tắt, để dời đi chỗ khác. Chỗ nước chảy ra không lưu lại dấu vết gì khác thường. Gia đình Martin phải di cư. Họ dọn đến Lawrence, tạm ở nhờ nhà bà ngoại của mấy đứa nhỏ. Nhưng vòi nước ma cũng "dọn" theo. Mấy căn phòng vợ chồng và mấy đưa con Martin tạm trú, bắt đầu ngập lụt.

Khi được báo cáo, trưởng sở cứu hỏa địa phương đích thân đến điều tra. Ngay trong khi ông ta có mặt, những vòi nước cũng phun ra. Ông cho đào vách ra coi, thì không thấy ống nước nào ở những chỗ ấy hết cả. Sở cứu hỏa đành khoanh tay, không giúp đỡ gì được. Báo chí hỏi, thì sở bảo "không thể giải thích".

Vợ chồng Martin đành phải đem con về nhà. Họ quyết định khóa tất cả các vòi nước máy, và đi xin nước của láng giềng về dùng. Nhưng những vòi nước ma kia vẫn cứ phun ra.

Như để thử sức kiên nhẫn với ma, Martin lại đưa vợ con về bên ngoại. Nhưng ma không chịu thua, những vòi nước vẫn đi theo. Phải đợi đến cuối tháng 11, những vòi nước làm phiền họ mới yếu dần, rồi tắt hẳn. Một người bạn của Martin nói đùa: "Mùa mưa của gia đình anh qua rồi".

Câu chuyện một bức họa

Trước thời nội chiến của Hoa-Kỳ (1861-1865), tại tiểu bang Virginia, gần thị trấn Amelia, có một đồn điền tên là Haw Branch, rộng đến 6.000 mẫu tây. Tọa lạc ngay giữa khuôn viên, là một tòa nhà rất cổ kính, cũng xứng đáng để được gọi là lâu đài. Nhưng rồi năm tháng trôi qua, con cháu của chủ đồn điền có xu hướng đô thị, bán lần bán mòn đất đai của ông cha đi. Tòa nhà kia cũng không được săn sóc, sửa chữa, nên cũng đã một phần đổ nát. Cho đến năm 1964, khi vợ chồng ông Cary

McConnaughey mua lại ngôi nhà, thì phải sửa chữa hơn một năm, mới tạm ở được.

Thật ra, ngôi nhà chỉ xa lạ đối với ông McConnaughey. Chứ đối với bà vợ, thì đã quen. Hồi còn nhỏ, bà McConnaughey (tên riêng của bà là Gibson) vẫn thường đến đó sống với bà nội. Họ dọn đến ở năm 1965, nhưng vẫn tiếp tục sửa chữa ngôi nhà cho thật hoàn chỉnh, nên mãi đến 1969, họ mới tổ chức ăn tân gia. Khách khứa rất đông, quà cáp cũng nhiều. Có một người anh họ của Gibson ở xa, được mời nhưng không đến dự, chỉ gởi quà. Tặng phẩm là một bức họa lớn. Lá thơ kèm theo viết:

"Đây là chân dung Florence Wright, chị ruột bà cố của em đấy, Gibson. Em giữ lấy, treo trong nhà làm kỷ niệm. Bức tranh vẽ đã lâu, khi bà cố còn là thiếu nữ. Nhưng vẽ chưa xong thì bà bệnh, rồi qua đời. Bức tranh vẽ bằng phấn tiên, màu sắc đẹp lắm. Anh rất thích, nhưng nghĩ là em giữ phải hơn".

Vợ chồng McConnaughey cẩn thận tháo bao bức tranh ra. Họ rất ngạc nhiên: Trước mắt họ, bức chân dung vẽ bằng than chì, màu sắc u tối. Đen, xám, và những vệt trắng bẩn. Thế này, sao người anh họ lại nói vẽ bằng phấn tiên và màu sắc đẹp lắm? Buồn ý, nhưng hai vợ chồng vẫn đem bức tranh treo trên lò sưởi, trong thư viện của gia đình. Và, những chuyện lạ bắt đầu xảy ra.

Mấy ngày sau, trong khi đang làm việc dưới từng hầm, Gibson nghe vang vẳng từ thư viện vọng xuống, tiếng nói chuyện của phụ nữ. Bà nghĩ chắc có những người bạn của bà đến mà không báo trước. Bà vội lau tay rồi đi lên cầu thang, vừa nói to: "Tôi lên với các bạn ngay đây". Khi đến bên ngoài thư viện, bà vẫn còn nghe tiếng nói. Chỉ đến khi bà bước vào cửa, thì mới hết nghe. Nhưng trong thư viện không có ai. Bà đi sang các phòng bên cạnh, thì cũng không thấy người nào.

Mấy tháng sau, vào khoảng tháng 2.1970, ông McConnaughey vào thư viện tìm một cuốn sách. Thật ra, vợ chồng ông cũng ít khi vào đây. Đọc sách đọc báo, ông bà vẫn thường ngồi ở phòng khách, hoặc phòng ngủ.

Tìm được cuốn sách, ông McConnaughey đem lại chiếc bàn đặt trước lò sưởi, ngồi xem. Gặp chỗ khó hiểu, ông xếp sách lại, nghĩ ngợi. Mắt ông chợt nhìn lên bức tranh treo phía trên. Ông sửng sốt. Bức tranh đã hoàn toàn đổi khác. Nó biến màu tất cả. Không còn là màu đen, màu xám u tối nữa. Mà toàn là những màu hồng, màu đỏ tươi đẹp. Người thiếu nữ trong tranh linh động hẳn lên, nét mặt rạng rỡ, dung nhan thật kiều mị. Cái bình hoa bên cạnh cũng đang khoe màu.

Từ hôm đó, ngày nào vợ chồng McConnaughey cũng vào thư viện ngắm bức tranh. Họ theo dõi sự biến chuyển của nó. Cuối cùng, khi tiếng nói không còn nghe vẳng ra từ thư viện nữa, thì bức tranh hoàn tất. Người trong tranh, cô Florence Wright, bây giờ mắt xanh, tóc nâu, ngồi trên chiếc ghế bọc nệm vàng. Chiếc bình cắm hoa đặt ở góc bàn sát cạnh cô, màu xanh ngọc; những bông hoa cẩm chướng trong bình đều một màu hồng thắm.

Ông bà McConnaughey cũng có phần sợ những hiện tượng xảy ra quanh bức tranh. Họ đem câu chuyện kể lại cho một nhà tâm linh học nghe. Ông này đến nhà xem kỹ bức tranh, rồi giải thích:

- Bức tranh vẽ chưa xong, thì Florence Wright chết, nên linh hồn không thoát đi được. Nhưng bà có quyền lực làm cho bức tranh mất màu, mỗi khi không thích chỗ bức tranh được treo. Khi bức tranh được đưa về đây, bà thích, nên đã nhờ linh hồn của hai người bạn gái ngày xưa biết vẽ, đến tô điểm lại bức tranh. Trong khi làm việc, họ nói chuyện với nhau.

Tác nhân vô hình

Những chuyện lạ bắt đầu xảy ra với Matthew Banning, khi anh ta lên 11 tuổi. Lúc bấy giờ, Matthew đang sống với cha mẹ trong một ngôi nhà ở Cambridge, Anh quốc. Cho đến lúc đó, trong nhà chưa hề có chuyện gì gọi là dị thường.

Nhưng một ngày tháng 2.1967, khi thức dậy, cha của Matthew thấy có chuyện khác thường: Bộ tách uống trà bằng bạc luôn luôn được để trên chiếc kệ sát vách, đang nằm trên sàn giữa nhà. Ông ngạc nhiên, nhưng chỉ nghĩ là ai đùa chơi, nên lặng lẽ lấy đem để vào chỗ cũ.

Ngày hôm sau, bộ tách bạc ấy lại xuống sàn nằm. Ông Manning tức giận, gạn hỏi mọi người, nhất là lũ trẻ. Nhưng đứa nào cũng nói đâu có dám đùa nghịch như vậy. Sự việc lặp lại liên tiếp nhiều ngày. Một đêm, chờ cả nhà đi ngủ, ông Manning bí mật giăng lưới: Ông dùng phấn thoa cho trẻ con rưới khắp sàn phòng khách, chờ lấy dấu chân của nghi can.

Sáng hôm sau, bộ tách bạc cũng nằm giữa phòng khách, nhưng xung quanh chẳng có dấu chân nào.

Những ngày sau, chẳng riêng bộ tách bạc bị dời chỗ, mà còn nhiều thứ khác nữa. Hoảng quá, ông Manning tới sở cảnh sát cầu cứu. Thay vì đến nơi điều tra, cảnh sát khuyên ông Manning tới nhờ *Hội Nghiên Cứu Tâm Linh Cambridge*. Thư ký của hội, lúc bấy giờ là bác sĩ A.R.G. Owen, nhận định rằng những hiện tượng như thế là do quỉ quấy nhiễu, chưa có cách trừ khử.

Trong khi đó, sự phá khuấy càng gia tăng. Đồ trang trí, bàn ghế, dao kéo, gạt tàn thuốc, chén bát, nói tóm lại là những đồ không nặng lắm, đều bị dời chỗ trong đêm. Nhưng có một điều đặc biệt là dù có rình, thì cũng không bao giờ bắt gặp, và không hề có sứt mẻ, đổ tháo.

Tiếp theo, hình như quỉ chán việc di chuyển đồ đạc. Nó xoay qua tạo tiếng động. Đủ loại tiếng động: Gõ cửa cộc cộc, cào gỗ rột rột, ném đá lạch cạnh, rồi tiếng chuột rúc, tiếng mèo gừ... Tiếng động có cả vào lúc ban ngày nữa.

Một hôm, bác sĩ Owen đến để cùng ông Manning ngồi canh xem có "bắt" được đồ vật dời chỗ không.

Ngồi thức suốt đêm, họ cũng không thấy gì. Nhưng sáng hôm sau, vẫn có hàng đống thứ nằm trên sàn, ngay trước mặt họ. Trước khi ra về, bác sĩ Owen bảo chủ nhà gọi hết con cái ra cho ông gặp. Gia đình Manning có 3 đứa con trai, đều ở tuổi vị thành niên. Matthew nhỏ nhất, năm ấy 11 tuổi. Bác sĩ nói nhỏ cho chủ nhà biết rằng có thể những hiện tượng lạ lùng kia có liên hệ đến những đứa trẻ này, và khuyên nên cho cả ba đi ở chỗ khác một thời gian xem sao.

Đúng như dự đoán của bác sĩ Owen, không xảy ra chuyện gì trong khi bọn trẻ vắng nhà. Về sau, người ta còn biết đích xác chỉ một mình Matthew là nguyên nhân. Mỗi khi nó từ nơi xa trở về nhà, chuyện lạ lại tái phát và tăng cường độ: Những đồ đạc nặng cũng bị dời chỗ, và cái nào cũng bị lật.

Cho đến khi nó vào nội trú, thì ở nhà mới yên. Nhưng nó không thể không về nhà. Sau đây là một đoạn chính tay Matthew ghi trong nhật ký, về sau nhà văn D. Scott Rogo dùng làm tài liệu viết cuốn *Quỉ Phá*.

"Tôi nằm trên giường, trong lòng không yên. Tôi bỗng nghe tiếng rồn rột như tiếng móng tay cào trên mặt gỗ. Hình như tiếng đó phát ra từ chỗ cái tủ. Tôi vặn to ngọn đèn ngủ bên cạnh giường lên. Tôi hoảng sợ trông thấy cái tủ đột nhiên nghiêng về phía tôi. Nhưng nó không ngã. Tôi sợ lắm, nhưng làm gan không la, cũng không bỏ chạy, mà tắt đèn đi. Tức khắc, chiếc giường tôi đang nằm bị rung mạnh lên, rồi chao qua chao lại. Nó yên được một lúc, thì lại bị nâng bổng lên trên không và đưa đi. Cuối cùng, chiếc giường trên đó có tôi, được đem đặt giữa phòng. Tôi không dám ở trong phòng riêng nữa, phải sang phòng cha mẹ tôi, ngủ qua đêm.

Sáng hôm sau, khi cả gia đình tôi thức dậy, thì khắp nhà là một cảnh xáo trộn. Bức tranh nào cũng bị tháo bỏ xuống sàn, bàn ghế nào cũng bị lật nghiêng, đồ đạc món lớn món nhỏ đều bị ném ra khỏi chỗ thường lệ.

Về sau, quỉ càng nghĩ ra thêm cách quấy phá, càng bạo tợn hơn, và không giấu mặt nữa. Những vũng nước tự nhiên nổi lên khắp nhà; trên vách, tự nhiên xuất hiện những dòng chữ ngoằn ngoèo không đọc được. Rồi những đồ đạc, có những cái rất to, rất nặng, cứ lù lù di chuyển trước mắt chúng tôi, không lén lút. Thậm chí, khi cha tôi vừa nói: "Thử lật cái sofa kia xem", thì tức khắc cái sofa bị lật.

Khi tôi trở vào nội trú, thì ở nhà yên, nhưng quỉ theo tôi đến tận trường. Ban đầu, nó chỉ quấy nhiễu một mình tôi, về sau, nó phá cả bà quản lý khu nội trú nữa".

Matthew Manning khổ sở với những hiện tượng quái dị như thế trong một thời-gian khá lâu. Cho đến khi gặp được một chuyên gia tâm linh cao tay, cậu mới thoát nạn. Nhưng không phải tức khắc, mà từ từ. Thật ra, cũng nhờ ý chí rất mạnh và sự kiên trì của chính cậu.

Nhưng trong cái rủi cũng có một điều may. Khi đã trưởng thành, Matthew Manning có một vài năng khiếu đặc biệt như có linh tính rất bén nhạy, và đôi khi có thể dùng ý chí tác động đến vật chất.

Mary Phục Sinh

Trong khoảng thập niên 1970, nhiều người lái xe chạy trên đường Archer phía nam thành phố Chicago vào ban đêm, thường gặp một người xin đi quá giang là một thiếu nữ rất đẹp. Cô gái mặc áo dạ hội trắng, kiểu thịnh hành trước Thế Chiến II. Những người được cô gái xin đi nhờ toàn là những chàng thanh niên độc thân, lái xe đi một mình. Cách xin quá giang cũng độc đáo: Xe chưa ngừng lại, cô gái đã nhảy vào, rồi mới ngỏ lời. Lời xin luôn luôn là: "Xe em bị hư để đằng kia. Anh cho em về nhà". Và nhà là nghĩa trang "Phục Sinh", tại số 7200 đường Archer Nam. Khi xe chạy ngang đó, cô gái đi nhờ bước ra, có khi mở cửa có khi không, không cần xe phải ngừng lại. Nếu người lái xe ngừng xe nhìn theo, thì sẽ thấy cô gái đi xuyên qua cánh cổng nghĩa địa, rồi biến mất.

Những người lái xe đã có lần cho cô gái quá giang, truyền miệng nhau, rồi cùng nhau gọi cô gái ma ấy theo cái tên chỗ ở của cô: "Mary Phục Sinh".

Mary nguyên là một cô gái gốc người Ba-Lan. Khoảng 1931, trong một đêm cô đi dự dạ hội trở về nhà, bị tử nạn xe hơi trên quãng đường gần nghĩa địa "Resurrection". Gia đình mai táng cô tại đây. Khi tẩn liệm, họ cho cô mặc chiếc áo trắng và đi đôi giày cô đã dùng trong buổi khiêu vũ.

Nhưng không phải đêm nào Mary Phục Sinh cũng hiện lên để chọc phá những chàng trai độc thân.

Lần Mary hiện thân gần đây nhất là vào một đêm trong tháng 12.1977. Một người lái xe chạy ngang nghĩa địa Phục Sinh, trông thấy một người đàn bà đang cố trèo lên cánh cổng. Nghĩ rằng người ấy đi thăm mộ thân nhân ở lại muộn bên trong, rồi ngẫu nhiên bị nhốt, người lái xe liền gọi điện thoại báo cảnh sát. Nhưng khi cảnh sát đến, thì không thấy người nào bên trong nghĩa trang. Rọi đèn lên cánh cổng sắt, họ nhận thấy hai thanh sắt bị cong và có vết hằn. ●

đầu làng cuối xóm

Mõ (Làng Văn)

Lớn ăn cướp...

Gia-nã-đại có nhiều cái nhất, từ mức sống, cao nhất thế-giới, cho đến nạn cướp nhà băng, cũng nhiều nhất thế-giới.

Theo thống-kê do Hiệp-hội Ngân-hàng Âu-châu đưa ra hồi cuối tháng 9 vừa qua, so-sánh 21 nước kỹ-nghệ thì nhà băng tại Gia-nã-đại bị cướp tấn-công nhiều nhất. Tại đây, trung-bình cứ 6 nhà băng thì có 1 cái bị cướp. Kế đến là Hoa-kỳ, cứ 7 nhà băng thì có 1 cái bị cướp. Nhật-bản cầm đèn đỏ về "thành-tích" ăn cướp: trong 924 ngân-hàng mới có 1 cái bị cướp một lần trong năm.

Tại Gia-nã-đại, thành-phố bị cướp nhiều nhất là Toronto, thuộc tỉnh-bang Ontario. Tỉnh-bang không hề bị cướp nhà băng bao giờ là Prince Edward Island và tỉnh-bang ít bị cướp nhất là Newfounland, trong 5 năm chỉ xảy ra 3 vụ cướp nhà băng.

Trên thế giới, nơi lý-tưởng để bọn cướp chiếu-cố là nhà băng Lục-xâm-bảo, trung-bình mỗi vụ chúng vét được hơn 300.000 đô Mỹ. Quả là một lần ăn cướp hơn ba năm làm!

Gia-nã-đại, số tiền cướp được rất thấp, trung-bình chưa tới 3.000 gia kim, nghĩa là chỉ hơn 2.000 đô Mỹ một tí! Hai ngàn đô mà chia cho bốn tay súng thì chả bõ bèn gì, làm sao mà ...đủ sống, do đó các băng cướp ngân-hàng tại Gia-nã-đại cứ phải vất-vả đi "làm" liên-tục. Đó chính là lý-do khiến xứ này đứng đầu sổ về cướp.

... nhỏ ăn cắp

Ngoài cướp, Gia-nã-đại còn nổi tiếng vì có tay đạo chích trẻ nhất thế-giới: 4 tuổi, với thành-tích vớ bở 20.000 đô một vụ và có thể đã từng làm ăn trót-lọt ít nhất là 5 vụ khác.

Báo *Toronto Star* trên trang C-16 số ra ngày 8.10 cho biết, em bé gái này không cô-đơn hành... đạo, mà còn có sự đồng-lõa của ba cặp người lớn đi kèm, giúp "bố-trí diện-địa".

Hôm 4.10, cảnh-sát Hamilton đã tóm được cô bé và cả 6 vị người lớn tại Shira's Fine Jewellery. Cô bé lén bò vào mở tủ hốt của trong khi những người lớn giả vờ làm khách hàng, hỏi-han, lựa thử lung-tung. Danh-sách quí vị người lớn gồm: Dương Mạnh Trân 26 tuổi, Trần Thị Thúy 32 tuổi ở đường Oxford (Hamilton), Hoàng Quốc Hương 35 tuổi, Ngô Thị Thơm 31 tuổi, Nguyễn Phương 30 tuổi và Nguyễn Hưng 21 tuổi ở đường Queen North (Hamilton). Hóa ra đều là đồng-bào ta cả! Thật là "vẻ vang dân Việt" và thật là đẹp mặt cho tập-thể tị-nạn!

Tội-nghiệp cho quốc-gia giàu lòng nhân-đạo này đã mở cửa cứu lấm người! Quí vị đồng-bào kia quả đã tiến một "bước nhảy vọt" kiểu con tôm hùm. Loài tôm chỉ biết phóng lùi. Đang sống trên một xứ-sở thanh-bình và phồn-thịnh, không ai chết đói cả mà phải đâm vào con đường trộm đạo y như những ngày còn phải lăn-lộn kiếm sống dưới ách cai-trị tàn-bạo của nhà nước cộng-sản. Phóng thí mạng như vậy e có ngày bị trả về quê-hương "độc lập - tự do - hạnh phúc" thì còn gì là đời!

Từ con tôm hùm Tây

Nói chuyện con tôm hùm, bất nhớ tới ông Tây râu kẽm lãnh-tụ anh-minh chính-quyền Québec, hiện đang nao-nức chờ ngày bỏ phiếu *"Oui ou Non"* để tách ra khỏi Gia-nã-đại.

Ông Tây râu kẽm này có cái tên tiền-định là Parizeau. Theo lối chiết-tự láo-khoét của Mỹ thì "Pari" là đánh cuộc; "eau" là nước. Parizeau là ...mang cả nước ra đặt cuộc. Lỡ thua thì Ngài vẫn là thủ-hiến, chả rụng mảy lông nào; nhưng nếu thắng thì ăn lớn, trở thành "cha già dân-tộc". Tỉnh-bang này mà tách ra được, ông Tây râu kẽm sẽ trở thành "quốc tổ" nước Québec, để đến ngày ông hai năm mươi, mặc sơ-mi gỗ về chầu tướng Đờ-Gôn, biết đâu lại chẳng được "Mặt Trận" Québec chọn ngày giỗ của ông làm ngày ...quốc-khánh, hô-hào treo đèn kết hoa, cả nước ...ăn mừng! Nhưng đó là chuyện về sau.

Xứ Québec trong quá-khứ đã từng nhiều lần đòi "ly-dị" Gia-nã-đại, mỗi

khi họ tóm được chính-quyền tỉnh-bang. Mỗi lần sôi-sục là một lần trưng cầu dân ý. Mỗi lần trưng cầu dân ý là một lần thua, vì đa-số dân-chúng nhất-định "em chả" thèm dọn ra riêng! Mỗi lần thua, các ông các bà lại gom-góp tàn-lực rình-rập tìm cơ-hội... trưng cầu dân ý lại. Chuyện dài "đi hay ở" cứ xào đi nấu lại hoài hoài làm cả nước Gia-nã-đại lao-đao và Québec càng ngày càng nghèo vì tư-bản quốc-tế ôm của bỏ chạy hết.

Mới đây, ông Tây "Mang cả nước ra đánh cuộc" trong một phút ngẫu hứng... lý qua cầu đã phát ngôn linh-tinh trước quí vị đại-sứ của Cộng-đồng Âu-châu trong một bữa tiệc, khoe rằng Ngài đã "gài" được cuộc trưng cầu dân ý mới nhất vào ngày 30.10 này. Trăm lần *Non*, chỉ cần một lần *Oui* là toàn-thể mấy triệu dân *Québec sẽ như con tôm hùm bị nhúng nước sôi* mà thôi, nghĩa là hết đường cựa-quậy, mặc ai muốn xất lát thì xất, muốn phết may-don-ne thì phết.

Câu tuyên-bố xanh dờn của ngài Thủ-hiến bị báo-chí Âu-châu khui ra trước công-luận, khiến dân-chúng nổi sùng và nội-các cũng như quí vị dân-biểu của ngài cứ phải líu lưỡi cải-chính rằng ngài Thủ-hiến có nói tới "con tôm hùm" nhưng không có nói tới chuyện "nhúng nước sôi."
Thôi cũng được, một nửa sự thật thì cũng đã là con tôm hùm! Quả là ngài thật to gan, dám ví dân đen như món ăn thức uống, coi đất nước như là của riêng, muốn nhai thì nhai, muốn nuốt thì nuốt.

Coi dân như tôm tép, Ngài mất phiếu của cử-tri gốc an-nam-mít là cái chắc. Nhưng dân Mít có câu *họ nhà tôm cứt lộn lên đầu*, nếu cả nước là con tôm thì ngài Thủ-hiến là cái đầu của nó, cũng chả lấy gì làm thơm-tho!

đến cái đầu tôm...
Văn Bút "Âu-lạc"

Hãy tạm gác chuyện tôm cá xứ người để bàn chuyện của mình. Cuối tháng 11 này, Văn Bút Việt-nam hải-ngoại họp Đại Hội-đồng ở Little Saigon để bầu ban chấp-hành nhiệm-kỳ 95-98. Năm nay có hai liên-danh ra tranh-cử, một do đương-kim Chủ-tịch Viên Linh đứng đầu và liên-danh thứ hai do nhà văn Sơn Tùng, Chủ-tịch Trung-tâm Miền Đông thụ-ủy.

Đây là lần đầu-tiên Văn Bút Việt-nam hải-ngoại có hai liên-danh ra tranh-cử. Và đây cũng là lần đầu-tiên xảy nhiều chuyện lủng củng trong mùa bầu cử. Trước đây hai năm, ông Viên Linh với một liên-danh độc-diễn đã bị Đại Hội-đồng quật rớt đài, phiếu "chống" nhiều hơn phiếu "thuận." Chuyện trớ-trêu là 3 người trong cùng liên-danh của Viên Linh đã bỏ phiếu chống chính liên-danh của mình.

Ông thụ-ủy Viên Linh mặt xanh như tàu lá, lập-cập xin Đại Hội-đồng cho bầu lại. Ba người trong liên-danh của ông tuyên-bố rút tên. Ông thụ-ủy nài-nỉ lần nữa và Đại Hội-đồng dễ-dãi cho phép liên-danh què-quặt lên đài lần thứ nhì. Lần này Viên Linh may-mắn kiếm được 1 phiếu phước thiện của một kẻ mềm lòng nào đó, đậu chức chủ-tịch. Kiếm được một phiếu, ông lại lập-cập tuyên-bố sẽ "làm một nhiệm-kỳ rồi thôi." Chả mấy ai để ý đến lời ông, vì chả có điều gì buộc ông phải vớt-vát một câu lấy lệ ra cái điều ta đây không ham chức-tước. Dù muốn dù không, toàn thể buổi họp đều được ghi băng và những lời vàng của ngài Chủ-tịch đã lưu lại muôn đời.

Nói lời rồi lại nuốt lời, năm nay ông Chủ-tịch chuẩn-bị ra lại. Để kiếm thêm phiếu bầu, ông chạy đôn chạy đáo lập một loạt các trung-tâm mới, dúi thẻ cử-tri vào tay họ, làm như những người này là ...con cái trong nhà, bố "đẻ" con ra thì con phải bầu cho bố!

Nhưng, trường-hợp gian-lận này đã được bản Điều-lệ ngăn-ngừa! Điều-lệ nói rằng, các trung-tâm tân lập phải được Đại Hội-đồng chính-thức thừa-nhận. Ông Chủ-tịch Viên Linh lờ tít Điều-lệ, cứ rủ-rê hết người này đến người nọ "đi họp cho vui", bất-chấp họ có phải là hội-viên hay không. Chả hiểu vì ông đọc chữ không thông, hay vì ông coi Đại Hội-đồng như ...con nít, bảo sao nghe vậy?

Xem ra từ lối làm việc cho đến trình-độ kiến-thức phổ-thông, ông Viên Linh tỏ ra xứng hợp với ngài "Vô Thượng-sư" hơn là Văn Bút. Thôi thì ông cứ yên tâm về nhà làm thơ, chờ có dịp lên mi-cờ-rô ngâm cho "sư-phụ" nghe, kiếm hai trăm bỏ túi lai-rai cho khoẻ, trì níu làm chi cái chiếu trên cho mệt thần xác! ●

---

vẽ voi

gửi Mõ (LV)

"Mõ này cả tiếng lại dài hơi"
Sách giáo khoa thư phán thế rồi
Giấy lá phong dù cho mạt cám
Cũng không nên phí phạm ân trời.

Một gã văn gian tìm chất liệu
viết lại ngày trốn lính tả tơi
Một anh thầy thuốc đi châm chích
chốn quê buồn kiếp nạn như rươi.
Một ả phong trần khoe của lạ
ngôn đôi điều bậy bạ đưa hơi
Một chàng thơ thẩn lên Văn Bút
mung mánh dăm ba kiếm chút hời.
Một khứa rắn-ri ghiền thuốc lá,
được quan ôn giấm-giúi làm lời
Mấy kẻ giao lưu tìm bạc chẵn
bõ từng phen đói rách tơi bời.
Chẳng qua lợi nhuận như son phấn
ánh đèn màu quyến rũ khách chơi.

Hà tất bảo đao đem mổ lợn
Để bình sinh lãng phí một thời
Ví cũng nòi tình mà tráng chí
Bút làm gươm, đếch múa khơi khơi.

nam chi thượng nhân

lệ làng:

MUA BÁO DÀI HẠN
nhanh . rẻ . nhiều quyền-lợi khác

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt từ 10% đến 25% khi mua sách do *Làng Văn* phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân-phiếu hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn tại Gia-nã-đại (Canada).

Độc-giả tại Gia-nã-đại, Hoa-kỳ và Anh-quốc có thể trả bằng chi-phiếu (cheque/check) cá-nhân, gửi về tòa-soạn Gia-nã-đại.

Độc-giả tại các nước khác xin trả bằng bưu-phiếu mua tại bưu-điện, hoặc ngân-phiếu mua tại ngân-hàng. Cũng có thể trả bằng chi-phiếu cá-nhân theo giá tiền địa-phương, gửi về văn-phòng Làng Văn địa-phương.

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(một năm 12 số, kể cả báo Xuân)

Báo gửi trong Gia-nã-đại:	70$ (máy bay); 50$ (đường bộ)	
Gửi đi Hoa-kỳ:	đường hàng không:	70 mỹ-kim (96 GK)
	đường bộ:	50 mỹ-kim (68 GK)
Các nước khác:	đường hàng-không:	80 mỹ-kim (110GK)
	đường thủy:	50 mỹ-kim (68 GK)

Ghi-chú:
- GK: gia-kim: CA$ (tiền Gia-nã-đại); mỹ-kim: US$ (tiền Mỹ)
- Nếu trả bằng chi-phiếu / tiền địa-phương, xin theo giá:

Anh:	đường thủy 35 bảng/ hàng-không 60 bảng.
Bỉ:	đường thủy 1.600 quan / hàng-không 2.700 quan
Đan-mạch:	đường thủy 400 đan-kim/hàng không 550 đ-kim
Đức:	đường thủy 90 đức mã / hàng không 140 đức mã.
Hòa-lan:	đường thủy 100 gulden / hàng-không 170 gulden.
Na-uy:	đường thủy 400 krone / hàng-không 550 krone.
Nhật-bản:	đường thủy 6.000 yen/hàng-không 10.000 yen
Pháp:	đường thủy 300 quan / hàng-không 500 quan.
Úc:	đường thủy 80 úc-kim / hàng-không 120 úc kim.

Dù đang cư-ngụ tại bất cứ quốc-gia nào, quí độc-giả đều có thể gửi thẳng chi-phiếu bằng tiền địa-phương về tòa-soạn Làng Văn tại Gia-nã-đại. Xin đề trả cho: "Mr. NGUYEN"

Quí vị cũng có thể gửi về các văn-phòng đại-diện tại quốc-gia bạn cư-trú, theo các địa-chỉ kể sau:

Đức:
Dr. Ngô Việt Dũng
Postfach 104122
44041 Dortmund
(ĐT: 231-656-949)

Na-uy:
Dương Kim
Bjørn Bondesvei 153
1253 Oslo
(ĐT: 047-22-302562)

Đan-mạch
Đặng Văn Nhâm
Hallandsparken 150
2630 H. Taastrup
(ĐT: 45-43-71-31-87)

Hòa-lan:
Hồ Thị Chiến
Lyster 77
1628 Am-Hoorn-NH
(ĐT: 02290-31666)

Úc-đại-lợi:
Phạm Quang Ngọc
P.O. Box 225
Bonnyrigg, NSW 2177
(ĐT: 02-823-6129)

Nhật-bản:
Phạm Ngọc Thanh
262-69-103, Shemowada
Yamato-She
Kanagawa-Ken, 〒 242

Quí vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 12 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày tòa-soạn nhận được chi-phiếu. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quí vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ,..).

Quí độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quí vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:.....

Địa chỉ:.....

.....

.....

mua:.....năm; từ số:.....; kèm chi-phiếu:.....$

Ngân, chi-phiếu xin đề và gửi về:
"Mr. NGUYEN"
P.O. Box 218, Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

.....

.....

Xin đề: "Do.....tặng

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....$

Lưu ý: Khi đổi địa-chỉ, xin quí độc-giả vui lòng báo trước cho tòa-soạn biết. Dùng phiếu đổi địa-chỉ in ngoài phong bì gửi báo; hoặc ghi rõ: tên người mua báo, mã-số và địa-chỉ cũ kèm theo địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả lại.

BÀI VỞ

1. Bài gửi đăng có thể viết trên hai mặt giấy, nếu trong hoàn-cảnh khó-khăn. Nếu viết bằng máy vi-tính IBM hoặc tương-đương, xin vui lòng gửi đĩa bài về tòa-soạn, và cho biết loại Việt-chương (VNI hoặc VNLab). Tòa-soạn dùng chữ Việt của hãng VNLab (và WinWord).

2. Tòa-soạn không hoàn lại bản-thảo, dù kèm tem, xin quí tác-giả vui lòng sao giữ lại.

3. Ngoại-trừ các bài có tính-cách tin-tức, thời-sự tòa-soạn cần phổ-biến rộng, *Làng Văn* tránh không đăng bài trùng.

Bài gửi riêng cho *Làng Văn*, xin ghi chữ *"riêng"* ở góc trái, phía trên đầu bài.

4. Nếu không cho phép tòa-soạn nhuận-sắc, xin ghi thêm các chữ *"không sửa"*.

5. Bài đã ghi vào cột *"sẽ đăng"*, muốn gửi cho báo khác, xin vui lòng báo trước.

6. Bài đã đăng trên *Làng Văn*, sau ba tháng, tác-giả có thể gửi đăng lại trên các báo khác.

7. Các bài đã đăng trên *Làng Văn*, tòa-soạn sẽ chọn và phân loại để in sách. Nếu tác-giả cần giữ lại cho sách riêng, hoặc giao cho các nhà xuất-bản khác, xin thông-báo cho tòa-soạn để tránh in trùng. Khi in sách, tòa-soạn sẽ trả nhuận bút và tặng sách.

8. Quí đồng-nghiệp muốn trích đăng lại, xin vui lòng báo trước và chờ sự thỏa-thuận bằng thư. Bài trích đăng, xin ghi rõ các chữ: *(Làng Văn số...)* ngay bên dưới tên tác-giả hoặc ở cuối bài.

thư đi tin lại

NGUYÊN HƯƠNG phụ-trách

THÔNG-BÁO CHUNG

Kể từ tháng 7.1995, một số độc giả có tên sau đây (tất cả đều ở Đức) không nhận được báo gửi hàng tháng, dù báo vẫn gửi đều. Tòa soạn đã khiếu nại với Bưu điện Gia Nã Đại. Văn phòng Làng Văn tại Đức sẽ khiếu nại với Bưu điện Đức quốc. Tòa soạn cũng đã gửi thư riêng thông báo cho từng vị, để khiếu nại với Bưu cục và bưu tá địa phương:

Hoàng Thị Doãn, Nguyễn Văn Sách, Trần Thị Kim Oanh, Nguyễn Văn Huynh (Nguyễn Thị Lộc), Trần Quốc Toản, Dư Quốc Thắng, Đoàn Thị Kim Chi, Lê Ngọc Thanh, Trần Thị Phúc, Nguyễn Văn Sách, Phan Ngat, Mai Anh Tuấn, Phạm Chí Hoàng, Trần Thanh, Nguyễn Thị Hoè, Lê Thị Hồng Sương, Lê Thị Ngọc Diệp và Nguyễn Văn Cường.

Bạch Liên nương tử, Na Uy: Đã nhận được sách biếu, sẽ quảng-cáo, giới thiệu, và sẽ gửi phiếu chiết tính sang. Thân.

Ông Hương Bình Lê Hữu Dân, Fremont: Xin ông gửi thêm 30 mỹ kim mới đủ chi phí quảng cáo đăng 1 kỳ (đăng dài hạn 4 kỳ: 40MK mỗi kỳ; đăng một kỳ: 70MK).

Ngô Minh Hằng, NJ: Cảm ơn bạn về sự thương mến, ủng hộ và các bài thơ. Kính.

Nhà văn Hồng Huy, Winnipeg: Sách Xóm cũ của Diên Khánh, sẽ dùng bài lưu trữ trong đĩa của tòa soạn (đã đọc một lần). Bà nhà chỉ cần sắp xếp theo thứ tự, sao chụp lại từ các trang báo, sửa những chỗ cần sửa rồi gửi về tòa soạn cùng lời giới thiệu. Đừng gửi đĩa về. Kính.

Ông Trần Văn Anh, Hòa Lan: Vì văn phòng đại diện tòa soạn tại Hòa Lan đóng cửa nghỉ hè 6 tuần nên thư tái hạn của ông đến muộn. Nay đã gửi lại đều đặn như trước. Kính.

Nhà thơ Việt Phong, Vancouver: Đã nhận được bài thơ và ảnh mới nhất của anh chụp cùng Ông Thế Hùng, đã lưu hồ sơ để in trong cuốn *Làng Văn* trong dòng thời cuộc. Có dịp công tác tại miền tây sẽ ghé thăm các anh. Thân.

Tống Minh Long Quân, Ottawa: Kỳ này đã đăng thêm đoạn văn bị mất. Nguyên nhân là ông Mập cắt đoạn đó để dành qua số 134 cho thêm gay cấn, rồi quên bẵng luôn. Thật đáng tội! Lúc in sách sẽ sắp liên tục như bản thảo. Thân.

Ông Zeng Sen, San Jose: Đã nhận được bài xuân, cảm ơn ông. Sẽ đăng. "BC" trên lưới thông-tín điện tử không phải là Bút Chì của *Làng Văn*. Ông dùng dùng VNU-2, muốn đọc lại các bài cũ viết bằng VNU, xin thử dùng cách chuyển từ VNI sang VNU (xem bài cũ viết bằng VNU y như bài viết bằng VNI). Kính.

Ông Nguyễn Minh Nhân, BC: Đã nhận được ảnh *Hoa tuyết*, cảm ơn ông. Không dùng được vì bố cục hơi rối. Nếu được, xin ông tiếp-tục gửi thêm các bức khác. Kính.

Anh Lê Nguyên Vũ, Hương Cảng: Sẽ lưu ý về những lời anh dặn về các bài thơ. Đã gửi báo cho trại tù Pik UK. Nếu có thể, anh viết cho một bài về đời sống của người Việt tại hai nhà tù Shek Pik và Pik UK. Chúc anh may mắn.

Nhà thơ Trần Ngân Tiêu, Florida: Đã nhận được bài viết và thơ. NH "xí" bài thơ, còn bài viết xin dành cho *Dân Chủ Mới*. Chúc anh vui vẻ và chóng lên cân trở lại. Thân.

Anh Thảo Nguyên, Hương Cảng: Đã nhận được ảnh *Thuyền nhân đọc báo Làng Văn* và mẩu báo anh gửi. Rất quí! Thân.

Vi-An, Nhật-bản: Tư-tưởng Krishnamurti có đụng "ổ kiến lửa" thì tác-giả chịu, dịch-giả và nhà xuất-bản có thể bị rầy rà chút thôi, không sao! Sau đây là địa chỉ Krishnamurti Foundation of Ameria (do nhà văn Huỳnh Hữu Cửu gửi cho): P.O. Box 1560, Ojai, CA 93024-1560, USA. Anh thử liên lạc hỏi mua các cuốn sách hiếm ấy xem.

Xin chuyển lời khen của anh tới Hoàng Nga và Ngô Nguyên Dũng *(Đền rùa vàng)*.

NH không biết ca-khúc *Về thu (thu ơi là ơi thu, dịu-dàng áo sương-mù)*. Không chắc của NQT.

Muốn "chào thầy", anh nên viết thư nhờ NH chuyển cho phải đạo. Thân.

Nhà văn Nguyên Bá, Edmonton: Đã nhận được truyện ngắn, cảm ơn ông. Tòa soạn chỉ đọc được đĩa chữ viết bằng VNI, VNLab hoặc VNU. Kính.

Ông ND, Alberta: Cảm ơn ông đã cổ-động hộ báo nhà. Thực sự, báo hay hoặc dở, tiến chậm hay tiến nhanh, công lao đóng góp của bạn đọc rất lớn. Tòa soạn giàu, có thêm phương tiện để cải tiến, nhất định là phải hay hơn.

Các câu hát ngô nghê trong các bài dân ca... giả trên băng hình, NH

...chịu, không hiểu nổi! Riêng mấy chữ "lá diêu bông" theo nghĩa nguyên thủy, xin ông xem mục *Độc giả thắc mắc* kỳ này. Kính.

Nhạc sĩ Nguyễn Quyết Thắng, Hòa Lan: Năm sau ông bà đi nghỉ hè, chắc sẽ phải đăng thông cáo trên báo, để độc giả tại Hoà Lan ngoài chi phiếu tái hạn gửi về văn phòng đại diện, gửi thêm một thư báo tin cho tòa soạn biết để tránh gián đoạn nhận báo. Thôi, lâu lâu nghe "cằn nhằn" một chút cho ...vui!

Đã gửi hoá đơn và sách cho bà TTND.

Dặn thêm về tía tô: mùa đông rau chết cứ để nguyên đó, đừng nhổ bỏ, sang năm sẽ mọc lại. Cẩn thận thì cắt một vài nhánh có hạt để làm giống (đừng cắt hết). Thân.

Anh Võ Anh Dũng, PQ: Cảm ơn anh đã gửi một số ảnh quê hương. Ảnh chụp đẹp đấy, tiếc là chưa chọn được tấm nào!

Ngô Công Tử, Đức: Không hiểu vì lý do nào, gần 20 độc giả tại Đức không nhận được báo từ số 131 đến nay. NH đã gửi thư khiếu nại với Bưu điện Gia Nã Đại, đồng thời gửi thư riêng cho từng người, yêu cầu khiếu nại tại Bưu cục địa phương. NH cũng gửi danh sách này sang cho công tử, nhờ viết thư khiếu nại với Bưu điện trung ương bên Đức (nhớ điểm thêm một tràng tiếng... Đức cho mạnh câu văn!).

Truyện *Đền rùa vàng* được nhiều người khen lắm vì lối đối thoại sinh động, dí dỏm... Nên tiếp tục. Thân.

Duy Miên, Kansas: Đã nhận được truyện mới và các bài gửi cho xem, cùng với rất nhiều ảnh, cảm ơn chị.

TB1, TB2 nặng về kỷ niệm, liên quan đến nhiều người nên khó viết cho hay! Phải vượt thoát những đề tài ấy mới có thể tiến xa.

Đồng ý dùng thêm "bí danh" cho tăng phần hồi hộp. Người ta duy tâm, duy linh, duy vật,.. còn nàng thì Duy Miên, chắc ...ngủ tối ngày? Thân.

Ông Võ Thành: Đã chuyển thư ông cho quí đồng hương Diên Khánh. Chúc ông có dịp *tha hương ngộ cố tri*. Kính.

Nhà văn Nguyễn Tư, Úc: Đã gửi báo cho anh, tiền tem tính vào tiền sách. Sẽ kiểm lại các mặt sách cũ và "báo cáo" cuối năm. Chúc anh viết đều.

Bà Già Trầu, Troyes: Đồng ý in thơ cho cô con gái của má trầu. Gửi tất cả sang, NH tính toán và cho biết con số. Cả cô em bên Mỹ cũng vậy. Còn chuyện nhạc, chàng Mập bảo để xem có "yên sĩ phi lý thuần" không đã!

Đến bây giờ lão thái mới biết cái loa của RFI Việt ngữ bên Mỹ là ai thì chậm quá! Vẹm Paris nắm gọn nó khá lâu rồi! Thân.

Anh Phạm Phong Dinh, Winnipeg: "Thông cáo" ra được ba tháng, chỉ có mỗi mình anh nộp bài cho trang thể thao. Hóa ra phần lớn độc giả *Làng Văn* không lưu tâm đến sinh hoạt... khoẻ và đẹp! Thôi thì tạm gác chuyện tài năng và bắp thịt lại ít lâu. Cảm ơn anh đã tham gia. Thân.

Anh Ngô Kim Khôi, Paris: Về tranh, anh gửi ảnh chụp là đủ, rửa theo cỡ thông thường thôi, không cần phóng lớn.

Về thơ, tiếp tục gửi xem. Mong tin.

Anh Vũ Phái, Rockville: Tòa soạn không giữ địa chỉ thân nhân ông Lữ Minh Lộc. Hi vọng cô Lữ Ngọc Trang được mấy dòng này, liên lạc với tòa soạn để biết tin bạn cũ sau 18 năm mất liên lạc.

Ông Đào Đức Chương, San Jose: Trong bốn nhóm đề tài ông nêu ra, NH thấy đề tài nào cũng hấp dẫn (quả thật là tham lam) tuy các bài thuộc nhóm 2 có vẻ dễ đọc hơn cả. Vậy xin ông cứ theo thứ tự từ trên xuống dưới mà viết là được; hoặc bắt đầu với "các vụ án văn-học." Kính.

Nhà văn Võ Phiến, CA: Đã chuyển lời khen của anh chị đến tác giả *Người bạn ở khung trời cũ*. Hai người bạn ấy hiện vẫn song hành trên đường đi rao giảng điều lành, chỉ khác là một người áo đen, một người áo trắng. Kính.

Anh Nguyễn Như Sơn, Sydney: Nhiều người biết gốc gác của ông bạn thi sĩ của anh lắm, không riêng gì NH đâu. Trong làng cũng có nhiều người lâm vào hoàn cảnh của anh ấy.

Mừng anh đã tìm được việc. Tạm thời cứ như thế đi, rồi tính sau. Thân.

Hằng, San Jose: Chàng mập nhắc tới các thế hệ du ca cô chú của bạn để mong bạn ta tôn chàng lên hàng "chú bác" đấy!

Hai ông bạn thơ văn Hằng hỏi, một ông đã sang sông... Bến Hải, còn một ông vui thú điền viên, đuổi gà và chăn (hai) con cho vợ.

Gửi tặng bạn tập thơ có bài *Tống biệt*; còn nhạc, xin tìm đĩa *Đưa người về phương đ*ông của Phạm Anh Dũng (Duy Trác hát).

Khi Hằng tuyên bố, nàng là riêng của *Làng Văn* rồi, thì tất cả bài gửi về làng không cần đề thêm chữ "riêng" nữa. Thân.

Nhà văn Nguyên Hương (Texas): Chúc ông "đông" du may mắn, kiếm được nhiều tài liệu. NH rất thích đăng những bài toàn bích, không cần phải nhuận sắc, sửa lỗi chính-tả, văn phạm,.. đỡ đau đầu. Nếu tác giả dặn "không sửa", tất nhiên tòa soạn sẽ không sửa, nhưng nếu đăng, sẽ phải chú thích những điểm "tồn nghi" hay "sai lầm" xuống dưới bài. Trong trường hợp đó, phải là bài thật xuất sắc, tòa soạn mới phổ biến. Kính.

Ông bà Bùi Văn Nhẫm, Pháp: Đã nhận đủ các bài và hai cuốn sách. Cảm ơn sự cộng tác của ông bà. Kính.

Ông Phạm Khánh Hưng, Thái Lan: Đã gửi báo sang cho ông. Nếu có thể, xin ông gửi thêm chi tiết về tổ chức của ông, hi vọng tòa soạn sẽ

giúp được gì chăng. Kính.

Thi sĩ Tô Giang, BC: Vì mức độ tiêu thụ sách tại hải ngoại rất thấp, nhiều nhà xuất bản (hay tác giả) chỉ in 500 cuốn mỗi tựa sách và không tái bản. Đó là lý do có một số ít tựa sách in trên Thư mục, nhưng chỉ sau vài tháng là hết. Kính.

Nguyên Kha, Hương Cảng: Đã nhận được thư và bài thơ. Khuyên nhủ anh em cố gắng học lấy một nghề trong tù, rất cần thiết cho mai sau, dù ở xã hội nào. Mong tin anh.

Anh Vũ Tiến Dũng, Hương Cảng: Đã nhận đủ các bài. Tiếng vang rất tốt. Cố gắng lên! Chúc anh may mắn.

Ông Nguyễn Văn Bá, Virginia: Đã nhận được hai bài anh gửi hộ cho người nhà. Tòa soạn đang đọc, và mong sẽ dùng được. Trong mấy năm sau này, *Làng Văn* đã đăng khá nhiều bài từ trong nước gửi "chui" ra ngoài, nhưng không khoe ầm lên, vì lý do bảo mật cho tác giả. Kính.

Bà Lê Thu Hương, VA: NH nghĩ là bức tranh sơn mài đăng trên bìa số 132, đã được tác giả mang sang Hoa Kỳ. Xin bà viết thư cho họa sĩ Hiếu Đệ, nhờ tòa soạn chuyển. Kính.

Nha sĩ Đỗ Xuân Sơn, PQ: Đã nhận được trái phiếu 23,40GK ông gửi lại. Không thấy thư kèm dặn dùng vào việc gì. Xin vui lòng cho biết tôn ý. Kính.

Cô Lâm Xuân Hoàng, San Diego: Cảm ơn cô về tiền tem "chuyển lửa". Số 55 đang đợi copy. Chúc vui.

Một độc giả (nhờ tìm giúp một tử vi gia): NH có biết vài cụ, nhưng người đã qua đời, người đã quá già yếu nên rất tiếc không giúp gì được. Kính.

Anh Phạm Vũ Dũng, MB: Các mẫu tin anh gửi, được lắm, nhưng chậm quá. Nhanh nhanh hơn một chút, nhé! Cảm ơn anh. Kính.

BS Huỳnh Hữu Cửu, CA: Cảm ơn ông lang đã mách cho địa chỉ trên. Cuối tháng 11, NH có mặt ở quận Cam, mong có dịp gặp ông bà. Thân.

K. Phương, Thụy Sĩ: Cảm ơn Phương cho biết sẵn sàng đón tiếp "phái đoàn" Âu du (chưa biết là bao nhiêu mạng) năm tới. Để sắp xếp xem. Chỉ 15 ngày, đi hết Pháp, Bỉ, Hoà Lan, Đức, Đan Mạch, Thụy Điển, Na Uy, chưa chắc vòng xuống Thụy Sĩ nổi! Rất muốn xuống thăm đất nước xinh đẹp nơi Phương sinh sống. Muốn lắm, nhưng e bạn đọc tại các nơi khác đọc báo trễ... một tháng, rầy rà chết! Thân.

Ông Hoàng Sinh Tài, Houston: Mỗi tháng, toà soạn chỉ gửi báo một lần cho độc giả tại Mỹ theo cước phí dành riêng cho báo chí nên không thể gửi riêng các số báo cũ được. Xin ông gắng đợi. Kính.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: Đào Đức Chương, Hương Kiều Loan, Bùi Văn Nhẫm, Lê Quang Nghiêm, Ngô Nguyên Dũng, Vũ Tiến Dũng, Nguyễn Như Sơn (2), Nguyên Bá, Hoàng Xuyên, Tô Giang, Thảo Nguyên, Zeng Sen, Biển Mặn Trường Sơn, Doãn Thanh Hùng.

Thơ: Ngô Kim Khôi (2), Lê Nguyên Vũ, Vạn Giả (2), Đan Hà (4), Hà Chính Bình, Ông Thế Hùng (2), An Hằng (7), Nguyễn Phù Sa (2), Ngô Nguyên Dũng, Nguyễn Đức Thanh (2), Ý Nga (8), Nam Chi Thượng Nhân (4), Trần Ngân Tiêu (5), Ý Nguyệt, Trần Vấn Lệ (18), Nguyễn Như Sơn (4), EP (3), Lâm Hảo Dũng, Phan Các Chiêu Hằng (3), Nguyễn Văn Cường (5), Tô Giang, Ngô Minh Hằng (4), Song Châu (3), Nguyễn Vĩnh Long (2).

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Đám tiệc lên trời (NND), Chuột: kẻ yêu người ghét (ZS), Trang (TN), Tìm vàng dưới đáy mộ (LNV), Cái bóng (VTD), Phong trào Cần Vương qua thi ca (ĐĐC), Bố con (NHKL), Giậm cù và ven đăng (LQN).

Thơ: Ta và đỉnh sầu (NMH), Ai về sông Đáy (TG), Ngỡ dại hoá khôn, Mối thiêng liêng, Chiếc nhẫn ngày xưa (NVC), Những ngôi nhà ở Bonny Rigg (LHD), Tết quê người, Hỏi em (EP), Cũng nhiêu khê (YN), Thu đến, Nói chuyện với trăng, Hãy quên nhau (TNT), Uống trà bên hiên, Âm vang (NĐT), Cát câm (NND), Lời trần tình, Âm vang điệu buồn (VG), Cát bụi, Khúc hát cũ (OTH), Tụng bang giao, Vẽ voi, Chúc Tết (NCTN), Chiều tan trong mắt ai, Chiều qua sông, Mùa thu mới, Chiều thu tha hương, Xin tha thứ, Bước thời gian (TVL), Tháng mười mừng sinh nhật bạn, Lối về của tiểu muội (PCCH), Tình ca hai mươi năm (SCDNN).

---

nhắn tin tị-nạn

Thể-thức và giá biểu: tối-đa 50 chữ; 15 mỹ-kim (20 gia-kim) một kỳ; miễn-phí cho đồng-bào tại các trại tị-nạn.

Tìm anh là **Phạm Văn Thức,** trước ở trại tị-nạn Nhật, 211 Toyohara Motobu, Okinawa Ken, Japnan năm 1982, nay ở đâu xin liên lạc về **B.T.N.**, 91-929 Hanakaha St., Ewa Beach, HI 96076, USA.

Tìm cha mẹ đỡ đầu là **Nguyễn Văn Lấm** và **Dương Thị Nét** cùng các bạn Ngul, Vẹn. Năm 1986, cha mẹ và các bạn cùng ở trại Site II, Thái-lan, nay định-cư ở Québec, Canada từ năm 1987, Nhận được tin này, xin liên-lạc với con là **Nguyễn Văn Sai**, trước ở trại Dong Rek, site II, mười hai năm nay vẫn hãy còn trong trại tị-nạn. Địa-chỉ: Nguyễn Văn Sai, PST 11739, House C5, Thai Red Cross Society, P.O. Box 1302 Bangkok 10501, Thailand.

CHÚC MỪNG

Nhận được tin vui, ông bà Nguyễn Minh Ngọc, tức nhà văn SƠN TÙNG, Chủ-tịch Trung-tâm Văn Bút Việt-nam tại Miền Đông Hoa-kỳ, làm lễ thành-hôn cho trưởng nam là

NGUYỄN ĐOÀN BẰNG

se duyên cùng cô

TRẦN PHƯƠNG TÂM

thứ nữ của ông bà Trần Hữu Lý (Sài-gòn, Việt-nam); hôn-lễ cử hành tại Falls Church, Virginia ngày 11 tháng 11 năm 1995.

Kính chúc mừng hai họ; thân ái chúc các cháu Bằng & Tâm hạnh-phúc bên nhau trọn đời.

Nguyên Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

Đã phát-hành khắp nơi:
Tập truyện vui thứ ba và tư của **CẢ CƯỜI**
(sau: Cười cho đời đỡ khổ
Cười cho đời lên hương
Cười toe)

Giá mỗi cuốn:
7 mỹ-kim
(10,50 gia-kim)
Hỏi tại các nhà sách
hoặc gửi chi-phiếu về:
LÀNG VĂN
P.O. Box
Station"U"
Toronto, Ontario
M8Z 5P1
Canada

Tin sách:

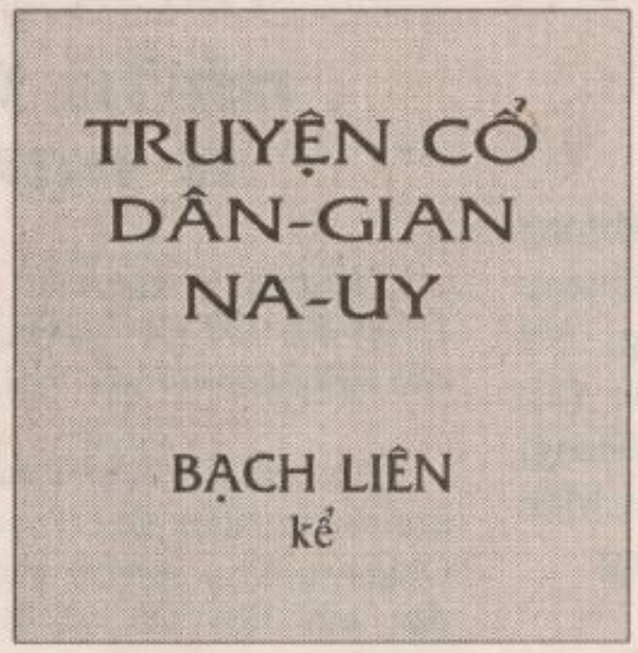

Gồm 14 truyện cổ-tích

. Truyện cổ dân-gian Na-uy là loại truyện ở hiền gặp lành, tránh gieo gió để khỏi gặt bão, và hạnh-phúc trên đời này chỉ dành cho những người có tâm-hồn thánh-thiện.

. Cổ-tích cũng là loại truyện vừa giúp vui, vừa giúp xoa-dịu nỗi đau-thương trong cuộc sống.

Giá 12 mỹ-kim, money-order xin đề:
Trương Thị Kim Anh
Klasatjonnvei 6
5071 Loddefjord, Norway

Xin đặt mua ngay quyển sách đã làm hàng triệu người Mỹ rung cảm: ***20 POEMS AND 1000 THOUGHTS***

20 bài thơ và 1000 Danh Ngôn Tư Tưởng

của Huy Lực Bùi Tiên Khôi

Sách in tuyệt đẹp, bìa cứng màu xanh, chữ mạ vàng, do nhà xuất bản Hoa Kỳ PROFESSIONAL PRESS ấn hành. *Nhà xuất bản đã giới thiệu Huy Lực Bùi Tiên Khôi là một nhà thơ lớn, một triết gia, một học giả lỗi lạc, thơ ca và danh ngôn của ông đã làm xúc động sâu xa đủ mọi hạng người.*

Giá 25 đô la, luôn cả cước phí và thủ bút của tác giả.

Dr. KHOI TIEN BUI
P.O. BOX 720236 Houston, TX 77272

Sách mới:

LỊCH-SỬ VĂN-HỌC ANH

của **ĐỖ KHÁNH HOAN**

Ba Vì tái-bản, sách dày 1200 trang, trình-bày, giải-thích, phân-tích thời-đại, nguồn-gốc, phong-trào, khuynh-hướng, trường-phái, tác-giả, tác-phẩm,.. đồng-thời tóm-lược giai-tác giá-trị từ khởi-thủy đến giữa thế-kỷ XX.

Món quà thật ý-nghĩa đối với người yêu-văn-chương, văn-học. Giá bán $60. Hỏi nhà sách hay liên-lạc:

Nhà xuất-bản Ba Vì
105 Lavery Trail, Scarborough, Ont. M1C 4Z2 Canada
(ngoài Ontario, trả thêm $7 bưu-phí; ngân-phiếu đề "Quan Do")

Call Vietnam for just $1.09* a minute

If you join Sprint Canada and take advantage of The Most Worldwide™ savings plan you'll be getting The Most for the Least™. That means you'll get 50% off the three numbers you talk to for the most minutes each month. One number Overseas. One number in Canada and one in the U.S. Plus, you'll save 15% on all your other calls.

And if you call the most to a number in Vietnam, that call could cost as little as $1.09 a minute*. Take a look at the chart below to see how much you could save with Sprint Canada.

50% off the overseas telephone number you talk to the most minutes

50% off the U.S. telephone number you talk to the most minutes

Discount on a discount!

Call to:	Telephone Number	Minutes	Standard Rate	Time of Day Discount	Sprint Discount	Sprint Rate
Hanoi, Vietnam	(84)2 555-1234	30	$88.45	$66.49	$33.25	$33.24
Hanoi, Vietnam	(84)2 555-1234	15	$44.95	$33.79	$16.90	$16.89
Ho Chi Min, Vietnam	(84)2 555-6789	25	$73.95	$55.59	$8.34	$47.25
New York	(212) 555-5555	40	$20.40	$13.26	$6.63	$6.63
Vancouver	(604) 555-3333	22	$10.56	$4.22	$0.63	$3.59
Vancouver	(604) 555-4567	30	$14.40	$5.76	$2.88	$2.88
			$252.71	$179.11	$68.63	$110.48

You save $68.63 or 38% with The Most Worldwide™

Examples based upon calls made from Toronto (all amounts exclude applicable taxes)

50% off the Canadian telephone number you talk to the most minutes

15% off all your other calls!

The Most Worldwide™ savings program discounts are on top of the local phone company's regular, non-promotional time-of-day discounts. So, if you're in the habit of calling late at night or on weekends, you'll get a discount on a discount. That way, you can talk even longer to your friends or loved ones.

What are you waiting for? With outstanding customer service and crystal clear calls, you should join Sprint Canada today.

Call 1-800-931-6678

Sprint Canada

* Based on calls from Toronto to Vietnam to the one number overseas to which you have the most minutes dialled that month, from 12 A.M. - 8 A.M. excluding the first minute.

TM , ®: Sprint, the Sprint logo, The Most for the Least and The Most Worldwide are trademarks of Sprint Communications Company L.P., used under licence by Sprint Canada Inc. © Sprint Canada Inc., 1995

THƯ-MỤC BỔ-TÚC

Làng Văn phát-hành

(sách mới về, bổ-túc Thư-mục 1995, đã phát-hành)

. *Độc-giả Làng Văn tại Gia-nã-đại và Hoa-kỳ:*

- mua dưới 100 mỹ-kim (hoặc 150 gia-kim): được bớt 10%, miễn cước-phí.
- mua từ 101 mỹ-kim đến 500 mỹ-kim (151 gia-kim tới 750 gia-kim): được bớt 15%, miễn cước-phí.
- mua từ 501 mỹ-kim (751 gia-kim) trở lên: được bớt 25%, miễn cước-phí.

. *Độc-giả Làng Văn ở các nước khác, ngoài Gia-nã-đại và Hoa-kỳ:*

- mua dưới 100 mỹ-kim (hoặc 150 gia-kim): không được bớt, và xin trả thêm 10% làm cước-phí.
- mua từ 101 mỹ-kim đến 500 mỹ-kim (151 gia-kim tới 750 gia-kim): không được bớt, miễn cước-phí.
- mua từ 501 mỹ-kim (751 gia-kim) trở lên: được bớt 15%, miễn cước-phí.

. Tất cả các gói sách đều gửi bằng đường đường bộ (gửi đi trong Gia-nã-đại và Hoa-kỳ: từ 1 tuần đến 2 tuần) hoặc đường thủy (đi Âu-châu: 8 tuần; các châu khác: 12 tuần).

Muốn nhận sách gửi bằng máy, xin trả thêm phụ-phí hoàng-không. Tại Gia-nã-đại và Hoa-kỳ, xin trả thêm 40%; tại các nước khác, trả thêm 100%.

. Độc-giả dài hạn đặt mua báo và sách cùng lúc, vẫn được bớt như trên.

. Độc-giả đã hết hạn báo và không tái hạn, xin trả nguyên giá.

. Độc-giả mua sách tặng thân-nhân, bằng hữu, vẫn được bớt như mua sách cho chính mình. Xin theo giá biểu, cước phí, tiền bớt nơi gói sách được gửi đến (Thí-dụ: độc-giả ở Hoa-kỳ, mua sách tặng cho thân nhân ở Pháp, xin theo thể-lệ dành cho độc-giả tại Pháp. Ngược lại, độc giả ở Pháp, mua sách tặng thân-nhân ở Hoa-kỳ, được hưởng thể-lệ dành cho độc-giả ở Hoa-kỳ).

. Biên-tập-viên và cộng-tác-viên của Làng Văn (có tên trong danh-sách ban biên-tập hoặc cộng-tác, khi mua sách, được hưởng quyền-lợi như độc-giả dài hạn.

. Xin trả tiền cùng lúc gửi thư đặt mua sách. Cách trả:

- Độc giả tại Gia-nã-đại, Hoa-kỳ, Anh, Pháp, Đức, Hòa-lan, Úc và Nhật-bản:

có thể trả bằng chi-phiếu cá-nhân *(cheque/check)* bằng tiền địa-phương, không cần phải mua ngân phiếu *(money-order)* hay bưu-phiếu *(postal money-order)*;

có thể trả bằng tiền mặt, mỹ-kim hoặc tiền địa-phương;

nếu gửi tiền mặt, xin dùng thư thư bảo đảm (tòa-soạn không chịu trách-nhiệm nếu thư không đến).

- Độc giả các nước khác ngoài Gia-nã-đại, Hoa-kỳ, Anh, Pháp, Đức, Hoà-lan, Úc và Nhật-bản):

xin trả bằng ngân phiếu (mua ở ngân hàng) hoặc bưu phiếu (mua ở bưu-điện);

có thể trả bằng tiền mặt, mỹ-kim hoặc tiền địa-phương;

nếu gửi tiền mặt, xin dùng thư thư bảo đảm (tòa-soạn không chịu trách-nhiệm nếu thư không đến).

Độc-giả tại các nước ngoài Gia-nã-đại và Hoa-kỳ, muốn trả bằng tiền tiền địa-phương, xin theo hối-suất sau:

- Tại Pháp: lấy giá mỹ-kim nhân cho 6.
- Tại Đức: lấy giá mỹ-kim nhân cho 1,8
- Tại Hòa-lan: lấy giá mỹ-kim nhân cho 1,9
- Tại Anh: lấy giá mỹ-kim nhân cho 0.65
- Tại Na-uy: lấy giá mỹ-kim nhân cho 7.5
- Tại Đan-mạch: lấy giá mỹ-kim nhân cho 7.
- Tại Bỉ: lấy giá mỹ-kim nhân cho 35.
- Tại Thụy-sĩ: lấy giá mỹ-kim nhân cho 1.4
- Tại Ý-đại-lợi: lấy giá mỹ-kim nhân cho 1800.
- Tại Úc: lấy giá mỹ-kim nhân cho 1.5
- Tại Nhật-bản: lấy giá mỹ-kim nhân cho 100.

TRUYỆN CƯỜI:

Cười cho đời đỡ khổ
Cả Cười
US$7.00 - CA$10.50

Cười cho đời lên hương
Cả Cười
US$7.00 - CA$10.50

Cười toe
Cả Cười
US$7.00 - CA$10.50

Cười tủm
Cả Cười
US$7.00 - CA$10.50

Cười đỏ
Cả Cười
US$7.00 - CA$10.50

TRUYỆN VÕ HIỆP:

Anh hùng xạ điêu
Kim Dung, Hàn Giang Nhạn, trọn bộ 8 cuốn
US$64.00 - CA$96.00

Bích huyết kiếm
Kim Dung, Hàn Giang Nhạn, trọn bộ 8 cuốn
US$56.00 - CA$84.00

Cô gái Đồ long
Kim Dung, bộ 6 cuốn
US$46.00 - CA$69.00

Đơn kiếm diệt quần ma
Kim Dung, T.P. Từ Khánh Phụng, bộ 2 cuốn
US$18.00 - CA$27.00

Lệnh xé xác
Lã Phi Khanh, 7 cuốn
US$62.00 - CA$93.00

Lộc đỉnh ký
Kim Dung, Hàn Giang Nhạn, trọn bộ 21 cuốn
US$95.00 - CA$142.50

Lục mạch thần kiếm
Kim Dung, Hàn Giang Nhạn, trọn bộ 6 cuốn
US$46.00 - CA$69.00

Lục tiểu phụng
Kim Dung, Hàn Giang Nhạn
US$15.00 - CA$22.50

Tiếu ngạo giang hồ
Kim Dung, Hàn Giang Nhạn, trọn bộ 7 cuốn
US$49.00 - CA$73.50

Thái A Kiếm
Kim Dung, T.P. Từ Khánh Phụng, bộ 2 cuốn
US$18.00 - CA$27.00

Tục Thái A Kiếm
Kim Dung, T.P. Từ Khánh Phụng, bộ 3 cuốn
US$21.00 - CA$31.50

Thạch kiếm
Thiền học kiếm đạo Tự Tình, trọn bộ 4 cuốn
US$60.00 - CA$90.00

Thanh cung mười ba triều
Ngoại sử triều Mãn Thanh, Hứa Tiếu Thiên trọn bộ 7 cuốn
US$42.00 - CA$63.00

Thần điêu đại hiệp
Kim Dung, Hàn Giang Nhạn, trọn bộ 7 cuốn
US$42.00 - CA$63.00

Thiên long bát bộ
Kim Dung, Hàn Giang Nhạn, trọn bộ 2 cuốn
US$18.00 - CA$27.00

TIỂU THUYẾT TÌNH CẢM XÃ HỘI TRUNG HOA:

Ái quả tình hoa
Quỳnh Dao
US$12.00 - CA$18.00

Băng nhi
Quỳnh Dao, Ngô Quân
US$10.00 - CA$15.00

Bất chợt một chiều mưa
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$7.00 - CA$10.50

Bên bờ quạnh hiu
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$8.00 - CA$12.00

Bích vân thiên
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$8.00 - CA$12.00

Biết tỏ cùng ai

Quỳnh Dao
US$7.50 - CA$11.50

Bóng hoàng hôn
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$14.00 - CA$21.00

Cánh chim trong giông bão
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$6.50 - CA$10.00

Cánh hoa chùm gởi
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$9.00 - CA$13.50

Cánh nhạn cô đơn
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$13.00 - CA$19.50

Chớp bể mưa nguồn
Quỳnh Dao
US$13.00 - CA$19.50

Chuyện đời tôi
Quỳnh Dao
US$14.00 - CA$21.00

Dòng sông ly biệt
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$8.00 - CA$12.00

Dưới ánh trăng cô đơn
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$13.00 - CA$19.50

Đường tình đôi ngả
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$14.00 - CA$21.00

Em là cánh hoa rơi
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$13.00 - CA$19.50

Giã biệt tuổi mộng mơ
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$10 - CA$15.00

Giai điệu tình yêu
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$11.00 - CA$16.50

Gió ơi dừng lại bên hồ
Quỳnh Dao, L.Q. Nhĩ
US$7.00 - CA$10.50

Hãy đợi anh về
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$8.00 - CA$12.00

Hãy ngủ yên tình yêu
Quỳnh Dao
US$7.50 - CA$11.50

Hoàng hôn cuối cùng
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$14.00 - CA$21.00

Hương cỏ dại
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$10.00 - CA$15.00

Lá rụng chiều thu
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$10.00 - CA$15.00

Lưới tình
La Lan
US$6.00 - CA$9.00

Mây trắng vẫn bay
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$13.00 - CA$19.50

Mùa thu lá bay
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$8.00 - CA$12.00

Nắng thôn đoài
Quỳnh Dao, Thinh Quang
US$12.00 - CA$18.00

Này em thu đã đến
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$8.00 - CA$12.00

Như một khúc nhạc buồn
La Lan
US$8.00 - CA$12.00

Những mảnh đời dang dở
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$9.00 - CA$13.50

Song ngoại
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$9.00 - CA$13.50

Tam độ mai
Quỳnh Dao, Lưu Khôn
US$12.00 - CA$18.00

Thạch lựu hoa
Quỳnh Dao
US$6.50 - CA$10.00

Thủy linh
Quỳnh Dao
US$6.50 - CA$10.00

Thuyền tình đỗ bến
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$13.00 - CA$19.50

Tình ca mùa thu
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$13.00 - CA$19.50

Tình đời
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$11.00 - CA$16.50

Tình loạn
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$9.00 - CA$13.50

Tình sử Vương Chiêu Quân
La Lan
US$8.00 - CA$12.00

Trận cuồng phong
Quỳnh Dao, Kiêm Đạt
US$14.00 - CA$21.00

Trên ngọn thủy triều
Quỳnh Dao
US$12.00 - CA$18.00

Trôi theo dòng đời
Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ
US$10.00 - CA$15.00

Trường tương tư
Quỳnh Dao
US$12.00 - CA$18.00

Tuyết kha
Quỳnh Dao, Lưu Khôn
US$12.00 - CA$18.00

Vườn thúy
Quỳnh Dao, Hoàng Diễm Khang
US$5.00 - CA$7.50

Xóm vắng
Quỳnh Dao
US$10.00 - CA$15.00

Xuân phong thu vũ
Quỳnh Dao, Ngọc Linh
US$14.00 - CA$21.00

CÁC LOẠI KHÁC:

50 điều cấm kỵ trong bệnh huyết áp cao
Kiến thức y khoa phổ thông, Du Đức Hiển
US$7.00 - CA$10.50

1001 câu hỏi về tình dục
Kiến thức phổ thông
Nguyệt Minh soạn
US$12.00 - CA$18.00

1001 truyện ngắn hay nhất thế giới (các tập 2, 6, 7)
Truyện dịch, giá mỗi tập: US$7.00- CA$10.50

2000 ngày đêm trấn thủ Củ Chi, tập 4
Truyện dài, Xuân Vũ
US$12.00 - CA$18.00

Âm bản
Truyện ngắn
Ngô Nguyên Dũng
US$11.00 - CA$16.50

Bách khoa mẹo vặt cần biết
Kiến thức phổ thông
Đoàn Văn Hai
US$15.00 - CA$22.50

Bầy thú nhỏ
Truyện dài, Sơn Tùng
US$14.00 - CA$21.00

Bí ẩn về phong thủy
Bói toán
Đoàn Văn Thông
US$16.00 - CA$24.00

Bí mật cung đình
Tài liệu
Đoàn Văn Thông
US$15.00 - CA$22.50

Bí mật cuộc đời Mao Trạch Đông
Tài liệu, BS Lý Phục Huy, Trần Ngọc Dung
US$26.00 - CA$39.00

Bí mật đời người qua tướng mạo & sắc diệnJ.
Ranald, Ng.V. Bằng
US$7.00 - CA$10.50

Bí quyết làm cho đời sống vui tươi
Sách học làm người
Thân Việt
US$7.00 - CA$10.50

Bói toán số mệnh, tử vi trọn đời
Sách bói toán
Đoàn Văn Thông
US$14.00 - CA$21.00

Bóng sắc giai nhân trên đường bắc và nam tiến
Sưu khảo, Lệ Vân
US$10.00 - CA$15.00

Bóng thiên đường
Truyện dài
Trần Long Hồ
US$15.00 - CA$22.50

Bụi đường
Truyện dài, Vĩnh Hảo
US$15.00 - CA$22.50

Các món ăn đặc sắc
Sách dạy nấu ăn
Nguyễn Thị Thanh
US$7.00 - CA$10.50

Các món ăn Tàu, Việt, Tây
Sách dạy nấu ăn
Nguyễn Thị Hường
US$8.00 - CA$12.00

Cách xử thế của người nay
Sách học làm người
Nguyễn Hiến Lê
US$7.00 - CA$10.50

Cái cười của thánh nhân
Sách học làm người
Nguyễn Duy Cần
US$9.00 - CA$13.50

Cao ly đầu hình
Bói toán, so tuổi vợ chồng, Đoàn V. Đầu, Nguyễn Kim Lan
US$5.00 - CA$7.50

Chân trời mộng đẹp
Truyện dài
Hồ Trường An
US$14.00 - CA$21.00

Chỗ một đời em vẫn để, dành
Tùy bút,
Du Tử Lê
US$12.00 - CA$18.00

Chuyện khôi hài
Truyện cười, Nguyễn Mạnh
US$9.00 - CA$13.50

Chữ cái và vần tiếng Việt
Sách tập đọc, tập viết
US$7.50 - CA$11.50

Con đường chuyển hoá
Sách Phật giáo, Nhất Hạnh
US$14.00 - CA$21.00

Cô bé làng Hoà Hảo
Bút ký, Nguyễn Huỳnh Mai
US$17.00 - CA$25.50

Cờ tướng, những chiến lược xuất quân tốt đẹp
Sách dạy đánh cờ
Lý Anh Mậu
US$6.00 - CA$9.00

Con bé tôi yêu
Truyện ngắn
Dung Sàigòn & Võ Hà Anh
US$6.50 - CA$10.00

Cuộc triệt thoái cao nguyên
Hồi ký chiến tranh, Phạm Huấn
US$18.00 - CA$27.00

Dấu binh lửa
Bút ký chiến trường
Phan Nhật Nam
US$10.00 - CA$15.00

Dấu chân cát xoá
Truyện vừa, Doãn Quốc Sỹ
US$9.00 - CA$13.50

Dễ ghét
Truyện ngắn
Dung Sàigòn & Võ Hà Anh
US$6.50 - CA$10.00

Dễ thương
Truyện ngắn
Dung Sàigòn & Võ Hà Anh
US$6.50 - CA$10.00

Dọc đường số 1
Bút ký chiến trường
Phan Nhật Nam
US$7.00 - CA$10.50

Dưỡng sinh, xoa bóp, khí công, phòng chữa bệnh
Sách dưỡng sinh
Dương Trọng Hiếu
US$8.00 - CA$12.00

Đảng cộng sản trước thực trạng Việt Nam
Nhận định, nhiều tác giả
US$20.00 - CA$30.00

Đạo Phật hiện đại hoá
Sách tôn giáo, Nhất Hạnh
US$10 - CA$15.00

Đạo Phật và đời sống hiện đại
Sách tâm linh, Ski Dhammananda, Thích Tâm Quang dịch
US$6.00 - CA$9.00

Điện Biên Phủ, Ban Mê Thuột, tướng Phạm Văn Phú và những trận đánh
Hồi ký chiến tranh,Phạm Huấn
US$20.00 - CA$30.00

Điển hay tích lạ
Kiến thức phổ thông
Nguyễn Tử Quang
US$10.00 - CA$15.00

Đối thoại với Giáo Hoàng Gioan-Phaolô II
Nhận định tôn giáo
Nhiều tác giả
US$15.00 - CA$22.50

Đời uyên ương
Sách học làm người
Hoàng Xuân Việt
US$8.50 - CA$12.50

Đời vua chúa
Tài liệu, Đoàn Văn Thông
US$18.00 - CA$27.00

Đường trường xa xăm
Bút ký, Phan Nhật Nam
US$10.00 - CA$15.00

Em học tiếng Việt
Sách tập đọc, tập viết, 2 cuốn
US$13.00 - CA$19.50

Em và, mẹ và, tôi là một nhé
Tùy bút, Du Tử Lê
US$10 - CA$15.00

English 900
Băng & sách học Anh văn
Mỗi tập: 1 sách & 2 băng:
US$15.00 - CA$22.50
Trọn bộ 6 sách & 12 băngtập
US$90.00 - CA$135.00

Giải huyệt bí truyền
Sách thuốc
R. Lasserre, Vũ Đức dịch
US$8.00 - CA$12.00

Gợi nhớ quê hương
Truyện ngắn, Phạm Thăng
US$14.00 - CA$21.00

Gương hy sinh
Sách học làm người
Nguyễn Hiến Lê
US$6.00 - CA$9.00

Gương nghị lực
Sách học làm người
Hoàng Xuân Việt
US$7.00 - CA$10.50

Hà Nội những ngày tháng cũ
Hồi ký, Nguyễn Gia Bảo
US$12.00 - CA$18.00

Hành trình một H.O
Hồi ký, Đặng Trần Huân
US$15.00 - CA$22.50

Hoa Bluebonnet cho hai người
Truyện ngắn, Phạm Ngũ Yên
US$12.00 - CA$18.00

Học khôn
Sách học làm người
Phạm Đình Khiêm
US$10 - CA$15.00

Hồi ký R. S. McNamara
Duy Nguyên dịch
US$22.00 - CA$33.00

Hơn nửa đời hư
Hồi ký (không cắt xén)
Vương Hồng Sển
US$20.00 - CA$30.00

Hương thơm từ núi lạ
Truyện dịch, giải Pulitzer 93
Robert O. Butler, Thiên Nhất Phương dịch
US$12.00 - CA$18.00

Kiều và văn nghệ đứt ruột
Nhận định văn học, Nhất Hạnh
US$14.00 - CA$21.00

Kinh Dịch ứng dụng
Biên khảo, Đoàn Văn Thông
US$18.00 - CA$27.00

Kinh nghiệm thiền quán
Sách tâm linh, Joseph Goldstein, Nguyễn Duy Nhiên dịch
US$15.00 - CA$22.50

Kỷ niệm quê hương
Sách giáo dục Anh Việt
Trần Văn Điền
US$5.00 - CA$7.50

Kỹ thuật nấu món ăn ngon
Sách dạy nấu ăn, Triệu Thị Chơi & Ngô Thị Hồng, 3 cuốn
US$18.00 - CA$27.00

Làm sao sống không sợ hãi
Sách tâm linh
HT Sri Dhammananda, Thích Tâm Quang dịch
US$6.00 - CA$9.00

Lão tử tinh hoa
Triết học Đông phương
Thu Giang Nguyễn Duy Cần
US$7.00 - CA$10.50

Lối xưa xe ngựa...
Biên khảo
Nguyễn Thị Chân Quỳnh
US$14.00 - CA$21.00

Luyện dưỡng sinh
Nguyễn Minh Kính
Sách dưỡng sinh
US$7.00 - CA$10.50

Luyện lý trí
Kiến thức phổ thông
Nguyễn Hiến Lê
US$6.00 - CA$9.00

Luyện trí nhớ
Kiến thức phổ thông
Hoàng Xuân Việt
US$6.00 - CA$9.00

Mặt Trận kiện báo chí
(vụ án Mặt trận Hoàng Cơ Minh kiện báo *Văn-nghệ tiền-phong)*
Tài liệu, Trần Củng Sơn
US$12.00 - CA$18.00

Mình lại soi mình
Truyện dài,Doãn Quốc Sỹ
US$16.00 - CA$24.00

Một nửa đàn ông là đàn bà
Tiểu thuyết Tàu, Trương Hiền Lương, Phan Thịnh dịch
US$16.00 - CA$24.00

Mùa hè đỏ lửa
Bút ký chiến trường
Phan Nhật Nam
US$7.00 - CA$10.50

Mùa trăng
Truyện ngắn
Lê Thị Thấm Vân
US$10 - CA$15.00

Nam kỳ lục tỉnh IV
Tài liệu, Hứa Hoành
US$13.00 - CA$19.50

New English 900
Sách học Anh văn,
Mỗi tập: 1 sách & 2 băng:
US$20.00 - CA$30.00
Trọn bộ 6 sách và 12 băng
US$120.00 - CA$180.00

Niềm vui còn đó
Tập nhạc, Phạm Duy
US$12.00 - CA$18.00

Ngày xưa ở quê hương tôi 1-2
Sách giáo dục Anh Việt
Trần Văn Điền
US$10 - CA$15.00

Ngày xưa ở quê hương tôi 4
Sách giáo dục Anh Việt
Trần Văn Điền
US$5.00 - CA$7.50

Nghệ thuật làm món ăn Trung Hoa
Sách dạy nấu ăn, Cô Lệ Hoa
US$10.00 - CA$15.00

Nghệ thuật nấu ăn ngon
Sách dạy nấu ăn, Trần Văn Quí
US$8.00 - CA$12.00

Ngọn cỏ bồng toàn tập
Tạp văn, Nguyễn Bá Trạc
US$16.00 - CA$24.00

Người chí khí
Sách học làm người
Hoàng Xuân Việt
US$6.00 - CA$9.00

Người Hoa tại Việt Nam
Biên khảo, Nguyễn Văn Hùng
US$14.00 - CA$21.00

Người nông phu lừa hung thần
Truyện thiếu nhi Anh Việt
Màu, bìa cứng
US$15.00 - CA$22.50

Người vái tứ phương
Truyện vừa, Doãn Quốc Sỹ
US$10.00 - CA$15.00

Nha khoa phổ thông
Kiến thức phổ thông
NS Trần Sĩ Lâm
US$9.00 - CA$13.50

Nhìn lại một thập niên
Bút ký
Nguyễn Ngọc Ngạn
US$15.00 - CA$22.50

Nhớ Sài gòn
Truyện ngắn, Minh Hương
US$11.00 - CA$16.50

Những bài thuốc trong món ăn
Kiến thức phổ thông
DS Bùi Kim Tùng
US$8.00 - CA$12.00

Những biến cố lớn trong 30 năm chiến tranh VN 45-75
Tài liệu, Nguyễn Đình Luyến
US$20.00 - CA$30.00

Những ca khúc một thời vang bóng (1930-1950)
Tuyển tập 32 ca khúc
23 nhạc sĩ
US$7.50 - CA$11.00

Những chuyện cần được kể lại
Hồi ký, Phan Nhật Nam
US$12.00 - CA$18.00

Những con chuột thời thơ ấu
Truyện ngắn
Hoàng Khởi Phong
US$10 - CA$15.00

Những đứa bé sống dưới nước
Truyện thiếu nhi Anh Việt
Hải Sư & Nguyễn T. Mỹ Anh
US$7.00 - CA$10.50

Những món ăn Âu Mỹ
Sách dạy nấu ăn
US$12.00 - CA$18.00

Nét chân tâm
Truyện ngắn
Y La Lê Khắc Ngọc Quỳnh
US$10 - CA$15.00

Nụ tầm xuân
Truyện ngắn, Mai Kim Ngọc
US$12.00 - CA$18.00

Nửa thế kỷ Phạm Duy
Nhận định, Xuân Vũ
US$12.00 - CA$18.00

Nước mắt trước cơn mưa
Sử liệu phỏng vấn về sự sụp đổ của miền Nam VN, Larry Engelmann, Nguyễn Bá Trạc dịch
US$20.00 - CA$30.00

Nước non xứ Quảng
Địa phương chí
Phạm Trung Việt
US$6.50 - CA$10.00

Qua các nẻo đường quê
Truyện ngắn đồng quê
Xuân Tước
US$14.00 - CA$22.00

Phan Bội Châu niên biểu
Tự truyện, Phan Bội Châu
US$12.00 - CA$18.00

Phật học từ điển
Bìa cứng, 2 quyển
US$60.00 - CA$90.00

Phật giáo dưới mắt các nhà trí thức
Phật học, HT Sri Dhammananda, Thích Tâm Quang dịch
US$6.00 - CA$9.00

Phép lạ của sự tỉnh thức
Sách Phật giáo, Nhất Hạnh
US$13.00 - CA$19.50

Rèn nghị lực
Sách học làm người
Nguyễn Hiến Lê
US$5.00 - CA$7.50

Rèn nhân cách
Sách học làm người
Hoàng Xuân Việt
US$9.00 - CA$13.50

Ta và vũ trụ
nhạc Phật giáo, thơ Thanh Trí Cao, Trọng Nghĩa & Mộng Lan phổ nhạc; Hà Thanh, Thanh Tuyền, Trọng Nghĩa hát
tape: US$6.00 - CA$9.00
CD: US$10.00 - CA$15.00

Tạ ơn đời
Tập nhạc, Phạm Duy
US$12.00 - CA$18.00

Tài liệu soi sáng sự thật
Tài liệu
Hương Bình Lê Hữu Dản
US$16.00 - CA$24.00

Tại sao không theo đạo Chúa?
Nhận định
Ban nghiên cứu tôn giáo
US$10.00 - CA$15.00

Tâm thư
Nhận định, Đỗ Mậu
US$15.00 - CA$22.50

Tấm lụa đào
Truyện dài, Xuân Vũ
US$14.00 - CA$21.00

Thành công và hạnh phúc
Sách học làm người
Hoàng Xuân Việt
US$7.50 - CA$11.00

Thành công trên đường đời
Sách học làm người
Nguyễn Hiến Lê
US$7.00 - CA$10.50

Thiên đường phàm tục
Truyện dài
Dương Thành Vũ
US$10 - CA$15.00

Thờ cúng và lễ bái
Kiến thức phổ thông
Thắng Hoan
US$7.00 - CA$10.50

Thợ Đụng
Truyện dài, Phạm Kim Khôi
US$12.00 - CA$18.00

Thiền tâm, sơ tâm
Sách tâm linh
Suzuki, Nguyễn Duy Nhiên
US$12.00 - CA$18.00

Thơ Nguyên Sa tập III
US$10 - CA$15.00

Thuật xử thế của người xưa
Kiến thức phổ thông
Thu Giang Nguyễn Duy Cần
US$6.00 - CA$9.00

Thuật bói bài, khảo cứu và thực hành
Bói toán, Linh Việt
US$8.00 - CA$12.00

Thuở sen hồng phượng thắm
Truyện dài, Hồ Trường An
US$15.00 - CA$22.50

Thức ăn chữa bệnh của Trung quốc (bệnh cao áp huyết)
Sách thuốc, Trần Tôn Nhân
US$8.00 - CA$12.00

Tìm hiểu tạp chí Nam Phong 1917-1934
Phạm Thị Ngoạn, Phạm Trọng Nhân
US$17.00 - CA$25.50

Tố Như Thi
Thơ chữ Hán của Nguyễn Du, Quách Tấn dịch
US$12.00 - CA$18.00

Trang Tử Nam Hoa Kinh
Cổ văn, bộ 2 cuốn
US$18.00 - CA$27.00

Trạng Quỳnh Xiển Bột
Truyện tiếu lâm
US$8.00 - CA$12.00

Trận Hạ Lào 1971
Bút ký chiến trường
Phạm Huấn
US$24.00 - CA$36.00

Trở về từ cõi sáng
Sách tâm linh
Nguyên Phong
US$12.00 - CA$18.00

TRUONG THI KIM ANH
NORWAY

Trung thiên dịch
Trung thiên đạo (Biên khảo về Trần Cao Vân)
Lương Vĩnh Thuật
US$20.00 - CA$30.00

Truyện cổ Anderson
Truyện thiếu nhi Anh Việt, Hoàng Văn Lộc
US$7.00 - CA$10.50

Tục lệ cưới gả tang ma
Phan Thuận Thảo
US$8.00 - CA$12.00

Tử vi hàm số
Bói toán, Ng. Phát Lộc
US$16.00 - CA$24.00

Tử vi trọn đời, Nam mạng và Nữ mạng
Bói toán, bộ 2 cuốn
US$28.00 - CA$42.00

Tương lai thiền học VN
Nhận định, Nhất Hạnh
US$7.00 - CA$10.50

Tương lai trong tay ta
Sách học làm người
Nguyễn Hiến Lê
US$6.00 - CA$9.00

Tuyển tập nghệ sĩ
Về các nghệ sĩ trình diễn tại hải ngoại
Trường Kỳ
US$9.00 - CA$13.50

Tự học làm bánh Pháp
Sách dạy nấu ăn (2 tập)
Nguyễn Thị Hường
US$16.00 - CA$24.00

Tự điển Anh Việt (trung)
36.000 từ, Bùi Phụng
US$20.00 - CA$30.00

Tự điển Anh Việt
The Little Oxford
bìa cứng, 45.000 từ
US$20.00 - CA$30.00

Tự điển Danh từ Điện toán Anh Việt
Bìa cứng, 604 trang
Lê Duy Tâm
US$28.00 - CA$42.00

Tự điển những câu Anh văn thô tục
Trần Ngọc Dung
US$18.00 - CA$27.00

Tự điển thuật ngữ khoa học Anh Pháp Việt
US$16.00 - CA$24.00

Tự điển toán học Anh Việt Việt Anh
US$18.00 - CA$27.00

Tự điển vật lý Anh Việt
US$20.00 - CA$30.00

Tự tìm hiểu đời mình
Sách bói toán
Nguyễn Mạnh Long
US$8.00 - CA$12.00

Tử vi đẩu số phú giải
Sách bói toán
Thái Vân Trình
US$10.00 - CA$15.00

Tượng kỳ phổ thông hoàn mỹ
Sách dạy đánh cờ
Lý Anh Mậu
US$6.00 - CA$9.00

Văn tiếng Việt 2
Sách tập đọc, tập viết
US$7.50 - CA$11.50

Việt Nam theo đường nào vào thế kỷ 21?
Nhận định
Phạm Kim Vinh
US$12.00 - CA$18.00

Việt Nam Thương Tín, con tàu định mệnh
Hồi ký
Trần Đình Trụ
US$16.00 - CA$24.00

Việt Nam vong quốc sử
Nhận định
Phan Bội Châu
US$7.00 - CA$10.50

Vietnamese for you
Sách & 2 băng học tiếng Việt Nguyễn Văn Khôn
US$15.00 - CA$22.50

Vòng tái sinh
Sách tâm linh
Hoàng Lan phỏng dịch
US$16.00 - CA$24.00

Về R
Hồi ký chiến tranh
Kim Nhật
US$15.00 - CA$22.50

Vượt Trường Sơn
Bút ký chiến tranh
Phan Nghị
US$8.00 - CA$12.00

Xóm Cái Bần
Truyện dài
Xuân Vũ
US$12.00 - CA$18.00

MỖI GIA-ĐÌNH TỊ-NẠN MỘT TỦ SÁCH VIỆT-NAM

CHƯƠNG-TRÌNH HỌC NGHE ANH-NGỮ ĐỂ XEM TI-VI VÀ MOVIES

Chương-trình học gồm 100 bài báo về mọi lãnh-vực (chính-trị, kinh-tế, thể-thao, thời-sự, v.v.) mỗi bài có giải-nghĩa tất cả mọi từ và dịch ra tiếng Việt. Rồi người Mỹ đọc từng bài ghi âm, với nhiều giọng đọc khác nhau (nam, nữ, v.v.) Mỗi bài người học có thể nghe đi nghe lại vài trăm lần, do đó ngữ-vựng ngấm vào trí nhớ, tiếng nói ngấm vào tiềm-thức. Sau ba tháng tự học như vậy, khi người học lần đầu mở ti-vi ra coi, bỗng kinh-ngạc thấy mình tự-nhiên HIỂU GẦN HẾT, như là một phép mầu (SỰ THẬT LÀ NHƯ VẬY), và càng ngày càng hiểu thêm, tới mức hiểu hoàn-toàn. Lúc đó xem báo hàng ngày hiểu hết và nói chuyện với người Mỹ như điên.

Giá tiền toàn bộ chương trình (gồm 1 quyển sách và 6 băng audio): US$60.00 (tiền mặt: US$48.00).

Gởi về: Nguyễn Minh, 8250 Park Place #415
Houston, TX 77017-8 (USA).

Tặng 2 quyển sách giá-trị: RA SÀN NHẢY SAU 12 GIỜ TỰ HỌC KHIÊU-VŨ (kèm theo băng nhạc áp-dụng) và TĂNG-CƯỜNG KHẢ-NĂNG SINH-LÝ VỢ CHỒNG.

BIẾT CÁCH ĐỂ ĐƯỢC GIẢM 50% MỌI CHI-PHÍ

Giảm một nửa chi-phí về thực-phẩm, quần-áo, mua xe, mua nhà, vé máy bay, xe lửa, xe bus, mua bảo-hiểm, mua thuốc, chữa bệnh, mua ti-vi, v.v.

Vấn-đề chỉ là không biết, nay được chỉ-dẫn để biết cách.

Giúp mọi gia-đình mỗi năm tiết kiệm khoảng $5,000.00

Một quyển sách vô cùng hữu ích, do Hội Đồng Hương Giúp Nhau biên soạn, giá 1 đô-la, gởi về:

Hội Đồng Hương Giúp Nhau
P.O. Box 9096
Houston
TX 77261-9096-8 (USA)

NHÀ SÁCH VIỆT-NAM

415 Spadina Ave. (góc College)
Toronto, Ont. M5T 2G6 - ĐT: (416) 595-5199

Bán: đủ loại tự-điển Anh Pháp Việt, Y-khoa, Kỹ-thuật,.. Sách và băng học Anh-văn, Quảng-đông, Quan-thoại, Việt-ngữ,.. Sách Tóan, Lý-Hóa, Khoa-học Kỹ-thuật,.. Sách Học Làm Người, Nấu Ăn, Tử-vi, Bói-toán, Địa-lý,.. Sách Khoa-học, Thời-sự, Chính-trị,.. Tiểu-thuyết, truyện ngắn,.. Băng nhạc thiếu-nhi, băng Video, Cải-lương, CD, Băng trắng chưa thu (video, cassette), Bản-đồ Việt-nam, Sài-gòn, Chợ-lớn,.. Tranh ảnh, Thiệp Giáng-sinh, Thiệp Tết, Sản-phẩm của các trung-tâm lớn: Thúy Nga Paris, Asia, Mây, Khánh Hà, Ý Lan, Hải Âu, Hoàng Oanh, Cải-lương Việt-Nam.

CHO THUÊ: Tiểu-thuyết, Chưởng, phim Hongkong, Đài-loan, Cải-lương, nhạc Việt. Hàng tuần có phim mới.

NHẬN: Chuyển hệ băng video (Á-, Úc, Âu, Bắc Mỹ). Đại-lý các loại lịch tử-vi, tự-điển, sách thi bằng lái xe, Sách và băng thi quốc-tịch Canada.

MỞ CỬA 7 NGÀY: 10G SÁNG - 9G TỐI

HOMELIFE

Homelife Realty Centre Corp.
Realtor-Member
Steven KIEN T. DAO
Sales Representative
(Đào Trọng Kiền)

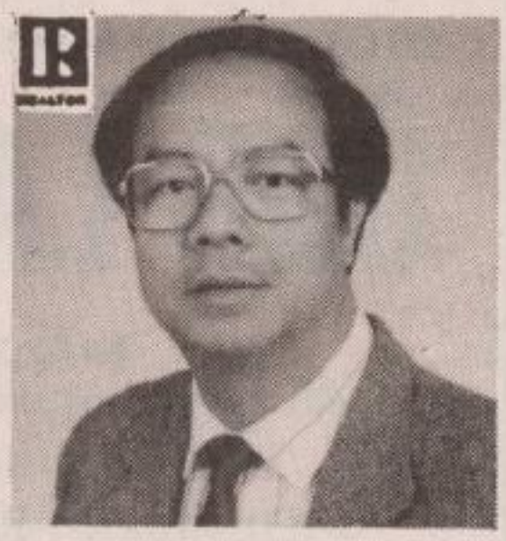

PHỤC-VỤ TẬN-TÂM, UY-TÍN, ĐỨNG-ĐẮN

MUA BÁN, SANG NHƯỢNG NHÀ ĐẤT CƠ-SỞ THƯƠNG-MẠI, CỬA HÀNG

- ❑ Theo dõi thị-trường, định giá chính-xác
- ❑ Giúp-đỡ treo giá, trả giá, hoàn-tất thủ-tục
- ❑ Giới-thiệu, tìm vay mortgage dễ-dàng
- ❑ Giới-thiệu luật-sư tận-tâm, uy-tín

2579 Hurontario Street
Mississauga, Ont. L5A 2G4
ĐT: (905) 279-8300
Fax: (905) 279-5344
Pager: 24/24 qua văn-phòng

Nhà in của người Việt-Nam

SILVER PRINTING INC.

1545 Dupont Street
Toronto, Ontario M6P 3S5, Canada
ĐT: (416) 539-8113 / Fax: (416) 539-0442

- Các loại sách, báo, bìa offset màu
- Đóng sách (perfect binding), đóng kim, đóng chỉ bìa cứng
- Thiệp cưới hỏi, cáo-phó, thiệp mời
- Ấn-chỉ văn-phòng, hóa-đơn, toa thuốc
- Thực-đơn, niên-giám
- Bích-chương, bươm-bướm quảng-cáo

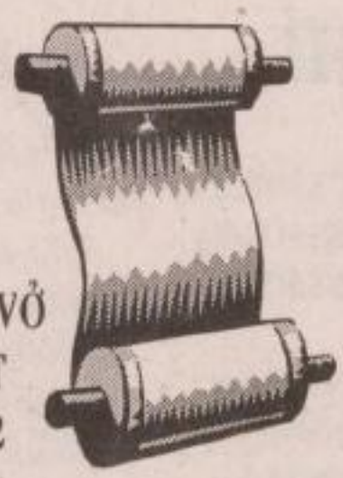

NHẬN ĐÁNH MÁY, TRÌNH-BÀY SÁCH-VỞ BÁO-CHÍ BẰNG COMPUTER CHỮ VIỆT
Xin gọi cô Trang: **(416) 539-0442**
(Chủ-nhật: **(905) 625-9194**)

NHANH - ĐẸP - RẺ - ĐÚNG HẸN TÍN-NHIỆM NHẤT

ĐẾN TORONTO, XIN MỜI QUÍ KHÁCH GHÉ QUA NHÀ HÀNG THANH-LỊCH NHẤT:

RESTAURANT
South VIET NAM

444 Spadina Ave. (góc College St., ngay phố tàu)
ĐT: (416) 960-2032

- ❑ Thức ăn thuần-túy VN
- ❑ Có sàn nhảy
- ❑ Có thực-đơn riêng cho đám tiệc
- ❑ **Hệ-thống Karaoke**
- ❑ **Đặc-biệt: tiệc cưới**, sinh-nhựt, họp bạn, giáng-sinh, tất-niên (thực-đơn 9 món sang-trọng, giá mỗi bàn 10 người từ 200$ đến 250$; có thể bớt món, bớt tiền)

CUỐI TUẦN: CHÁO LÒNG DỒI, CHÁO CÁ, BÁNH CANH CUA, BÁNH XÈO.

Mở cửa 7 ngày:
Chủ-nhật - Thứ năm: 12g trưa - 10g tối
Thứ sáu, Thứ bảy: 12g trưa - 11g tối

GIỚI-THIỆU MỘT VỊ LƯƠNG-Y CAO NIÊN CỦA THỜI-ĐẠI

ÔNG LANG BƯỚM VÀNG

ĐÔNG Y-SĨ, TỬ-VI GIA
đã hành nghề từ 1950 tại Hải-phòng và Sài-gòn
1902 Majestic Way, San Jose, CA 95132, USA
Điện-thoại: (408) 926-5770 - Hình chụp năm 81 tuổi

1995, 84 tuổi, 45 năm kinh-nghiệm, hơn 300 người Pháp, Mỹ, Hoa, Việt từ khắp năm châu gửi thư cám ơn đoán tử-vi đúng và trị khỏi các bịnh:

- Sạn thận, sa tử-cung, huyết-bạch, kinh-nguyệt không đều, chậm có con, đau tim, mất ngủ, táo bón, da mặt nám, phong ngứa thoát giang, trĩ nội, động thai, ốm nghén, ù tai, nhức đầu, đau màng óc.
- Mồ hôi chân tay, mộng di tinh, thận suy, liệt dương, xuất tinh sớm, đau răng, phong thấp tê-bại, đau lưng mỏi gối, sưng khớp xương, đau gan, ruột, bao tử, bịnh phong-tình, allergy, ho lâu đàm suyễn, phổi có nước.
- Con nít khóc đêm, ói mửa, chảy rãi, không chịu ăn, chậm lớn, tiết tả kiết lỵ, mồ hôi trộm, chảy máu cam, ban sởi, thủy đậu kinh phong, ho gà, v.v.

XEM SẠN THẬN, THƯ CẢM ƠN TẠI NHÀ THUỐC.

CHỈ CẦN kêu điện-thoại hay gửi thư kể bệnh.

Thuốc sắc chế theo bệnh gửi đi khắp nơi.

Dầu Cù Là **MAC-PHSU**

chánh gốc Miến-Điện
Đã từ lâu vắng bóng trên thị-trường nay Dầu Cù Là **MAC-PHSU** trở lại để phục-vụ đồng-hương.

Hãy tìm cho bằng được Dầu Cù Là **MAC-PHSU** **chính-hiệu, một nhãn hiệu đã được lòng tin của mọi người.**

Pharmacy G. LAMY
2100 Ontario Est, Montréal H2K 1V5, Canada
Tél: (514) 341-9533

BẠN ĐÃ ĐỌC CHƯA?

DỌN ĐƯỜNG VỀ NƯỚC

Nghị-luận thời-sự chính-trị của Nguyễn Hữu Nghĩa

(giá 18 mỹ-kim - 27 gia-kim)

Gửi chi-phiếu về: LÀNG VĂN

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO, HIẾU HỈ ,..

Trang bìa (ấn-bản quốc-tế):

bìa 2 (bìa trước mặt trong):	1 kỳ: US$500		dài hạn:US $300/kỳ
bìa 3 (bìa sau mặt trong):	1 kỳ: US$500		dài hạn: US$300/kỳ
bìa 4 (bìa sau mặt ngoài):	1 kỳ: US$800		dài hạn: US$500/kỳ

Trang trong (121 đến 128):

1/8 trang:	1 kỳ: US$40	3 kỳ: US$30/kỳ	dài hạn: US$25/kỳ
1/4 trang:	1 kỳ: US$70	3 kỳ: US$50/kỳ	dài hạn: US$40/kỳ
1/2 trang:	1 kỳ: US$120	3 kỳ: US$85/kỳ	dài hạn: US$75/kỳ
1 trang:	1 kỳ: US$200	3 kỳ: US$150/kỳ	dài hạn: US$120/kỳ
2 trang:	1 kỳ: US$300	3 kỳ: US$210/kỳ	dài hạn: US$180/kỳ

Bớt 15% cho độc-giả dài hạn khi đăng cáo-phó, chúc mừng, chia buồn.

THỂ-LỆ ĐĂNG QUẢNG-CÁO:

- Xin gửi mẫu quảng-cáo về tòa-soạn bằng thư, kèm theo chi-phiếu trả trước cho kỳ đầu.
- Tòa-soạn sẽ giúp nhuận-sắc và trình-bày quảng-cáo để đạt hiệu-năng tối-đa.
- Không nhận quảng-cáo qua điện-thoại (có thể fax mẫu tới).

Thư từ, chi-phiếu xin đề và gửi cho:
LÀNG VĂN
P.O. Box 218, Station "U"
Toronto, ON M8Z 5P1 Canada
(Điện-thoại: 905-607-8010)

Lang Van is Published Monthly, Second Class Postage Paid at Lewiston, NY 14092 - P.S.P.S. # 008728

MONTREAL . MONTREAL . MONTREAL

Garage VINA Inc.
et
Les carosseries garniers
6567-6575 Garnier, Montréal H2G 3A2
Tél: (514) 273-6589 & 495-3102
Mécanique générale - Électricité - Remorquage
Débosselege - Peinture - Voitures de courtoisie...
***ĐÀO TRỌNG QUYỀN** kính mời*

Nha-sĩ **ĐINH THÁI NHÂN**
Nha-sĩ **TRẦN THÙY TRANG**
Chirurgien Dentiste
Clinique Dentaire Đinh & Trần
6075 chemin Chambly
St-Hubert, Qué. J3Y 3K6
ĐT: (514) 445-6466

TỪ ĐIỂN DANH TỪ ĐIỆN TOÁN
English - Vietnamese
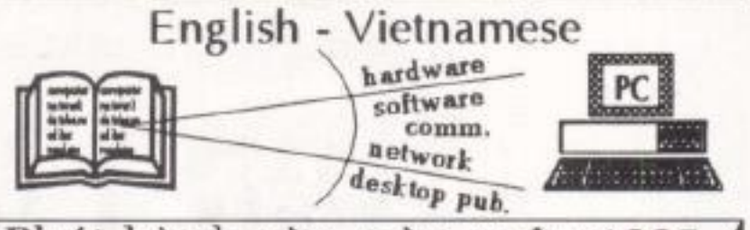

Phát hành vào mùa xuân 1995
- *Quyển Tự điển đầu tiên đầy đủ và cập nhật hoá nhất, bao gồm hơn 30,000 từ ngữ trong các lãnh vực : dụng liệu, nhu liệu, truyền thông, mạng, biên soạn văn bản, trình bày*
- *Được giải thích bằng Anh ngữ - Việt ngữ, hơn 500 hình ảnh, bảng phân loại và ví dụ cụ thể.*
- *Dầy trên 700 trang, khổ 6 1/2x8 1/2 bìa cứng, gáy đóng chỉ, bền.*

Mọi chi tiết xin liên lạc :
Lê duy Tâm, Nhà Sách **TỰ DO**
6767 Côte des Neiges, suite B5
Montréal, (Qc) H3S 2T6 Canada
Tel. (514) 342-9120 / Fax. (514) 342-4927

ASIEC REALTIES
Công-ty Địa-ốc
Mua nhà & Bán nhà
Cơ-sở thương mại
ĐINH VŨ
(Victor)
(514) 942-9970

BROSSARD NHA-SĨ
Dr. **HOA T. NGO**, D.M.D.
CHIRURGIENNE DENTISTE
7505 Boul. Taschereau, Suite 111
(đối-diện RÉNO DÉPÔT)
Tél: (514) 926-8000

Bạn đã đọc thi-tập đầu tay của Trương Chi trữ tình, lãng-mạn, 3 phụ-bản màu tuyệt đẹp

Liên-lạc:
TRƯƠNG CHI
1750 Cr.Rousseau
Brossard, J4X 1S7
CANADA
Ấn-bản 1995
Canada: 10$
Nơi khác: 10$US

Nha-sĩ **NGUYỄN TRẦN YÊN PHONG**
Nha-sĩ **GERALD RUDICK**
. Thẩm-mỹ, trám, giải-phẫu, răng giả, rút gân, v.v.
. ĐẶC-BIỆT:
Trồng răng trong xương (Implant)
. Khẩn-cấp: 7 ngày & đêm: 5 nha-sĩ trực
ĐT: 342-4444 (24 giờ)
3546 Van Horne (góc Côtes des Neiges)

Nhà hàng **Hạ Long**
Đặc-biệt có bán bún bò Huế mỗi ngày
929 St-Zotique East, Montréal
ĐT: (514) 274-7010 (gần Plaza St-Hubert)

Restaurant **Thùy Dương**
418 Bélanger (coin St-Denis), Mtl.
ĐT: (514) 495-4872
Đặc-biệt: cháo lòng, bánh bèo hàng ngày

TORONTO

Luật-sư **TRỊNH QUỐC TOẢN**
1577 Bloor St. W., Toronto
ĐT: (416) 533-8987 (Việt-ngữ)
(416) 536-1159 (Anh-ngữ)

BS NGUYỄN DUY SẢN
(chuyên-khoa tâm bệnh)
2238 Dundas St.W. #306, Toronto
ĐT: (416) 588-3700

Nha-sĩ **TỪ CHẤN PHONG**
3085 Hurontario St., #209
Mississauga
ĐT: (905) 897-8527

STAR INSURANCE BROKER INC.
1280 Finch Ave. W., #305, Downsview
Bảo-hiểm cửa tiệm - Nhà - Xe
TONY VŨ: (416) 650-1702

BS QUẢN ĐỨC MINH
(toàn-khoa)
28 Dundas St.E., lầu 2, Mississauga
ĐT: (905) 270-0095

Nha-sĩ **NGUYÊN THỊ KIM HOÀN**
741 Broadview Ave., #201 Toronto, Ont. M4K 2P6
*Subway Broadview **Phố Tàu Đông***
CHUYÊN RĂNG GIẢ THẨM-MỸ
ĐT: (416) 461-5437

NHÀ THUỐC TÂY
SAIGON PHARMACY
301 Spadina Ave., Unit 5, Toronto
ĐT: (416) 979-7510

Nữ Bác-sĩ gia-đình *(toàn-khoa)*
TRẦN BÍCH CHÂU, M.D., C.C.F.P.
2100 Finch Ave., West, Suite 105
North York, ON M3N 2Z9 - Tel: **650-6003**

Nha-sĩ **NGUYỄN THÙY DUNG**, D.D.S.
888 Dundas St. E., #B6-3 Mississauga
(phố Tàu Mississauga, cạnh Hongkong Bank)
Điện-thoại lấy hẹn: (905) 275-5510

Windsor

Nha-sĩ **NGUYỄN QUỐC HƯNG**
2784 Keele St,#2 North York/ **ĐT: (416) 638-6303**
2100 Finch W. #109 North York / **ĐT: (416) 665-7264**
288 King St.W., Hamilton / **ĐT: (905) 521-0540**

Nha-sĩ **NGUYỄN THANH NHÀN**
1280 Finch Ave. W., Suite 707
Downsview, Ont. M3J 3K6
(trong Nor-Am Tower)
ĐT: (416) 663-3200

Bác-sĩ nhãn-khoa
NGUYỄN BÁ THU TRANG, O.D; B. Sc.
- C-1101 Erie E., Windsor - ĐT: (519) 973-1101
- 5805 Malden Rd., La Salle - ĐT: (519) 969-6677
- 54 Main E., Kingsville - ĐT: (519) 733-2282

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO: 1 ô $120 trọn năm (12 kỳ); 2 ô $200 trọn năm
Muốn đăng xin gọi: Nguyên Hương (905)-607-8010 hoặc Nguyên Nghĩa (905) 848-6049

Quí vị đã đọc và cười thỏa-thích với

CƯỜI CHO ĐỜI LÊN HƯƠNG
CƯỜI CHO ĐỜI ĐỠ KHỔ
CƯỜI TOE

Không thể không tiếp-tục cười với

của CẢ CƯỜI

vẫn giá mỗi cuốn: 7 mỹ-kim (10,50 gia-kim)

Liên-lạc:
LÀNG VĂN
P.O. Box 218 Station "U"
Toronto, Ontario M8Z 5P1 Canada

NHA-SĨ
MICHAEL LÊ ĐÌNH HÒA

10 Gateway Blvd., # 111
Don Mills, Ont. M3C 3A1
Tel: 429-0150

336 Dundas St. W. #201
Toronto, Ont. M5T 1G5
Tel: 971-6956

Có chỗ đậu xe phía sau
Làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Bảy

Phòng Mạch Nha-Khoa
Nha-sĩ LÊ THỊ DIỆU HIỀN, L.D.S., D.D.S.
1090 Dundas St. East, Suite 101
Mississauga, Ont. L4Y 2B8
Điện-thoại lấy hẹn: (905) 615-9439

A·T SERVICES
VĂN-PHÒNG KẾ-TOÁN &
KHAI THUẾ LỢI-TỨC
TRẦN ÁNH TUYẾT
806 College Street (góc Ossington)
(416) 588-4256
Nhận chuyển hồ-sơ trực-tiếp lên sở thuế qua đường dây điện-tử

NHA-SĨ
LÊ THU GIANG
302 Spadina Ave., #303
(ngay góc Dundas)
Toronto, Ont. M5T 2E7
Tel: (416) 598-5513

GIẢI-PHẪU THẨM-MỸ
BÁC-SĨ
NGUYỄN THẾ LẠC

FRCS (C), CSPQ
TỐT-NGHIỆP TẠI CANADA
Nguyên bác-sĩ giải-phẫu tạo-hình Tổng Y-viện Cộng-hòa và bệnh-viện Bình Dân
Bác-sĩ giải-phẫu thẩm-mỹ tại Sài-gòn
984 Colborne St. E., Brantford, Ontario, Canada N3S 3T4
Điện-thoại: (519) 753-6477

Làm việc theo hẹn
Thứ hai tới Thứ bảy: 9g sáng - 6g chiều
Chủ-nhật: theo hẹn